

Cảm Niệm Về Mẹ

Tập Truyện

(Kính dâng mẹ cụ bà Nguyễn thị Sáu)

Hư Thân Huỳnh trung Chánh

---o0o---

Nguồn

<https://thuvienhoasen.org>

Chuyên sang ebook 18-07-2017

Người thực hiện:

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Thay Lời Tựa
Tản mạn về Cần Thơ
Ngày tháng già nua
Sống bù cho con
Năm tháng cuối đời
Liễu Tú Uyên
Bồ Tát Quá Giang
Bồ Tát Đưa Thơ
An Tâm
Bất Tăng Bất Giảm
Hong Hạnh
Người Đẹp Thoảng Hương Sen
Ngu Ma Vương

---o0o---

Thay Lời Tựa

Mẹ tôi có ba người con : Con trai lớn là Huỳnh lê Tiến, cô gái út là Huỳnh thị Mỹ Dung, tức văn sĩ Huỳnh Dung, và chúng tôi là Huỳnh trung Chánh. Trong ba anh em, nếu kể đến lòng hiếu thảo và thương yêu mãnh liệt có lẽ tôi không sánh bằng anh em tôi, nhưng tôi là đứa con có cơ duyên gần gũi với bà, chia sẻ đắng cay với bà vào những giây phút hiểm nguy trên cuộc đời như lần đi xuống chèo trên giong Cửu Long giữa con binh lửa từ Trà Vinh về Cao Lãnh năm 1945, lần gay go vượt biển đến trại tị nạn Mã Lai năm 1977, và lần cuối cùng đưa bà rời cõi Ta Bà đầy khổ lụy này. Tôi cũng

là đứa con thích cười giỡn với bà, ngắm nhìn bà và thường lắng nghe bà thổ lộ chuyện ngày xưa. Nhờ vậy, giờ đây những kỷ niệm thân thương đó mới có thể tự động tuôn tự hiện về, để cô đọng thành những giòng cảm niệm cho tập sách mỏng manh này.

Đối với người Việt Nam chúng ta, bà mẹ nào cũng là suối nguồn của tình thương, bao dung chở che con cháu như trời cao biển rộng, ngọt ngào đậm đà như “chuối ba hương, như xôi nếp một, như đường mía lau...”

Riêng tôi, một hôm ngắm nhìn mẹ, tôi bỗng khám phá rằng mẹ tôi chính thực là một “Quan Thế Âm Bồ Tát”, người lúc nào cũng thường trực nghe ngóng theo dõi từng đứa con, đứa cháu cùng bao kẻ thân sơ khác để sẵn sàng xả thân mình chở che, chăm sóc mọi người. (Tôi đã viết truyện ngắn hư cấu tựa đề “Quan Âm tóc rối” dựa vào cảm xúc này)

Tóm lại, với tôi mẹ là tất cả, dẫu có thời giờ tôi cũng không đủ khả năng, ngôn từ để mô tả tấm lòng bao la của mẹ, huống vì trong phạm vi ngắn ngủi của phần Thay Lời Tựa này, nên tôi chỉ xin trích sơ lược vài đặc điểm của bà như dưới đây :

Mẹ tuân lệnh nghiêm đường lập gia đình năm 19 tuổi, chồng vĩnh viễn ra đi năm 29 tuổi, ở lứa tuổi nhan sắc vẫn mặn mà, bao người rập tâm tán tỉnh, mà mẹ tôi vẫn tạc lòng tạc dạ, thờ chồng nuôi con. Lòng thủy chung chân chất của bà lúc nào cũng bền bỉ không phai, cho dù đến khi tuổi đã gần 90 bà vẫn yêu chồng tha thiết đậm đà như xưa. Vào tuổi này, tuy đầu óc đã lẫn quên nhiều, nhưng ký ức về thời gian trẻ thơ, kỷ niệm những ngày chung sống với chồng, lễ vân danh, lễ cưới... thì bà vẫn nhớ từng chi tiết nhỏ. Mắt bà vẫn sáng ngời, tràn ngập hạnh phúc mỗi khi kể tôi nghe chuối ngày xưa ấm êm ấy. Có lần bà nói nhỏ với tôi : “Má có bài thơ này viết về ba, con nên ghi lại kỷ niệm”. Rồi bà chậm chậm đọc cho tôi chép trọn bài thơ ba mươi hai câu. Tôi xin trích ra bốn câu kết như sau :

Anh hãy chờ em chốn cũ tuyền
Cùng nhau đi dạt đến cung thiên
Nơi miền Tiên cảnh lòng vui thỏa
Đây chốn nghìn thu giấc ngủ yên.

Bài thơ thương nhớ chồng mong tái ngộ với chồng ở tuổi vàng này bà sáng tác vào năm 44 tuổi mà đến khi 88 tuổi bà vẫn còn nhớ rõ, đúng là mối tình chung thủy vĩnh viễn không phai. (Điều kỳ lạ là bà đã sáng tác hơn trăm bài

thơ, tôi đánh máy in thành tập để bà tặng thân hữu, nhưng bà quên tuốt luốt không nhớ bài nào khác, kể cả chuyện in sách nữa.)

Lòng hiếu thảo của mẹ tôi cũng cao cả hiếm có. Trong thời chiến tranh, khi hoa lợi ruộng vườn yếu kém, ông bà ngoại tôi già yếu bệnh hoạn triền miên, cần có đứa con sớm hôm gần gũi. Chị em không ai đáp ứng được, nên mẹ tôi quyết định hi sinh về quê báo hiếu mẹ cha rông rã hơn mười năm trời. Trong thời gian này, mẹ tôi phải gánh chịu bao nỗi nhọc nhằn gian khổ khi bà ngoại bị bệnh liệt giường đến ba năm, ông ngoại cũng nằm một chỗ đến sáu tháng, mà mẹ vẫn không tiếng thở than trách móc chị em. Ông bà ngoại từ trần, mẹ tôi hoan hỷ bàn giao tất cả tài sản của ngoại cho người chị, rồi về Saigon hăm hiu sống với đám con.

Tôi không có thời giờ kể lể dài dòng về lòng tận tụy hi sinh của bà đối với con cháu, chỉ xin nhắc lại một điều là, với ai, dù thân hay sơ mẹ tôi đều đối xử ngọt ngào đầy ấp tình thương, đến nỗi sau ba mươi năm mất liên lạc, mà cô Nguyễn thị Rê người làm công năm xưa vẫn cảm động rung rung nước mắt khi nhắc về bà, và tôn xưng bà là bậc có hạnh Bồ Tát.

Năm sau cùng này, sức khỏe của mẹ tôi suy sụp nhanh chóng. Thú thật là có nhiều lúc, tôi tự cảm thấy xấu hổ vì nghĩ mình chưa lo cho mẹ vuông tròn như lòng mong muốn. Niềm an ủi lớn lao của tôi, là mẹ tôi biết thành tâm “Niệm Phật”. Mẹ con chúng tôi ước nguyện sẽ gặp lại nhau ở cõi Phật, nên dù bệnh hoạn yếu đuối như thế nào, mẹ con chúng tôi cũng cùng Niệm Phật với nhau. Ngày 18.05.2007, mẹ tôi yếu lắm không nói nổi lời nào, vậy mà, trong khi ngồi cạnh bà Niệm Phật, mấy lần tôi lắng nghe được tiếng thì thào của bà Niệm Phật theo tôi. Hôm sau thì bà lìa trần nhẹ nhàng ngủ yên trong tư thế ngồi dựa. Sau tám giờ hộ niệm, theo ni sư Như Phương và nhận xét riêng tôi thì mặt bà vẫn tươi nhuận, lưỡi bà có phần tươi hơn, và khi nhà quản cho bà nằm xuống để chuyển đi, thân thể vẫn mềm mại bình thường.

Sau đó, hằng ngày trước bàn thờ bà, tôi vẫn “động viên” bà : “Má ơi! Giờ này dù má đã hay đang về cõi Phật, xin má thương con tiếp tục Niệm Phật nghen má. Má Niệm Phật cho má mà cũng Niệm Phật để ủng hộ con nữa, thì mới mong mẹ con mình cùng sanh về cõi Phật!”

Trong khi thờ thề với bà, vào ngày thứ hai sau khi bà lìa đời, tôi bỗng cảm ứng ra một bài kệ nôm na, mà bạn đọc có thể đánh giá như là một bài thơ con cóc ngô nghê. Riêng tôi khi đọc tụng bài kệ này, tôi cảm thấy lòng mình

ám áp, tràn ngập thương yêu và niềm tin, nên xin ghi lại để công hiến quý
độc giả :

Má thương con thì má Niệm Phật
Con thương má thì con Niệm Phật
Mẹ con mình đồng Niệm Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật

Tôi hy vọng bạn đọc nào có hoàn cảnh tương tự như tôi xử dụng bài kệ này
trao cho thân nhân cũng đón nhận mỗi giao cảm sâu xa của người mình
thương như tôi vậy.

Mẹ lia trần tuy mất mát, nhưng tôi không buồn. Thật ra thì tôi rất hoan hỷ,
hoan hỷ vì tin tưởng rằng mẹ tôi không bao giờ chết cả, và như hai mẹ con
tôi đã ước hẹn với nhau, chúng tôi sẽ còn gặp lại nhau nơi cõi Phật.

-oOo-

Trên đây chỉ là vài nét phát họa về mẹ trong tập cảm niệm. Tập sách
này gồm bốn bút ký viết rải rác từ năm 2003 đến nay : Tản mạn về Cần Thơ,
Ngày tháng già nua, Sống bù cho con và Năm tháng cuối đời, nội dung là
những mẩu chuyện chấp nối ghi lại vài hình ảnh sống thực của mẹ tôi ngày
xa xưa cho đến khi từ giả cõi Ta bà.

---oOo---

Tản mạn về Cần Thơ

Sanh trưởng tại vùng đồng bằng sông ngòi chằng chịt, chưa bập bẹ “i
tờ” đã lặn ngụp tắm sông, mỗi tình sông nước đã man man đeo đẳng tôi ra
tận xứ người. Lái xe qua cây cầu nào, tôi cũng rộn ràng ngắm nhìn thật kỹ
giòng sông, để rồi chỉ ngậm ngùi khám phá rằng sông nước ở đây nó chẳng
dính líu gì đến niềm thương nỗi nhớ của mình. Tôi lại định cư tại vùng sa
mạc khô cằn thuộc tiểu bang Arizona, nơi cũng có nhiều cây cầu kang
trang và dài như cầu Tân An hay Bến Lức, bờ sông cần đá, lòng sông nông
cạn nhưng khá rộng được khéo léo trải từng lớp sỏi to cỡ trái xoài tượng,
gọn gàng, sạch sẽ, và dĩ nhiên chẳng hề có chút sinh non hay rác rến.
Chuyện nghịch đời là con sông đó suốt năm khô khan chỉ mấy ngày mới có

lạch nước nhỏ ri rí chảy, sông rạch thiếu nước, dù tô điểm cách nào nó cũng vô duyên tro trên mà thôi. Muốn tìm ra một giòng sông đúng nghĩa tôi phải đi sang tiểu bang khác. Tôi có dịp viếng vài giòng sông nổi tiếng như American River, Sacramento River tại Bắc Cali, Mississippi River tại các tiểu bang miền Trung, nhưng chưa có nơi nào so sánh nổi với giòng Cửu Long mông mênh tình tứ cả. Nhân một chuyến nghỉ hè tại phố biển Corpus Christi, Texas, vô tình chúng tôi khám phá bến phà Aransas Pass đưa sang đảo Padre, bèn đi cho biết. Chiếc phà hùng vĩ nuốt chừng gần hai mươi chiếc xe, chạy phát phới, nên tuy khoảng đường biển dài gấp đôi Bắc Vàm Cống, thời gian di chuyển chỉ độ chừng 30 phút mà thôi. Tôi đậu xe, ra đứng tại đầu phà, ngắm trời mây bao la, đón làn gió mát, nhìn chiếc phà rẽ sóng tung toé... bất chợt tôi có cảm giác như mình đang bồng bênh trên giòng Cửu Long ngày nào : thương nhớ vô vàng. Anh Huy, bạn tôi bỗng cất giọng trầm sâu : “Trời ơi! cảnh này sao quen thuộc quá! nó khiến tôi nhớ Bắc Cần Thơ điên cuồng, anh ạ!” Tôi nghe ba chữ “Bắc Cần Thơ” bỗng xúc động lặng người, gắng giọng lắm tôi mới đáp nhỏ qua tiếng thở dài : “Ừ thì tôi cũng nhớ Cần Thơ tha thiết, chẳng thua anh bao nhiêu đâu?” Anh bạn chẳng tin tí nào. Tôi đâu phải là dân Cần Thơ, thì làm sao có thể thương Cần Thơ bằng anh cho được.

Thân hữu không mấy người biết, thuở ấu thơ tôi đã có thời sống tại Cần Thơ hai năm, và cũng không ai ngờ rằng đã qua bao năm tháng dài, mà tình cảm của tôi đối với Cần Thơ vẫn thấm thiết đậm đà. Gia đình tôi đã trôi giạt đến Cần Thơ vào năm 1948, tương tự như một vè lục bình trôi lang thang theo giòng nước rồi bị xô đẩy tấp vô một bờ bên lạ vào một đêm tối tăm mù mịt. Chới với, ngỡ ngàng...

Duyên cớ nào đã đưa đẩy chúng tôi lạc lõng đến Cần Thơ vào thời điểm này là một chuyện dài, khởi đầu với cảnh đất nước loạn ly tan tóc... Thật vậy, nếu khói lửa chiến chinh vào mùa thu năm 1945 không lan dần đến quê hương tôi, một hòn cù lao nhỏ giữa giòng sông Cổ Chiên, thuộc xã Long Hòa, tỉnh Trà Vinh, thì có lẽ gia đình tôi vẫn an phận với nếp sống trầm lặng tại miền thôn dã. Thế nhưng, chiến cuộc đã cướp mất tôi người cha, và mẹ tôi đành quyết định bỏ nhà cửa ruộng vườn, gạt lệ dẫn con ra đi. Bà đưa con tạm lánh về Mỏ Cày, Kiến Hòa, gửi anh tôi cho chị chồng. Sau đó, cùng với chị bếp trung thành lãnh phần bơi mũi, bà thuê chiếc xuồng và một người bạn chèo - người chèo thuê, nhưng mẹ tôi gọi là bạn chèo, đúng không tôi chẳng rõ - đi ngược giòng sông Tiền, đưa hai đứa con nhỏ về quê ngoại tại Cao Lãnh nương náu. Lộ trình đi thập phần nguy hiểm. Tiếng súng ngày đêm vẫn vang rền, sông Cửu Long mênh mông sóng gió chập chùng, nhưng

mẹ tôi vẫn nhất quyết đưa chiếc thuyền con làm lì len lỏi giữa làn sóng đạn của hai phe, như là chuyện thường trực liều lĩnh thách thức với tử thần. Ngày nào, trên giòng sông cũng có vài mươi xác chết sinh chương, mà người ta gọi là “thằng chổng” trôi dập dề. Nạn nhân có thể là kẻ bị Tây nghi ngờ là Việt Minh, nên xử bắn rồi đập xác xuống sông, hoặc cũng có thể là kẻ bị kháng chiến tình nghi là thành phần “Việt gian”, trôi bỏ vào bao bố kèm với viên đá nặng thả xuống sông cho “mò tôm”. Nguy hiểm hơn nữa, là những nút “kiểm soát” được đặt đầy dẫy khắp nơi, mà ranh giới không rõ rệt, nếu bị chặn hỏi mà trả lời lộn cộn thì mất mạng như chơi. Có một lần một dân quân Việt Minh chặn xét thấy trong mớ chỉ thêu của mẹ tôi có rất nhiều màu, trong đó có ba màu xanh trắng đỏ, mà ba màu này hợp lại thành màu cờ nước Pháp. Thế rồi, anh ta lên án mẹ tôi là Việt gian, tịch thu chỉ thêu và bắt mẹ tôi dẫn đi trình với cấp trên. Anh bạn chèo buột miệng : “Điều này bả dám bị cho đi mò tôm lắm à!”. Em tôi khóc ngất, tôi mới sáu tuổi song cũng phải đóng vai anh đỡ em, nên không thể khóc. Khi mẹ tôi được tha, em tôi mừng quá ôm chầm, càng khóc sụt sùi hơn nữa. Anh bạn chèo, thấy tôi có vẻ vô tâm, sanh lòng bất mãn phán cho một câu : “Thằng anh coi bộ ngu quá! Má nó bị bắt nó không lo, má nó được tha nó chẳng mừng tí nào!”. Cuối cùng rồi thì chúng tôi cũng về tới xã Hòa An, Cao Lãnh, sống an lành trong vòng tay chở che của ngoại.

Tuy nhiên, nỗi ưu tư lớn lao của mẹ tôi là tương lai của con, bà không chấp nhận cảnh dốt nát thất học ở miền quê, nên ở nhà ngoại chưa giáp năm, mẹ tôi lại dẫn con ra đi, mong tìm chôn thị tứ có trường ốc cho con cái học hành. Thế nhưng, với khả năng hạn hẹp của một thiếu phụ vốn chỉ lúc thúc trong khuê phòng, thì sống chôn nào cũng khó khăn chật vật, nên gia đình chúng tôi cứ phải thay đổi chỗ ở liên miên, và do đó chuyện học hành của lũ con cũng gián đoạn mãi... Một hôm, mẹ tôi nghe một người em họ tên Nghiệp tán tụng Cần Thơ dễ sống, lại có trường Trung Học Phan thanh Giản nổi tiếng. (Vào thời điểm này, trọn miền Nam chỉ có Saigon và Cần Thơ là có trung học công lập mà thôi.) Mặc dầu con cái mới bập bẹ “i tờ”, mẹ tôi vốn thâm ao ước sẽ có ngày con mình đặt chân vào ngưỡng cửa trung học, nên chẳng chút đắn đo, bà hăm hở gom góp mớ vốn liếng còn con gồm vài món nữ trang còn sót lại, một bàn máy may Singer, khuôn bánh kẹp, khuôn bánh gai... rồi dẫn con đi lập nghiệp. Cậu Nghiệp hướng dẫn mẹ tôi thuê một căn phố lợp lá, nền đất tại một hẻm lầy lội thuộc vùng Cái Khế, cậu ở chơi một tuần, rồi máu lang bạt kỳ hồ nổi dậy, cậu lại ra đi, bỏ mặc chúng tôi ở lại với nổi bỡ ngỡ, cô đơn, lạc lõng ở xứ người. Trong nghề may, mẹ tôi là “tay ngang” chỉ dám may quần áo cho con cái, nay bà đành bậm gan đi khắp xóm lãnh may thuê với giá rẻ mạt. Bà cũng có mối lai rai, khách hàng

toàn là dân nghèo, chuộng giá rẻ hơn phẩm chất nên phần đông dễ dãi, tuy vậy, thỉnh thoảng cũng có người sùng sộ chê áo quần hư hỏng, và mẹ tôi phải năn nỉ xin hoàn lại tiền công để khỏi bị bồi thường. Bà cũng trở tài làm bánh kẹo, bánh gai, khuấy kẹo để bán. Tôi “xung phong” xin mang thùng kẹo rao bán, kiếm ăn được, ra quân lần đầu gặp một khách tặng cho một cục, vui quá đôi là vui. Mẹ tôi thì chẳng vui tí nào, bà nhìn con quấy thùng kẹo với nỗi buồn hiu hắt, rồi sau một đêm trằn trọc, bà nhất quyết chẳng cho tôi tiếp tục theo đuổi “sự nghiệp” này nữa. Bà điều đình với các quán xép trong xóm, và tại các trường học để bán sỉ cho họ, kiếm lợi được bao nhiêu cũng hài lòng. Nghề làm bánh kẹo coi bộ không khá, kẹo dứa giá rẻ mạt lại dễ bị “lợi đường” lỗ vốn, các loại bánh mắc tiền thì xóm nghèo không mấy ai hưởng ứng, thành thử buôn bán ế ẩm và ngày qua ngày vốn liếng của bà cứ mòn mỏi dần...

Căn phố nhỏ bé nhưng đôi với gia đình tôi thì rộng chán, thừa chỗ cho một cái giường để mẹ con chui rúc với nhau, cái bếp đặt dưới đất phải ngồi xỏm nấu nướng, ngồi xỏm để ăn. Tôi nhớ dường như cửa sau không thông thương nên đi Tám gánh nước và mấy con gà mẹ tôi nuôi sau nhà... cũng ra vào bằng cửa trước như chúng tôi. Có mấy con gà quanh quẩn cũng vui, nhà đất, tôi suốt ngày đi chân không mà gà thì cũng vậy, có gì khác nhau đâu? Tôi hoàn toàn không nhớ nỗi nhu cầu vệ sinh đã giải quyết như thế nào, có lẽ, thời đó chuyện này đối với đầu óc trẻ thơ thì nó đơn giản, chớ đâu đòi hỏi phải sạch sẽ, tiện nghi mà phải quan tâm.

Xóm giềng mà tôi còn nhớ được là gia đình bác thợ mộc, bà Hai bánh canh, dì Tám gánh nước mướn..., ai cũng tốt bụng và dễ thương, nhưng đặc biệt tình nghĩa là gia đình chú Chín Chính, hành nghề đạp xe lôi ở căn nhà đối diện. Chú thím Chín cảm thông hoàn cảnh đơn chiếc của mẹ tôi nên thường giúp đỡ chúng tôi từ chuyện kiêng vác nặng nhọc cho đến chuyện thiếu muối nước mắm, tép hành, tép tỏi. Chiều chiều chú thường chở đám con trên xe lôi đi hóng mát, đôi lần chú ngoắc tôi lại cho lên ngồi chung, tạo cho tôi nguồn vui vô tận. Niềm vui đó, sau này dẫu tôi ngồi trên chiếc xe hơi láng bóng nào cũng không sánh được. Chú Chín có 4 con: anh Chung, chị Ba, chị Tư, và con bé Sáu chừng 5 tuổi. Anh Chung lớn hơn tôi ba tuổi nhưng mới học lớp hai, còn tôi đang học lớp ba trường Nam tiểu học, nhưng tôi phục anh lắm. Tôi được anh dẫn đi bụi đời, la cà ở các hàng quán, lượm bao thuốc hút, lượm nút chai... về làm “tiền”, đôi khi, tôi len lén ngó trước ngó sau rồi “ực” nhanh một ngụm nước ngọt thừa thãi của một thực khách hào hoa nào đó, tuy có chút hổ thẹn trong lòng, nhưng thật tình thì cũng ngon lành lắm. Thích lêu lổng mà không có anh, không dám la cà hàng

quán, tôi lang thang vào sân quần vợt mê mang nhìn những đứa bé trạc tuổi tôi hành nghề lượm banh. Tôi thêm thường cái nghề lượm banh vui nhộn mà lại có tiền quá chừng hà!

Những căn nhà sâu trong hẻm tôi không còn nhớ được ai, ngoại trừ một cô gái mà tôi quên tuốt luốt vóc dáng và quần áo của chị, nhưng bước chân rón rén tránh sinh lầy thì lại nhớ rất rõ, vì tôi thường chê đi như vậy chẳng vui, phải lội sinh, đá nước tung tóe như tôi mới thú vị. Chị chung diện như thế nào mà các bà đa sự trong xóm thường háy nguyệt phê phán là thứ gái lẳng lơ trác nết, đôi khi họ còn gọi chị là “con đĩ”, họ cấm con cái chào hỏi chuyện trò. Tôi được “cố vấn tôi cao” là anh Chung giải nghĩa nên hiểu rõ ngành nghề này, nhưng tôi cũng nghe có người kể rằng chị chu cấp phụng dưỡng mẹ chí hiếu, nên tôi rất quý trọng chị. Niềm kính trọng đó vẫn tồn tại mãi trong tôi, nên sau này, trong công việc hàng ngày khi có dịp gần gũi với giới gái mãi dâm, tôi luôn đối xử với họ như người em, người chị. Khi viết những truyện ngắn có những nhân vật hành nghề này như truyện “Sen Trắng”, truyện “Người đẹp thoảng hương sen”, tôi viết về họ với tất cả niềm tôn kính trong lòng.

Ngoại tôi quá lo lắng cho nếp sống bấp bênh của gia đình tôi, nên khi tình hình an ninh tại vùng quê Cao Lãnh vừa vãn hồi, ngoại liền ép buộc mẹ tôi về Hòa An chung sống chăm sóc ông bà lúc tuổi già, phần con cái thì sẽ gởi tạm cho thân nhân tại chợ Mỹ Trà để đi học. Lúc đó là mùa bãi trường, tôi đã chuẩn bị tinh thần để sẵn sàng theo mẹ lên đường, nhưng mẹ tôi vẫn bám víu ước mơ có ngày thằng con sẽ trúng tuyển vào trường trung học Cần Thơ, nên đôn đáo tìm phương cách cho tôi ở lại. Cuối cùng bà tìm ra được một người bà con nheo đúc, chịu cho tôi ăn ở miễn phí một năm. Mẹ mang gởi tôi cho Ông bà Tư, - Ông Tư là Cao văn Trương, cán sự Ty Địa Chánh, bà Tư là bà con xa, trẻ tuổi hơn mẹ tôi, nhưng là vai dì – rồi dẫn em tôi rời Cần Thơ lúc nào tôi chẳng biết. Chừng sáu tháng sau, mẹ trở lại Cần Thơ thăm tôi, bà chỉ ở chơi một ngày rồi ra đi. Sáng hôm đó, chú Chín Chinh đến đón mẹ tôi đưa ra Bắc Cần Thơ, thấy tôi đứng xơ rớ bên cạnh, chú ngoắc tôi cho đi theo. Đến nơi, chú ngừng xe, mẹ tôi liếc nhìn tôi rồi quay mặt ngay để che dấu giọt nước mắt vừa lăn tròn nơi khóe. Tôi thấy kíp nhưng gắng nén lòng, lặng lẽ quan sát bà. Bà luống cuống xuống xe, rồi hấp tấp bước nhanh xuống phà tránh không ngoảnh mặt lại.

Ở nhà Ông bà Tư tôi không còn thú vui bụi đời nữa, nhưng lại có lắm bạn. Ở trường thì có “trò” Ngôn, ở nhà thì có anh Đức, cháu Ông Tư, quê Bến Tre được Ông Tư đem về nuôi cho ăn học. Rồi đến ngày tựu trường trung học,

có các anh Nguyễn Lương Tri, Nguyễn Lương Năng, Nguyễn Nam Thanh được cha mẹ gửi đến xin ở trọ. Anh Lương Năng kể lẽ nỗi nghèo khó của bạn là Tô Cang cho Ông bà Tư nghe, thế là Ông bà lại mở rộng lòng cho anh Cang về ăn ở miễn phí. Nhà đông rần rần, các bậc đàn anh bàn cãi suốt ngày toàn chuyện quốc gia đại sự, nhen nhúm lòng yêu nước trong tôi. Năm đó xảy ra vụ trò Ôn ở Saigon, học sinh Trung Học Cần Thơ biểu tình rồi bãi khóa. Anh Lương Năng và Tô Cang vô bụng, anh Lương Tri về Mỹ Tho với gia đình, anh Nam Thanh bị tổng đi du học trời Tây. Căn nhà lại vắng lặng như cũ.

Niên học trôi qua thật nhanh, lần này mẹ con tôi đành dẹp bỏ ước mơ trung học, bà đem tôi về Cao Lãnh sinh sống. Tôi rời Cần Thơ trong niềm tiếc nuối, ước mong có ngày sẽ trở về thăm chôn cũ. Mãi đến chín năm sau, năm 1959, tôi mới có cơ hội này.

Tôi và 5 đồng nghiệp được Nha Điền Thổ biệt phái về Ty Bảo Thủ Điền Thổ Cần Thơ một tuần lễ để yểm trợ chương trình Cải Cách Điền Địa. Trong thời gian này, chỉ có một lần tôi tránh né anh em, xé lẻ đi lang thang tìm về xóm cũ nhưng vô vọng. Lúc bấy giờ Ông bà Tư đã rời Cần Thơ, thân thiết tôi chỉ còn gia đình chú Chín. Tôi đón bừa những chiếc xe lôi ngược xuôi hỏi thăm tên chú, cuối cùng có người chở tôi tới nhà chú tại một xóm hoàn toàn mới lạ. Tôi vào nhà thì gặp chị Tư, đang ý ạch mang bầu đứa con thứ nhì, hỏi ra thì anh Hai đang nhập ngũ phương xa, chị Ba lập gia đình ở riêng, bé Sáu đi học, chú thím Chín về quê vài ngày,... nên tôi hơi thất vọng.

Tôi tốt nghiệp đại học rồi về làm việc tại các tỉnh miền Tây, kề cận Cần Thơ. Nhờ vậy, tôi đã có rất nhiều dịp tìm về Cần Thơ họp bạn, tiệc tùng. Chuẩn bị chuyến đi Cần Thơ lần nào tôi cũng háo hức trông chờ. Cần Thơ thanh lịch mỹ miều, Cần Thơ nhộn nhịp đủ món ăn chơi hào phóng, nên tôi cũng quay cuồng nhập cuộc rộn ràng. Có điều là lần nào cũng vậy, sau khi ra về, tôi lại mang máng buồn, mường tượng như có gì bất ổn, một mát mát nào đó, mà suy nghĩ hoài vẫn không hiểu tại sao?... Một hôm vào khoảng năm 1969, tôi đang đa đoan bận bịu công việc, bất ngờ nhận được thư của một người bạn học từ năm lớp 9 đang nằm trong vòng lao lý tại Cần Thơ, nhờ tôi giúp đỡ. Anh không thuộc nhóm bạn bè thân, 12 năm qua chưa hề liên lạc nhau, có lẽ vì vậy nên anh đã ngần ngại, lâm nạn khá lâu mới nghĩ đến tôi. Qua câu chuyện anh kể, tôi nhận thấy mình chẳng giúp đỡ gì anh được, nên quyết định không đáp ứng yêu cầu của anh. Tuy vậy chuyện tù tội của anh cứ ám ảnh tôi, khiến tôi ái ngại không yên, nên sau cùng thì tôi đổi ý. Tôi nghĩ đâu không giúp gì nhiều, nhưng chuyến viếng thăm sẽ an ủi được anh phần nào.

Thế rồi, tôi lái xe thật sớm sang Cần Thơ, vào Phòng Dự Thẩm Tòa Án thăm hỏi hồ sơ của anh để nghiên cứu. Rất tiếc, hồ sơ đã hoàn tất và gửi lên Phòng Luận Tội chờ đưa ra Tòa Đại Hình, nên không tham khảo được. Tôi bèn tìm anh Biện Lý V.M.H., một người đàn anh thân tình, vặn tắt kể chuyện người bạn học, và xin anh cho phép tôi đưa nghi phạm đi chơi một vòng chùng vài giờ. Anh H. đồng ý dễ dàng, anh điện thoại xuống Trung Tâm Cải Huấn dặn dò kỹ, nên khi tôi đến nơi trình giấy phép, thì anh bạn đã sẵn sàng, điềm lạ là trong cảnh này mà anh vẫn hồng hào, sung túc, và ăn mặc rất chải chuốt. Tôi lái xe chạy lòng vòng, vặn tắt cho anh biết tình trạng hồ sơ và giải thích anh nghe vài điểm pháp lý cần thiết, sau đó, tôi mời anh ăn cơm ở bất cứ chỗ nào mà anh thích. Anh áp úng hồi lâu rồi cho biết anh đã được tiếp tế đầy đủ nên không khao khát ăn uống, anh chỉ thiếu thôn đàn bà mà thôi. Kết luận, anh mong được đi hoang một chuyến. Tôi trầm ngâm hồi lâu, vì lo ngại tai tiếng, nhưng thật ra, tôi rất cảm thông nhu cầu của anh. Cuối cùng tôi cũng đồng ý, nhưng tôi xác định rằng tôi chỉ mời ăn thôi, còn vụ này anh phải tự lo liệu. Anh nhờ tôi đưa đến một khách sạn sang trọng, tôi ngồi chờ ở ngoài xe, chùng một giờ sau thì thấy anh tươi tỉnh trở ra, khoái trá mô tả lại cuộc mua vui, chuyện nham nhở bình thường nhưng thái độ khinh khi gái mãi dâm của anh khiến tôi ngậm bất mẫn. Trên đường đến tiệm ăn, anh lại áp úng lần nữa. Tôi hơi ngạc nhiên và hơi khó chịu – cái khó chịu về thái độ khinh người của anh vẫn còn đọng lại -, nên sau một thoáng ngần ngừ mới đồng ý. Anh viện cớ đã cạn tiền nên xin đưa đến một địa điểm bình dân trong ngõ hẻm Cái Khế, rồi anh đi vào căn nhà lầu khang trang đầu hẻm. Chờ đợi sốt ruột, tôi lang thang đi sâu vào con hẻm. Hẻm hẹp dần, nước mưa ứ đọng vài nơi và nhà cửa cũng xây bừa bãi tồi tệ hơn. Thấy một ngách nhỏ, tôi len vào, nhà cửa ở đây chỉ là thứ lều ọp ẹp kết hợp bằng những miếng tôn tạp nhạp vá vúi. Tôi dán mắt quan sát ba thằng bé con cỡi trần, đen đúa, tong teo... đang rạng rỡ ngồi giọc nước sinh hôi hám, rồi bỗng nhiên nổi xúc động vui buồn lẫn lộn xâm nhập tâm tôi, khiến tôi rợn óc cả châu thân. Tôi đã khám phá được Cần Thơ của tôi rồi. Thì ra, cái Cần Thơ mà tôi tương tư thương nhớ, không phải là cái thành phố nguy nga tráng lệ nổi tiếng là Tây đô, mà chính là những hình ảnh tiêu tụy bần lây nước đọng như thế này, nơi đã từng chứa chan cả một bầu trời thân thương vào tuổi bé thơ của tôi.

Tôi hấp tấp đưa trả anh bạn học về Trung Tâm Cải Huấn, rồi lái xe ra đi với niềm cảm xúc vẫn còn miên man trong lòng. Khi tôi dừng xe tại bến Bắc, tôi chợt bàng hoàng thấy một chiếc xe lô chở một thiếu phụ trẻ và một thằng bé con trờ tới. Tôi nhìn theo hai mẹ con, rồi liên tưởng đến buổi chia tay với mẹ khoảng hai mươi năm về trước cũng tại chỗ này. Tôi mong thằng bé được mẹ dẫn theo, chớ không bị bỏ lại như tôi ngày trước : bơ vơ và buồn tủi lắm!

Thế rồi, nước mắt tôi bỗng ràn rụa... nước mắt mà 20 năm trước tôi đã đè nén, giờ đây bỗng tuôn tràn một cách bất ngờ và cũng rất là vô lý...

Phoenix, AZ tháng 6.2003

---o0o---

Ngày tháng già nua

Vào mỗi mùa Vu Lan, tôi thường viết những truyện ngắn tưởng tượng về những bà mẹ, còn nhắc về người mẹ thật của tôi, tôi chỉ viết một lần trong tùy bút Tản mạn về Cần Thơ, để ghi lại quãng thời ấu thơ hạnh phúc nhất đời, một năm học duy nhất mà tôi được sống ấm êm trong vòng tay của mẹ.

Tôi mất cha khi vừa tròn tròn sáu tuổi. Thuở đó, tình hình an ninh kém cỏi, thương ông bà ngoại tôi sống đơn chiếc, mẹ tôi dẫn con cô gái út về quê nhà tại Cao Lãnh chăm sóc ông bà. Phần hai đứa con trai, bà gởi mỗi đứa một nơi - thường là các bà dì - để ăn nhờ ở đậu đi học. Tôi quen thui thui sống một mình từ lúc mới tập tễnh học lớp một, mỗi năm chỉ gặp mẹ tối đa hai lần, còn anh em có khi hằng mấy năm trời vẫn chưa thấy mặt nhau, nhưng càng xa nhau thì chúng tôi càng thương mẹ, thương anh thương em.

Sau năm 1975, anh em chúng tôi đùm bọc dắt dìu nhau, đưa mẹ đi vượt biên. Em gái tôi đã lập gia đình tại Thụy Sĩ từ lâu, còn hai anh em tôi, tuy đồng định cư tại Hoa Kỳ, nhưng mỗi đứa lập nghiệp một phương, phương Đông và Tây cách nhau hàng ngàn dặm khiến cho bà mẹ, sống với đứa này thì nhớ đứa kia, đi qua lại hụt cả hơi!

Mẹ tôi năm nay đã ngoài 88 tuổi, những năm gần đây chân bà đã yếu, phải lần vách hay nương gậy mà đi, nhưng may mắn bà vẫn có thể lo việc vệ sinh và tắm rửa một mình. Được như vậy, là nhờ anh tôi rất hiếu thảo và chu đáo chăm sóc. Cả nhà giữ một chế độ ăn uống kiêng cử đặc biệt với những thức ăn toàn loại phẩm chất dinh dưỡng khỏe mạnh, ngoài ra, anh cũng cho bà giữ thời khóa vận động chân tay nghiêm ngặt. Chương trình vận động tay chân của bà mỗi ngày 3 lần, mỗi lần gồm có 3 mục : a. tập bốn động tác khí công cải tiến nhẹ, mỗi động tác 10 lần, b. đi bộ (lần vách đi) 10 vòng, c. lái xe (nương theo loại khung có hai bánh xe đẩy đi) 10 vòng. Mẹ tôi vốn dễ dãi và bền bỉ chịu đựng, nên dù bà mệt mỏi chán ngán vận động lắm, nhưng vẫn chiều ý con cái gắng sức mà tập, bà chỉ lầm than thở than : “Hồi nhỏ mình tập nó đi, bây giờ nó bắt mình tập đi, đúng là bị quá báo!” Lòng dạ tôi mềm

yếu, mỗi khi được ủy thác trông chừng bà vận động, theo dõi bà chừng nửa chương trình, khi thấy chân tay bà lết bết, hơi thở phì phò, mặt mày buồn hiu, tôi thương quá, lánh đi nơi khác để cho bà tùy ý muốn làm sao thì làm. Tôi biết mình yếu ớt như vậy là hơi phụ lòng anh tôi, nhưng quả thật tôi không thể cố gắng nổi. Mẹ tôi mà sống với tôi, chắc chắn là tôi sẽ không nỡ ép bà vận động, và như vậy có lẽ bà đã ngồi liệt một chỗ từ lâu rồi.

Mấy năm nay, chân yếu không còn đủ sức đi lại chia sẻ thời gian với các con, mẹ tôi thường trực sống với anh tôi, và hằng năm tôi đến thăm bà đôi lần, mỗi lần lưu lại một hoặc hai tháng cho anh tôi thoải mái đi nghỉ hè, và tôi cũng thoải mái có được những giờ phút riêng tư hủ hỉ với mẹ. Ông anh tôi tính siêu cẩn thận, lần nào cũng vậy anh dặn dò nhắc tới nhắc lui hàng trăm lần thời dụng biểu và những điều cần thiết cho việc săn sóc mẹ, tuy vậy anh vẫn chưa hài lòng, nên trước khi đi anh còn trao cho chiếc cầm nang, để mở ra xem xét lại từng mục kẻ quên.

May mắn là về phương diện thực đơn thì tôi không bị ràng buộc quá đáng. Lần nào, bà xã tôi cũng ưu ái chuẩn bị cho tôi một va li thức ăn đặc biệt, gồm toàn những món ăn có thể thiếu tiêu chuẩn bổ dưỡng, nhưng rất hợp khẩu vị của bà : tôm kho tàu, cá kèo kho, mắm chung... Những món ăn này gọi cho mẹ tôi nhớ lại hình ảnh quê hương xa xưa, nhất là khoảng thời gian trẻ trung khi mới về nhà chồng. Lần nào cũng vậy, mẹ tôi, mắt sáng ngời gặp con cá kèo, giẻ miếng tôm đỏ au hay vít miếng mắm vào chén cơm, rồi cười cười nhắc nhở : “Ồ Cổ Chiên mình, cá kèo đầy dẫy ở ven sông, người ta chề cá kèo, lòng tong, lục chót không ăn, nhưng bây giờ, thì nó là món ăn hiếm có con há!”..., “Mắm lóc, nội con làm cả lu ăn suốt năm chẳng hết”, “Ừ! Tôm càng ở Cổ Chiên mình nhiều lắm! thằng Xê nhảy xuống sông lặn một hơi, trồi lên hai tay cầm hai con. Còn vào mùa dờ chà thì tôm càng nhiều quá ăn không xuể, mình phải phơi khô, phải kho tàu như vậy nè để ăn được nhiều ngày...”

Lúc sau này, mẹ tôi lắm cảm quên trước quên sau, chỉ có khoảng thời gian ấu thời và thời gian mới lập gia đình theo chồng về Cổ Chiên là còn nhớ rất rõ. Tôi biết bà thích chuyện xa xưa, nên mỗi khi bà nhắc nhở đến Cổ Chiên tôi thường nói đùa : “Đằng đó, ở Cổ Chiên có cá sấu không...?” Đây là câu đầu tiên mà mẹ tôi áp ứng hỏi trống cha tôi trong ngày lễ coi mắt khoảng 70 năm về trước, tới giờ này mà khi nghe nhắc lại bà vẫn còn sung sướng vừa thẹn thùng như một thiếu nữ đang xuân. Bà cười hì hì : “Ai biết gì đâu, nghe xứ Cổ Chiên lạ hoắc, tưởng chỗ cộp beo, cá sấu gì ở chớ!”

Năm xưa, nội tôi được người mai mối hướng dẫn đến nhà ngoại tôi để xin kết nghĩa xuôi gia. Sau khi bàn luận và cân nhắc tuổi tác các con gái gia chủ, nội bỗng ngỏ ý chọn mẹ tôi làm dâu, mặc dù trước đó người mai mối không hề đề cập gì về mẹ tôi cả. Mẹ tôi đang lúi húi phụ giúp người nhà chuẩn bị bếp núc đãi khách, bỗng bị bà ngoại ra lệnh cấp tốc chỉnh trang lại y phục, bung nước trà mời khách. Mẹ tôi ơ hồ theo lệnh ngoại. Mẹ vừa trở xuống bếp chừng 10 phút, thì cha mẹ hai bên đã long trọng tác thành đôi lứa. Khi ngoại thông báo cho mẹ quyết định này, mẹ tôi chung hững chẳng biết người chồng tương lai của mình mặt mũi ra sao nữa, nhưng phận làm con cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó! mẹ tôi đâu dám hó hé gì. Sau đó, ngoại mới sắp xếp cho hai đứa nhỏ được trò chuyện riêng. Mẹ ngồi trước mặt cha tôi, then thừng, sợ sệt, bồi rối ngổ ngàng, cúi gằm mặt chẳng dám ngẩng nhìn, ba hỏi câu nào thì trả lời trông trông câu đó. Sau cùng, bậm gan lắm bà mới hỏi câu đầu tiên mà tôi lặp lại để ghẹo bà ở trên.

Quê ngoại tôi tại Hòa An, Cao Lãnh thuộc vùng nước ngọt, xóm làng gần gũi, vườn cây trái xanh um, còn quê nội tôi là một cù lao nhỏ, nằm ở vàm sông Cổ Chiên, tuy thuộc quận châu thành tỉnh Trà Vinh, nhưng vị trí sát biển nên nước lợ mặn quanh năm cây ăn trái hiếm hoi, xóm làng thưa thớt. Ngoại tôi tin tưởng ông mai, một nhà giáo đứng đắn trong vùng nên không dò xét kỹ, cứ đình ninh Cổ Chiên thuộc quận châu thành phải là chốn thị tứ, chừng đưa con gái về nhà chồng, thấy cảnh hoang vắng đìu hiu, toàn là ruộng lúa chen lẫn với rừng dừa nước, ngoại xót thương con gái đã khóc ròn, trong khi mẹ tôi lại tỏ vẻ bình thản. Có thể là bà đã phải gắng gượng đè nén tiếng nức nở để tránh gây khổ đau thêm cho Ông Bà ngoại chăng?

Khi tôi nghe mẹ kể đến chuyện này, tôi thường ghẹo bà : “Má vừa gặp ba đã thương tức khắc, thương quá xá cỡ rồi! ba sống ở đâu thì quyết chí theo ở đó, hùm beo cá sấu còn chẳng sợ huống gì rừng lá! phải không má?” Mẹ tôi dễ tánh nên tôi mới dám “cà rỡn” với bà, tuy là lời nói giỡn nhưng nó lại phản ảnh khá chính xác mối tình yêu tha thiết thâm trọng hy hữu của bà dành cho chồng. Có lần bà chị họ tôi nghe tôi nói câu này, cười hề hề theo kiểu “biết rồi! khổ lắm! nói mãi!” rồi lên tiếng : “Còn phải nói gì nữa! Nếu mợ không thương cậu sâu đậm, thì làm sao chịu nổi cảnh trung trinh góa bụa thờ chồng được?” Thật ra, chuyện mà tôi muốn nói ở đây là tình yêu của mẹ tôi trải qua những năm tháng dài mù mịt - cha chết khi mẹ mới 29 tuổi, tính ra đã 60 năm rồi -, mà vẫn còn sâu đậm tha thiết như thời trẻ trung mới là hy hữu, mới là đặc biệt. Cho nên, dù tuổi đã kề cận 90, quên trước quên sau, mà khi nhắc đến thời gian chung sống với chồng tại Cổ Chiên thì bà có thể thuật linh hoạt hàng trăm thứ chuyện, từ sinh hoạt linh tinh giỗ Tết cúng kiến, chuyện làm dâu, em chồng, cho đến chuyện bà con lối xóm, ông câu, ông

nói liệu, chuyện lúa thóc, tôm cua..., chẳng chuyện nào bà quên cả. Mà hề câu chuyện nào liên quan đến chồng, thì giọng nói của bà lúc đó tức thời biến đổi thành tha thiết trang trọng, tình nghĩa tràn đầy. Một hôm bà nói nhỏ với tôi : “Má có bài thơ này viết về ba, con nên ghi lại kỷ niệm”. Rồi bà chậm chậm đọc cho tôi chép trọn bài thơ ba mươi hai câu. Tôi xin trích ra bốn câu kết như sau :

Anh hãy chờ em chôn cữu tuyền
Cùng nhau đi dất đến cung thiên
Nơi miền Tiên cảnh lòng vui thỏa
Đây chôn nghìn thu giấc ngủ yên.

Bài thơ thương nhớ chồng mong tái ngộ với chồng ở tuổi vàng này bà sáng tác vào năm 44 tuổi mà đến khi 88 tuổi bà vẫn còn nhớ rõ, đúng là mối tình chung thủy vĩnh viễn không phai. (Điều kỳ lạ là bà đã sáng tác hơn trăm bài thơ, tôi đánh máy in thành tập để bà tặng thân hữu, nhưng bà quên tuốt luốt không nhớ bài nào khác, kể cả chuyện in sách nữa.)

Mấy ngày qua, mỗi khi tôi rót nước cam cho bà, bà đều tươi cười nói : “Ồ Cổ Chiên mình làm gì có cam, ba con phải mua cam tận chợ Trà Vinh để vắt nước đó!” Đây là mẩu chuyện mới nghe lần đầu, nhưng tôi ơ hờ chẳng để ý. Chừng nghe liên tiếp vài mươi lần, tôi quan sát kỹ thái độ vui tươi của bà khi nói ra câu đó thì mới hiểu ra. Ở lứa tuổi mẹ tôi, vợ chồng thương yêu chiều chuộng nhau là việc phải dấu kín, do đó, bà chẳng hề nhắc nhở chuyện này với ai. Và bây giờ, đợi đến hơn 60 mươi năm sau bà mới dám thổ lộ cho tôi nghe, mà niềm hạnh phúc được chồng cưng “mua cam tận chợ Trà Vinh về vắt nước” vẫn còn miên man trong lòng. (Tôi nghĩ một bà vợ dấu được ông chồng đời cả sự nghiệp để mua hột xoàn dâng tặng, chưa chắc đã hạnh phúc bằng mẹ tôi được ly nước cam ngày xưa của ba tôi đâu!)

Mẹ tôi hay quên, nhưng đầu óc vẫn còn sáng suốt, bà thường nhìn cái già nua lợm khộm của mình với nụ cười hóm hỉnh. Bà tự chọc quê sức khỏe yếu ớt mình là “không nghe lời”, là “sinh tật”, nên thường cười hề hà than : “Cái tay bữa nay không chịu nghe lời má rồi con ạ!...” hoặc : “Độ rày, má già nên hay sinh tật quá!”

Mẹ tôi quả thật có rất nhiều tật, mà đối với tôi thì tật nào cũng đáng quý và dễ thương vô cùng. Tật lâu đời và lớn nhất của bà là tật tận tụy hi sinh cho mọi người mà chẳng hề kể lể thở than. Sau năm 1945, vùng quê Cao Lãnh kém an ninh, hoa lợi lúa ruộng suy giảm, khả năng thuê mướn người giúp đỡ

khó khăn, trong khi ông bà ngoại lại già yếu, bệnh hoạn liên miên. Mẹ tôi có bảy chị em gái, nhưng chẳng ai có điều kiện và thiện chí để về quê chăm sóc cha mẹ già, nên bà đành hi sinh lãnh nhiệm vụ này ròng rã hàng mười mấy năm trời mà chẳng hề được chị em nào gánh vác cho một tháng. Trong thời điểm này, phải kể đến những lúc cực kỳ gian khổ, khi bà ngoại bị nằm liệt hơn 3 năm, ông ngoại cũng không xê dịch trong 6 tháng, một mình mẹ tôi ngày đêm túi bụi lo cơm nước, lo đút từng miếng cơm, từng ngụm nước, nài nỉ từng viên thuốc, lo việc tiêu tiêu, tắm rửa, lại phải bù đầu chăm sóc nhà cửa ruộng vườn, chặt mót từng nải chuối, buồng cau... để có thêm hoa lợi. Mẹ tôi cực khổ đường ấy, nhưng luôn luôn cắn răng chịu đựng, chẳng một lời thở than, cũng chẳng hề dựa vào công lao của mình để suy bì, hay trách cứ nặng nhẹ chị em nào cả. Thuở nhỏ, tôi rất ám ức “tật” này, nên cảm ràm : “Má cực khổ phải nói ra cho mấy dì biết, nếu không, ai cũng tưởng má sung sướng lắm!”, mẹ tôi cười hỉ xả rồi thôi. Mẹ bèn bĩ phụng dưỡng ngoại, cho đến khi ông bà lần lượt từ trần, thì mới lạng lẽ về Saigon chung sống với các con, để lại nhà cửa ruộng vườn của ngoại cho bà chị gánh vác.

Với anh em chúng tôi cũng vậy, bà trọn đời xả thân tận tụy phục vụ, thương yêu chăm sóc, mà cũng chẳng bao giờ kể lể công ơn hay thở than mỗi mệ. Đến khi lũ cháu ra đời, tánh bà cũng chẳng khác, khi có cơ hội thì bà tức thời thương yêu chí thiết, chiều chuộng hết mình, chăm sóc nâng niu từng li từng tí. Các con tôi một mực thương quý nội và thường nhắc lại những ngày sống chung, được nội thăm dò nhu cầu từng đứa để lạng xăng phục vụ, hay cặm cụi làm đủ loại bánh, gọt sẵn đủ loại trái cây để nài nỉ, dụ dỗ chúng ăn. Thời còn ở Việt Nam, em gái tôi xuất ngoại giao hai con gái bé bỏng cho ngoại nuôi giữ mấy năm trời, bà sẵn sàng dang tay đùm bọc, tâng tui như bảo vật. Đến khi anh tôi vượt biên còn kẹt lại đưa con gái mới lên 4 tuổi, cũng yên tâm phú thác cho bà nhận lãnh. Cháu bé bất ngờ bị đau sốt xuất huyết nặng phải đưa vào bệnh viện Triều Châu cứu cấp. Thời đó, thuốc Tây khan hiếm, bác sĩ nguy chỉ còn mấy móng, dịch sốt xuất huyết hoành hành dữ dội khiến tỷ lệ trẻ em tử vong rất cao, vì vậy bệnh viện Triều Châu đông nghẹt bệnh nhân, cháu bé còn có chỗ nằm, mẹ tôi phải ngồi chằm chập canh chừng cháu không phải một hai giờ mà là suốt bốn ngày đêm. Lúc đó, hàng ngày tôi bị buộc phải đi học tập thật chuyên cần, sáu giờ chiều mới có thể đến thay thế cho bà đôi giờ để bà tắm rửa tạm nghỉ ngơi lấy sức mà thôi. Sau khi mạng sống của cháu được cứu vãn thì mẹ tôi cũng gần hụt hơi. Tôi biết nếu mẹ tôi lơ là một chút thì mạng sống của cháu khó an toàn. Thời gian sau, tôi đưa mẹ và cháu đi vượt biên thành công, mẹ tôi bàn giao cháu cho anh tôi với nụ cười, và tánh nào tật ấy, bà không hề kể lể những nỗi nhọc nhằn của mình. Anh có nghe chuyện cháu đau thì bất quá nghĩ rằng đó là chỉ

chuyện ẩm đầu, sổ mũi, uống một viên aspirine là xong, chớ đâu tưởng tượng hoàn cảnh thập tử nhất sinh của cháu ngày đó.

Giờ đây, tuổi ngày càng cao thì mẹ tôi - theo nguyên văn từ ngữ bà xử dụng - lại càng sanh tật nhiều thứ lắm. Tật hay quên, tật chân tay yếu ớt, tật mắt kém đọc viết khó khăn... Vì sợ bà sanh tật thành linh, nên anh em chúng tôi thay phiên nhau trông chừng bà ngày đêm, nhất là lúc bà tắm, sợ bà sanh tật té nên túc trực ở ngoài nghe ngóng. Bà tắm xong, chúng tôi xây tóc, gỡ đầu cho bà, kéo bà sanh tật cảm lạnh thì nguy. Một hôm sau khi gỡ tóc cho mẹ, sẵn thấy có đôi vớ, tôi mang cho bà. Tôi bỗng ngẩn người, khi nhìn thấy móng chân của bà dài ngoằn, có móng như bầu vào thịt. Thì ra, tuy bà còn có thể tự cắt móng tay, nhưng bà đã “sanh tật” không thể cúi xuống để cắt móng chân được. Tôi sẵn sóc mẹ mà không để ý điều này, nên vừa xót xa vừa xấu hổ, lên tiếng hỏi bà : “Sao má không bảo tụi con cắt móng chân cho má?” Bà cười hồn nhiên : “Mấy người giàu sang, ăn không ngồi rồi, để móng tay móng chân năm này tháng nọ, mà có sao đâu?”

Mấy hôm trước, tôi túc trực bên ngoài khi bà tắm, nhưng chờ khá lâu vẫn không nghe xối nước. Việc tắm rửa của bà kéo dài là chuyện rất bình thường vì lẽ nội cái việc lụm khụm cối đồ ra và bện đồ vào cũng tốn rất nhiều sức lực và thời giờ rồi. Tôi lên tiếng hỏi dọ vài lần thì bà trả lời bình thường, mà tiếng nước vẫn im bật một cách lạ lùng. Hơn hai giờ sau, bà mới mở cửa bước ra, mặt hơi giận, làm bầm : “Bữa nay, sao cái chân sanh tật cụt ngắn hà! bước vào bồn tắm hoài không được, nên đâu có tắm!”. Bồn tắm cao, tôi biết mẹ phải khó khăn mới đỡ chân lên vừa đủ để bước vào, nhưng vẫn làm lơ cho bà có cơ hội cố gắng vận động tối đa. Tôi an ủi : “Chuyện đó dễ mà, để ngày mai con sắp xếp lại, rồi má sẽ bước vào bồn tắm dễ ợt hà!” Lâu lắm rồi tôi mới thấy mẹ tôi lộ vẻ buồn, bà than : “Sao má sống lâu quá vậy? Má đâu muốn sống dai như vậy, con ạ!”. Tôi an ủi mẹ theo tinh thần đạo Chúa của bà : “Minh đâu có thể mong muốn chuyện gì được má! Chúa bảo sống đến đâu thì mình sống đến đó thôi, phải không má?”. “Ừ!”. Tuy bà “ừ”, nhưng nhận thấy bà vẫn chưa vui, tôi giả giọng con nít lên tiếng : “Má nó chết, thì ai nuôi nó! hu hu!”, nhờ vậy mẹ tôi cười tươi lên. (Nguyên thuở mẹ còn ấu thơ, chừng năm sáu tuổi, một hôm bà chứng kiến bày chó vật con gà mẹ chết. Bà khóc sướt mướt, vỗ mãi không nín và cứ thắc mắc hỏi ngoại : “Má nó chết thì ai nuôi nó?” Ngoại bực mình quá nói : “Má nó chết thì mày nuôi nó!”. Vậy mà mẹ tôi đồng ý, nín khóc, rồi mỗi ngày đứng ra “chít chiu” sẵn sóc đăm gà con cho đến khi chúng lớn thành gà giò. Chuyện này là một trong những chuyện hiếm hoi tại Cao Lãnh mà mẹ tôi kể lại. Một hôm mẹ tôi và dì Năm - một bà 88, một bà 90 tuổi - được con cháu sắp xếp cho điện

thoại thăm nhau, hai bà đều lẫn lộn, chuyện người này nhớ thì kẻ kia quên, nói năng huyền thuyên mà trót quớt chẳng hiểu nhau, thế nhưng vừa nhắc đến vụ “Mẹ nó chết, ai nuôi nó”, hai bà rộn ràng tranh kể lại cho nhau nghe và đồng hớn hờ vui cười.)

Ngày hôm sau, tôi nhắc cái ghế đặt sát bồn tắm, bà ngồi trên ghế đỡ chân bỏ qua bồn, rồi đứng dậy tắm dễ dàng, nên mẹ tôi rất hài lòng. Tật “chân cụt” lần này thì giải quyết được, nhưng chắc chắn bà còn sanh tật dài dài, và đó là điều khiến cho tôi lo lắng triền miên. Hồi tôi đang học lớp năm, có lần tôi bị nổi dòi trên háng, mẹ tôi bảo tôi cởi quần ra để bà xức thuốc. Tôi mắc cỡ còn vùng vằng thì bà nạt đũa : “Tao là má mày, tao sanh mày ra mà mắc cỡ nổi gì”. Hôm qua, tôi đã nhắc lại chuyện này cho mẹ tôi nghe, để chuẩn bị, có ngày nào đó, tôi phải săn sóc mẹ, mà mẹ mắc cỡ thì tôi sẽ lập lại tương tự như vậy : ‘Con là con của má! từ bụng má chui ra, mà má mắc cỡ nổi gì!’”

Mấy năm trước, tôi có viết truyện ngắn tựa đề “Lấy chồng xa xứ”, theo đó, người con gái sau khi hiểu được công ơn cha mẹ như trời như biển sức mình không thể báo đền chữ hiếu, bèn cất tiếng thở than qua điệu ru em :

Cha mẹ ơi! sanh con là gái
Biết chùng nào trả ngãi mẹ cha
Chùng nào cho cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ, ẵm bồng thuở xưa.

Thật ra, tôi đã viết bài này cho chính tôi, và đây là tiếng than của tôi khi nghĩ đến sự hiếu dưỡng nan giải của mình đối với mẹ. Bạn đọc có thể chế diễu tôi : “Cha này, đàn ông mà mượn giọng đàn bà tâm sự thì yếu quá! tẻ quá!”. Các anh các chị biết không? tôi nghĩ rằng vì tôi là đàn ông nên sự tình mới trở nên tẻ tẻ. Giả dụ tôi là đàn bà, thì tôi có thể chăm sóc mẹ chu đáo những chuyện thân mật : tắm rửa, thay quần áo... thì tốt đẹp cho mẹ con tôi biết là bao nhiêu.

Suffolk, VA mùa Vu Lan 2004

---o0o---

Sống bù cho con

Đối với các bà mẹ già, dẫu con cái mình lớn tuổi bao nhiêu, nó vẫn là thằng bé con “nhỏ xíu” của mẹ như thuở nào. Mẹ tôi tíu tít đón mừng tôi, trở

lại Virginia chăm sóc bà trong thời gian anh tôi đi về Việt Nam năm tuần lễ. Bà trườ mền nhìn tôi thật lâu, vuốt tóc tôi, rồi bỗng buồn hiu chếp miệng hỏi : “Ô kìa! Sao tóc con độ rày bạc nhiều quá vậy?” Mẹ tôi đã tròm trèm ở tuổi 90, thằg con của bà cũng đã 67, nhưng chắc bà đình ninh nó vẫn là đũa bé con như thuở nào, nên khi chọt khám phá ra mớ tóc bạc của nó, bà bùi ngùi xót thương. Tôi cà rồn :

- Má già, thì con cũng lẻo đẻo già theo má! Rồi ngày nào đó, má đi theo ông bà ngoại, thì con cũng đâu chịu thua, con theo bèn gót má cho coi!

Mẹ tôi cười hề hề :

- Thì ai cũng đi tới đó, sớm hay muộn vậy thôi! Dì Tám con theo Ông bà rồi đó! kể ra, chết sớm cũng là một điều hay!

- Chết sớm thì có gì hay ho đâu má?, tôi thắc mắc.

- Ấy! Ông bà già xưa mình thường nói : “Thà làm trẻ ma hơn già lú lẫn! đó mà!”

Tôi rất ngạc nhiên vì chưa từng nghe qua câu phương ngôn, hàm ý “chết trẻ được thương tiếc còn chờ đến già yếu lú lẫn rồi thì chẳng còn ai thương” này. Có lẽ má tôi suy tư nhiều về cảnh có thể bị lú lẫn làm khổ con cháu, nên câu phương ngôn vốn xâm nhập và nằm yên trong ký ức của bà từ thời niên thiếu bỗng bật ra như thế. Tôi không muốn bà bị ám ảnh bởi tư tưởng bi quan này nên khỏa lấp :

- Nhận đình này không đúng đâu má! Theo con thì kẻ đã khó ưa dẫu sống hay chết, già hay trẻ gì thì cũng ưa hồng vô! còn người dễ thương thì chết sớm trễ gì cũng khiến cho mình đau lòng thương tiếc cả! phải không má?

- Ủa!

Bà trầm ngâm một lúc, rồi lằm bằm tiếp lời :

- Má đã già khụm rồi, mà chưa lẫn lộn. Kể ra thì may quá! Ủ! May thiệt là may!

Mẹ tôi quả thật tuy hay quên, đôi khi quên những chuyện rất gần hay quên cả mảng thời gian hằng mười năm, nhưng bà vẫn có những suy tư sáng suốt, đối đáp còn bèn nhạy. Mẹ tôi có cái nhìn rất thản nhiên đối với lẽ chết sống trên đời : Chết là chuyện bình thường chẳng có gì đáng lo sợ, lúc nào chết

thì sẵn sàng chết; còn Sống với tuổi già lợm khộm sức khỏe suy sụp thì cũng nhân nại hồn nhiên mà vui sống, dù rằng thỉnh thoảng bà cũng buột miệng cần nhân : “Sao má và dì Năm sống dai quá vậy kia?” Với dì Năm thì con cái giữ kín các loại tin buồn, nhất là tin tức liên quan đến thân thích từ trần vì sợ bà xúc động, còn với mẹ tôi thì chúng tôi chẳng cần phải dấu diếm gì cả. Bà bao giờ cũng tỏ ra rất bình tĩnh trong mọi biến cố xảy ra trên cuộc đời này. Hai tuần trước, khi anh tôi thông báo tin buồn của dì Tám, mẹ tôi đón nhận tin đó rất bình thản, khiến anh còn ngạc nhiên, chẳng biết bà có nghe rõ và hiểu rõ không? Nào ngờ, mấy hôm sau khi thằng cháu vào thăm nội, bà kể cho nó nghe chuyện bà Tám qua đời tại Việt Nam với lời “phê bình” : “sanh, lão, bệnh, tử, lẽ đương nhiên mà con! Có ai tránh được đâu!” Thì ra, mẹ tôi đã hiểu rất rõ, bà bình thản trước tin buồn vì bà nắm vững lý vô thường, chớ không phải vô tâm, bằng chứng là dạo này bà cứ nhắc đến Ông Bà Ngoại, nhắc những kỷ niệm bé thơ, kể lể hoàn cảnh và tánh tình của từng chị em, đã sống hay chết như thế nào? Nói đến dì Tám thì bao giờ bà cũng nhắc đến tật khóc dai vô địch của dì khi còn bé, và cơn bệnh trầm kha của dì mấy năm cuối đời, rồi thở phào nhẹ nhõm nói : “Giờ thì nó khỏe, không còn khóc, không còn bệnh liệt giường nữa rồi!...” Nghe mẹ nhắc đến dì Tám, tôi cũng góp lời :

- Từ khi được tin dì từ trần, mỗi ngày ba thời con đều niệm chú vãng sanh hồi hướng cho dì! Má ạ!

Mẹ tôi hăng hái khoe :

- Chú vãng sanh má cũng thuộc nữa!

- Vậy thì mẹ con mình đồng niệm chú cầu nguyện cho dì Tám nha má!

- Ừa!

Mẹ tôi liền trang nghiêm niệm trôi chảy bảy biến Vãng sanh tịnh độ đà la ni : “Nam mô A Di Đà bà già, đa tha già đa già, đá địa già tha. A di rị đô bà tì. A di rị đá, tất đam bà tì. A di rị đá, tì ca lãng đế. A di rị đá, tì ca lãng đá. Già di ni, già già na. Chỉ đa ca lệ, ta bà ha”.

Già ở lứa tuổi 90 mà vẫn tụng đà la ni lầu lầu đã là việc hiếm hoi, riêng đối với trường hợp của mẹ tôi, tôi có thể nói đây là một sự kiện lạ lùng kỳ diệu. Bạn đọc chắc không đồng ý với tôi về quan niệm này, nên có lẽ tôi nên kể lể dài dòng một chút. Gia đình bên ngoại của mẹ tôi rất sùng mộ đạo Phật, Ông

cố đã hiến đất và yểm trợ xây dựng ngôi chùa cổ kính Bửu Lâm, tục gọi là chùa Tổ tại Cái Bèo, Mỹ Xương (Sa Đéc), cả nhà đều quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới với hòa thượng Hải Huệ và đều thấm nhuần ít nhiều đạo pháp. Do đó, tuy Ông ngoại tôi theo nho gia, không thiết tha đến Phật Pháp, vào những ngày lễ lớn hằng năm bà ngoại vẫn đơn thân dẫn đám con về chùa Tổ sống trọn vẹn một ngày trong chùa (không rõ có phải là tu Bát quan trai không?) để thành tâm lễ bái, mẹ tôi đã học thuộc chú Vãng Sanh từ đạo đó. Sau khi lập gia đình, vì bên Nội tôi theo đạo thờ Ông bà, theo nghĩa là thờ cúng tổ tiên, kèm theo những hủ tục mê tín cúng kiến thánh thần tạp loại để cầu tài, cầu lợi... nên bà chẳng còn nhớ gì đến chùa chiền và đạo pháp nữa. Đến khi cha tôi bị lâm nạn, mẹ tôi đôn đáo cầu cứu khắp nơi : chùa chiền, đồng cốt, bùa chú, xăm quẻ, bói toán...

Điều đáng tiếc là mẹ tôi không gặp được bậc chân tu hướng dẫn, mà chỉ toàn gặp những kẻ giả dối đội lốt tu hành để lường gạt bóc lột thiện tín : tiền dâng cúng nhiều thì niềm nở vẽ vời lắm trò lễ lộc, tiền eo hẹp thì bị khinh khi ruồng bỏ. Điều đáng tiếc khác là mẹ tôi cứ lầm tưởng đồng cốt, xăm bói... tạp nhạp cũng là “phó sản” của đạo Phật, nên niềm tin của bà đối với đạo Phật bị sụp đổ toàn vẹn. Trong hoàn cảnh khổ đau cùng cực, mẹ tôi được các tín hữu đạo Tin Lành tìm đến, an ủi, vồn vã đưa đi nhà Thờ, kiến tạo cho bà niềm tin và sức sống. Từ đó, mẹ tôi và em gái tôi trở thành con chiên ngoan đạo, phần tôi có lúc cũng nghiêng về đạo Chúa, nhưng nhờ duyên may theo bạn viếng chùa Linh Sơn, mến đạo và trở thành Phật tử, riêng anh tôi thì chẳng mấy quan tâm vấn đề tôn giáo.

Sau khi định cư tại Hoa Kỳ, đầu mẹ tôi sống với ai, chúng tôi đều đưa bà đi nhà thờ sinh hoạt hàng tuần. Mấy năm nay, đi đứng khó khăn bà không đi hầu việc Chúa nữa, rồi lần lần dường như bà đã quên hẳn đạo Chúa, cũng chẳng nhớ gì lời cầu nguyện “Lạy Cha chúng con ở trên Trời” nữa, thế nhưng bài chú bà nghe từ thuở ấu thời chìm sâu trong quên lãng cả bảy tám mươi năm nay, bỗng hiện hành để mẹ tôi có thể đọc tụng trôi chảy, thì đây chẳng phải là điều kỳ diệu sao?

Trong kinh sách ghi chuyện là vào thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, một hôm có một Ông lão chừng 90 tuổi đến tịnh xá Kỳ Hoàn xin xuất gia, các vị A la Hán đệ tử sau khi quan sát nhận thấy trong tám đại vạn kiếp lão chưa từng gieo trồng căn lành nên từ chối. Đức Phật nghe biết sự việc trên, Ngài cho ông lão xuất gia, và sau khi được Phật khai thị, ông liền đắc Sơ quả. Sau đó, Đức Phật mới giải thích cho các đệ tử hiểu, là xa hơn 80 vạn kiếp về trước, có lần ông lão là một tiểu phu bị cọp dữ rượt phải trèo lên cây trôn

tránh. Tưởng yên thân nào ngờ cọp dữ quyết cạp cho thân cây gãy để vò mồi, gả tiều phu trong cơn sợ hãi bỗng nhớ đến Phật liên niệm lớn “Nam mô Phật”. Cọp dữ nghe tiếng la bỏ chạy đi, gả tiều phu thoát nạn rồi tiếp tục kiếp sống buông lung không hề gieo trồng căn lành nào nữa trong 80 đại kiếp về sau. Bất ngờ, đến giây phút này, căn lành niệm Phật ngày xưa trở nên thành thực nên lão ta được Phật độ và đắc Sơ quả. Chỉ niệm Phật một câu thôi, là đã gieo thiện căn rồi, thì công đức niệm chú của mẹ tôi chắc chắn cũng có ngày thành thực.

Tụng chú xong mẹ tôi còn khoe bà còn biết chú “Án ma ni bát mê hồng” và biết tán hương nữa, bà liền ê a tán hương như sau :

“Mỗi nhật thân hôn, nhất chú hương
Tạ thiên tạ địa tạ quân vương
.....(*)
Cửu huyền thất tổ độ gia nương
Phụ mẫu tại đường tăng long phước thọ
Phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương
Sở cầu xú xú hiện hòa thực
Hữu mạng nhơn nhơn thọ mạng trường
Quốc hữu trung thần phò xã tắc
Gia vô nghịch tử nảo gia nương.
Mam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát”

Bài tán hương xuất phát từ thuở còn quân vương của thế kỷ thứ 19, tưởng đã chôn vùi biệt tích, nay bỗng nhiên tái xuất hiện, nên dầu bài tán hương có điểm thiếu sót¹ và thật ra cũng không mấy đặc sắc, nhưng tôi sẽ trân quý giữ gìn như một kỷ vật của mẹ, một cổ vật tuy có vết nứt rạn nhưng hiếm hoi do mẹ tôi khai quật từ hang ổ sâu thẳm trong tiềm thức của bà.

Nhân lúc mẹ đang hào hứng, tôi bạo dạn thưa hỏi :

- Khi má từ trần má có cho phép con tụng chú vãng sanh cho má không?

- Má chết rồi! Đứa nào muốn làm gì thì làm!

- Con xin phép má cẩn thận, bởi vì, sau khi chết rồi thì cái hồn - tôi muốn dùng chữ thần thức nhưng sợ bà không hiểu - vẫn còn nghe biết rất rõ, nếu má đồng ý thì sau này khi hồn má nghe con tụng niệm má hài lòng mà tụng theo thì rất tốt, vì con tin tưởng rằng nhờ má hoan hỷ mà má sẽ sanh vào cõi

lành. Ngược lại, nếu lúc đó má không đồng ý mà con bướng bỉnh tụng niệm, hôn má có thể bất mãn, sanh giận hờn thì rất nguy hiểm, vì sự giận hờn đó nó sẽ kéo mình đào thai vào cõi xấu. Vì vậy, con cần hỏi kỹ má lần nữa, má có thật sự bằng lòng, má có vui không?

- Ừ! má vui, má hứa đó!

Cứ vài ngày thì tôi hỏi bà lại lần nữa, rồi hai mẹ con đồng niệm chú Vãng Sanh. Tôi lập lại mãi, để bà có cơ hội xác định suy tư của bà về việc này, và hi vọng suy tư đó sẽ lần lượt huân tập vào tàng thức bà, giúp thân tâm bà an ổn vào những giờ phút lâm chung sau này.

Vấn đề khác biệt tôn giáo trong gia đình là vấn đề gai góc khó giải quyết. Đã bao lần, mẹ tôi vì quá thương con sợ con theo một tôn giáo lầm lạc nên đã viện trợ các vị mục sư cùng các tín hữu thuyết phục tôi “trở về với Chúa” gây cho tôi bao nỗi phiền toái.

Phần tôi, là một Phật tử thuần thành dĩ nhiên tôi cũng tha thiết mong muốn mang ánh sáng Phật Pháp đến với người mẹ thương yêu của mình, thế nhưng, đã hàng trăm lần tôi ngập ngừng gọi chuyện rồi đành lặng lẽ chuyển hướng, vì tôi tự biết mình bất lực : thuyết giáo bất thành, mà tình cảm mẹ con lại có thể bị thương tổn nữa. Do đó, ngày ngày, trong những thời công phu, tôi chỉ biết hồi hướng cầu nguyện cho mẹ “sống khỏe mạnh an vui, chết thì sanh về cõi Thiên của Chúa”, chớ nào dám cầu mong bà hướng về Phật đạo. Giờ đây, bất thành linh ánh sáng đạo pháp bỗng lóe lên trong tâm thức của bà : mẹ tôi tụng chú vãng sanh, nhờ vậy, tôi mới bạo dạn đề nghị tụng niệm cho bà khi lâm chung và đã được bà đồng ý. Kể từ nay, tôi có thể an lòng hồi hướng cho mẹ “sống an vui, chết nhẹ nhàng và sáng suốt nương theo vãng sanh đà la ni để quy ngưỡng về cõi tịnh độ phương Tây”. Tôi tin tưởng rằng đây là một phước duyên, phước duyên hy hữu mà Phật Pháp nhiệm mầu đã từ bi gia hộ cho mẹ con tôi.

Trách nhiệm khó khăn khác của tôi trong những ngày gần gũi săn sóc bà là “công tác” thực hiện thời dụng biểu trị liệu vận động tay chân cho bà, mỗi ngày ba lần, mỗi lần khoảng 35 phút, sao cho đúng “chỉ tiêu” mà anh tôi quy hoạch. Lại một điều là với anh tôi thì bà lẳng lặng thi hành vì “nó là dân nhà binh kỷ luật sắt không khiêu nại được”, còn với tôi thì bà than thở, kỳ kèo, đòi giám một bớt hai... có khi bà còn “đọa” không thèm tập nữa. Nếu tôi năn nỉ bà thì may ra còn có kết quả, chớ còn giải thích lý luận cách nào bà cũng làm ngơ, vì vậy, bấy lâu nay tôi cứ phải thỏa hiệp, nhượng bộ ít nhiều để đổi

lấy sự vui vẻ hợp tác của bà. Thế nhưng sức khỏe của bà ngày càng yếu, việc vận động đối với bà ngày càng cấp thiết mà cũng nặng nhọc hơn nên lần này tôi dặn lòng phải “gồng mình” cứng rắn để “thuyết phục” bà tập thể dục nghiêm túc mới được. Tuy thà quyết định như vậy, nhưng tôi nghĩ đây là chuyện gian nan khó thực hiện lắm, vì lòng dạ tôi yếu ớt, dễ dằn gò ép buộc mẹ già. Sau khi anh tôi rời nhà, vừa chuẩn bị thời khóa thể dục đầu tiên, tôi chưa kịp mở lời thì bà đã ra vẻ buồn buồn gạ gẫm:

- Con ơi! sao hôm nay má làm biếng quá! Nghỉ một bữa nghe con!

- Má tập không đầy đủ thì chân tay yếu ngay, anh Hai căn dặn con hằng chục lần là không được bớt động tác nào hết, má à! Má nhớ không, lần trước anh Hai về kiểm soát xem má đi như thế nào, má đi lét bết hơn ngày thường khiến anh căn nhắc con “quá xá cỡ”. Đáng lẽ, má thương con thì má nên ủng hộ con chứ! má ráng đi ngon lành thì con đâu bị rầy như vậy!

Bà cười hì hì :

- Ừa! Thôi từ nay, “thương con mẹ phải bù đi cho con” vậy! Được không? Thật không ngờ diễn tiến lại tốt đẹp và dễ dàng như thế này, tôi mừng rỡ, có tình nhảy dựng như đứa con nít :

- Hay lắm! Má chịu bù đi thì tập thể dục không được khiếu nại, không đòi bớt nữa nghen!

- Ừa!

Mẹ con tôi nhìn nhau cười thật là vui.

(Thuở nhỏ, mẹ tôi thường kể con cái nghe chuyện một bà mẹ được ba đứa con trai hiếu thảo luân phiên nhau nuôi dưỡng mỗi người ba tháng. Để đánh giá lòng hiếu thảo của nhau, trước khi bàn giao mẹ cho đứa con kế tiếp, đám con kiểm soát sức khỏe mẹ bằng cách cân lường sức nặng của bà lên hay xuống. Vì đứa con út nghèo, cơm nước cho mẹ không đầy đủ, thân thể mẹ gầy gò, nên nó rất lo lắng bị hai anh quở trách. Bà mẹ thương thằng con nghèo, bèn bao che nó bằng cách lén dầu trong mình mới chèn cho nặng cân khi bàn giao, vì vậy mới có câu “thương con mẹ phải bù chèn cho con”. Phần tôi thì lơ là, không hướng dẫn bà tập đúng mức khiến chân bà yếu đi, nên mới rất cần “bù đi” mới không bị anh la rầy. Mẹ tôi lớn tuổi rồi mà còn

minh mượn câu chuyện này ví von thay chữ bù chì thành bù đi, khiến tôi kinh ngạc mà cũng vui tột cùng)

Tưởng mẹ tôi chỉ đùa cho vui thôi, nào ngờ mẹ thực hiện lời hứa bù đi rất “oanh liệt”. Kể từ hôm đó về sau, mẹ tôi nhẫn nại hoàn tất thời khóa, khi mệt quá bà đứng lại thở hắt hắt, vừa cười cười giải thích : “ngưng tập đi để má tập thở cái đã!”. Nghỉ một chút lấy lại sức, bà cố gắng tiếp tục chớ chẳng đòi hỏi giảm bớt một động tác thể dục nào cả. Thấy mẹ thao tác vất vả, tôi thương đứt ruột, mà chỉ biết hôn hít bà tán thưởng mỗi khi bà hoàn tất một động tác nặng nhọc. Thuở nhỏ, tôi chưa bao giờ biết hôn mẹ, bây giờ già rồi, mới tập hôn mẹ mà vẫn chưa quá trẻ để khám phá được nguồn thương yêu tràn ngập trong lòng. Ngoài ra, chẳng biết đỡ đàn mẹ cách nào, tôi cùng tập theo động tác của bà, nhân đó, múa men làm hề, hay nói chuyện tầm phào, nói đót đát quê mùa, nhái giọng đặc sệt địa phương để bà cười vui mà quên mệt. (Thuở nhỏ khi học chuyện Ông lão họ Lai, tuổi đã bảy mươi mà còn mặc áo xanh đỏ, bắt chước trẻ thơ làm trò cho cha mẹ vui, tôi chưa hiểu được. Giờ đây, tôi mới khám phá ra là dù mình già đến cỡ nào, ở bên mẹ, mình cũng chỉ là thằng bé con của ngày xưa, muôn bày trò vui nhộn gì cho mẹ vui cũng dễ cả.) Mỗi khi bà bắt đầu chán nản, ngán ngẩm chuyện thể dục, tôi liền tìm cách chọc bà cười, chuyện khó chịu bực mình nào cũng biến thành chuyện tiếu lâm cười cợt được. Đại khái, như khi bà di chuyển phải cầm cán đẩy cái khung bánh xe nặng nề, bà cần nhân : “Tập đi mỗi chân thì ít, mà mỗi tay quá chùng hà!” thì tôi cười cợt chen vào :

- Má đi đứng mỗi tay cũng bình thường thôi. Con đây, mà nói chuyện có khi còn mỗi tay nữa kìa!

- Úa! Sao kỳ lạ vậy?, mẹ thắc mắc.

- Có gì lạ đâu! Chỉ vì con nói tiếng Mỹ dở ẹt, phải quơ tay lia lịa làm dấu, nên mỗi tay vậy thôi.

Mẹ tôi hiểu ra cười hề hề. Nụ cười rộn rã vui tươi nhất là vụ cười lên ông anh hiếu thảo và chu đáo của tôi. Một hôm, sau khi vừa hoàn tất xong chương trình thể dục, bà đứng thở dốc cười cười, rồi cảm râm :

- Mình theo nó (tức anh Hai tôi) tập xong đã hụt hơi rồi, vậy mà nó còn căn dặn “Khi nào má rảnh, má nhớ tập thêm một mình càng nhiều càng tốt nghen!”

Vụ căn dặn : “nếu rảnh tập thêm” cũng có ghi trong cẩm nang của anh để lại, dĩ nhiên tôi làm lơ không áp dụng, vì tập đầy đủ theo chương trình đã nặng nề, tôi thậm lo ngại bị mẹ phản đối rồi kêu nài giảm bớt, hướng chỉ cầu mong bắt bà tập “giờ phụ trội” nữa.

Tuy vậy tôi cũng thừa dịp bà than vãn, ra giọng điệu cợt nói lên anh cho vui :

- Xin lỗi nghe anh Hai, nói thật anh nghe chứ...mẹ con tui làm biếng lắm, đâu có h...u...õ...n và hơi sức đâu mà tập thêm! a anh Hai!

Mẹ tôi khoái chí quá cười ngất từng chập :

- Hi! Hi! Rảnh thì nằm nghỉ chứ ai h...u...õ...n đâu mà tập thêm! Hi!..hi!..

Chuyện chỉ có vậy thôi, mà mỗi lần nhắc lại thì như là chuyện mới, mẹ tôi vui vẻ cười rộn rã chẳng bao giờ nhàm chán.

Năm tuần lễ sống hủ hỉ ám áp với mẹ trôi nhanh. Sau khi bàn giao mẹ cho anh Hai, tôi vào phòng riêng của bà thân mật cười giỡn, nói chuyện tầm phào, tận dụng những giờ phút thân thương bên mẹ trước khi từ giả. Mẹ tôi vốn hiền hậu, không cau có giận hờn nặng nhẹ một ai, những năm sau này mẹ tôi lại càng dễ dãi, không giận, không than, không trách móc, và lúc nào cũng hài lòng vui tươi với cuộc sống, với nỗi già nua còm cõi của mình. Do đó, ngoài việc nghe mẹ kể chuyện xưa cũ, tôi thường ngắm nhìn mẹ thật kỹ, ghi nhớ từng nét dễ thương vô tận của bà, để biết rằng mình có diễm phúc được bà mẹ hiền hậu tươi mát, sự tươi mát mà chính tôi ước mong sau này mình có thể học được nơi mẹ. Trong tình thương ngập tràn, tôi nói với mẹ :

- Con không biết sau này con có được vui tươi thoải mái như má không?

Mẹ tôi cười hề hề, khoát tay :

- Chuyện dễ mà!

Tôi giải thích :

- Vui tươi thoải mái như má không phải là chuyện dễ đâu! Má biết không? Khi già yếu thân thể bệnh hoạn khó chịu nên người ta thường sanh tật : rắc rối, giận hờn, cáu kỉnh, gây phiền nhiễu, gây kinh hoàng cho con cháu! Con sợ vài năm nữa con sẽ lâm vào cảnh này, sanh tật khiến con cháu xa lánh thì nguy lắm, má ạ!

Dường như mẹ tôi chẳng để ý gì về lời giải thích này, bà dí dõm mỉm cười ra vẻ bí mật, lên tiếng :

- Con đâu có già! Má nghĩ như vậy thì thấy các con trẻ hoài hà! Bớt đi sáu mươi tuổi tuổi, thì anh con tí như mới mười tuổi, con lên bảy, em con lên năm chớ bao nhiêu đâu! Nhỏ xíu hà!

Hài lòng với sự so sánh điều cốt của mình, mẹ tôi thích chí vang, tôi cũng cười phụ họa, nên bầu không khí rất vui nhộn. Nhân dịp này, tôi mở lời từ giả mẹ :

- Thằng bé bảy tuổi nhõng nhẽo với má nè! Má ơi! Mai con trở về Cali, má ở lại, khi nào rảnh nhớ tập thêm dùm con nhe má!

Nghe câu nói giỡn hàng ngày, mẹ tôi lại cười tươi lên. Tôi tỏ vẻ nghiêm trang đính chánh :

- Lần này con không nói giỡn đâu. Con xin má vận động thiệt tình mà! Má vận động thì má khỏe. Má khỏe thì má sống lâu với tụi con thêm một chút.

Mẹ tôi cười cười lặng yên ra vẻ chẳng muốn bận tâm gì với chuyện sống chết cả. Tôi tiếp lời :

- Ờ! Thì biết rằng trước sau gì cũng có ngày đó, nhưng má ráng vận động thêm đi để sống bù cho tụi con một chút vậy mà!

Suffolk, VA Xuân Ất Dậu (2005)

---oOo---

Năm tháng cuối đời

Cuối tháng sáu năm 2006, vừa nghe tin sức khỏe mẹ nguy kịch phải nhập viện cứu cấp tôi tức tốc đi Virginia bằng chuyến bay thâu đêm. Đến nơi, mẹ vừa từ bệnh viện về, con nguy không còn nữa nhưng sức khỏe thì khó có cơ hồi phục. Phần anh tôi, không ai tiếp tay, một mình chống chọi lo cho mẹ mấy ngày đêm nên cũng đã đuối sức dờ dẩn cả người. Anh cho biết không còn sức chịu đựng nữa và quyết định đưa bà vào Viện dưỡng lão. Tôi đã từng đề nghị xin rước mẹ mấy năm qua, nhưng lần nào anh tôi cũng úp úp mở mở mà chẳng có câu trả lời dứt khoát, lần này, tôi vừa ngỏ ý lãnh trách nhiệm thì anh vui vẻ tán đồng ngay dù với chút ngại ngùng vì đã

chuyển giao mẹ cho tôi trong tình trạng bệnh hoạn tệ hại này². Anh em thỏa thuận với nhau là tôi được tròn quyền chăm sóc tinh thần lẫn vật chất cho mẹ theo ý tôi, nhưng khi mẹ mãn phần phải chôn cất chớ tuyệt đối không hỏa thiêu. Mẹ tôi vốn dễ dãi và rất phục tùng anh tôi, nhưng quyết định thay đổi chỗ ở này khá quan trọng nên sau khi bàn bạc xong hai đứa thừa trình mẹ. Anh tôi lên tiếng :

- Lần này Chánh lên đây để đưa má về Cali sống với nó, má chịu không?

Má tôi hăm hờ đáp :

- Má chịu chớ. Má muốn sống với Chánh mà!

Có lẽ anh tôi độ chừng mẹ tôi sẽ dùng dằng khó nghĩ, nên hơi bất ngờ trước thái độ hăng hái của mẹ, anh tần ngần giây lát, rồi ra vẻ như hỏi khó nhằm thăm dò lòng bà :

- Nó theo Phật giáo ăn chay trường, má ăn chay theo nó nổi không?

- Má muốn theo đạo Phật và ăn chay với nó nữa!

- Má chết nó rước “thầy chùa” tụng kinh đó nhen.

- Ồ! Má muốn được như vậy đó.

Mẹ tôi có thái độ rõ ràng quyết liệt như vậy khiến tôi là người bao năm tâm sự với mẹ, theo dõi từng biến chuyển tâm thức của bà còn ngạc nhiên, huống gì anh tôi vốn sống vô tư bên cạnh bà. Thật vậy, vào mùa Xuân năm 2005 mẹ chỉ đồng ý cho tôi niệm chú Vãng sanh khi từ trần, chớ hai mẹ con tôi chưa hề đề cập đến chuyện bà theo đạo Phật và tổ chức tang lễ Phật giáo bao giờ.

Có lẽ, không mấy tin tưởng lỗi tai của mình, nên hôm sau anh tôi hỏi mẹ lần nữa, nhưng bà vẫn giữ vững lập trường của mình.

Sau thời gian khoảng ba tuần chăm sóc cho bà đỡ suy yếu, anh em tôi đưa mẹ về Sacramento ngày 19.07.2006.

Kể từ năm 2005, sức khỏe của mẹ tôi tuột dốc nhanh chóng, tưởng như mình có thể thấy được mức biến chuyển diễn ra từng tháng, từng tuần. Mẹ càng

yếu thì nhiệm vụ của tôi càng khó khăn. May là tôi đã liên tục chia sẻ với anh chăm sóc mẹ trong bảy năm qua, nên tương đối thạo việc. Tôi lại được nhà tôi và các con ủng hộ tận tình, bao thầu hết mọi việc trong ngoài thay tôi, nên dù giờ đây việc chăm sóc bà gay go hơn lúc trước gấp bội mà tôi vẫn đủ sức lo lắng vuông tròn cho mẹ sống tươi vui thoải mái. Anh tôi ở lại chơi mấy ngày, cũng nhận ra điều đó nên đã buột miệng :“Nếu biết má về đây hạnh phúc như thế này thì anh đã đồng ý đưa má về đây lâu rồi”.

Mấy năm trước tôi thường lo lắng nghĩ đến những bất tiện của người con trai khi săn sóc cơ thể mẹ, nhưng đến lúc cần thì mọi sự đều suông sẻ tốt đẹp. Khi tắm rửa cho mẹ, đến phần kín đáo anh tôi xối nước cho mẹ tự lo, nên không sạch lắm. Phần tôi, tôi tự coi mình là con gái của bà, mà bà cũng chính là Bồ Tát Quan Âm của tôi, nên tôi an nhiên thay tả, kỳ cọ rửa ráy cho bà sạch sẽ chẳng “quái ngại” gì cả. Người ta mỗi năm hành lễ mộc dục tắm Phật chỉ có một lần, còn tôi được tắm Bồ Tát hà râm, kể ra mình có điểm phúc hơn người rồi.

Chúng tôi chủ trương cho mẹ ăn uống theo sở thích chớ không kiêng cử, nên nhà tôi và các con lăng xăng sưu tầm thức ăn hợp khẩu vị bà. Sợ con cháu cục nhọc, bà thường nói : “Má ăn cái gì cũng được miễn no thì thôi, mấy đứa lo lắng làm gì?” Bà cũng đòi chay lạt theo chúng tôi, để nhà tôi đỡ phần nấu nướng, nhưng sợ bà mất sức, chúng tôi ép bà tiếp tục ăn thịt cá bổ dưỡng. Bà chiều ý con cháu ăn uống chớ bà đâu quan tâm gì cái chuyện yếu sức hay già chết, bà thường nói “tới đâu hay tới đó, lo gì!”

Lo lắng sức khỏe và nhu cầu vật chất cho người mẹ già nua tuy thiết yếu, nhưng với tôi thì nhu cầu tâm linh của mẹ mới là mối âu lo dai dẳng dần vật tôi bao năm trời. Mẹ tôi vốn là người chân chất hiền lành, có thể nói là rất thánh thiện, tâm bà tràn ngập tình thương yêu Thiên Chúa, chỉ biết ca ngợi chớ chẳng hề chê trách người, đối xử với ai, dù là đứa bé con, một người ăn xin... bao giờ cũng nhỏ nhẹ ngọt ngào, cũng thắm đượm lòng từ... Chính vì vậy, mà tôi tin tưởng rằng cứ vào thiện nghiệp này khi từ trần mẹ tôi chắc chắn sẽ sanh về cõi Thiên với Chúa. Nào ngờ thời thế đổi thay, điều kiện sinh sống trong nước ngọt ngào, mẹ con tôi phải vượt biên đến xứ người, bỏ lại trọn vẹn tài sản mà cả đời tận tụy gây dựng. Khi sống xứ người một thời gian bỗng nhiên mẹ bị lôi cuốn theo phong trào chánh trị chống Cộng chất ngất hận thù. Bà hào hứng làm loại thơ gay gắt lên án chửi bới Cộng sản, thơ được vài tờ báo địa phương ca ngợi đăng tải, nên lòng hờn căm trong bà càng sôi sục. Bà cũng thích miệt mài ngày đêm mê say phim bộ, mà nội dung không ngoài các đề tài yêu đương thù hận chém giết ma quái lừa đảo.

Tôi vô cùng lo lắng cho mẹ. Tôi nghĩ rằng người mang cận tử nghiệp đang cuốn hút theo thế giới ảo gian ác của phim bộ và nhất là với hận thù chánh trị hùng hực, chỉ có thể sanh về cõi người hay ba đường ác, chớ làm sao về cõi Thiên cho được. Tôi cố gắng thuyết phục bà giữ lòng thanh thản như xưa, buông bỏ hận thù và thế giới ảo của phim bộ, nhưng lời năn nỉ này chẳng những vô giá trị mà còn khiến bà phiền giận tôi. Bất lực, tôi chỉ biết noi theo người xưa, chân thành Niệm Phật hồi hướng cho mẹ, cứ yên chí rằng đã có Phật gia bị thì chẳng có gì phải lo nữa. Nhiều năm trôi qua, tôi khám phá ra là mẹ tôi hốt nhiên quên hẳn một mảng thời gian lớn, trong đó có việc tin đạo Chúa và vụ hận thù chánh trị, ngược lại bà lại nhớ rành rọt thời đi chùa thuở nhỏ : danh hiệu chư Phật và Bồ Tát, tán hương, chú Vãng sanh vẫn còn thuộc lầu lầu(xin xem bút ký “Sống bù cho con”), đúng là “bất chiến tự nhiên thành”, tôi đỡ đi một mối lo tâm huyết.

Giờ đây mẹ tôi chỉ còn sở thích quay cuồng xem phim bộ ngày đêm. Tuy không tán thành, nhưng thương mẹ, tôi vẫn gắng gượng sưu tầm thêm vài bộ mới cho bà tiêu khiển. Trong thời gian này thỉnh thoảng tôi rủ mẹ niệm chú Vãng sanh, niệm chừng bảy biến thì còn hăng hái, kéo dài hơn thì bà ngao ngán, nhấp nha nhấp nhảm liếc nhìn máy chiếu phim. Tôi hướng dẫn bà Niệm Phật, rồi mang các mẫu chuyện đạo hấp dẫn của thầy Thiện Hoa, của sư bà Thế Quán đọc cho bà nghe, hi vọng bà phát tâm bồ đề, nhưng bà cũng lơ là nên đành bỏ cuộc. Mẹ đam mê phim bộ, thế giới ảo của nó trắm đầy áp tâm tư bà rồi, không còn khoảng trống để chứa giữ cái gì khác, dù là câu Niệm Phật. Tôi muốn dẹp bỏ phim bộ mà không nổi vì nghĩ rằng bà đã gắn bó với nó hơn hai mươi năm trời rồi, nó là nguồn vui lớn của bà lúc tuổi già, thiếu nó chắc bà sẽ buồn khôn nguôi. Tôi bất lực chẳng tìm ra giải pháp nào tốt đẹp cả.

Vào một đêm giữa tháng 9, như thường lệ tôi vào phòng đỡ mẹ dậy đưa đi tiểu. Sau khi bà nắm vững walker (khung gậy 4 chân, 2 chân trước có bánh xe, để vừa nương vừa đẩy đi tới) tự đi hai bước, tôi yên tâm loay quay chỉnh đốn lại mớ mền gối, vừa nhìn trở lại bỗng thấy bà chân bước đi mà đầu ngoảnh lại nhìn truyền hình. Tôi hoảng hốt nhưng chưa kịp phản ứng gì cả, thì đã thấy bước chân bà loạng choạng, rồi bà té ngã đập đầu vào truyền hình u một cục khá to (u này mất cả tháng mới hết bầm). Tôi vất vả đỡ mẹ dậy, thương đứt ruột, trong khi mẹ tôi sợ con lo lắng, ráng thều thào nói “má không đau con à!”. Tôi giận mình đã hơi hồng nên mẹ mới lâm cảnh té thảm thương này. Tôi đẩy truyền hình vô một góc thật khuất để bà không cách nào đụng chạm tới được, rồi hai ngày sau tôi năn nỉ bà cho dẹp bỏ việc xem phim bộ, bà đồng ý chẳng chút đắn đo. Tánh bà rất dứt khoát, đồng ý rồi thì

chẳng bao giờ nhắc tới phim bộ nữa. Không ngờ chính cái rủi đã mở rộng cho mẹ con tôi cả bầu trời may mắn sau này.

Từ đó, mẹ tôi bắt đầu chịu Niệm Phật, mỗi ngày ba đến bốn thời, tôi niệm chung với bà một lúc rồi bà tiếp tục niệm một mình sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật” nương theo máy Niệm Phật. Thỉnh thoảng tôi cũng bàn chuyện đạo giản dị³ với bà, nhưng chánh yếu vẫn là câu Niệm Phật mà thôi. Nhận thấy mẹ chưa hăng hái lắm, một hôm nhân lúc mẹ vui, tôi thưa: “Má ơi nếu mẹ con mình cùng hết lòng Niệm Phật và đều về cõi Phật thì mẹ con mới gặp lại nhau, còn nếu Niệm Phật “lè phè” khi chết đào thai lung tung biết đâu mà tìm, làm sao gặp lại nhau. Vậy hai mẹ con mình hứa cùng hết lòng Niệm Phật để cùng được về cõi Phật, rồi gặp tại đó nghen má!” Mẹ có vẻ thích thú vụ ước hẹn gặp lại nhau này lắm, bà mạnh dạn cất tiếng “Ừa!” Kể từ khi hai mẹ con nhất trí hẹn gặp lại nhau ở cõi Phật, mỗi khi thấy bà giải đãi, tôi chỉ nhắc lời giao ước này, thì bà cố gắng ngay.

Thời gian này mẹ tương đối khỏe và vui, nhưng vui thì đòi Niệm Phật thêm, chớ dường như bà chán ngán sự đời, rủ bà lên xe lăn đẩy đi công viên chơi hay đi dạo quanh xóm nhìn trời mây thì bà viện đủ mọi lý do từ chối. Có lần bà chỉ cái áo đang mặc có in hình trời mây... lên tiếng : “Trong áo này trăng sao đầy đủ hết, đâu cần đi đâu tìm nữa!” Sư cô Hạnh Giác từ thiền viện Viên Chiếu, Việt Nam sang ghé thăm, khen bà tuổi cao mà vẫn minh mẫn sáng suốt, nói năng tự nhiên mà bất ngờ dường như hàm ẩn hương vị thiền. Khi nghe sư cô thổ lộ rằng đang phân vân chẳng biết nên sang Úc châu tu hay trở về Việt Nam tu, bà góp ý tức khắc:

- Tu thì ở đâu cũng tu. Tu ở Việt Nam cũng được, cần gì sang Úc!

Sư cô thấy bà đi walker lụm khụm lựa lời khai thị :

- Có thân khổ quá hén chị Sáu?

- Khổ gì mà khổ, nó đau thì biết nó đau, nó khỏe thì biết nó khỏe vậy thôi!

- Chị nói sao nghe thiền vị quá?

- Ai biết thiền vị gì đâu, nghĩ sao nói vậy thôi hà!

Đôi đáp lanh lẹ như một thiền gia đắc đạo ngon lành như vậy mà khi nhắc đến lời trần trối sau cùng của mẹ sư cô : “Vú muốn sống hoài để lo cho các

con, mà không được nữa rồi...” Chuyện xảy ra chắc khoảng trên bốn mươi lăm năm về trước, mà nay kể lại mẹ tôi bỗng ứa nước mắt nghẹn ngào đứt khoảng. Vụ xúc động bất ngờ này khiến tôi lo lắng vô cùng. Giờ chót mà bà “đảm nhiệm con cháu” như thế này thì làm sao vãng sanh cho được. Khi chỉ còn hai mẹ con hủ hủ bên nhau, tôi bèn gọi chuyện :

- Má ạ! Minh Niệm Phật nguyện sanh về cõi Phật, khi từ trần được Phật rước nhớ theo liền, đừng chần chờ nghẹn má!

Bà cười cười không trả lời. Chẳng biết bà nghĩ sao? Bà không tin tưởng vụ Phật rước hay bà tự biết lòng mình quán quít con cháu chẳng rời không nỡ bỏ đi một mình? Tôi mới dong dài nhắc nhở chuyện xưa :

- Má nhớ không? Hồi mình khổ sở trong trại tị nạn, hai mẹ con cùng xin đi Mỹ, nhưng má được Mỹ nhận trước rồi đưa má đi ngay, vài tháng sau tới phiên con cũng được đi Mỹ, cuối cùng mình cũng gặp nhau. Nếu lúc đó, má ngần ngại không chịu đi trước thì nguy lắm vì hồ sơ có thể bị dẹp bỏ, xin lại không dễ, rồi tương lai mẹ con mình chẳng biết ra sao nữa. Bởi vậy, lúc nào Phật rước thì má nhớ theo liền, đừng chần chờ quyến luyến đưa con nào mà gặp nguy hiểm rắc rối, nghẹn má!

- Ừa! má hiểu rồi, má sẽ theo Phật liền mà!

Vụ mẹ tôi ngưng xem phim bộ bằng ngõ ngách nào đã đến tai anh tôi. Tuy anh đã hứa cho tôi trọn quyền lo cho mẹ cách nào cũng được, nhưng theo quan niệm của anh, phim bộ là nguồn vui tối cần thiết, không có nó bà buồn khổ và điên loạn... Tôi giải thích rằng bà không khổ và điên chút nào mà ngược lại rất vui vì tôi dành nhiều thời giờ kể chuyện trò, nhưng anh không tin tôi. Thấy thuyết phục mà tôi cứ loay quanh không trả lời dứt khoát, anh gợi ý tôi cho mẹ nghe đài truyền hình tiếng Việt phát sóng từ Nam Cali trong hệ thống cable, dĩ nhiên tôi cũng lơ là. Anh cứ áp lực tôi mãi chẳng buông tha nên cuối cùng tôi đành kêu gọi anh tôn trọng quyền tự do lo cho mẹ, mà anh em đã giao kết với nhau. Anh giận, gác điện thoại và kể từ đó tình anh em sút mẻ khó lòng hàn gắn. Tôi rất thông cảm anh tôi, anh rất thương mẹ và mong mỗi tôi sẽ cung ứng các loại giải trí mà anh tin là “thần diệu”, nhưng tôi lơ là nên bất mãn cũng là chuyện thường tình. Phần tôi thì cũng vì thương mẹ sợ rằng trong thời gian cận tử mà tâm bị nhiễm độc bởi bầu không khí yêu ghét thù hận ác độc lừa đảo... của các loại giải trí tạp nham thì khó thoát khỏi đọa lạc vào ác đạo. Mẹ tôi biết bụng dạ của hai đứa con trai, nên mới tâm sự với sư cô Hạnh Giác rằng “về già may mà có hai

đứa con trai săn sóc, nhưng mỗi đứa thương một cách...” Đúng như vậy đó, tôi thương mẹ theo cách của tôi chứ biết phải làm sao bây giờ?

Thật ra, chỉ nội cái việc có người thỉnh thoảng điện thoại cho mẹ gọi những chuyện bực mình cũ xì làm xao động tâm bà cũng khiến tôi mất ngủ rồi. Có lần ai đó đã phóng đại và bi thảm hóa chuyện nhà cửa ruộng vườn của Ông ngoại rằng “thằng đó - người anh bạn dì của tôi – nó phá tan hoang hết rồi, nó đốn cây bừa bãi bán đờ bán tháo, gạch đá cạy đem bán, đất vườn nó cũng cật xẻ ra bán tuốt...” Ngôi nhà và thửa vườn này chứa chan bao kỳ niệm của mẹ, nên bà đau khổ ngẩn ngơ, lâu lâu lại áo não chép miệng than: “ngôi vườn của ngoại con tan hoang cả rồi!”. Tôi cố gắng giải độc: “Mình vượt biên thì nhà cửa mất hết, nếu anh ấy cũng vượt biên như mình thì thửa vườn của ngoại thành của thiên hạ. Nhờ anh ở lại giữ vườn nên nó mới còn, mình phải cảm ơn anh mới phải, anh có công giữ thì có quyền buôn bán, chứ trách móc nỗi gì?” Thoạt nghe qua bà có vẻ đồng ý, nhưng phải cần đến hai ngày bà mới quên hẳn chuyện này.

Chính vì vậy cho nên tôi tránh né giao du, thân hữu muốn thăm mẹ, cực chẳng đã không có cách nào từ chối tôi mới buộc lòng tiếp xúc. Vì vậy, cũng có người không hiểu nguyên do đã phàn nàn tôi về chuyện này. Nhân đây tôi xin chân thành xin lỗi quý thân hữu có lòng tốt muốn viếng thăm mẹ mà vì lý do khó giải thích đã ngăn trở họ toại nguyện.

Mùa đông năm nay giá lạnh quá, dịch cảm cúm tràn lan khắp miền Bắc Cali. Trừ tôi ra, cả nhà đều bị cúm, bệnh nặng nhất là nhà tôi, phần mẹ thì tương đối nhẹ, uống thuốc cảm hai ngày đã có vẻ sắp hết, chỉ còn chảy mũi sơ sài. Sinh hoạt của mẹ ngày 04.01.07 vẫn diễn tiến bình thường cho đến 04.00 giờ chiều, khi chuẩn bị cho bà ăn buổi lỡ (bữa ăn bổ túc giữa trưa và chiều), thì mới khám phá hơi thở của bà khò khè mệt nhọc. Dù được cả nhà xúm xích tận tình săn sóc, nhíp độ khó thở lại gia tăng, nên chúng tôi quyết định gọi xe cứu thương khẩn cấp đưa vào bệnh viện Sutter điều trị. Mẹ bị viêm phổi (pneumonia) cấp tính nặng nên ngộp thở, nguyên nhân vì hệ thống nuốt hoạt động không bình thường, thức ăn uống đi lạc vào cuống phổi mà sinh ra chứng viêm. Sau một tuần điều trị, bệnh viêm phổi hầu như chấm dứt, nhưng do phản ứng công phạt của trụ sinh, sức lực mẹ bị kiệt quệ không đi đứng được. Ngày 12.01.07 nhà thương chuyển mẹ sang trung tâm an dưỡng nhằm phục hồi khả năng đi đứng, và theo dõi hệ thống nuốt vẫn chưa hoạt động tốt, cần tuân theo chế độ ăn uống toàn chất sền sệt và xay thật nhuyễn. Mẹ ngày càng yếu không hồi phục nổi, trung tâm an dưỡng không giúp ích gì về phương diện trị liệu, nhưng họ cung cấp được tám nệm đặc biệt xoay

chuyển tự động, và toán trợ tá giúp mẹ thay đổi độ nằm, tránh tình trạng lở lưng và mông vì nằm bất động.

Thời gian này tuy phải nằm một chỗ nhưng mẹ chỉ khó thở hai ngày đầu nhập viện, ngoài ra, tuy sức khỏe từ từ khô kiệt như ngọn đèn cạn dầu, nhưng trí óc vẫn linh hoạt, vẫn vui tươi và “tếu” rất đúng lúc, và đặc biệt Niệm Phật tinh tấn và thiết tha hơn trước nhiều.

Khi đưa cháu hỏi :

- Con có mập không nội?, bà “tếu” liền :
- Mập gì đâu! Chỉ có thịt bọc xương thôi hà!
- Một người bạn của tôi viếng thăm, mời bà ăn bánh :
- Mời bác ăn một cái bánh cho vui!
- Bà cười dí dỏm đáp :
- Ăn mười cái mới vui, chớ ăn một cái chưa đủ vui đâu?

“Bà cụ có nụ cười dễ thương nhất trên đời!”, các cô y tá trợ tá đua nhau tán tụng bà như vậy. Mẹ không biết tiếng Mỹ, chỉ biết “I’m fine. Thank you”, vậy mà cũng đủ sức chinh phục mọi người, mấy mươi y trợ tá từng liên hệ với bà thương mến bà đã dành, các người làm việc nơi khác, nghe bạn bè kể chuyện bà cũng dẫn nhau tìm đến ngắm nhìn bà. Mẹ tôi xưa nay vẫn tươi vui, nhưng đạt được nụ cười dễ thương hồn nhiên tươi mát có sức thu hút mọi người có lẽ nhờ lòng thiết tha tinh tấn Niệm Phật, đã chuyển mình - duyên trần nhẹ hững nụ cười hồn nhiên - và cũng chuyển người - niềm thương yêu tràn ngập -.

Bà già gốc Mẽ 72 tuổi ở chung phòng không có phước như mẹ tôi, bị y trợ tá bỏ bê, tự múc ăn một mình đồ cháo tùm lum. Tôi chăm sóc cho mẹ, rảnh một chút, vội chạy đi chạy về đút cơm cho bà ta, giúp bà đỡ cô đơn buồn tủi và cũng đỡ đói nữa. Mẹ thương tình bảo chia thêm phần bánh ngọt và bánh ngũ cốc (cereal) của mẹ cho bà.

Có người ở chung phòng đôi khi cũng bất tiện, nhất là vào lúc mẹ con tôi đang Niệm Phật. Lần đó thân nhân họ đến cười nói ồn ào quá khiến mẹ bị phân tâm mãi, tôi liền nhắc nhở :

- Khi mình Niệm Phật thì chỉ lo Niệm Phật thôi, má đừng để ý chuyện người ta.

- Ủa! Niệm Phật thì không được lo ra phải không?

Chữ “không lo ra” nghiệm kỹ nghe thâm thía lắm, nó giản dị dễ hiểu làm sao, xài “nhất tâm bất loạn” cao siêu chi cho rắc rối. Từ đó, mỗi khi bà phân tâm, tôi chỉ nhắc bà “đừng lo ra” thì bà thúc liễm thân tâm tức khắc.

Một hôm bà kể chuyện chiêm bao thấy một sư cô lần chuỗi niệm “Nam mô Phật, nam mô Phật...” rồi thắc mắc chẳng biết niệm như vậy có đúng không? Tôi đáp :

Niệm Nam mô Phật thôi thì cũng tạm được, nhưng không rõ ràng không tốt bằng niệm đầy đủ “Nam mô A Di Đà Phật” vì ở đây mình nắm vững rõ ràng địa chỉ mình muốn đến để quyết lòng đi tới cùng, gặp người tốt giúp mình họ cũng nắm vững ý hướng mình để đưa tới nơi tới chốn. Còn Nam mô Phật ngắn có nghĩa mình chỉ muốn thoát khỏi thế giới này, nhưng chưa biết đi đâu về đâu thì ai giúp đỡ mình được.

Chừng một tuần sau, nhân khi tình nguyện lo cho nội thay tôi, thằng cháu rủ bà niệm Quan Thế Âm Bồ Tát, vị Bồ Tát mà cháu hằng kính ngưỡng. Mẹ phản đối tức khắc :

- Không đúng đâu. Ba con dặn chỉ niệm Nam mô A Di Đà Phật mà thôi!

Lúc sau này, tuy thỉnh thoảng tôi vẫn cẩn thận nhắc nhở bà “nhớ lời ước hẹn gặp nhau cõi Phật và Phật rước theo liền”, nhưng tôi hằng nghiêm mật quan sát bà, tôi hiểu tâm bà đã nhẹ tênh rồi, con cháu săn sóc thì sống vui với nó khi nó hiện diện, ngoài ra, chẳng vướng bận, chẳng màng chuyện đời nào cả. Có thể nói “Mẹ là lão thật, lòng dạ sáng trưng, tham sân si bỗng nhiên không còn hiện diện, tâm rỗng rang chẳng bận chuyện trần, nên Niệm Phật câu nào “chắc mèm” câu đó. Vì vậy, tuy mẹ chỉ mới bắt đầu Niệm Phật khoảng tám tháng nay, nhưng tôi thực sự tin tưởng rằng mẹ sẽ vãng sanh. Con đường vãng sanh của mẹ, tôi cảm tưởng mình thấy rất rõ, trong khi cá nhân tôi, dầu đã Niệm Phật mấy mươi năm, mà còn đa sự nhiễm trần, nên tôi nhận thấy vẫn còn mù mịt vô cùng, càng nghĩ kỹ càng lo sợ hãi hùng.

Tuần cuối cùng bà đột ngột bỏ ăn, nài nỉ lắm chỉ chịu uống sữa và gà hầm thuốc Bắc, rồi đến ngày 16, 17 tháng 05, thì chỉ còn uống sữa. Dù vậy, tinh thần bà vẫn minh mẫn, bà vẫn cố gắng Niệm Phật mười câu rồi nằm im lặng nghe tôi niệm tiếp, bà vẫn vui vẻ hỏi han cháu nội từ San Jose đến, cười đùa với mấy nữ trợ tá thăm hỏi bệnh tình. Sáng và trưa ngày 18, mẹ chỉ uống

sâm, than mệt lắm nhưng vẫn ráng mấp máy Niệm Phật đôi câu. Đến tối không còn nói nổi, chỉ có thể thấm sâm vào miệng bằng một que vải sốp (sponge-cloth) mà thôi, dù vậy, khi tôi ngồi cạnh Niệm Phật, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe thấy bà thì thào niệm theo. Đến 10.00 giờ tối thằng cháu đến thăm, thấm cho nội tí nước, nội vẫn nằm ngủ yên.

Khi tôi bước vào trung tâm vào khoảng 07.15 sáng ngày 19.05.07, dự định hỏi sơ bệnh tình mẹ thì cô trợ tá đã vui vẻ thông báo : “Bữa ăn sáng đã chuẩn bị sẵn sàng. Bà cụ đợi ông đó!”. Tôi hấp tấp bước vào phòng, mẹ đã được lau mặt, chảy đầu tươm tất, ngồi dựa trên giường nệm đã được thu dọn thẳng nếp, trước mặt là khay thức ăn đặt trên cái bàn di động nhỏ. Vừa nhìn mẹ tôi bỗng cảm giác là bà đã ra đi, tôi bước nhanh đến sát bên bà, nhận thấy bà như thanh thản nhắm mắt yên ngủ, sờ trán còn ấm nhưng hơi thở không còn nữa. Tôi bước ra ngoài điện thoại báo nhà tôi và con đến ngay, đoạn gọi cô trợ tá theo tôi vào quan sát mẹ. Cô trợ tá bối rối xin lỗi và quả quyết khi săn sóc mẹ tôi cùng với người bạn vào lúc 7 giờ sáng, mẹ vẫn bình thường – như vậy, thời điểm mẹ từ trần khoảng từ 7 giờ cho đến 7.15 giờ sáng mà thôi -. Cô chạy vội tìm hai y tá đến khám nghiệm chánh thức, cả hai kết luận mẹ qua đời. Tôi yêu cầu họ không quấy rầy chúng tôi trong tám giờ, và kéo màn che kín.

Tôi nhắc nhở mẹ :

- Thừa má! giờ này má khỏe má sung sướng không còn bị cái thân bệnh hoạn già nua làm bức mình khó chịu nữa rồi. Thế gian này xấu xa, ác độc, bệnh tật... toàn là khổ đau phải không má. Bởi vậy, mẹ con mình mới quyết định Niệm Phật để sanh về cõi Phật, nơi mình có thể vĩnh viễn sống an vui, hoàn toàn không có chuyện khổ. Bây giờ, má phải tiếp tục Niệm Phật hoài hoài, khi được Phật rước thì theo ngay, đừng chần chờ nhen. Giờ thì mẹ con mình cùng nhau Niệm Phật, không nên lo ra nhen má!

Tôi vắn máy Niệm Phật và nương theo khởi niệm. Trong tình huống đặc biệt này, tôi tự nhiên không cố gắng mà bao nhiêu chân tình dường như tập trung vào câu Niệm Phật, nên cảm thấy nhất tâm và tương giao cảm ứng với mẹ hơn bao giờ hết. Chừng nửa giờ thì nhà tôi và thằng út đến, rồi hai đứa con lớn từ San Jose lên hội nhập cùng nhau luân phiên hộ niệm không gián đoạn. Điều may mắn nhất là trong lúc bất thành linh, và vào thời điểm tăng ni các chùa đang chuẩn bị lễ Phật đản, mà khi con tôi đến chùa Phổ Minh thỉnh ni sư Như Phương đến hộ niệm, ni sư đã hoan hỷ đi ngay. Tháp tùng còn có ni

cô Như Hiệp, chùa Phật Tánh, Trà Ôn, Việt Nam vừa mới đặt chân đến Sacramento ngay chiều hôm trước.

Ni sư khai thị, ban pháp danh cho mẹ là Diệu Phước, rồi bắt đầu hướng dẫn Niệm Phật. Nhờ có hai sư cô tận lực tha thiết hộ niệm, uy lực câu Niệm Phật khởi sắc rõ rệt : hùng hậu và sâu xa hơn. Khi nhận thấy hai vị Niệm Phật liên tục hơn hai giờ đã mệt đuối, tôi cảm tạ và thỉnh hai vị về chùa nghỉ. Phần gia đình thì vẫn luân phiên hộ niệm đúng tám giờ, đến khi nhà quản Oak Hill, San Jose đến rước thi thể (3.15 giờ chiều) mới chấm dứt.

Sau tám giờ hộ niệm, theo ni sư Như Phương⁴ và nhận xét riêng tôi thì mặt mẹ vẫn tươi nhuận, lưỡi bà có phần tươi hơn⁵, và khi nhà quản cho bà nằm xuống để chuyển đi, thi thể vẫn mềm mại bình thường.

Vì thể lệ chôn cất tại Hoa Kỳ nghiêm ngặt, tang sự không thể tiến hành nhanh như tôi tưởng. Ngày thuận tiện và sớm nhất mà nhà quản chấp nhận được là ngày thứ sáu 25 tháng 05. Trong thời gian sáu ngày chờ đợi này, hằng ngày trước bàn thờ bà, tôi vẫn “động viên” mẹ : “Má ơi! Giờ này dù má đã hay đang về cõi Phật, xin má thương con tiếp tục Niệm Phật nhen má. Má Niệm Phật cho má mà cũng Niệm Phật để ủng hộ con nữa, thì mới mong mẹ con mình cùng sanh về cõi Phật!”.

Trong khi thở thở với bà, vào ngày thứ hai sau khi bà lìa đời, tôi bỗng cảm ứng ra một bài kệ nô nôm na, mà bạn đọc có thể đánh giá như là một bài thơ con cóc ngô nghê. Riêng tôi khi đọc tụng bài kệ này, tôi cảm thấy lòng mình ấm áp, tràn ngập thương yêu và niềm tin, nên xin ghi lại để cống hiến quý đọc giả :

Má thương con thì má Niệm Phật
Con thương má thì con Niệm Phật
Mẹ con mình đồng Niệm Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật ⁶

Đến ngày 25 tháng 05 thi thể mẹ được chuyển ra phòng tang lễ Phong Lan (Orchid chapel), mặc áo dài Việt Nam, vẻ mặt tươi vui, nhưng kém đi phần thanh thản. Sau đó, bắt đầu chánh thức tổ chức lễ phát tang lúc 10 giờ và tiếp theo là phần thăm viếng của quý thân hữu. Mục thăm viếng kéo dài đến ngày hôm sau, và kết thúc với lễ an táng, di quan và hạ huyệt. Mọi việc đều tiến

hành thuận lợi và rất tốt đẹp, đúng theo nghi lễ Phật giáo, dù với vài trở ngại không đến nỗi quá đáng phát xuất từ sự bất mãn của cô em đạo Tin Lành. Thượng Tọa Pháp Chơn và chư tăng chùa Liễu Quán chủ trì hai nghi lễ chánh thức phát tang và an táng rất tươm tất, trang nghiêm, phần khai thị thâm trầm nghĩa lý cao xa mang nhiều lợi lạc cho mọi người. Thân hữu tham dự khá đông, và tràng hoa đẹp thi đua tràn ngập chật nít cả gian phòng hành lễ.

Đặc biệt nhất là tràng hoa của nhóm Trí Đức liên hữu, hoa lá kết thành một đài sen, với hai hàng chữ : “Kính dâng hương linh cụ”, và “Nguyện hương linh an vui miền Tịnh Thổ”. Mẹ tôi vốn thâm nhập giáo lý vô thường, sống vui mà chết cũng vui, nên tôi không buồn, huống chi, tôi có niềm tin mãnh liệt rằng bà đã đởi nghiệp vãng sanh nên lòng vô cùng hoan hỷ. Do đó, khi gởi cáo phó đến thân hữu, tôi đã viết là “trần trọng thông báo”, chớ không là “khấp báo” hay “vô cùng thương tiếc báo tin buồn...” Tôi chân thành cảm tạ tất cả thân hữu đã có lời chia buồn, nhưng thành thật mà nói, chỉ riêng nhóm Trí Đức Liên Hữu không chia buồn mới đúng là bậc tri âm, hiểu rõ tâm canng tôi, khiến tôi vô cùng cảm kích. Chiều thứ sáu, thượng tọa Thiên Phước đưa nhóm Trí Đức Liên Hữu đến tụng niệm tiễn đưa mẹ tôi. Thầy là vị đạo đức tăng tu hành nghiêm mật tôi vô cùng kính trọng, nhưng vì quá bận rộn chuyện nhà, tôi chỉ hân hạnh diện kiến thầy một lần, nên thật tình không dám ước mơ mời thầy, không ngờ thầy ưu ái đến chủ lễ. Thầy nghiêm cẩn dạy tôi : “Giờ này cụ đã về cõi Phật rồi, nhưng mình vẫn hành lễ cho cụ”. Nhóm Trí Đức được vị minh sư dìu dắt đã lâu, kỹ thuật hợp tán tụng nhịp nhàng, nên nghi thức “nghi thiết lâm sàng” do thầy chủ lễ vừa trang nghiêm vừa sinh động. Tôi chỉ mừng tượng như lời duy nguyện :

Thần về an dưỡng
Nghệp xả trần lao
Sen khai chín phẩm bay cao
Phật thụ nhất thừa quả mãn...”⁷

có điểm đặc biệt nhưng vốn kém hiểu biết về lễ nghi nên không hiểu ra.

Sau đó, tôi được một liên hữu giải thích rằng ngay sau khi nghe tin mẹ tôi từ trần thầy đã chỉ dạy ghi lời chúc là “an vui miền Tịnh Thổ” vì mẹ tôi đã được vãng sanh rồi, cũng chính vì cảm nhận này, thầy đã hướng dẫn nghi lễ khác hơn bất cứ tang ma nào khác anh đã dự, đặc biệt thầy đã xưng duy nguyện 3 là phần anh tự hỏi chẳng biết có phải thầy đã coi cụ như là một tăng sĩ chăng?

Câu hỏi đó chính là điều mà tôi cũng phân vân. Mẹ tôi chỉ đi chùa khi còn bé thơ, không có điều kiện nào học Phật, nhưng bỗng nhiên bà hiểu giáo lý khổ, lý vô thường tường tận, biết sống an vui trong hiện tại... và vừa bắt đầu Niệm Phật cũng vững vàng tha thiết. Tôi nghĩ có lẽ mẹ kiếp trước nếu không là tu sĩ thì cũng là cư sĩ dày công tu học, đến kiếp này tuy phải vòng vo trả nghiệp, nhưng công đức tu tập tiền kiếp đã đến lúc thành thực, nên mới vừa thoát quày đầu là đã về cõi Phật. Thật ra, dù tích trữ được thiện nghiệp cỡ nào cũng không thể nào tự nhiên quày đầu được nếu không có sự gia bị nhiệm màu của Chư Phật, Chư Bồ Tát. Bao năm qua, tôi đã không làm nên trò trống gì cả, tôi quá nản lòng vì bất lực chẳng chuyển hóa được mẹ, rồi tôi chỉ biết chân thành Niệm Phật, phó thác tất cả cho Đức Phật A Di Đà lo liệu. Thế rồi, tất cả đã thay đổi một cách tuyệt vời và vô cùng hy hữu, mà cá nhân tôi chỉ có thể phủ phục đánh lễ chư Phật xưng tán “Phật lực nhiệm màu bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả thuyết...”

Sacramento, ngày 17.06.2007

---o0o---

Liễu Tú Uyên

Điều hành Sở kiều lộ thành phố Thượng Hải là nhiệm vụ khá gian nan: đường xá hư hỏng liên miên, phương tiện eo hẹp, mà sửa sang chậm trễ là bị kêu rêu, khiếu nại, báo chí bươi móc la ó, thượng cấp xỉ vả, do đó, suốt ngày Lương Quân chỉ vùi đầu vào đồng hồ sơ cao nghệu trên bàn, đặt kế hoạch, phân phối công tác, rồi theo dõi các toán kiều lộ thi công. Vào những ngày cuối năm, nhân viên rộn ràng chuẩn bị đón Xuân lơ là công tác, dù chàng cố gắng thúc đẩy, họ cũng ù lì ra, thành thử chàng bất ngờ có những giờ phút nhàn hạ. Quân vội vã đến khu phố hàng hóa Âu Mỹ, nối đuôi theo đám khách hàng sang trọng, ngắm nghía từng món hàng đắt giá, để chọn lựa một món quà đặc biệt cho Tú Uyên, nhưng cân nhắc mãi vẫn chưa tìm được thứ nào vừa ý. Đang thất vọng, Quân chợt thấy quán trà Thái Hưng, chàng nghĩ đến một bộ trà quý, loại đối ẩm cổ kính chưng bày trong tủ, vội vào tiệm đặt mua, dặn gói thật đẹp làm quà tặng đặc biệt. Trong khi chờ đợi, chàng chọn một cái bàn con nhâm nhi ngậm trà, lơ đãng nhìn khách dập dìu trước cửa. Chợt Quân thấy ba chàng trai mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao ồn ào xô cửa bước vào trà gia, bọn họ : Ngọc, Tài và Ngân đều là bạn đồng liêu, là những viên chức chánh quyền cao cấp trong tỉnh Thượng Hải,

Quân đã có thời giao du mật thiết với họ, nên chàng đành hờn hờ chạy đến chào đón, mời họ ngồi chung bàn đối ẩm. Chưa kịp kéo ghế ngồi, thì Tài đã trách móc:

- Độ rày, Lương huynh bỏ bê anh em quá! Lần nào rủ anh đi nhậu anh cũng tìm lý do né tránh cả! Anh lơ là với bè bạn quá!

- Đường xá hư hỏng liên miên, công việc bù đầu các anh ạ!
Ngọc châm chọc:

- Bận việc! Hay bận rộn với người đẹp a Lương huynh? Anh từ chối đi nhậu với bạn bè, giờ này lên đến trà gia chắc có hẹn hò với ai phải không?
Quân đáp ứng:

- Không! Không! Tôi... tôi buồn tình đi lang thang, chợt ghé vào đây nhâm nhi tách trà nhìn thiên hạ sắm Tết vậy thôi, chớ nào có hẹn ai!

Đúng lúc đó, người quản lý mang thùng quà gói tươm tất trao cho chàng. Tài và Ngân nhao nhao chất vấn:

- Món quà gì đặc biệt vậy? Giá cả bao nhiêu lận? Anh mua tặng cho thượng cấp hả?

Lương Quân còn đang ngập ngừng, thì Ngọc bỗng hóm hỉnh:

- Quà tặng cho Tiết cô nương phải không Lương huynh?

Quân không quen nói dối, nên đành từ tốn thú thật:

- Vâng! món quà này tôi dự định tặng nàng, và đây chỉ là một bộ bình trà tầm thường mà thôi.

- Ha! ha! - Ngân lè nhè lên tiếng - nghe thiên hạ đồn, người đẹp chỉ thu nhận toàn đồ vật trị giá ngàn vàng, vòng ngọc, kim cương lấp lánh, chứ còn thứ quà kém giá trị như thế này thì... hì!hì! chắc nàng vất ngay vào sọt rác quá!
Quân hơi nóng mặt, nhưng vẫn nhẫn nhịn:

- Tôi nghèo! Khả năng chỉ có chừng đó, nếu nàng chê thì đành chịu chớ biết làm sao bây giờ!

Ngọc ranh mãnh lên tiếng:

- Coi bộ anh Ngân chẳng hiểu biết tí nào cả! Lương huynh nhà ta là nhân vật đặc biệt của người đẹp anh ạ! Món quà nào của Lương huynh nàng chẳng nâng niu quý trọng!

Tài và Ngân đồng trở mắt kinh ngạc lên tiếng:

- Thật thế à! Thật thế à!

- Úi chu choa! Chuyện động trời trong giới ăn chơi thượng lưu, không lẽ hai anh lại mù tịt sao?

Quân lúng túng phát tay cản ngăn Ngọc kể chuyện riêng tư của mình, nhưng chàng ta phớt lờ như chẳng hiểu, cứ tiếp tục ngoác mồm ồm ồm phát ngôn bừa bãi:

- Nè! Đừng thấy Lương huynh lù khù mà lầm nhé! Lù khù vác cái... khu... chạy ngò ngò đó nhen!

Đoạn, hấn chăm chăm nhìn Quân, rồi gặng giọng vặn hỏi:

- Nghe nói từ ngày Tiết nương hội ngộ với Lương huynh, nàng mê mệt anh nên đóng kín cửa chẳng còn giao thiệp với ai nữa phải không?

- Đời tư của nàng ra sao tôi không tò mò tìm hiểu, nên việc nàng còn giao thiệp hay ngưng giao thiệp với bất cứ người nào tôi cũng không hề lưu ý. Riêng phần tôi, xưa nay chúng tôi vốn là bạn học thân tình, tình cảm bạn bè vẫn bình thường giữ nguyên như vậy không có gì là đặc biệt cả!

Ngọc ngạo mạn cười hô hô, rồi ra giọng bỗ báng:

- Thật vậy sao? Vậy mà, thiên hạ lại đồn rằng “Người đẹp mê tít Lương Quân, nên kể từ khi nàng gặp chàng thì nàng đóng cửa chẳng còn giao thiệp với một ai nữa! Nàng còn cơm nước hầu hạ chàng mới ”ghê” chứ! Hà! Hà! Người ta cũng kháo rằng : “Lương Quân xuất ngoại học được “tài nghề phòng the” gì kỳ đặc hơn người, nên mới được nàng biệt đãi như vậy!”

Chàng vốn hiền lành thường bị bạn bè “bắt nạt”, dẫu họ châm chọc quá trớn như thế nào cũng nhẫn nhịn, không ngờ lần này, Ngọc lại đùng chạm đến Liễu Uyên mới khiến Quân nổi giận bùng bùng không kiềm hãm được,

chàng hùng hổ hét lớn : “Đồ ăn nói mát dạy!”, rồi chàng thộp ngực Ngọc, cung tay định đập vỡ cái mặt đều giả của hắn. Ngọc to mồm nhưng rất nhát gan, trước phản ứng dữ dội của Quân, hắn chỉ biết co rúm người lại, cuống quýt van xin:

- Xin lỗi! Cho tôi xin lỗi! Tôi chỉ nói giỡn cho vui thôi, xin anh đừng giận!
Tài và Ngân vội vã chen vào can ngăn, họ đồng khuyên giải Quân giảm cơn thịnh nộ buông tha cho Ngọc, khiến chàng nguôi ngoai dần, nói lỏng bàn tay. Ngọc vượt thoát, lấm lét thụt lùi ra xa, rồi lủi đi một nước.

Đúng ra, Liễu tú Uyên luôn luôn vẫn chỉ là cô em hàng xóm bé nhỏ của Quân. Cả hai cùng sinh trưởng tại một xóm rẫy tại một vùng quê hẻo lánh thuộc huyện Ôn Châu. Thời xa xưa ấy, nhà nghèo ở kề cận nhau, hai bà mẹ góa chồng phải quần quật làm lụng mưu sinh suốt ngày ở rẻo đất cao trên đồi, bỏ mặc cho đám trẻ con ở nhà tùy tiện nương tựa nhau lầy lắt sống còn. Ở tuổi lên sáu, Quân đã phải giữ thằng em trai tên Sĩ bốn tuổi, và đầu chỉ lớn hơn bé Uyên mười một tháng, mà Quân vẫn được mẹ của bé tin tưởng gửi gắm trông chừng. Đói thì Quân lục cơm nguội cho chúng ăn, nếu còn cá muối hôm trước để dành thì tuyệt vời, nếu không thì đã có tiêu chuẩn thường nhật: nước tương, củ cải xấy, kèm theo cà dưa sau hè nếu có. No đủ rồi thì Quân ễnh người sóc nách bông em, tay kia dắt díu con bé hàng xóm, đưa nhau ra cánh đồng cỏ trước nhà lăn lóc nô đùa: chạy nhảy tung tăng, rượt đuổi chuồn chuồn, bướm bướm, hái những đóa hoa dại, đôi khi Quân may mắn hái được những trái nhãn lồng chua chua ngọt ngọt, chia nhau ăn như bữa tiệc linh đình. Gợi nhớ nhất là vào những cơn mưa rào ngày hè, ba đứa trẻ mặc tình thỏa thích tắm mưa, sau đó lại còn được tự do vọc nước, vọc sinh đã đời. Có lần Quân cao hứng móc đất nắn thành những con gà vịt heo bò... xinh xắn khiến cho bé Uyên cứ xăm xoi mãi và khâm phục “quá trời”. Mấy năm sau, Quân lại phải dắt díu con bé đi học trường làng, nắn nót kèm dạy Uyên từng nét chữ, từng câu văn, từng bài toán, thân thương nhau như anh em ruột rà.

Lên trung học Ôn Châu, Quân cũng hồn nhiên tiếp tục kề cận chăm sóc cô hàng xóm như ngày còn nhỏ bé, dù nay “nàng” đã nhớn như tươi thắm theo lứa tuổi xuân thì. Một hôm Quân vô tình nghe hai bà mẹ về mặt nghiêm trọng đang bí mật thầm thì với nhau, tuy chàng chỉ loáng thoáng nghe: “Ồ!Ồ! Mình phải giữ kín, chớ tui nó ra trường mới tính!..” “Ồ! Thì màn liền chớ sao...?”, nhưng khi thấy ánh mắt hai bà hướng về chàng với nụ cười hề hả, Quân liền đoán ra âm mưu của hai bà, chàng giả vờ như không nghe thấy gì dẫu trong lòng bỗng sôi sục cơn vui bất tận. Từ dạo đó, trước mặt con bé mà

bao năm chàng tự tại rày la rãn dạy, Quân bỗng mắt về tự nhiên, trở nên dè dặt nói năng lúng túng, lén lút ngắm nhìn, rồi bâng khuâng dẹt mộng, trong khi con bé chẳng biết gì, vẫn thơ ngây đùa giỡn, nhong nhánh vôi vỉnh, đôi khi còn thân mật cấu véo, nắm tay nắm chân ông anh chẳng chút thẹn thùng. Một chiều nọ, song đôi rảo bước trên con đường làng, Quân chỉ cây liễu xanh tươi, lúng túng lên tiếng: “Anh yêu thích bóng liễu rữ vô cùng, sau này, anh sẽ trồng cây liễu sau nhà, mặc tình chăm sóc và ngắm nghía cho thỏa!” Quân áp ủ môi tình tha thiết, nghiền ngẫm một lời nhắn gửi, đợi chờ mãi mới có cơ hội trao nàng, ngờ đâu Liễu Uyên ơ hờ chẳng chút lưu tâm. Nàng đồng đành chu miệng: “Liễu rữ buồn thấy mờ à! Em chỉ thích cánh hoa đào rục rờ bay lác đác theo ngọn gió chiều mà thôi!” Sau một thoáng hụt hẫng bề bàng, Quân gượng gạo nói vớt vát: “Cũng được thôi, nếu em thích đào, thì anh sẽ trồng đào, chăm sóc đào anh cũng vui lắm!” Thế nhưng, Uyên đang phóng tầm mắt đuổi theo cánh nhạn bay chập chờn trên khoảng trời xa, nào có chú ý lắng nghe đâu mà thấu rõ lòng chàng. Nàng vẫn thơ ngây hời hợt như vậy đó!

Nhờ học hành xuất sắc Quân được học bổng toàn phần ngành kỹ sư công chánh thuộc Viện Đại Học Thượng Hải. Thân phận sinh viên nghèo, chàng đã phải gánh chịu bao gian khổ trong chuỗi ngày tập tễnh chen chân tìm đất sống chốn thị thành. Thương cảnh bần chạt của gia đình, Quân không nỡ để mẹ già hi sinh đỡ đàn gì cả, chỉ ráng tự xoay xở sống còn bằng mớ tiền học bổng đôi rách mà thôi.

Được nhận vào ký túc xá sinh viên đỡ khoảng tiền thuê phòng trọ, nhưng thời gian đầu có những chi phí đột xuất chẳng thể vay mượn ai được, chàng chới với tưởng chừng phải bỏ học. May là nhờ có người bạn thân hiểu rõ hoàn cảnh bi đát này, giới thiệu chàng làm công bán thời cho tiệm bách hóa gần trường, nên những khó khăn tài chánh cuối cùng rồi cũng trôi qua. Chỉ trong thời gian ngắn, Quân tạm sống ổn định, rồi còn có thể tiện tặn gửi chút đỉnh tiền giúp đỡ gia đình, kèm theo một phần quà nho nhỏ cho cô em hàng xóm nữa.

Hai năm sau đến lượt Uyên tốt nghiệp trung học. Nàng có năng khiếu về văn chương thi phú, nhưng chỉ vào hạng khá về khoa học nên cơ hội được nhận vào đại học với học bổng rất mong manh. Tuy nhiên, hai năm miệt mài trên ngưỡng cửa đại học giúp Quân hiểu biết ít nhiều về các thể thức và ngõ ngách khác nhau để xin trợ cấp. Bây giờ, Hội Phụ Nữ Thượng Hải vừa thành lập, đang phát động phong trào vận động nam nữ bình quyền, cổ súy nữ giới tự giải phóng khỏi tháp ngà gia tộc cổ lỗ, nâng cao trình độ học thức bằng

mọi giá. Dĩ nhiên, là Hội cũng khuyến khích giúp đỡ nữ sinh các cấp theo đuổi việc học hành, nhờ vậy khi Quân gỡ đúng cửa, nạp đơn cho Uyên, nàng được cấp ngay một học bổng cho ngành sinh ngữ, đại học Văn Khoa. Học bổng này so ra có phần ưu đãi hơn học bổng quốc gia của chàng nhiều.

Khi nàng còn ở quê, Quân ngày đêm nhung nhớ mong chờ nàng sớm nhập học để tiện thăm nom gần gũi. Khi Uyên bước vào phân khoa văn học, thấy cả đội ngũ sinh viên đẹp trai, sang trọng tranh nhau chào đón tán tỉnh nàng, Quân mới choáng váng âu lo trước bao cạm bẫy đang rình rập nàng. Phân Uyên thì lúc nào cũng vô tư lự như con chim sơn ca, nhảy nhót lú lo. Nàng đã có ông anh chu đáo bảo vệ, thì có điều gì cần phải nghi ngại lưu tâm nữa. Cuối tuần, Quân thường đến nữ ký túc xá mang cho nàng vài nhu yếu phẩm cần thiết, rồi đưa nàng đi đây đó trong thành phố, thường thì rủ nhau xem một suất hát, hay lông nhông đi bát phố lướt mắt nhìn thiên hạ dập dìu. Một hôm, bổng Tú Uyên hứng chí đòi viếng chùa lễ Phật. Quân đề nghị viếng chùa nào nàng cũng lắc đầu, cuối cùng mới khám phá ra rằng nàng nghe bạn bè trầm trồ về màu sắc tuyệt vời của pho tượng cẩm thạch chùa Ngọc Phật⁸ nên muốn xem cho biết.

Tú Uyên vốn là cô bé háo động lăng xăng, nào ngờ khi bước vào cửa chùa lại ra vẻ rất nghiêm trang chững chạc, nàng chân thành lễ Phật rồi lặng yên chiêm ngưỡng pho tượng ngọc thạch diệu tướng trang nghiêm mãi, khiến nhóm thiện tín vừa tục tục bước vào chánh điện lộ vẻ bất bình. Quân mấy lần nhắc nàng dời bước, nhưng dường như nàng đang ngơ ngẩn xuất thần, chẳng nghe thấy gì cả, miệng lầm bầm “đẹp quá! đẹp quá!” Chợt xuất phát từ đám đông xúm xít phía sau, có tiếng nửa đùa vui nửa nghiêm túc vắn hỏi: “Phật đẹp hay ngọc đẹp? Ngọc tan vỡ thì tượng Phật ra sao? vẫn còn đẹp chứ?” Uyên lí nhí đáp như một phản ứng: “không! dĩ nhiên chẳng đẹp tí nào!” rồi nàng dáo dác nhìn đám đông dò tìm xem ai vừa lên tiếng, nhưng chẳng thấy người nào tỏ vẻ gì khác lạ cả. Độ chùng kẻ vô danh nào, vì bực mình nàng đã độc chiếm vị trí lễ bái khá lâu cản trở họ nên đã buông lời phê phán, Tú Uyên bèn lén lui nhanh khỏi chánh điện.

Chẳng ngờ, giọng nói lúc này vẫn tiếp tục đuổi theo nàng: “Ngọc Phật cũng là sắc, sắc tức là không. Hà! hà! nếu chưa thấy ngọc tượng là không, thì làm sao thấy được Phật, a cô nương?” Giọng nói lần này có phần ngạo nghễ cười cợt, và dù thanh âm phát ra rất rõ mà Quân và Uyên đều chẳng truy tìm ra ai, quả là chuyện bói rôi và khó hiểu vô cùng.

Mấy tuần sau, trong khi đang chạy nhảy đuổi theo đàn bướm chập chờn quanh mấy khóm phong lan lủng lẳng bám trên những cành cây ngân hạnh ngoằn ngoèo tại khu cô thụ Vườn Bách Thảo, Uyên suýt đụng ngã giá vẽ bức tranh phong cảnh dở dang của người lạ, một nghệ sĩ phong trần, với mái tóc bông bênh và chiếc áo khoác bạc màu, dường như chẳng chút lưu tâm. Uyên áp úng xin lỗi, nhưng anh chàng họa sĩ đang chăm chỉ pha trộn một ánh hồng cho nền trời xanh vẫn đứng đưng. Chàng ta ngắm nghía áng mây trôi lơ lửng, rồi gật gù một mình “đẹp quá! đẹp quá!” Thật là lạ lùng, chàng họa sĩ sao có giọng nói tương tự như kẻ vô danh đã “dạy đời” Uyên tại chùa Ngọc Phật ngày trước. Uyên liếc mắt dò hỏi Quân, Quân cũng nghi nghi, nhưng sợ nàng “hỏi cho ra lẽ” sanh phiền phức nên ra dấu ngăn cản, nhưng Uyên không nhận được, nàng cất tiếng châm chọc:

-Mây đẹp hay trời đẹp! nếu mây tan hay mây đen kéo đến thì liệu trời còn đẹp không?

Chẳng ngoảnh mặt nhìn kẻ đối thoại, hấn lùng khùng đáp :

- Dĩ nhiên vẫn đẹp lắm chứ!

Đáng lẽ, theo phản ứng của Uyên thì nàng phải “phang” liền : “Ừa! vậy mà nãy giờ tôi tưởng ông câm và điếc chứ!”, nhưng đến lúc này thì chàng họa sĩ đột ngột quay mặt nhìn lại, khiến Uyên bỗng bàng hoàng xao xuyến cả tâm can. Anh chàng này chỉ có đôi mắt sâu sâu thu hút, ngoài ra chỉ khôi ngô ở mức trên trung bình, nhưng cái dáng dấp dày dặn phong sương gàn gàn bất cần đời của hấn, tạo cho Uyên cảm giác như đã quen thuộc với anh ta tự bao giờ. “Chắc mình đã từng gặp anh ta rồi mà, không ở kiếp này, thì cũng ở kiếp xa xưa nào đó?”, Uyên thầm nghĩ. Nàng đang chìm đắm trong suy tư, chưa biết phải đối đáp với hấn ra sao thì hấn đã man man nói tiếp:

- Với tôi, thì hoa nở rồi hoa tàn, trời quang đãng rồi trời mưa bão, mỗi sát na thay đổi là một nhiệm màu và đều thể hiện vẻ đẹp vô song của nó cô ạ!

Uyên bắt bẻ:

- Mỗi vật mỗi thời đều đẹp, vậy sao ông không quăng cọ đi, bày đặt vẽ tô chi cho phí công!

- Cô nói đúng lắm! Đáng lẽ tôi nên bỏ cái nghiệp vẽ nhố nhăng này cho rồi. Vạn vật vô thường biến đổi sống động từng sát na, mà khả năng tôi thì hạn

hẹp, thường thường khi phóng bút ra bắt quá tôi chỉ phát họa được vài nét cứng động chết ngắt mà thôi.

Uyên mát mẻ:

- Chà! thì ra họa sĩ cũng có những bức tranh thiên thu sống động vượt qua không gian và thời gian chẳng?

- Không dám! không dám!

Họa sĩ mỉm cười, mở cuộn vải chọn một bức tranh trao cho Uyên, rồi tiếp lời:

- Tôi đã mang tâm huyết ra mô tả lòng chí thành cô gái trước Phật đài nhưng chỉ đạt được đôi phần, hi vọng có kẻ thâm nhập vào tranh và cảm nhận được mỗi tâm thành vô ngôn kiếp kiếp bất tận này... Và nếu như cô thích thưởng thức, thì xin tự nhiên giữ lấy nó.

Tranh chuyên chở nỗi tâm thành kiếp kiếp dĩ nhiên là chuyện huyền hoặc khó tin, nhưng nét vẽ người con gái trong tranh thanh thoát trang nghiêm lễ Phật quả thật rất tuyệt vời. Tuyệt vời nhất là người con gái đó lại là Uyên trong phút giây xuất thần lễ bái tại chùa Ngọc Phật. Uyên xúc động nghẹn ngào ngắm nhìn mãi bức tranh, lấp bắp từng tiếng rì rào:

- Tôi... tôi... tôi... xin cảm.. cảm ơn Ông... ông...

- Tên tôi là Thế Như, họ Trần. Rất hân hạnh được quen biết với cô. – chàng họa sĩ đỡ lời

Sau phút giây xúc động dâng tràn, Uyên bình tĩnh lại, nhanh nhẩu lên tiếng :

- Tôi cũng xin trân trọng giới thiệu: anh họ tôi là Lương Quân và tôi là Liễu tú Uyên, chúng tôi cũng vinh hạnh được quen biết Trần tiên sinh. Và lần nữa tôi xin chân thành cảm tạ tiên sinh về quà tặng vô giá này...

Uyên lẩn xả theo Thế Như chẳng khác chiếc lá rời cành rồi rít cuốn theo con trốt mù mịt. Nàng cũng hội nhập ngay cái nếp sống bất cần đời, với lối lý luận ương gàn “triết lý dõm” của Thế Như. Anh ta tán tụng thiên nhiên, thích chăm sóc cỏ cây, tôn trọng sự sống mọi loài thì Uyên cũng a tòng theo thương yêu loài vật không nở sát sanh... Cuối tuần nào Thế Như cũng đề ra

những chuyến du ngoạn leo đồi, vượt suối, bơi thuyền, hành hương tự viện... và dĩ nhiên luôn luôn được Tú Uyên nhiệt tình hưởng ứng. Quân cũng gắng gượng tham gia vài chuyến, nhưng giao thiệp dài lâu càng thấy “họ” khấn khít nhau xón xang quá, nhất là nhận thấy tính tình không phù hợp với Thế Như nên chàng né tránh lần. Mà càng né tránh, thì sự thật phũ phàng chịu “thua cuộc” càng rõ rệt hơn khiến Lương Quân đau khổ tột cùng. Giả thử chàng vượt mặt nàng vào tay một người xứng đáng có sự nghiệp vững chắc tương lai huy hoàng có khả năng tạo dựng hạnh phúc cho nàng thì nỗi xót xa còn nhỏ, nhưng không đủ sức ngăn cản để cho nàng rơi vào tay của kẻ ương gàn vô tích sự không nghề nghiệp chẳng chút tương lai, mới là nỗi khổ đau khôn nguôi dần vật tâm can chàng. Lương Quân ngại mang tiếng dèm siểm kẻ vắng mặt để cạnh tranh người đẹp nên chàng chỉ thường xuyên nhắc nhở Uyên cẩn thận giao du, tìm hiểu lý lịch gốc gác người ta, chọn người yêu phải nghĩ đến tư cách và tương lai sự nghiệp người đó có đủ bảo đảm hạnh phúc gia đình mai hậu không? Thế nhưng nàng theo học thuyết bất cần đời, dám bỏ học theo chàng họa sĩ đi Tô Châu để chỉ nghe một tiếng chuông Hàn sơn⁹, thì chẳng lời khuyên nào đáng được nàng lưu tâm cả.

Để tránh tiếp cận với cảnh trái tai gai mắt, Quân quyết định trốn chạy đi thật xa. Chàng vận động xin được một học bổng cao học tại San Francisco, Hoa Kỳ rồi rời nước ngay sau khi vừa tốt nghiệp.

Du học sinh xứ người, sinh sống chật vật, học hành thi cử bù đầu, nên mỗi tình si dần vật người ngoại dân. Mấy tháng sau Quân lại mất liên lạc với Uyên, tin tức về nàng mù tịt, nên sau này thỉnh thoảng nhớ đến Uyên chàng cũng chỉ có thể hướng về đất nước thân yêu của mình với chút ngậm ngùi. Cũng may là ở San Francisco có nhiều người Hoa tụ tập về sinh sống, nên chỉ trong một thời gian ngắn, chàng được cộng đồng nhỏ người Tiểu Châu khám phá, họ tranh nhau níu kéo chàng về nhà tiếp đãi như bà con ruột rà. Họ gói ghém tình cảm hoài hương mặn nồng trong tô canh cải, tô hủ tiếu, viên há cẩu, viên xíu mại... nâng niu trao cho chàng, nhờ vậy Quân cũng cảm thấy vui bớt nỗi cô đơn lạc lõng ở xứ người.

Sau khi tốt nghiệp, Quân hồi hương rồi được phối trí đặc trách ngành kiều lộ thành phố Thượng Hải, một chức vụ béo bở mà bao kẻ ước mơ. Tuy nhiên, đối với người có tư cách như Quân thì trách vụ này nặng nề, công việc ngập lụt đầu mà đồng lương công chức giới hạn, nên chàng chỉ biết an phận sống tằn tiện, chớ chẳng dám giao du hào phóng như các bạn đồng liêu.

Quân bắt đầu dò tìm tin tức của nàng trong nhóm bạn sinh viên ngày xưa, hầu hết tiết lộ chỉ nghe tin đồn rằng người yêu họa sĩ của nàng lâm bạo bệnh

lìa đời khiến nàng thất chí bỏ học, rồi sau đó biệt dạng chẳng còn ai nghe tung tích gì nữa. Mẹ Quân đã xa lìa quê cũ, dọn về ở với Sĩ, đưa con Út đang giữ chức vụ phụ tá Phòng Kinh Tế huyện Ôn Châu. Nhân chuyến về huyện lý thăm gia đình, Quân cũng muốn ghé thôn xóm cũ thăm mẹ Uyên dò hỏi tin tức của nàng, nhưng Quân ngần ngại rồi đổi ý khi nghe chú em kể rằng bà cụ có lần trách móc chàng đã ham du học xa bỏ bê con gái bà bỏ vợ chôn thị thành. Nhiều tháng trôi qua, một hôm Quân ép lòng tham dự buổi tiệc sang trọng khoản đãi giới công chức cao cấp thành phố, thờ ơ nghe nhóm bạn đồng liêu tranh nhau khá chuyện, ai cũng muốn chứng tỏ mình là tay sành sỏi nhất trong giới ăn chơi. Câu chuyện xoay quanh kỳ nữ Tiết nương, một giai nhân nổi tiếng về nhan sắc tuyệt trần, văn tài xuất chúng, kỹ thuật cầm ca cũng điêu luyện hơn người... Nàng là thần tượng bậc nhất của tao nhân mặc khách đương thời, nhiều kẻ, đã bỏ ra hàng mươi lượng vàng chỉ mong hội kiến nàng một lần, nghe nàng ngâm một bài thơ Đường, ngắm nàng đàn ca khúc nhạc trữ tình... cũng đủ mãn nguyện rồi, cũng được tiếng là khách phong lưu tao nhã, bởi lẽ biết bao kẻ mang vàng chất đầy mâm dâng hiến bị nàng chê là hạng phàm phu tục tử chẳng xứng đáng giao du.

- Hà! Hà! Các anh dám tin không? Tôi không tốn đồng nào mà vẫn hân hạnh được nghe người đẹp ca ngâm đấy! – một anh chàng hơi trọng tuổi hơn hờ khoe vang – Đám trẻ tuổi nhao nhao phản đối:

- Bác nói giỡn chắc!

- Chuyện coi bộ khó tin quá!

- Ấy! khó tin mà có thật các cậu ạ! Ngày 14 tháng 7 vừa qua, tôi may mắn được mời dự lễ Độc Lập do Tòa Lãnh sự Pháp khoản đãi. Không ngờ họ mời được nàng. Lúc đó, hội trường đang ồn ào, bỗng lặng yên phăng phắc khi thấy bóng nàng xuất hiện. Nàng đẹp như Tiên giáng trần, khoan thai vẫy tay chào thính giả, rồi bắt đầu thánh thót ngâm bài Đường thi “Tiễn bạn” bằng tiếng Hoa lẫn tiếng Pháp:

Sương đêm ướt cỏ bên hồ
Trăng khuya lạnh lẽo núi mờ mờ xanh
Người rằng biên ải xa xăm
Thì xin được gửi theo chân mộng hồn¹⁰

Sau đó, nàng gảy đàn, cất tiếng oanh vàng hát líu lo bản nhạc “La Parisienne”, cũng bằng cả hai ngôn ngữ. Nghe có kẻ ái mộ xầm xì rằng nàng

vốn là cựu sinh viên Văn Khoa thông thạo nhiều ngoại ngữ, nên hát tiếng Pháp giọng Đầm rặc, khiến mấy thằng Tây mê tít thò lò...

Vừa nghe người lạ lập lại bài Tiền bạn của Tiết Đào¹¹, Quân bỗng xúc động chạnh nhớ đến Uyên, nàng cũng thích Đường thi và thỉnh thoảng cũng ngâm nga bài này, rồi đến khi anh ta tiết lộ rằng Tiết nương là cựu sinh viên Khoa Sinh Ngữ bỗng dung chàng linh cảm cô ta chính là Uyên, nỗi mừng vui chen lẫn với đôn đau chua xót dâng tràn khiến Quân như chết lặng người chẳng còn nghe thấy gì nữa, mãi đến khi thực khách lần lượt chia tay, chàng mới uể oải lui thủi ra về.

Tiết nương là kỳ nữ nổi tiếng nên việc truy tìm nàng tương đối dễ. Quân chỉ cần hứa thưởng tiền cho người phu xe quen biết, hấn đi loanh quanh vài giờ trở lại báo cáo đã nắm vững địa chỉ, sẵn sàng đưa chàng đến tận nơi. Ngần ngừ trước ngôi biệt thự khàng trang khá lâu Quân mới rụt rè gõ cửa. Cô gái giúp việc lanh lợi bước ra nhìn chàng như dò xét. Quân áp úng lên tiếng :

- Tôi có việc cần, muốn xin gặp Tiết cô nương.

Cô bé nhìn chàng mấy lượt như không tin lỗ tai mình, rồi lúng túng hỏi :

- Ông có lẽ vật ra mắt cô nương không?

Quân sừng sờ giây phút, cười gượng đáp :

- Xin lỗi! tôi đang trí lơ bỏ quên ở nhà rồi. Thôi để bữa khác trở lại tôi sẽ mang quà và xin gặp sau cũng được.

Dợm bước đi, song vẫn Quân ráng gỡ gạc hỏi:

- Cháu ơi cho tôi hỏi thăm chút nhé: “Cô chủ đây có phải tên thật là Liễu tú Uyên không?”

- Không! tôi không nghe ai mang tên đó bao giờ!

Quân lầm lui ra về, chàng vô cùng khó chịu trước điều kiện phải có quà quý giá ra mắt, nên lúc đầu quyết định bỏ cuộc chẳng màng tìm kiếm ai nữa, nhưng mỗi ngày mỗi ray rứt muốn biết rõ sự thực của nàng, muốn gặp lại nàng cứ gia tăng. Cuối cùng, chàng đành gom góp tiền dành dụm mua quà lò

dò tìm đến. Cũng cô giúp việc ba tháng trước chạy ra chào đón, nhưng khi Quân trao quà tặng thì cô ta lắc đầu ngay ngay nói :

- Giờ thì khác rồi. Cô nương tôi không nhận quà của ai nữa và cũng chẳng thích gặp ai hết!

- Ủa! quà thật có chuyện lạ lùng vậy sao cháu?

- Chuyện thật như vậy đó! Thôi xin ông cảm phiền nhé!

- Tôi không tin đâu! Tôi nghi cháu chê quà này kém giá trị nên kiếm có ngăn cản tôi phải không?

- Không phải vậy đâu ông! Tự nhiên cô nương đổi tánh vậy hà! Mà cũng tại cái ông sư lý lợm đó hết á!

Nhận thấy cô ta tỏ vẻ giận khi nhắc tới ông sư liên quan trong vụ này, nên Quân vội vàng khai thác thêm cho rõ :

- Ông sư lý lợm đó cứ chỉ ra sao? Nói nặng nhẹ như thế nào mà xảy ra có sự này? Cháu kể tôi nghe được không?

- Chuyện như vậy nè! Một hôm cách nay chừng hai tháng, buổi sáng vừa mở cửa bỗng có ông sư trò tới yêu cầu cho gặp cô nương. Cháu thăm rủa “tu mà nói chuyện khùng điên!”, rồi khép ngay cửa lại. Nào ngờ, ông sư đó lý lợm quá chừng, cứ ôm bình bát đứng suốt ngày. Cháu ái náy mang thức ăn chay mặn đủ loại ra cúng dường, nhưng sư luôn luôn lắc đầu, cứ nhất quyết đòi diện kiến cô nương mới dời bước. Đến sáng hôm sau thấy sư vẫn đứng trơ trơ ở đó, cháu đành nhượng bộ năn nỉ sư hiểu dùm là những bậc cao nhân xin tiếp chuyện với cô nương thường có quà trọng hậu mới mong cô nương cho tiếp kiến, kết luận cháu xin sư thông cảm và rút lui dùm. Sư hăng hái tuyên bố: “Tôi mới chính là bậc cao nhân chính hiệu đây! Còn tưởng chuyện gì khó chớ quà tặng quý giá thì tôi cũng chuẩn bị sẵn sàng đây nè!” Nói đoạn, sư mở tay nải lôi ra một quả chuông nhỏ kèm với chiếc dùi, bảo cháu mang vào trao cho cô nương. Thấy cháu lơ là không ngó ngàng tới loại quà kỳ dị đó, sư dọa: “Nè! nếu cô biết điều đưa chuông cho cô nương thì tôi hứa chắc sẽ không làm phiền ai nữa, bằng không tôi đứng ở đây hoài đến lúc gặp cô nương để hỏi cho ra lẽ đó mới thôi!” Nghe bùi tai, cháu lỡ dại bung chuông vào nhà mà gây ra nông nỗi này... Ôi! cô nương có mệnh hệ gì thì... hỏi ôi! hỏi ôi!..

Bình thường Quân khá bình tĩnh, nhưng trong lòng đang căng thẳng tột độ, mà ả cứ “cà bập hời ôi hời ôi” hoài, sốt ruột quá, chàng đành cắt ngang hồi thúc :

- Cháu có đưa chuông cho cô nương cầm không? Phản ứng cô nương lúc đó như thế nào vậy?

- Dạ cháu bung chuông vào phòng khách mà chưa đưa và chưa kịp giải thích thì cô nương chột chụt cái dùi chuông xem xét suy nghĩ lung lăm, đoạn cô nương gõ chuông một tiếng. Thế rồi, chẳng hiểu vì sao bỗng nhiên cô nương xây xâm khuyu xuống suýt té nhào, nếu cháu chạm tay không đỡ ngời xuống ghé dựa, thì nguy rồi. lát sau, vừa tỉnh tỉnh cô nương liền bảo: “Con ra mời vị mang chuông vào cho cô đàm đạo”. Cháu mời sư vào, châm trà đãi khách. Cô nương tỏ ra ân cần chào đón sư, hai người bàn chuyện gì chắc quan trọng lắm nên cô nương có vẻ lo lắng nghiêm nghị chớ không cười nói dòn tan như bình thường.

- Cháu có nghe ngóng được chút gì không? Có nghe sư hù dọa, làm tiền, hoặc chỉ trích cô nương không?

- Dạ không! cháu đứng xa nên không biết gì. Chỉ có điều là vào ngày hôm đó, hình như có lần cháu chột thấy cô nương mặt tươi vui rạng rỡ, mà lệ lại rơi lả chả thật là khó hiểu.

- Chỉ có vậy thôi thì cũng đâu có gì nguy hiểm đáng lo lắm!

- Lúc đầu cháu cũng nghĩ như vậy, nào ngờ, vừa tiễn nhà sư ra khỏi cửa, thì chuyện rắc rối phát sanh tức thời! Cô nương bỗng chui rúc trong phòng tuyên bố không gặp ai nữa, cô không màng ăn uống, năn nỉ lắm thì chỉ dùng muối dưa chai lạt qua ngày. Mấy ngày sau cô nương lại trở chứng nữa, cô quăng bỏ đồ nhưng gắm lụ là, bảo mua vải thô về tự may mặc. Ôi! cháu lo cho cô nương quá chùng hà! chẳng biết cô nương có bị ác nhân trừ ếm gì không mà ra nông nổi như thế này?

Quân nghĩ rằng có lẽ nhà sư là người đã từng lo tang lễ cho Thế Như, nay đã vô tình hay hữu ý tìm đến khơi dậy vết thương lòng của Uyên, khiến nàng nhất thời chán đời, muốn sống co rút lại mà thôi. Quân an ủi cô giúp việc :

- Bệnh của cô nương còn chạy chữa được cháu hãy yên tâm. Giờ thì cháu vào thông báo là có người tên là Lương Quân muốn hầu chuyện với cô nương.

Cô bé vui vẻ bước vào trong lí nhí báo cáo chưa dứt lời, thì Tú Uyên đã hớn hở cuống quýt đâm sầm ra cửa đón Quân.

- Uyên muội!

- Đại ca!

Tuy ăn mặc vải vóc thô sơ, cũng không trang điểm tươm tất, Uyên vẫn xinh đẹp mặn mà. Nàng xúc động nghẹn ngào nhìn Quân, và thân mật như đứa em gái nhỏ ngày xưa, nàng nũng nịu :

- Sao đến giờ này đại ca mới chịu dời gót đến nhà muội. Muội ngỡ đại ca chê trách muội hư hèn chẳng đếm xỉa tới nữa chớ!

- Đừng nói sàm như vậy nè! Uyên muội mắt tung tích, lại thay đổi tên họ khiến huynh khôn đoán bao ngày mới dò tìm được. Vừa biết địa chỉ huynh đã tới ngay mà!

- Sao huynh không thăm hỏi mẹ em?

- O! huynh nghe chú Sĩ cho biết bà có lời trách huynh ham du học khiến Uyên muội long đong, nên ngại gặp bà vì chẳng biết giải thích sao cho vẹn toàn. Vả lại, chính huynh cũng ái náy trước nỗi đớn đau của muội về sự ra đi đột ngột của Thế Như, mà lúc đó huynh không kề cận để chăm lo chia sẻ.

Quân thờ dài hồi tiếc, rồi xót xa tiếp lời :

- Chắc mắt mắt năm xưa vẫn còn ray rứt muội phải không?

- Huynh yên tâm đi, thưở đó quả thật muội cũng đau khổ lắm, giờ hiểu ra mới hay “tất cả chỉ là ảo ảnh” thì còn vương bận gì nữa!

- Muội dối lòng rồi! Muội khoe hết khổ mà sao huynh thấy muội chưa bình thường, muội có vẻ lờ lững thiếu náo như thế nào á!

- Không phải đâu! Không phải đâu! Muội chẳng thiếu nào tí nào, muội tự chọn nếp sống đơn giản vì sở thích, chỉ có vậy thôi! Huynh không nhận thấy muội đang an lạc sao?

- Thật lạ! Muội thay đổi hoàn toàn, muội có nếp sống bất cần đời chẳng có ngày mai! Tại sao vậy?

- Bởi lẽ... giờ này thì muội đã nhận chân được rằng không phải chỉ riêng vụ Thế Như là ảo, mà tất cả đều là tuồng ảo hóa huynh ạ!
Quân đang ngẩn ngơ chưa đối đáp thì nàng lại ngâm nga :

“Pháp giới như không hoa
“Sự vật đều như huyễn
“Thế gian hằng như mộng...¹²
“Sanh tử tuồng ảo hóa!

Quân trở mắt nhìn Uyên, cất tiếng như than như trách :

- Thôi hồng to rồi! Tiểu muội bị nhà sư kỳ lạ nào đó mê hoặc rồi! ông ta đầu độc muội cách nào mà muội thay đổi nhanh chóng vậy?

- Chắc con bé Quế xí xọn đã mách cho huynh hết mọi sự rồi phải không?

- Ồ! Ồ!...

- Câu chuyện khá dài, nhưng nếu huynh muốn biết, muội cũng không dấu diếm mảy may, miễn là huynh có thời giờ và lắng lòng nghe mới được!

- Dĩ nhiên là huynh muốn hiểu rõ, nên nếu phải lắng nghe suốt đêm cũng bền lòng mà!

Hôm đó muội đang đọc sách tại thư phòng thì bé Quế rón rén bước vào, tay lo le quả chuông, miệng nhóp nhép như làm trò khi, khiến muội phải bật cười. Thoạt nhìn quả chuông muội bỗng cảm thấy có gì gần gũi thân thương nên ưa thích, bèn hứng chí đứng lên cầm dùi thỉnh nhẹ một tiếng. Chao ôi vạn vật bỗng chòng chành đảo lộn khiến muội khuyu xuống, rồi trước mắt muội hiện ra một ngôi chùa xưa lắt léo trên đỉnh Chung Nam. Ngôi chùa khang trang, tổ chức qui cũ, đệ tử xuất gia lẫn tại gia đông đúc và đều nức lòng trau dồi đạo hạnh, quy ngưỡng hòa thượng viện chủ Thiên Lâm. Bấy giờ, ngôi chùa rộn rịp hẳn lên, môn nhân đệ tử tề tựu về long trọng tổ chức

lễ thượng thọ 80 tuổi đời 60 tuổi đạo của đại lão hòa thượng. Sau phần nghi lễ chúc thọ cầu kỳ đầy ấp lời tán tụng cao ngất của các phái đoàn tu viện gần xa, sư trụ trì Như Vân thay mặt môn sinh đê đầu đánh lễ khấn khoản hòa thượng mở lượng hải hà hứa khả cho chúng đệ tử hiếu thảo xây dựng ngôi đại tháp bát giác chứa nhục thân hòa thượng sau này, đặc biệt sẽ tạc khắc tôn xưng sự nghiệp cao ngất của người, để ngàn sau có nơi chiêm bái mà nương tựa tu tập. Hòa thượng xúc động nghẹn ngào, hòa thượng vui quá đôi là vui. Hàng ngày thị giả Như Thế báo cáo diễn tiến từng bước công trình, vì hòa thượng thích duyệt xét mọi kế hoạch, theo dõi thực thi từng chi tiết nhỏ. Công trình xây dựng hoàn thành thì lão hòa thượng cũng mòn mỏi trút tàn hơi. Hai năm qua, suốt ngày đêm hòa thượng một lòng chăm lo nhớ nghĩ đến hậu sự vuông tròn của mình, nên khi lâm chung Người cũng chẳng rời xa tư tưởng này. Người lẫn quần sung sướng lắng nghe chư tôn đức tăng ni vân tập về, hợp cùng chúng đệ tử thi đua nhau kể lễ nổi thương tiếc và tán dương công đức như trời như biển của Người. Người theo dõi tận cùng lễ di quan, cho đến khi quan tài đưa vào đại tháp, cửa đóng kín mít, thiên hạ lũ lượt ra về, cuối cùng Lão hòa thượng mới thực sự yên tâm. Bây giờ, Người mới chợt nhớ nghĩ đến cõi về thì bỗng dung tất cả trở nên mù mịt chẳng biết phương hướng đâu mà tìm.

Nghe tiếng gọi lo sợ của tiểu Quế, muội choàng tỉnh, cảm giác đã hiểu rõ đầu đuôi mọi chuyện nên bảo nó mời khách tặng chuông vào. Sau khi an tọa, nhà sư lên tiếng :

- Đệ tử Như Thế xin vấn an ân sư!

- Không dám! Không dám! Bây giờ Ngài đã là bậc thánh, còn ta là kẻ đang lặn ngụp trong chốn luân hồi, thì làm sao dám nhận là sư phụ của Ngài!

- Đệ tử có được ngày hôm nay là nhờ ân sư chăm sóc và dày công dạy dỗ, nên lúc nào, hoàn cảnh nào đệ tử cũng tạc dạ ghi ơn.

- Hởi ôi! ta hư hèn tu tập không ra gì thì dạy ai? Ngài đã tu như thế nào để thực chứng quả vị bất thối chuyển mới thật đáng tuyên dương, Ngài nên truyền dạy ta mới phải!

- Đệ tử tư chất tầm thường, cứ cần mật theo lời dạy dỗ của sư phụ mà tu âm thầm, chết âm thầm, không bị oan gia ràng buộc, nhờ vậy may mắn vãng sanh mà thôi. Còn sư phụ là bậc tăng tài hiếm có, đã hi sinh trọn đời cho đạo pháp, trùng tu tự viện, chấn chỉnh sơn môn, đào luyện tăng tài... công đức

rộng sâu khó ước lường, chỉ vì một chút sơ suất nhỏ khi cận tử mà phải lộn lại chốn này.

Đáng tiếc thay!

- Hỡi ôi! ta yên chí công phu hàm dưỡng mình cao dày, niệm Phật đã nhất tâm, quê hương Tịnh độ cận kề, nào ngờ vừa mới nghe thiên hạ thổi phồng tán dương công đức đã đắc chí, đệ tử tung hô xây bảo tháp thờ kính đời đời đã mê đắm... thì còn vãng sanh chốn nào cho được?

- Chúng đệ tử ai cũng đinh ninh thầy về cõi Phật, mãi đến khi con được vãng sanh mới khám phá rằng thầy bị trầm luân, mà nguyên nhân chánh là vụ xây dựng tháp do con khởi xướng. Con bèn thành khẩn xin Tam Thánh thương xót gia hộ cho con trở về cõi Ta Bà để tùy duyên nhắc nhở thầy, may mắn là thầy đã từng tận tụy suốt đời lo cho đạo pháp, nên thỉnh cầu được chuẩn y.

- Ta rất cảm kích thâm tình của Ngài đã bền bỉ xử dụng đủ mọi cách để cứu độ ta! Nghĩ lại, lần đầu tại chùa Ngọc Phật sợ ta mê đắm ngọc mà quên đạo Ngài lên tiếng chỉ điểm mà ta chẳng chút quan tâm, rồi Ngài hiện thân làm họa sĩ nhắc nhở ta bao lần, thậm chí đưa ta đến Hàn Sơn tự nghe chuông, dùng cái chết cảnh cáo cũng vô hiệu, không ngờ lần này quả chuông nhỏ ngày xưa mà làm được việc. Ngài đã truy tầm ra quả chuông này hay thật là hay!

- Thưa thầy! Có lẽ lần này thì nghiệp cũ thầy vừa trả xong, công đức xưa thành thực, nên tiếng chuông thỉnh đúng lúc đã thức tỉnh được thầy. Giờ đây, con xin từ tạ, hẹn sớm gặp lại nhau ở cõi Cực Lạc phương Tây. Câu chuyện chưa kết thúc hẳn, Quân đã nôn nóng nêu thắc mắc:

- Ô!.. Ô! Kiếp trước Hòa thượng tiểu muội...ơ...

Uyên cười ngất:

- Kiếp này biết kiếp này. Lương huynh bao giờ vẫn là huynh của tiểu muội. Xin huynh làm ơn bỏ danh xưng hòa thượng tiểu muội kỳ cục đó, cho muội nhờ!

- Kiếp trước muội đâu có làm gì quá đáng mà kiếp này phải truân chuyên với nghiệp kỹ nữ này?

- Huynh biết không? “Ăn cơm” của thí chủ khó tiêu lắm, phải tu hành chân chính mới mong hóa giải được. Nếu không thì thức cúng dường trở thành món nợ oan gia, mà người thụ hưởng phải gánh vác trả dài dài. Hai năm cuối cùng của kiếp hòa thượng muội đã gom góp tiền cúng dường của thiên hạ không nhằm phục vụ đạo pháp mà chỉ vì cái ngã, ham hố kiến tạo tháp nêu danh với đời, nên phải đọa lạc. Nợ nần nhiều thí chủ mà mong trả nhanh trong một kiếp thì phải lâm cảnh gian truân bầm dập tẩm thân như vậy đó, huynh ạ!

- Tiểu muội có dự định gì cho ngày mai chưa?

- Dĩ nhiên đã sắp xếp xong rồi. Muội đã bắt đầu nếp sống cư sĩ chay tịnh hai tháng nay, muội nguyện một lòng tu tập Niệm Phật cho đến khi nhất tâm bất loạn hầu được vãng sanh về cõi Tây Phương. Vài ngày nữa muội sẽ bí mật dọn về căn phố nhỏ ở Hồng Khâu trốn tránh tiếp xúc với thiên hạ. Còn ngôi biệt thự này thì muội đã ngã giá bán rồi, tiền sẽ gửi ngân hàng để có hoa lợi xây xài hàng tháng.

Quân lo lắng:

- Muội ân tu như vậy, chắc huynh khó gặp!

- Đâu được, riêng Lương huynh thì phải thăm muội thường xuyên giúp đỡ muội tu chớ! Muội nhập thất thì huynh phải hộ thất tươm tất nhé!

- Tưởng gì khó, chớ chuyện này huynh sẵn sàng tình nguyện mà!

Uyên thiết trí một phòng trên lầu như một chánh điện nhỏ, hàng ngày tinh tấn hành trì sáu thời Niệm Phật lễ bái. Cứ cuối tuần thì Lương Quân đến Hồng Khâu ăn chay và tham gia Niệm Phật. Thời gian đầu, Quân ăn chay Niệm Phật vì Uyên, chàng cũng đọc sách báo Phật giáo cho Uyên vui, thế rồi lần hồi chàng thấm đạo vị mà không hay. Chàng hào hứng sưu tập trọn bộ Phật học tông báo¹³ để tìm hiểu giáo lý Phật giáo đủ mọi đề tài, cũng nhờ tờ báo này hướng dẫn, chàng thỉnh được nhiều kinh sách quý báu để nghiên cứu, đặc biệt có bộ Ấn Quang văn sao bốn quyển do Thượng Hải Thương Vụ Ấn thư quán xuất bản năm 1922. Sau khi nghiên ngẫm từng chữ từng câu trong Văn Sao, chàng bỗng phát bồ đề tâm “nguyện một lòng một dạ Niệm Phật A Di Đà hầu được vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc, sau đó, nguyện sẽ trở lại cõi Ta Bà đời đời kiếp kiếp cứu độ chúng sanh”. Chàng giữ trường chay và thực hành Niệm Phật theo phương pháp “thập niệm sở tức”

do Ngài Từ Vân đòi Tống chỉ dạy cho người đa đoan công việc¹⁴. Quân Niệm Phật chân thành tha thiết, càng niệm càng tinh tấn, càng cảm nhận niềm vui đạo vị. Có lẽ Uyên cũng nhận thấy điều này nên có lần nài ca ngợi chàng là bậc thượng căn, Quân liền chối bậy bầy:

- Đừng nói giỡn nà! Huynh lờ khờ chớ đâu có thông minh lanh lợi như người ta! Phải xếp huynh vào hạng hạ căn mới đúng!

- Không hẳn như người ta thường nghĩ đâu huynh! Người bản chất hiền lành thật thà, không tham sân, không tranh hơn thua... nhờ vậy khi tu thì chân chất một lòng một dạ mà tu: Niệm Phật dễ nhất tâm, tọa thiền chóng nhập định, họ đã tu nhiều kiếp mới được tâm này. Với đời thì họ bị chê là thẳng khờ khạo, nhưng với đạo họ chính là bậc thượng căn.

- Còn như thế nào thì kê là hạ căn hả muội?

- Kẻ tự hào thông minh lanh lợi dù xuất gia hay tại gia thường lấn lướt người khác giành thế lãnh tụ cho thỏa mãn cái ngã cao ngạo của mình, nếu lanh lợi mà còn kèm theo tài biện luận ngược xuôi, khéo léo mách mun thì tai hại chẳng biết đâu mà lường. Hạng “thế trí biện thông”¹⁵ này với đời là bậc thượng, nhưng với đạo chắc là hạ hạ căn quá!

Đầu Xuân năm Giáp Tý (1924), Quân đưa Tú Uyên và tiểu Quế – Quế đạo này cũng nương theo cô chủ hâm mộ đạo Phật – viếng Phở Đà sơn, thánh địa của Bồ Tát Quán Thế Âm. Cả ba lần lượt theo phái đoàn hành hương chiêm bái khắp thánh tích, nơi mà theo truyền thuyết vị Bồ Tát cứu khổ cứu nạn từng xuất hiện: Quan âm khiêu (vết chân Bồ Tát trên tảng đá), Quan Âm tử trúc (rừng trúc tím), Phạm Âm Hải Triều âm động, Viện Quan Âm Bất Khẳng Khứ, các chùa Phở Tế, Pháp Vũ và Huệ Tế, nơi nào cũng phảng phất một bầu không khí màu nhiệm thiêng liêng, khiến khách hành hương nức lòng quy ngưỡng đạo pháp. Đặc biệt tại chùa Pháp Vũ, nhân tháp tùng theo nhóm Phật tử khác viếng Tàng kinh Các lễ hòa thượng Ấn Quang, Quân và tiểu Quế may mắn hiện diện đúng lúc để xin thọ giới quy y với Ngài. Tại chùa Phở Tế, phái đoàn chiêm bái “Quan Âm tam thập nhị ứng tùy hình”, và nghe thầy tri khách kể truyền thuyết rằng chư lão hòa thượng khi rũ bỏ được muôn duyên thường đến thánh địa khẩn nguyện sớm về cõi Phật trong thời gian ngắn đều toại ý. Lúc ấy, bỗng nhiên Uyên bùi ngùi khẽ thở than:

- Muội cũng từng ao ước như thế này mà không buông bỏ nổi, phải đợi đến bây giờ mới thực hiện, kể ra quá trễ nhưng cũng phước đức lắm rồi.

Trở về đất liền khoảng năm tuần, sau khóa công phu chiều ngày mùng 10 tháng hai, Uyên bỗng tỏ ra nghiêm trọng cho biết có việc cần ủy thác với chàng. Quân còn đang ngỡ ngàng thì nàng đã kính cẩn chấp tay thưa:

- Mọii khởi tu trở lại vừa tròn hai năm thì may mắn đã hội đủ phước duyên vãng sanh vào lúc 12 giờ trưa ngày vía Quan Âm, tức 19.02 âm lịch sắp tới. Mọii đã làm giấy tờ chuyển hết tài sản cho Lương huynh rồi, xin huynh theo tờ di chúc mà xử lý dùm. Mọii muốn ra đi âm thầm chỉ cần huynh và tiểu Quyên hộ niệm là đủ, sau đó đem thiêu rồi rải tro cốt ở cánh rừng nào cũng được, nhằm bón phân cho cây lá thêm tươi...

Vào lúc 11.30 giờ ngày dự trù, Uyên trang nghiêm lễ Phật, đoạn ngời kiết già Niệm Phật âm thanh vừa đủ nghe. Quân và tiểu Quế ngời hai bên hộ niệm. Chừng nửa giờ sau, Quân nghe như có tiếng nhạc lưng trời, hương thơm thoang thoảng, nhìn lại thì Uyên đã ra đi thanh thản với nụ cười nhẹ.

Quân cẩn mật xử lý mọi việc đúng y theo di chí của Uyên: chu toàn hậu sự, cúng dường, ấn tống kinh, phát chẩn, rồi lại phải tạo dựng tương lai cho tiểu Quế, rước hai bà mẹ già về sống chung để tiện bề chăm sóc. Hai bà bạn xưa có người hủ hỉ tâm sự, cùng sống cùng tu với nhau nên rất hài lòng. Khi mọi việc sắp xếp hoàn mãn rồi, thì Lương Quân cũng đã ngoài 50 tuổi, chàng từ dịch lui về Phố Đà ẩn tu với sư phụ, sau đó, ra đi biệt, chẳng ai biết đã lưu lạc chốn nào.

Tháng 08.2007

Lời cuối truyện:

Trong quyển “Mấy Diệu Sen Thanh” do hòa thượng T.Thiền Tâm lược dịch các sự tích Vãng Sanh Tịnh Độ, có sự tích nhan đề “MỘT KỶ NỮ”¹⁶, thuật lại chuyện người kỹ nữ xinh đẹp tài hoa thích ngâm vịnh Đường thi của danh kỹ Tiết Đào tức Hiệu Thơ, nên khách phong lưu gọi nàng là Hiệu Thơ. Đang lúc thanh xuân, bỗng một hôm nàng tỉnh ngộ đạo mầu, giữ thân tâm trong sạch, quy y Tam Bảo, tinh tấn Niệm Phật nguyện cầu vãng sanh Tịnh Độ. Nàng ẩn cư tại phố Hồng Khẩu, thiết trí điện thờ Tam Thánh, sớm hôm trì niệm. Nàng gởi tiền vào ngân hàng lấy tiền lời sinh sống, nàng chẳng tiếp xúc ai ngoài người thân tín tên Lương Quân. Vào tháng hai năm Dân Quốc 13(1924), nàng mời Lương Quân đến thông báo trước ngày vãng sanh, sau đó chuyển giao tài sản và ủy thác họ Lương lo hậu sự, cúng chùa ấn tống kinh sách, chu cấp mẹ già... Đúng chính xác ngày đã thông báo, nàng Hiệu

Thơ không bình mà an lành Niệm Phật vãng sanh về cõi Tây Phương. Nhận thấy đây là một trường hợp vô cùng hi hữu:

1. tài hoa xinh đẹp ở tuổi thanh xuân mà sớm hiểu đạo.
2. hiểu đạo là buông bỏ tất cả, một lòng Niệm Phật.
3. Niệm Phật trong thời gian ngắn đã biết trước chính xác ngày giờ vãng sanh.
4. Không bệnh khổ, an lành Niệm Phật mà vãng sanh.

Biết trước ngày giờ vãng sanh đã là chuyện hiếm có, không bệnh an lành Niệm Phật vãng sanh ngay trong giới tu sĩ cũng không có nhiều, riêng sự kiện chỉ Niệm Phật ngắn hạn mà đạt được thành quả như trên là trường hợp hy hữu chưa từng nghe nói trong giới cư sĩ.

Rất tiếc người xưa không mấy tôn trọng giới kỹ nữ nên lược thuật sự tích quá vắn tắt. Dầu sao, căn cứ vào lược thuật này tác giả cũng đủ tin tưởng cô nương này là bậc Bồ Tát vương chút nghiệp trần, thị hiện Niệm Phật vãng sanh để kiến tạo niềm tin cho mọi giới.

Tác giả chân thành đánh lễ vị kỹ nữ Bồ Tát và xin phóng tác sự tích này thành truyện ngắn dâng cho bạn đọc.

---o0o---

Bồ Tát Quá Giang

Chưa bao giờ, Thanh cảm thấy mình thoải vui thú như chuyến trở về quê hương lần này. Ở Việt Nam hiện giờ đã có đầy đủ mọi thứ, “có tiền mua tiên cũng được” như vậy miễn là chàng kè kè mớ đồ la dầy cộm là đủ lắm rồi, cần gì phải “gồng gánh” quà cáp chi cho mệt xác. Do đó, hành trang của chàng chỉ gồm túi ba-lô nhẹ hững, kèm với chiếc máy chụp ảnh tân kỳ mà thôi. Chàng dự trù về Cao lãnh viếng song thân vài ngày, rồi sẽ lang thang bụi đời đây đó, lê lét khắp hang cùng ngõ hẻm từ Bắc chí Nam, hầu khám phá ra được những góc cạnh tiêu biểu nhất, hấp dẫn nhất thu lấy những bức ảnh biểu tượng, thỏa mãn nghiệp dunhiếp ảnh tài tử của chàng. Tung tăng rồi quày chiếu khán đi ra cửa, ngoắt chiếc taxi, phóng nhanh vào, chưa kịp yên vị, Thanh đã rọ rọ cầm máy ảnh ngắm nghía hoạt cảnh phi trường rồi ron ren dò hỏi :

- Bác tài ơi! Bác biết địa điểm nào có cảnh tượng đặc biệt để chụp ảnh nghệ thuật không?
- Tôi không rõ lắm!... A! mà có nơi này đặc biệt lắm! Người ta tranh nhau chụp hình, bán hình... làm ăn khá khẩm lắm, nhưng tôi không chắc loại hình ảnh đó có đúng “gu” nghệ thuật không?
- Nơi nào vậy bác tài?
- Ngay tại quảng trường công xã Paris, có bức tượng Đức Mẹ khóc. Vụ này báo chí nói rùm beng, thiên hạ bàn tán xôn xao mấy ngày rồi!

- Khóc thiệt không bác tài?

- Thiệt giả khó nói! Chỉ biết rất đông người chen lấn nhau đi xem như trẩy hội vậy đó!

Tuy Thanh thường đề cao ngành nhiếp ảnh nghệ thuật, nhưng trong thâm tâm chàng lại đam mê những cái gì có hơi hướng giật gân, và nếu khoác thêm vẻ huyền bí màu nhiệm càng tốt. Chàng đã từng dày công chụp những tấm ảnh kỳ lạ thuộc loại “buồng chuối trở hình Bồ tát”, “mèo chuột chung sống hòa bình”, “gà ba chun”... thì câu chuyện tượng đá khóc hấp dẫn này làm sao mà bỏ qua cho được. Thanh hào hứng gào lên :

- Hay quá! Anh đưa tôi tới đó nhanh lên!...

Đường về thành phố xe cộ dập diu, chiếc taxi nhích nhích như rùa bò trong khi đồng hồ giá tiền cứ nhớn nhớn nhảy lạch cạch sột ruột sột gan... Thanh đành xuống xe tại quán Highlands Coffee đường Đồng Khởi rồi chịu khó rảo bước nhanh về hướng Bruu Điện, len lỏi chen qua đám đông hàng trăm người đang tụ tập quanh tượng trong khuôn viên quảng trường công xã Paris (tức công viên Hòa Bình cũ), để quan sát thật kỹ. Dưới chân tượng có vài mươi giáo dân dập đầu vào bệ đá khóc lóc xung tội khẩn cầu ân phước, bao quanh còn có khoảng trăm người kính cẩn lần chuối mân côi, lâm râm cầu nguyện, nhóm đông lao xao vòng bên ngoài là những kẻ hiếu kỳ, lăng xăng tới lui dòm ngó, đưa máy ảnh bấm lia lịa. Thanh cũng tham gia chen vào, ngắm nghía chọn từng góc cạnh độc đáo để thu ảnh hàng loạt, điểm chính dĩ nhiên là ngôi tượng Đức Mẹ vẫn còn tỏ rõ vết một giòng nước đã khô đặc phát xuất từ giữa tròng mắt bên phải trôi lăn xuống gò má đến cằm, ngoài ra, Thanh cũng thu trọn hoạt cảnh náo nhiệt tại quảng trường để hợp thành một nhóm ảnh tài liệu đầy đủ. Thanh rà bộ phận nhớ máy ảnh, soát lại hình ảnh, gạt gù thích thú, nhưng vẫn nán nã chẳng rời bước, chàng cứ đi loanh quanh ngắm nghía mong sưu tầm thêm vài góc ảnh đặc biệt khác nữa. Thành linh có đám thanh niên chừng bốn người ồ ạt chen lướt vào. Có lẽ, họ sống ở Tây phương khá lâu, nên giọng nói hơi cứng, đi đứng mạnh bạo, và nói năng cũng quá đỗi tự nhiên. Đám thanh niên ồn ào cười giỡn, quơ tay múa chân, chỉ chỗ bức tượng, rồi tranh nhau phẩm bình :

- Đức Mẹ toàn năng sao lại phải rơi lệ như vậy kia? trông thảm quá!

- Ủa! Sao nước mắt không chảy từ khóe, mà chảy giữa tròng! Chuyện này hơi khác thường à!

- Ủa! Mà tại sao chỉ khóc có một mắt mà thôi, lạ thiệt!

Có lẽ nhận thấy đám bạn mình phát ngôn ồn ào bừa bãi quá, chàng thanh niên có dáng dấp là bậc đàn anh chững chạc, lên tiếng :

- Tụi bây ăn nói nhỏ nhỏ một chút có được không? Muốn bàn cãi gì thì về nhà mặc sức la hét!

Lời khuyên ngăn đưa ra vào thời điểm này dường như đã quá trễ. Trong nhóm người đang lâm râm khẩn thiết cầu nguyện, nhiều vị lộ vẻ khó chịu, lúc đầu họ chỉ cầu nhau thì thâm với nhau, nhưng tiếng lào xào chỉ trích lớn dần, lớn đến mức vừa đủ nhấn gởi cho người bên ngoài nghe... Đám thanh niên cũng có người đối đáp trả treo bông lông... Thế rồi, hai đám bắt đầu nhao nhao lớn tiếng tranh luận, trận đấu khẩu leo thang với vận tốc khó ước lường, từ đó chuyện lôi kéo, đấm đá có nguy cơ bùng nổ. “Rủi ro chuyện đó xảy ra, mình dám bị vạ lây lắm!”, vừa thầm nghĩ điều này, lòng hiếu kỳ của Thanh vụt tắt lịm, chàng hấp tấp lách khỏi đám đông, rồi bươn bả thoát đi một mạch đến ngã tư đường Trần Hưng Đạo, suýt đụng vào một người bộ hành đi ngược chiều mới đứng sừng lại. Thanh bối rối áp úng xin lỗi người đối diện, một ni cô trẻ đẹp, dịu hiền mà thoát tục như tranh tượng Đức Bồ Tát Quán Thế Âm :

- Xin lỗi sư cô, tôi hấp tấp quá!

Sư cô mỉm cười tươi mát :

- Không có chi! Đạo hữu đã phản ứng kịp thời kia mà!

Thấy sư cô trẻ đẹp mà vui tính, anh chàng “nghĩ sao nói vậy” lân la nói :

- Đường như tôi như đã gặp sư cô đâu đó... trông sư cô quen quen! À! Tôi nghĩ được rồi! Thì ra, sư cô có nét đẹp thanh thoát như tượng Bồ Tát Quan âm tại ngôi chùa tĩnh, thảo nào tôi cứ ngỡ ngỡ mãi!

- Đạo hữu lầm rồi! Tượng Quan âm nào cũng tạc dưới hình tướng cư sĩ, tóc tai y áo và trang sức đẹp để chớ đâu có tượng nào gọt đầu trọc lóc, mặt mày u ám như tôi, mà đạo hữu bảo rằng giống?

Khi vừa lên tiếng thì Thanh liền nghiệm ra là mình hơi hênh nói một câu có vẻ tán tỉnh kẻ tu hành là một điều sai trái đáng trách, vì vậy, khi nghe câu đối đáp tợ như bắt bẻ của sư cô, Thanh cảm thấy quẽ quẽ thẹn thẹn trong lòng, bèn nói lảng sang chuyện khác :

- À! Sư cô cũng hiếu kỳ muốn xem chuyện lạ về tượng Đức Mẹ phải không? Xin đừng đến đó lúc này, sắp có màn choảng nhau ở đây!

- Thưa, tôi không dự định đến nó. Tôi đang trông ngóng một Phật tử xin quá giang về Cao Lãnh, đợi hoài mà chưa thấy!

Thanh nghe sư cô xử dụng từ ngữ quá giang quẽ mùa suýt bật cười, nhưng cố gắng đè nén, rồi nghiêm trang đề nghị :

- Tiện dịp tôi cũng về Cao Lãnh thăm gia đình ngày hôm nay, nếu sư cô không ngại thì tôi xin thỉnh sư cô cùng đi...

- Hên quá mức là hên! Đúng là “buồn ngủ vớ được chiếu manh”, thì đâu có ai lại từ chối cho được!

- Vậy thì xin sư cô cứ chờ đợi nơi đây, tôi thuê xe rồi trở lại ngay!

Thanh nhanh nhẹn đến dịch vụ cho thuê xe đặt trong văn phòng một khách sạn gần đó, bao chiếc du lịch rồi hướng dẫn tài xế đưa đến điểm hẹn. Nhận thấy sư cô có vẻ “ngông ngông từng từng” sao đó, nên chàng cũng “tếu tếu” cho vui. Thanh mở cửa xe, đon đả :

- Tôi xin long trọng thỉnh mời sư cô “quá giang”!

Sư cô lừng khừng đáp :

- Xin đạo hữu làm ơn bỏ qua mấy chữ “long trọng mời thỉnh” đó đi! Từ quá giang tự nó hồn nhiên tươi mát rồi, kèm theo mấy chữ khuôn sáo kia sẽ làm giảm bớt nét đẹp của nó đi!

- Sao kỳ vậy sư cô?

Sau khi ngồi yên vị, sư cô nở nụ cười dễ dãi tiếp tục cất tiếng :

- Có gì lạ đâu? Những cụm từ “long trọng mời thỉnh hay cung kính cúng dường...” thuộc thứ lễ nghi hình thức nên khô khan rỗng tuếch, nghe mãi nhàm chán lắm! Nó đâu có hồn nhiên, dạt dào tình nghĩa như cái tiếng quá giang của dân quê mình!

- Tôi vẫn chưa hiểu ý sư cô!

- Quá giang nghĩa đen là qua sông. Ông bà già ngày xưa “trọng nghĩa” đưa người sang sông vì lòng từ, vì tình cảm, chớ không vì quyền lợi, dần dà chữ quá giang dùng rộng sang lãnh vực đất liền, nhưng nội dung thương yêu, cứu mang đùm bọc kẻ thiếu phương tiện cũng nguyên vẹn như xưa. Tóm lại! Chữ quá giang bao đời đã bàng bạc chuyên chở tình người như vậy, nên tôi ưa chuộng nó vô cùng!

- Sư cô có ý nghĩ “ngộ” quá há! Hi! Hi! Nếu như vậy thì sư cô cứ tự nhiên mà “quá... giang”, tôi cũng “trọng... nghĩa” nên sẽ không bao giờ rườm rà long trọng mời thỉnh chi cả!

Dứt lời, Thanh tùm tùm cười, tán thưởng cho câu nói giễu cợt, cố tình kéo dài nhằm hai chữ trọng nghĩa và quá giang của mình.

Sư cô cũng “tếu” không kém, tươi vui lên tiếng :

- Thời buổi này mà tôi còn “k.i.ê.n” được bậc trọng nghĩa thì quả đúng là chuyện thế gian hy hữu rồi!

- A! nhưng mà sư cô muốn quá giang đến chùa nào hay địa điểm nào?

- Nơi nào cũng được, miễn là có vị Bồ Tát cho tôi chiêm ngưỡng hành hoạt của vị đó là quý nhất rồi!

- Tôi nghe nói ở Trung Quốc có bốn thánh địa của chư Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm và Địa Tạng, nhưng tôi rất tiếc không đủ phương tiện đưa sư cô quá giang đến tận nơi đó cho được!

- Aăy! Tôi chẳng thích chiêm bái hình tượng gỗ đá nên nào có mơ ước tham quan các thánh địa này! Tôi thực lòng chỉ muốn chiêm ngưỡng những vị Bồ Tát đang thực sự sống lẫn lộn với chúng ta trên cõi đời này! ở quê hương Đồng Tháp này đây mà thôi!

- Trời đất! Làm gì có Bồ Tát ở chốn này hả sư cô?

- Đạo hữu không thấy người ta tạc tượng Bồ Tát Quan Âm như một thiếu nữ trẻ đẹp, còn Bồ Tát Văn Thù như một vị tướng quân sao?

- Cái đó! Cái đó... bất quá là họ căn cứ vào những truyền thuyết huyền hoặc, chứ đâu phải là chuyện thật, thưa sư cô!

- Có chứ! Phải có những vị Bồ Tát hiện hữu và đang chung sống với chúng ta chứ! Vấn đề là ta phải thành khẩn tâm cầu, phải lắng lòng, lắng nhìn, lắng nghe thì mới khám phá ra được! Tôi năn nỉ đạo hữu hãy ráng lắng lòng truy ra vị Bồ Tát bằng da bằng thịt tại quê hương Đồng Tháp này dùm tôi mà!

Thấy Thanh chỉ chắc lưỡi một tiếng rồi lặng yên không thềm góp ý kiến thêm bớt gì nữa, sư cô cười cười tiếp lời :

- Để thay đổi không khí và để làm món quà cho chuyến đi này, tôi xin thuật một giai thoại vui có ý nghĩa về tổ sư Vô Trước¹⁷, chẳng biết đạo hữu có bằng lòng nghe không?

Nghe bàn luận chuyện đạo đông dài ngắn ngậm vô cùng, hướng chi, Thanh lại quá mệt mỏi sau cuộc hành trình hai ngày tù túng dài đằng đẵng trên phi cơ, chàng thăm kêu khổ mà vẫn gắng gượng làm vui, miệng cười méo xẹo đáp :

- Dĩ nhiên là tôi bằng lòng! Tôi thích lắm chứ!

- Theo truyền thuyết thì trước khi nhập diệt, Đức Phật đã huyền ký rằng sau 900 năm, sẽ có một đại sỹ ra đời xiển dương Luận tạng, Ngài tên là Vô Trước tức Asanga (1). Sư xuất gia theo phái Nhất Thiết Hữu Bộ, nhân nghe Ngài Tân đầu La (Pindola) giảng về Không quán mà ngộ nhập đạo màu. Tuy vậy, sư vẫn chưa hài lòng, nên tiếp tục ẩn tu tại một hang động bí mật tại núi Chân Chim, ngày đêm tham thiền nhập định trong chín năm dài mong diện kiến Bồ Tát Di Lạc nhưng sở nguyện không thành. Thất vọng sư rời hang động ra đi. Dọc đường, sư bắt gặp con chó sói trong cơn hấp hối, nằm oằn oại rên siết bởi đám giò đục khoét thấu xương. Tình thương con chó tràn ngập, sư phát tâm xoa dịu cơn đau cho nó bằng cách gấp giò ra khỏi vết thương, nhưng nếu thực hiện điều này thì số phận của đám giò háu đói lại bị thảm vì mất môi trường sống. Lo lắng cho mạng sống của đàn giò, sư bèn tự cắt một miếng thịt của mình để làm chỗ nương thân cho chúng. Chừng chuẩn bị gấp giò, sư lại e ngại hành động này không khéo có thể khiến những con giò mềm yếu bị tổn thương, mà chính con chó cũng bị đụng chạm gây đau đớn nữa. Cuối cùng sư suy ra được một giải pháp tốt đẹp mọi bề, bằng cách quì xuống, ôm con chó vuốt ve vỗ về, rồi dùng cái lưỡi mềm mại của mình thận trọng liếm nhẹ từng con, từng con

giỏi, đưa ra ngoài. Thành linh nghe như có tiếng khảy móng tay, rồi hốt nhiên con chó bệnh hoạn biến dạng, và trước mắt sư hiển hiện Đức Di Lạc, vị Bồ Tát mà bao năm trời sư ước nguyện diện kiến thỉnh học giáo nghĩa Duy Thức. Sư mừng rỡ đánh lễ Bồ Tát Di Lạc, sau đó, khẩn khoản thỉnh cầu Bồ Tát giải tỏa điềm thắc mắc to lớn của mình : "Thưa Ngài, con tu tập trong hàng động bao năm trời tha thiết diện kiến Ngài nhưng vô vọng, duyên phúc nào mà đến giờ phút này, trong khi con không ước mong mà lại gặp được Ngài?". Bồ Tát đáp : " Lúc nào ta cũng kề cận bên con, nhưng vì tâm thức con còn ngăn che bởi dục vọng phiền não nên chưa thấy được ta. Giờ đây, tâm từ bi của con rộng mở khiến cho màng dục vọng ngăn che tâm thức biến mất, nên con mới có khả năng thấy được ta..."

Chuyện hay quá xá là hay! Nghe cảm động dễ sợ hà!

Người nhanh nhẩu lên tiếng lại là bác tài, ngược lại cái anh chàng Thanh vẫn cứ trầm ngâm im lặng khiến sư cô chờ đợi mãi sốt cả ruột gan, bèn cất tiếng vặn hỏi :

- Còn đạo hữu Thanh nghĩ sao về câu chuyện này?

- Ô! Ô! Tôi vụng về lắm sư cô ạ! Tôi có "tật thật thà" nghĩ sao nói vậy dễ mịch lòng lắm!

Xin sư cô miễn cho tôi việc góp ý đi!

- Ấy! Cái tật thật thà mới chính là điềm đáng tán thán chứ! Xin đạo hữu cứ "phán" một lời thật thà cho tôi nhờ!

- Xin lỗi nhe sư cô! A!À!..

Thanh đặng háng, rồi nói tiếp :

- Câu chuyện "liêm giới" này ... cũng ... hấp dẫn, nhưng... coi bộ... coi bộ...ơ... ơ... huyền hoặc khó tin quá mức! Sư cô ạ!

- Xin nhắc nhở đạo hữu đây chỉ là một giai thoại, có nghĩa là một chuyện không có giá trị lịch sử. Tôi thật lòng không cố ý thuyết phục người nghe tin tưởng mù quáng vào tình tiết câu chuyện, mà chỉ mong người nghe nương vào đó để ý thức được rằng nếu tâm mình trong lành, mình lắng lòng, lắng nhìn, lắng nghe thì có khả năng khám phá được hành hoạt của chư Bồ Tát hằng hiện hữu trong cuộc đời của ta. Vậy thôi!

Thanh bắt bẻ :

- Dẫu sao, vị Bồ Tát trong câu chuyện này là Ngài Di Lạc ở cung trời Đâu Suất, chứ đâu phải là vị thực sự hiện hữu chung sống với xã hội loài người. Sư cô mang ra chứng minh thuyết của sư cô có lẽ không vững lắm!

Sư cô đuối lý mà vẫn gượng gạo chống chế :

- Thì tưởng tượng hay thực tế, cũng ... ơ... ơ... cũng gần gần như vậy mà! Vói lại, tôi tin tưởng rằng đạo hữu đã dư sức biết rõ vị Bồ Tát đó rồi! và nếu như đạo hữu thực lòng, có thiện chí thì sẽ hướng dẫn tôi đến gặp dễ dàng mà!

Thấy sư cô cứ nài ép mình dính dáng vào việc lùng kiếm vị Bồ Tát tưởng tượng một cách vô lý mãi, Thanh bực bội lắm, nhưng chàng chẳng muốn lý sự cù nhầy với vị ni cô "ngông ngông" thêm nữa. "Thế nhưng, - Thanh thầm nghĩ - nếu chưa hứa hẹn một tiếng thì còn tranh luận dài dài chứ dễ đầu gì được yên thân, chi bằng mình tạm dùng kế hỗn binh : cứ hứa càn cho qua, sau đó, mình chỉ bừa ai là Bồ Tát chẳng được! Tưởng tượng ra cảnh mình đưa sư cô đến trường mẫu giáo, cho bả lờ quớ sà quần với đám con nít trần truồng mũi chảy lòng thòng để truy tầm Bồ Tát, chắc phải là vui nhộn lắm!" Hải lòng với âm mưu của mình, Thanh tùm tùm cười, hòa hỗn lên tiếng :

- Được rồi! Sư cô yên chí lớn đi! Tôi sẽ hướng dẫn sư cô gặp được bậc chân chánh Bồ Tát như cô mong muốn!

Dứt lời, để tránh kéo dài cuộc đối thoại, Thanh ngã đầu nhắm mắt lim dim ngủ, mãi đến khi về đến tỉnh lý, tài xế lên tiếng hỏi đường đi, thì mới vươn vai choàng tỉnh dậy. Thanh nhìn sang sư cô thăm dò :

- Sư cô có định ghé nơi nào không?

Thấy sư cô lắc đầu ngoay ngoáy, Thanh bèn tiếp lời :

- Vậy thì sư cô vẫn nhất quyết đi tìm Bồ Tát phải không?

- Đạo hữu đã hứa chắc kia mà!

- Tốt lắm!! Bác tài ơi! Cho chúng tôi đến xã Phong Mỹ nhé!

- Phong Mỹ hướng nào vậy? Có xa lắm không anh?

- À! thì cứ theo tỉnh lộ đi Hồng Ngự chừng 10 cây số, khi vừa qua cầu kinh Nguyễn văn Tiếp, nhớ quẹo phải vào hương lộ Mỹ An, đi một đôi thì tới liền hà!

Đến địa phận xã Phong Mỹ, Thanh hướng dẫn tài xế cho xe chạy dọc theo con đường cấp theo kinh đào, đoạn rẽ vào đường đất nhỏ hẹp, dừng lại nơi mà Thanh gọi là bến đò bác Bảy Ưu¹⁸, ở cận bờ kinh.

Thanh cười khà khà “dọa” sư cô :

- Bồ tát ở áp bên kia bờ kinh! Sư cô phải chịu khó qua đò, rồi phải lội bộ vài ba cây số đó nhe!

Chẳng nao núng tí nào, sư cô đáp tỉnh bơ :

- Dư sức mà!

Thanh trả tiền xe, vừa phóng ra ngoài đã hướng sang bờ bên kia, tay phát, miệng gọi in ỏi : “Bác Bảy ơi! Bác Bảy!”. Ở bên kia, lão chèo đò cũng ới ới trả lời. Tiếng gọi đò này, khiến cho mấy chàng trai ngồi khuất trong quán nước khám phá ra người quen. Họ túa ra mừng rỡ bao vây quanh Thanh cùng nhau tíu tít nói cười. Thanh mang máy ảnh tân kỳ ra khoe, chụp cho đám thân hữu nhiều kiểu. Đò sắp cập bến, họ vội hẹn hò nhau một buổi nhậu cho đã đời, rồi chia tay. Cảnh chiếc thuyền con lướt sóng, theo từng nhịp quẫy chèo khoan thai của ông lão, là góc ảnh thật sống động. Thanh nhanh nhẹn bấm hàng chục tấm, nhân tiện, thấy sư cô đang nhớn nha ngắm cảnh trời mây sông nước, Thanh cũng đưa máy ảnh ngắm nghía bấm vài kiểu.

“Thưa bác Bảy!”. Thanh phóng xuống đò cái rụp, ngó lại thì thấy sư cô cũng bước xuống gọn gàng và chọn chỗ ngồi xa xa rồi. Sư cô luôn tỏ ra lịch sự, không hề chọn rộn khi chàng vồn vã trò chuyện với người quen. Nhờ chẳng chút bận tâm, chàng thoải mái nói nói cười cười ríu rít với lão chèo đò :

- Hai bác vẫn mạnh? Xóm giềng có chuyện gì lạ không bác?

- Ồ! Cũng nhờ Trời Phật độ nên hai bác vẫn mạnh cùi cùi hà! Xóm giềng mình hả! Năm nay trúng mùa lúa, nên ai cũng khá khảm! Chú Sáu cất lại nhà, nhà lầu bánh tẻ lắm! Thăng Hiền, con Thảo đậu Đại Học, thằng Sang, con Trọng mua xe Dream... Ủ! Con út Mười đó! mới đám cưới chưa giáp năm đã sanh được thằng con kháu khỉnh, giống hệt thằng tía nó hà!...

Chuyện làng trên xóm dưới chưa kể giáp vòng thì đò đã cập bến. Thanh định nấn ná hỏi han, thì đã nghe ông lão thúc hối :

- Má bây chạy tới lui lóng nhóng trông chừng bây mấy lần rồi đó! Về nhanh đi, kéo bả lo! Nghe mẹ ngóng trông, Thanh xuống đò, sải nhanh mấy bước, ngó lại cũng thấy sư cô theo sau bén gót. Sư cô nhắc nho nhỏ :

- Đạo hữu quên trả tiền đò rồi!

- Hồng phải quên! Tại bác Bảy không chịu lấy tiền!

- Bộ đạo hữu có bà con với ông sao?

- Hồng phải vậy! Quen lạ, sang hèn, già trẻ gì, hễ “ói” thì có bác Bảy sẵn sàng đưa qua sông. Hi! Hi! Trọng nghĩa mà! Cho quá giang đâu có lấy tiền!

- Oàng làm việc nghĩa như vậy bao lâu rồi? mỗi tuần được mấy ngày? mỗi ngày mấy chuyến?

- Mỗi ngày bác phải đưa rước chừng 300 lượt, nếu chịu lấy tiền thì đã khá khẩm rồi, nhưng bác nói mình ăn chay có tốn hao gì mà cần tiền. À, còn vụ chèo đò này bắt đầu từ lúc nào hả? Ô! Lâu lắm rồi! Để tôi nhớ kỹ lại coi – Thanh trầm ngâm mơ về dĩ vãng, rồi miên man kể tiếp – Hồi tôi đang học lớp bốn, tính ra khoảng mười sáu, mười bảy năm về trước, mỗi ngày chúng tôi phải kéo ra bờ kinh chờ có thuyền ngược xuôi kêu réo xin quá giang qua bờ bên kia để đi học. Bọn con nít chờ đợi rã ruột mà đôi khi chẳng ai thương tình giúp đỡ, vài đứa dạn dĩ cởi quần áo lội càn qua kinh, số đông đành bỏ học. Thương đám học trò, bác Bảy thường sắp xếp thời giờ thuận tiện chu đáo đưa rước chúng đi học. Nhân đó bà con chòm xóm bắt đầu xin quá giang : đi chợ, cúng đình, lo việc làng, việc tỉnh hay đi nhậu nhẹt linh tinh gì bác cũng rộng lòng. Dần dà kể lạ người quen chỉ cần “ói ới” bên sông, thì đã có bác vội vàng cong lưng chèo xuồng qua đón. Thét rồi, bác Bảy phải bàn giao ruộng nương cho con cái, cắt cái chòi nhỏ thường trú tại đây để sẵn sàng phục vụ cho mọi người bất kể ngày đêm, khi mưa gió hay mùa nước đổ hiểm nghèo... đang ngủ bị gọi thức dậy bác vẫn vui vẻ hề hà, ai thô lỗ hỗn hào bác vẫn từ tốn, đôi khi, bác còn cho kẻ lỡ đường trú ngụ qua đêm, chăm sóc xức dầu cạo gió, tặng thuốc cho người bệnh, giã rượu cho kẻ say... nữa!

Sư cô thảng thốt than :

- Ôi! Trên cõi đời này có mấy ai âm thầm làm việc nghĩa? Làm bền bỉ liên tục đêm ngày gần 20 năm trời mà vẫn không mệt mỏi nhàm chán? Làm với tình thương yêu vô bờ, tận tụy hi sinh? Ai có thể làm được những chuyện hy hữu đó nếu không phải là bậc hành hạnh nguyện Bồ Tát, mang tâm từ bi hỷ xả dâng hiến cho chúng sanh!

Sư cô im lặng trong giây lát, rồi nói với Thanh :

- Thì ra, vị Bồ Tát đang hiện hữu sống lẫn lộn với ta trong cuộc đời ô trọc này mà tôi khao khát tìm cầu chính là ông lão chèo đò quê mùa tại chốn này. Giờ thì tôi đâu cần gì phải lặn lội đến đạo tràng nào hay chốn thâm sơn cùng cốc nào để tìm kiếm những vị Bồ Tát mơ hồ bí hiểm chi nữa. Thôi! Xin từ giã đạo hữu, tôi phải trở lại bến đò để chiêm ngưỡng và cũng để tìm hiểu xem bao người nương thuyền quá giang có ai nương được vào nhân cách của ông để “đáo bỉ ngạn” - qua bờ giác bên kia - không?

Thanh bàng hoàng sững sốt. Lời than êm dịu mà nghe như sấm sét lưng trời khiến Thanh rung chuyển cả thân tâm. Chàng thâm nhủ : “Ôi! Mình đôn đáo cả đời săn tìm những chuyện huyền bí không tương đâu đâu, trong khi sự thực hiện bày trước mắt thì đui mù chẳng thấy! Ôi! Mình sống gần gũi bên cạnh bác Bảy, biết rõ con người đạo nghĩa đôn hậu của bác mà vì quen quá nên khinh lòn, không biết lắng lòng, lắng nhìn để thấy, để cảm kích hạnh nguyện cao cả của một bậc Bồ Tát!”. Choàng tỉnh cơn mê, thấy sư cô đã đi mất dạng, Thanh cũng quày quã trở lại bến đò. Chàng chiêm ngưỡng phong thái Bác Bảy, cảm nhận được suối nguồn tin yêu hạnh phúc tràn ngập cõi lòng, rồi chàng kính cẩn lên tiếng : “Thưa bác! Nhờ được sư cô mở mắt, con mới thấu hiểu phần nào tâm từ bi vô lượng của bác!”. Bác Bảy cười hệt hạc : “Thằng nói tầm xàm hà! Tao chỉ làm có việc đưa đò thôi, nhằm nhò gì đâu mà mày bày đặt khen với tặng!”. Chàng muốn tán thán lời trang trọng hơn nữa, nhưng e ngại lời mình chỉ khiến cho con người chân chất khiêm cung đó thêm bối rối, nên chỉ cười cười rồi hỏi :

- Bác Bảy đưa sư cô qua sông rồi sao?

- Su cô nào? Là ai vậy?
- Su cô cùng đi chuyên đồ với con đó bác!
- Coi kìa! Bậy lại nói bắt quàng nữa rồi! Bậy đi chuyên đó có mình ên hà! Có ai đi chung với bậy đâu?
- Kỳ thiệt!

Thanh lấy máy ảnh ra, kiểm điểm từng tấm ảnh còn giữ nguyên trong bộ phận nhớ. Tất cả đều bình thường, riêng năm kiểu chụp su cô tại bờ kinh bên kia thì không có hình bóng chi cả, ngoại trừ áng mây trắng thông dong trên nền trời xanh.

Tháng 2.2006

---o0o---

Bồ Tát Đưa Thơ

Hung cầm thơ mẹ trên tay thật lâu, nghe lòng thương yêu tràn ngập, rồi mới từ từ mở ra nghiền ngẫm từng giòng chữ ngọt ngào của mẹ. Mẹ là nhà giáo, chữ viết của bà đều đặn mẫu mực mà vẫn mang nét ẻo lả mềm mại dịu hiền của người đàn bà Đông phương thuần hậu. Bà thường gói ghém tình thương của mình vào vụn trong hai trang giấy, nâng niu gửi đến con những lời thăm hỏi sức khỏe, nhắc nhở con gìn giữ đạo đức gia phong, khuyên con nhớ đi chùa lễ Phật, bà tuyệt nhiên chẳng bao giờ kể lể những chuyện thị phi, chuyện làng trên xóm dưới, cũng không bao giờ đòi hỏi con cung cấp tiền bạc. Ngay trường hợp lâm bệnh thình lình, tiền bạc eo hẹp bà vẫn lẳng lặng chịu đựng chớ chẳng hề thở than khiến con cái phải bận tâm lo lắng. Dầu biết nội dung thơ cũ rích nhưng chàng vẫn nôn nóng mở thơ, đọc những giòng chữ thương yêu của mẹ, để đón nhận tình mẫu tử dạt dào vượt qua bờ đại dương sang ấp ủ chàng. Ngờ đâu lần này thơ bà có vẻ khác thường, chẳng những dài đến bốn trang, mà cũng không có những cụm từ thương nhớ dạn dò thường nhật. Thơ viết :

“Con thương!

Đạo này, bỗng nhiên mẹ hay vớ vẩn nhớ nghĩ mông lung về thời còn bé bỏng xa xưa, nhớ tha thiết chuỗi ngày ọ ẹ trong vòng tay ông bà ngoại, tại ngôi nhà ngói âm dương, vách ván, tọa lạc cạnh giòng sông Dinh thơ mộng, thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ở đó, tháng nào vào ngày mười bốn và ba mươi, mẹ thường được ngoại dẫn đi chùa Giác Hải, nơi mà mẹ đã được hòa thượng Tâm Thành quy y từ thuở mới lên năm. Ngoại đã đưa gia đình rời Bồ Trạch vào Saigon sinh sống từ năm 1954, khi mẹ mới vừa tròn bảy tuổi, nên quê hương mà mẹ thương mẹ nhớ có thể nói chính là ngõ hẻm chợ Vườn Chuối, là quận ba với các con đường Phan đình Phùng, Cao Thắng..., mẹ chẳng hiểu biết gì về nơi chôn nhau cắt rún tại vùng đất Quảng Bình khô cằn xa xưa ấy. Do đó, khi tham dự chuyến hành hương thập tự tại các thị xã Huế – Đà Nẵng do nhóm “Phật tử lão niên” chùa Aán Quang tổ chức, tuy mẹ đã đọc kỹ chương trình thấy có tiết mục ngoạn cảnh động Phong Nha, một kỳ quan của đất nước thuộc huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, mà mẹ vẫn vô tình chẳng mấy may liên tưởng gì đến nơi chôn nhau cắt rún của mình. Mãi đến khi theo phái đoàn chiêm bái chùa Thiên Mục, trầm lặng nhìn giòng Hương Giang, bỗng nhiên ký ức thuở ấu thời bất thình lình hiện về khiến mẹ nôn nao nhớ đến ngôi chùa Giác Hải êm đềm. Chùa ấy cũng soi bóng trên một giòng sông - sông Dinh -

một giòng sông thơ mộng chẳng kém Hương giang là mấy. Thật ra, vào ngày xưa đó mẹ ngây thơ khờ khạo nào có hiểu biết gì về chùa, về đạo, nhưng những trái chuối, chén chè, năm xôi... mà quý thầy nâng niu trao cho “con bé mũm mĩm” là những hình ảnh gợi thương gợi nhớ đã bùng dậy mãnh liệt khiến mẹ xúc động nghẹn ngào. Từ đó, mẹ thấp thòm ăn ngủ không yên, ước mong có cơ hội ngắm nhìn lại ngôi chùa ngày xưa. Sáng hôm sau, trong khi chuẩn bị theo đoàn hành hương xuống thuyền máy tiến vào động Phong Nha, mẹ bỗng đổi ý, bỏ chuyến du ngoạn, âm thầm thuê chiếc xe ôm, tìm đường về đền chùa Giác Hải. Thật khó tưởng tượng, cái gọi là ngôi chùa, chỉ là một ngôi nhà lá lụp xụp nép mình thoi thóp trên mảnh đất hoang phế khô cằn. Chùa vắng tanh, lạnh lẽo. Tim mẹ quặn thắt xót xa. Mẹ thỉnh chuông và thấp nhang lễ Phật. Một ngôi tượng cô đơn, hư hoại loang lổ, bị phế bỏ lãng quên bao tháng năm dài vẫn khắc khổ chịu đựng và vẫn an nhiên hiện hữu ở chốn này. Chiêm ngưỡng tượng Phật, mẹ chìm đắm trong suy tư mệnh mang quên mất cả thời gian không gian, hốt nhiên mẹ cảm thấy tượng Phật sống động hẳn lên, Phật trao cho mẹ nụ cười thanh thoát. Thì ra, trong hoàn cảnh nào, thời điểm nào Phật vẫn hiện hữu như như tự tại ban phát lòng từ bi vô lượng cho chúng sanh các loài, cho mẹ. Nước mắt ràn rụa, niềm xúc động ngập tràn nghẹn ngào, rồi trong giây phút thiêng liêng đó, mẹ chợt ý thức trách nhiệm của mình với ngôi chùa năm xưa, nên thành tâm phát nguyện sẽ xả thân mình để bảo trợ cho việc trùng tu đạo tràng này.

Sau giây phút bốc đồng phát nguyện, mẹ mới giật mình suy nghĩ lại và nhận thấy rằng lời nguyện đó viển vông không phương cách nào thực hiện nổi. Ôi! Một mình mẹ làm sao đảm đương nổi trọng trách này! Mẹ có uy tín gì để kêu gọi quyên góp, mẹ quen biết bao nhiêu người đâu? Mẹ lại chẳng quen thuộc chốn này? Chẳng biết chùa do cá nhân hay cơ quan nào quản lý? Vị trụ trì là ai? có đạo tâm không? Mẹ đang phân vân tự hỏi mình thì có vị sư trẻ hấp tấp bước vào chùa. Sư ngạc nhiên trước người khách lạ, và tỏ ra ái ngại về sự lơ là chậm tiếp đón khách phương xa. Sư cho biết, thật ra, sư có nghe tiếng chuông nhưng tưởng rằng người Phật tử địa phương đến công quả lễ bái, và vì đang bận rộn chăm sóc mấy luống khoai sắn vừa bén rễ ở sau chùa, nên ráng lo cho xong việc mới vào. Thái độ ân cần lịch thiệp, và uy nghi đĩnh đạc của sư cũng khiến mẹ ngạc nhiên không kém.

- Xin lỗi, dường như thầy không phải là dân địa phương?, mẹ dò hỏi.

- Kể ra thì tôi chỉ có chút xíu gốc gác Quảng Bình mà thôi. Nguyên ông cố nội tôi, là người làng Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tổ đơn thân rời quê vào Nam lập nghiệp tại tỉnh Bình Dương từ thời Pháp thuộc, con cháu sau này chỉ nghe nhắc nhở tên ngôi làng tổ tiên, chớ chẳng ai biết được điều gì khác cả. Tôi sanh trưởng tại Thủ Đức, xuất gia tại chùa Vạn Đức, và chỉ được thầy gửi đi tu học các Phật học Viện miền Nam, nên địa phương này cũng xa lạ lắm. Tôi vân du lang thang đây đó, rồi quyết định dừng chân ở chốn này chưa tròn một năm, đạo hữu ạ!

Tình cờ gặp một tu sĩ miền Nam tại xứ lạ, lòng mẹ nổi lên niềm vui như tìm được người bà con thân thuộc, mẹ tíu tít : “Thảo nào, tôi thấy phong thái của thầy khác hẳn với những tu sĩ miền này! Lạ quá...!” Mẹ thật thà định hỏi : “ Sao thầy không chọn thị tứ nào phồn thịnh để dựng chùa, mà lại thua thiệt chui vào chốn khi ho cò gáy đói rách như thế này?”, nhưng mẹ ngưng lại kịp, nên ơ..ơ kéo dài rồi lên tiếng : “ Ô! miền đất này khô cằn đá sỏi!

Thầy lại là người Nam cô đơn, không thầy bạn, không thân nhân thì làm sao mà có thể sống nổi ở chốn này?”

Thầy mỉm cười hỉ xả đáp :

- Kể ra nếu đặt vấn đề “sanh sống làm ăn” thì quả thật muốn sống còn ở đây cũng gian nan lắm, nhưng nếu nghĩ đến chuyện tu tập thì nơi nào cũng tốt, nơi nào chẳng là đạo tràng phải không đạo hữu?

- O! Nhưng chắc phải có duyên cớ gì đặc biệt lắm thầy mới “trụ” ở đây chứ?

Thầy ngập ngừng, trầm ngâm khá lâu mới chậm rãi lên tiếng :

- Chuyện dài dòng và cũng có thể nói là lạ lùng hy hữu, nếu đạo hữu tò mò thì tôi cũng sẵn lòng kể rõ.

- Dĩ nhiên, là con tò mò lắm rồi!

Thầy mỉm cười :

- Đúng như đạo hữu đã biết, nếu không do nghiệp duyên chiêu cảm, nếu không được long thần hộ pháp dắt dẫn, thì chắc hẳn tôi đã không đến chốn này. Chuyện khởi đầu, là vào mùa kiết hạ năm trước, bỗng dưng tôi lại nảy ý xin an cư tại chùa Trúc Lâm, Huế. Khi lễ hòa thượng bốn sư xin phép lên đường, hòa thượng đang lơ đãng, đong đưa chiếc võng bỗng cất tiếng bâng quơ : “ Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ!”. Chẳng biết đó là nói vô tình hay một lời dặn dò cho riêng tôi như một thứ công án nào chăng? tôi ngỡ ngợ câu nói có nét tương tự như công án “Gặp Phật giết Phật gặp tổ giết tổ” của thiền tông, nhưng chưa kịp thỉnh ý thì bốn sư lại vui vẻ chỉ mô hình chùa Vạn Linh, núi Cẩm, Châu Đốc rồi nói tiếp : “Khi cần, khi gặp thuận duyên thì mình cũng nên phục hưng sự nghiệp của chư tổ! Con ạ!”. Thầy đưa tay tiễn khách, tôi ra đi với nỗi niềm thắc mắc giăng giăng. Mùa kiết hạ sắp hoàn mãn, liên tiếp ba đêm cuối cùng tại chùa Trúc Lâm tôi đều chiêm bao thấy rõ rệt Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiện đến khuyên bảo : “Con hãy mau mau về Bồ Trạch làm Phật sự để hoàn thành lời phát nguyện của con từ kiếp trước!” Tôi vốn không tin mộng mị, nhưng giấc chiêm bao cứ hiển hiện rõ ràng trong tâm khảm, khiến tôi cũng phân vân. Do đó, khi khóa hạ chấm dứt, thay vì trở về Thủ Đức như dự tính, tôi thuê chiếc xe đạp đùn rũi về phương Bắc, với túi lương khô dự phòng. Rời Huế, một thị xã sùng đạo, đến Quảng Trị, tôi nhận thấy sinh hoạt Phật giáo tương đối đã suy yếu, rồi khi bước vào địa phận tỉnh Quảng Bình, tôi mới choáng váng khám phá rằng đạo Phật ở đây có lẽ đã biến dạng tự bao giờ. Đường như, phần đông dân địa phương chưa hề thấy bóng dáng chùa chiền, họ nhìn lũ khách áo lam với ánh mắt xa lạ, vừa nghi ngại, vừa lạnh lùng. Tôi viếng thăm các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy, Phong Lộc, Bồ Trạch, tỉnh lỵ Đồng Hới, với tâm trạng hừng hờ chua xót. Một hôm, tôi đang ngồi thọ thực lương khô dưới bóng cây bên đường quê, ngoại ô thị trấn Hoàn Lão, bỗng có một gã trung niên sòng sọc bước tới, hẩn chằm chằm nhìn tôi oang oang cất tiếng : “Này anh! Anh làm nghề sư hở?”. Tưởng gặp phải công an, và bị đặt vấn đề hành đạo trái phép, tôi dè dặt đáp : “Đúng vậy, tôi là tu sĩ ở thành phố Hồ chí Minh. Tôi chỉ du lịch tỉnh Quảng Bình vài

ngày mà thôi”. “Ừ! Vậy thì anh phải đi theo tôi mới được!”. Thấy tôi ngần ngừ, anh ta nắm áo tôi nói một hơi : “Nội tui! Tuổi già cú đế rồi! Oang bệnh liệt giường gần ngum tới nơi mà lại sanh tật nhứt định đòi phải gặp sư thầy thì mới chịu chết! Tôi hỏi thăm lung tung chẳng ai biết, may tôi thấy anh mặc áo kỳ lạ này, hỏi nhóng chừng, dè đâu lại đúng! Vậy anh theo tui đi gặp ông nghen!”. Nghĩ đến nguyện vọng tha thiết của người sắp chết, nên dù trong lòng vẫn e ngại gặp rắc rối bởi luật lệ “tự do tôn giáo”, tôi vẫn lót tót bước theo anh ta. Cụ Năm, lão già bệnh hoạn tuổi đã ngoài 90, đang nhắm mắt nằm im lim dán xuống giường như một cái xác khô đét, quay quần bởi đám con cháu vài mươi người, vừa nghe báo cáo tìm được nhà sư, bỗng mở choàng đôi mắt tinh anh nhấp nháy ra dấu mời tôi tới gần. Tôi lên tiếng : “Tôi xin tụng một thời kinh cầu an! Cụ nhé!”. Cụ không trả lời, mắt đăm đăm nhìn tôi, rồi bỗng chấp tay kính cẩn : “Con cảm tạ Bồ Tát!”. Tôi hoảng hốt đĩnh chánh : Tôi chỉ là một tu sĩ tầm thường, xin cụ gọi tôi là sư chú được rồi!”. Cụ thều thào : “Thầy là Thanh Phong phải không?”. Tôi ngạc nhiên lặng người, đáp lí nhí : “Pháp danh tôi là Hoàng Nghiệp, còn Thanh Phong chỉ là bút hiệu khi còn trẻ! Sao cụ biết?”. Ông cụ cười, mà nước mắt cụ ràn rụa - trông ông cụ khỏe và tươi tỉnh hẳn ra – cụ không màn lý sự với tôi, chấp tay kính cẩn : “Con cảm tạ Đức Bồ Tát Quan Âm đã đáp ứng nguyện cầu của con, đã dẫn dắt thầy Hoàng Nghiệp đến gặp con trong giờ phút tối hậu này!...”, rồi hướng mắt sang tôi, cụ nói tiếp : “Bồ Tát Quán Âm đã báo mộng cho tôi về thầy. Thầy ạ! Tôi có tâm nguyện cru mang bao năm nay không giải bày cùng ai được, nên dầu bệnh hoạn già yếu khổ sở mà vẫn gắng gượng sống lây lất cho đến giờ này. Nay Bồ Tát đã dẫn dắt thầy hiện diện đúng lúc cho tôi có thể ủy thác tâm nguyện của mình. Tôi thỉnh cầu thầy hứa khả việc này hầu tôi có thể yên tâm nhắm mắt lia đời!”. Tôi ngần ngừ : “Miễn là việc cụ nhờ không trái đạo lý và không vượt quá khả năng của tôi, thì tôi sẽ cố sức mình hoàn thành tâm nguyện cho cụ!”. Cụ trầm ngâm giây phút rồi kể lể : “Bốn mươi năm về trước, hoàn cảnh tu tập vô cùng khó khăn. Chùa chiền bị theo dõi, Phật tử tránh né chẳng ai dám lai vãng. Rồi sư ông Giác Hải bị gán tội phản động, gởi đi học tập, ngôi chùa bị xâm chiếm biến thành trụ sở ủy ban nhân dân, tượng Phật, tượng Tổ bị vát ra ngoài hè chờ ngày họp dân lại đập phá. Thương thầy, thương chùa, mến đạo... tôi đón đầu tội cùng nhưng bề ngoài vẫn giữ thái độ vô tâm, ngay đối với vợ con cũng dè dặt chẳng hé môi than thở. Một hôm, có người bạn nổi khố, cùng đi chùa lễ Phật với tôi từ xưa, đang phục vụ trong quân đội nhân dân, mang quân hàm đại úy thuộc sư đoàn 19 đóng tại Thanh Hóa nghe tin sư ông lâm nạn trở về làng tìm hiểu sự tình. Anh gặp tôi dò hỏi, lúc đầu tôi lúng lờ “không thấy, không nghe, không biết”, nhưng anh cứ vặn hỏi mãi nên sau cùng đành tiết lộ hết sự thật. Dựa vào quân hàm, anh ta mạo hiểm tìm đến trại cải tạo thăm nuôi sư ông. Trở về, anh cho biết, sư ông già yếu khó sống sót, sư ông trần trời ủy thác chúng tôi bảo vệ tôn tượng chờ ngày trùng tu chùa, hưng long đạo pháp, ngoài ra, sư ông cũng tha thiết dặn dò chúng tôi rằng trong hoàn cảnh Phật Pháp bị cấm đoán hủy hoại như thế nào, chúng tôi cũng phải gắng sức thăm giữ lục tự Di Đà trong lòng. Mấy ngày sau đó, trời đổ giông, mưa cuồn cuộn như thác đổ, cơ nguy lũ lụt sắp diễn ra. Lợi dụng tình trạng cán bộ các ngành nhón nháo lo bảo vệ nhà cửa vợ con họ, trụ sở ủy ban nhân dân bỏ ngõ, chúng tôi lên vào mang tượng Phật, tượng tổ xuống xuống chở đi. Boi lang thang khá lâu mà chẳng tìm được địa điểm nào an toàn để cất dấu, cuối cùng tôi đành bậm gan mang về nhà, khoét một ngách sâu dưới ao, bọc tượng bằng vải áo mưa, vùi vào đó. Vài tháng sau sư ông qua đời, anh Thanh Phong bạn tôi bị chính ủy trung đoàn kiểm thảo về vụ thăm nuôi sư ông, đoạn bị đưa vào Nam công tác rồi tử trận vài năm sau đó. Trong mấy chục năm nay, lời dặn dò của sư ông Giác Hải tôi vẫn canh cánh

bên lòng, nhưng tôi chỉ có thể chuyên cần niệm Phật ngày đêm, còn chuyên trùng tu lại ngôi chùa xưa thì hoàn toàn vô vọng : Tôi chẳng biết tiên hành cách nào? Bàn bạc với ai đây? Khi đất nước vừa thống nhất, lợi dụng lúc đi thăm đứa con đang công tác tại thành phố Hồ Chí Minh, tôi có viếng vài ngôi chùa, tiếp xúc vài tu sĩ, hi vọng tìm được người có thể đảm trách công việc trùng tu, nhưng họ tỏ vẻ sợ sệt nghi ngại, nên tôi đành im lặng. Thế rồi, tôi chỉ biết ngày đêm niệm Phật A Di Đà và chí thành khẩn cầu Bồ Tát Quan Âm gia bị cho công cuộc trùng tu chùa Giác Hải, và nhiều lần, trong chiêm bao tôi đã được Bồ Tát an ủi và khuyên bảo hãy bình tĩnh đợi chờ Thanh Phong trở lại gánh vác trọng trách này...” Ngay khi ông cụ kể đến giai đoạn dầm mưa bão mang tượng đem đi dấu, tôi bỗng nhiên thấy hiển hiện trước mắt tôi diễn biến của tiền kiếp với từng chi tiết nhỏ, và hiểu rõ Thanh Phong ngày đó chính là tôi chứ chẳng là ai khác. Thảo nào, thuở nhỏ, tôi có niềm thích thú đặc biệt với hai tự Thanh Phong nên mới đặc ý chọn làm bút hiệu của mình. Chẳng chút ngần ngại tôi đáp : “Thanh Phong đã trở lại, dĩ nhiên là Thanh Phong sẽ nhận lãnh trách nhiệm. Thanh Phong sẽ xả thân này để trùng tu lại chùa Giác Hải, xin người bạn năm xưa hãy vững tâm”. “Đa tạ Thanh Phong! Có thể nào Thanh Phong cho tôi nhìn lại pho tượng Phật ngày xưa, trước khi lìa đời chăng?”. Không cần ai chỉ dẫn, tôi vội vã đưa đám thanh niên con cháu chủ nhà ra bờ ao, dưới gốc sung, nhờ họ đào sâu chừng hai thước đã khám phá ngay bảo vật trong lớp vải bọc mục nát, nhưng hai pho tượng bằng gỗ mít, chỉ bị phai màu, và lốm đốm loang lổ mà thôi. “Gặp Phật lễ Phật, gặp tổ lễ tổ”, tôi quì xuống đánh lễ rồi cung thỉnh tượng vào nhà cho cụ già gia chủ chiêm ngưỡng. Cụ Năm được đỡ ngồi tựa vào gối, rưng rưng ngắm tượng. Cụ yêu cầu tôi tụng thời kinh Di Đà, sau đó tôi hộ niệm cụ Niệm Phật. Tiếng niệm Phật của cụ nhỏ dần, nhỏ dần, rồi lặng yên. Cụ ra đi thanh thản, mặt mày tươi tỉnh, và cho đến khi tắt liệm, đỉnh đầu vẫn ấm áp, thân thể vẫn mềm dịu. Tôi tin chắc rằng cụ đã vãng sanh về cõi Tây phương Cực Lạc. Nhờ đám con cháu cụ, có người đang giữ chức vụ quan trọng trên tỉnh, và huyện vận động, và cũng nhờ chánh sách chiêu dụ du khách về thăm động Phong Nha, nên khuôn viên chùa xưa được hoàn trả lại, và mười tháng sau thì ngôi chùa lá đơn sơ đã được dựng nên...

- Phật tử ở đây có lẽ chẳng mấy người mộ đạo phải không thầy? Chắc họ cúng dường tề lắm, nên cả năm mà thầy chỉ dựng được mái lá sập xệ như vậy?

- Thật ra, phần lớn tài chánh dựng ngôi chùa tạm này là do con cháu cụ Năm yểm trợ, còn dân chúng quanh đây nghèo kiệt xác, mình đâu mong họ cúng dường, chỉ mong họ thỉnh thoảng lai vãng tới chùa để tụng kinh, nghe pháp... nuôi dưỡng đạo tâm mà thôi. Đạo hữu biết không? Đã quá nhiều năm xa vắng đạo pháp nên họ đã mất niềm tin, họ nghi ngờ băng quơ, lo ngại tốn kém nên mời họ đến chùa gian nan lắm! Họ viện dẫn đủ mọi lý do để từ chối. Tôi phải thực hành tứ nhiếp pháp, thăm nom săn sóc họ khi ốm đau, tặng họ viên thuốc cảm, một cục xà bông... tôi cũng theo họ ra đồng chuyện trò vừa tiện tay giúp họ nhổ cỏ, cấy lúa... nên dần dần tạo được mối tình thân rồi mới hướng dẫn Phật Pháp cho họ được. Hiện giờ, vào ngày lễ sám hối nào cũng có hơn hai mươi người tham dự, trong đó có một thanh niên vừa ngộ ý xin xuất gia vào mùa Phật đản sắp tới.

- Thầy có dự định xây chùa lại cho khang trang không thầy?

- Chuyện trùng tu là sở nguyện của thầy, nhưng hiện giờ thầy chưa dám nghĩ tới. Có hai chuyện thiết thực mà thầy muốn hoàn thành trước. Trước nhất là cần có một đại hồng chung. Tiếng chuông ngân bằng bạc khắp thôn làng, sẽ đi sâu vào lòng người và khơi dậy hạt giống Phật trong tàng thức họ. Điểm thứ hai là thầy mong hội đủ tịnh tài hàng tháng tổ chức cơm chay vào hai ngày lễ sám hối, mời Phật tử tham dự miễn phí tạo cho họ cơ hội gần gũi với chùa, với Phật...

Thầy trò thân mật bàn bạc đông dài cho đến xế trưa, người tài xế xe ôm đúng giờ hẹn rước mẹ về tỉnh lỵ đã lấp ló ngoài cổng, mà mẹ vẫn quyến luyến chưa muốn rời chùa. Thầy biết ý mẹ nên mời mẹ và cả người tài xế ở lại dùng cơm. Thầy lúi húi nhúm lửa, vo gạo nấu cơm, rồi ra sau sau chùa, hái đọt bí, đọt lang vào luộc. Mẹ vừa ái ngại vừa xót xa, tội nghiệp hoàn cảnh đơn chiết cực nhọc của thầy, muốn đỡ đần thầy một tay, nhưng cái bếp “hẹp té”, chẳng có chỗ chen vào thành thử chẳng có cách nào tiếp giúp cả. Có lẽ, hiểu bụng dạ của mẹ, thầy cười hề hà trấn an :

- Nấu cơm là chuyện bình thường của thầy mà, đừng ngại. Thầy vẫn thường nấu cơm mời người dân quê ăn cơm chùa với thầy cho vui! Ở nước Chúng Hương Đức Phật và chư Bồ Tát cũng mời Phật tử ăn cơm, quý Ngài thuyết pháp bằng thức ăn rất hiệu quả, đạo hữu ạ!

- Thưa thầy! Con hiểu ý thầy rồi! con sẽ ăn bữa cơm tinh thức, lợi lạc như nghe pháp vậy!

Bữa cơm thanh đạm, nhưng có lẽ đây là buổi cơm chay ngon nhất đời của mẹ, vì tất cả các món ăn : cơm, đọt bí, đọt lang, tương hột, cà pháo muối dưa đều đượm nhuần một hương vị đậm đà đặc biệt mà ít khi mẹ có phúc duyên cảm nhận : đó là đạo vị.

Khi chia tay ra về, mẹ quyến luyến chào thầy, và chân thành nói :

- Thưa thầy! Con cũng có liên hệ đến ngôi chùa Giác Hải ngày xưa, con nguyện tích cực góp phần trùng tu chùa. Khi về thành phố con sẽ vận động thân hữu yểm trợ việc đúc chuông và tịnh tài cho phần cơm chay hàng tháng tại chùa. Con hi vọng sẽ sớm liên lạc với thầy báo cáo kết quả.

Mẹ vét hết tiền mang theo, sau khi giữ lại vừa đủ phần tiền trả chuyến xe ôm, được năm trăm ngàn đồng, trao hết cho thầy :

- Còn tạm thời con xin cúng dường thầy số tiền mọn này!

Thầy lắc đầu :

- Thầy rất tán thán công đức của đạo hữu! Tuy nhiên, vì số tiền tương đối lớn thầy khuyên đạo hữu nên suy kỹ lại, đừng do xúc động nhất thời trước cảnh chùa nghèo xác xơ mà cúng quá sức. Nếu vì cúng dường mà tạo ra những khó khăn tiền bạc cho gia đình thì nên bớt lại, cúng dường vừa phải thôi!

Mẹ hơi ngạc nhiên, và hơi bất mãn vì chưa bao giờ gặp trường hợp “quá dè dặt” như thế này, có lẽ thầy nghi tiền này lai lịch bất chính chăng? Mẹ đáp nhanh :

- Con không bóc đồng đâu thầy! Con đã suy nghĩ rất kỹ và cúng dường theo khả năng của gia đình con! Nếu thầy nghi ngại lai lịch tiền thì con xin thừa rõ đây là tiền rất sạch do nghề nghiệp chân chánh làm ra! Con xin thầy yên tâm nhận cho!

- Xin đạo hữu đừng hiểu lầm! Chẳng qua vì Đức Phật dạy tu sĩ chỉ nhận cúng dường vừa phải như loài ong hút nhụy mà không làm phương hại đến hoa. Do đó, dấu chùa nghèo và cần tiền, thầy cũng không nỡ gây phiền toái cho những Phật tử hảo tâm có thể lâm vào cảnh khó khăn chật vật vì cúng dường mà thôi!

Về thành phố, khi nghe mẹ kể lại hành hoạt của vị tu sĩ trẻ giàu lòng từ bi, chấp nhận nếp sống cô đơn, đói rách tại một ngôi chùa lá tồi tệ để hoằng dương Phật Pháp, các thân hữu ai cũng xúc động, và ai cũng sẵn sàng đóng góp ít nhiều cho chùa Giác Hải. Tuy nhiên, giới thân hữu của mẹ toàn là các nhà giáo hưu trí, phần lớn sống cảnh chật vật gói ghém ăn tiêu, nên dù họ có mở rộng cõi lòng, chung sức gom lại cũng không đáng kể. Mới hôm qua đây, thầy Hoằng Nghiệp có thông báo mẹ rằng pháp huynh của thầy, trụ trì một ngôi chùa tại Tiền Giang, vừa ủng hộ chùa Giác Hải đại hồng chung cũ, vì chùa này vừa đúc một đại hồng chung mới lớn hơn. Như vậy, số tiền quyên góp của mẹ tuy ít ỏi nhưng đã dư thừa cho thầy Hoằng Nghiệp tổ chức cơm chay cả năm rồi.

Mỗi ưu tư lớn của mẹ, là yểm trợ thầy Hoằng Nghiệp xây dựng lại ngôi chùa nếu không khang trang, thì tệ nhất cũng lợp mái ngói, lót gạch, có kệ thờ, chuông mõ, kinh sách... như thuở xưa. Mà muốn được như thế, thì tiền tận lăm cũng phải có một ngân khoản từ mười đến hai mươi ngàn dollars. Số tiền này dân quê Quảng Bình đào bới đâu cho ra, còn mẹ đâu có đi ăn xin trọn kiếp cũng chẳng thấm tháp gì! Khi mẹ bạo gan phát nguyện với Phật tổ, thì mẹ đã nghĩ đến con rồi. Hưng ơi! Con ráng giúp mẹ nhen con! ...

Hưng xúc động bồi hồi, thương mẹ thật là thương! Mẹ chưa bao giờ ờ đòi hỏi con cái điều gì, nay bà đã lâm vào hoàn bất đắc dĩ phải lên tiếng cầu cứu như thế này, có lẽ cũng khổ tâm lắm. Hưng hiểu rằng mẹ rất thiết tha và mong đợi từng giờ từng phút tin mình, do đó, tuy chẳng mấy hứng thú với việc xây dựng chùa chiền, hoằng pháp, quyên góp cúng dường..., Hưng vẫn tức tốc gọi điện thư về cho mẹ, chàng bảo đảm sẽ có đủ ngân khoản cho việc trùng tu chùa trong vòng vài tháng nữa.

Sau khi hăng hái hứa hẹn mạnh dạn cho mẹ yên tâm, đến lúc bắt đầu suy nghĩ hoạch định chương trình hành động, Hưng mới chơi với chẳng biết phải làm cách nào cho ổn. Thỉnh thoảng, khi không tránh né được, Hưng buộc lòng đóng góp linh tinh cho chùa chiền, nhưng đích thân lập danh sách lục quyên thì chàng hoàn toàn chưa kinh nghiệm. Chàng đành tìm đến cụ Sáu, bác gia trưởng Gia Đình Phật tử ngôi chùa địa phương ấp ứng xin vấn kế. Sau khi nghe Hưng kể chuyện về vị tu sĩ trẻ miền Nam theo tiếng gọi của tiền kiếp đến vùng quê Quảng Bình dựng mái chùa lá hoằng pháp, bác Sáu cảm động cất tiếng tán thán :

- Hi hữu! Hi hữu! Đúng là chùa đất Phật vàng, chùa nghèo tỳ kheo đức hạnh! Thực tế là như vậy đó chú em ạ!

Tuy nhiên, khi Hưng “gạ” bác chủ trì việc lập danh sách bảo trợ thì bác từ chối quyết liệt, mời làm cố vấn bác cũng quày quạy lắc đầu : “Khó lắm! Khó lắm!”, rồi trầm ngâm khá lâu, bác mới ôn tồn giải thích :

- Mấy năm nay tại Âu Mỹ, chùa chiền mọc nhiều như nấm, mà chùa nào cũng xây dựng vĩ đại trị giá cả triệu triệu dollars và đã thường xuyên thống thiết kêu gọi Phật tử đóng góp, nên họ đã mời mồn lắm rồi. Do đó, tuy số tiền hai mươi ngàn dollars đối với bên này chỉ là một khoảng tiền bé nhỏ, nó chưa đủ chi phí để tráng xi măng cho bãi đậu xe của một ngôi chùa bình thường, huống hồ gì là một ngôi chùa nguy nga đồ sộ, nhưng muốn lạc quyền được số tiền nhỏ này đâu có dễ dàng. Thời buổi này muốn vợ vét tiền thiên hạ, nẻo chánh là phải do các bậc đại tôn sư, danh tiếng vang rền, trong buổi họp mặt đông đủ những nhân vật tiếng tăm, đích thân kêu gọi thì mới hiệu nghiệm, còn lấp lửng đường tà thì phải có hơi hướm thần bí linh thiêng, có bùa chú vẽ rồng vẽ rắn để chữa bệnh, cầu tài, mua may, bán đất thì mới ăn khách. Xem ra, lục đục thường tài như chú em dẫu có đi mồn mấy đôi giày, nói sùi bọt mép thì giỏi lắm góp nhóp được vài ngàn đô là tận cùng rồi!

Thấy Hưng lộ vẻ chán nản, bác Sáu an ủi :

- Tôi phân tách cho chú em nghe chơi nhằm nhắc nhở chú em hiểu đó là chuyện khó khăn vậy thôi. Phần chú em, chú em phải can đảm đứng ra gánh vác việc lạc quyền này chớ! Mình lo cho chùa mà, miễn là vận dụng hết sức mình là đủ, kết quả không thành vấn đề, được bao nhiêu cũng quý giá cả! Phần tôi, tôi sẵn sàng cúng dường một trăm đô đây, xin chú cầm lấy!

Thực trạng còn tệ hơn bác Sáu đã dự đoán. Hưng viết thư ngỏ trên mạng lưới, gọi điện thư vi vút, điện thoại lia lịa, rồi bèn chí đi gõ cửa khắp nơi bất chấp quen lạ hơn hai tháng trời, mà chỉ gom góp được một ngàn năm trăm đồng. Bí lòi, chàng phải “quyền biến” xư dụng vài tấm ảnh chụp hình trại cùi, trại tế bần, trại cô nhi... rồi mở “chiến dịch tình thương” lạc quyền tiền cứu trợ. Phương pháp này “ăn khách” với người Việt lẫn dân địa phương nên có mời khâm khá. Trong vòng một tháng chàng đã kiếm kê được gần bốn ngàn đồng, nhưng “nguồn tài nguyên” khai thác cũng sắp cạn rồi. Trong thâm tâm, Hưng muốn xuất tiền túi, bù thêm cho đủ mười ngàn gửi về Việt Nam cho tròn lời hứa với mẹ, nhưng bà xã chàng vừa nghe chồng “nói bóng gió xa gần” đã dấy “đong đong” như đĩa chạm phải vôi, rồi hét toáng lên :

- Oái giời! Bộ anh điên hả! Tiền bạc không dám ăn xài, lại đòi đem đi vất ngoài cửa sổ! Lan nói cho anh liệu đấy nhé! Một trăm đồng Lan cũng không đồng ý nữa, anh đừng mơ mộng bạc ngàn! Anh mà đụng tới tiền tiết kiệm hả! thì mạnh đường ai nấy đi đó!

Dĩ nhiên là Hưng không đủ can đảm chọn “con đường tự do”, chàng thua buồn ủ rũ, cố gắng tìm một giải pháp nào khác để khỏi thất hứa với mẹ, nhưng càng suy nghĩ càng thấy vô vọng. Tối hôm đó, Hưng vô tình nghe một chuyên viên tài chánh, bạn của bà xã, điện

thoại ga găm nòng đầu tư vào thị trường chứng khoán. Vụ ga găm này chẳng đi đến đâu, bởi lẽ, dù cô chuyên viên tài chính tài ba kia chiêu dụ cách nào, vẽ vờ viễn ảnh giàu sang như chớp ra sao, cũng không thể khiến cho vợ chàng, một chuyên viên thượng thặng chuyên bảo vệ kết sắt, động lòng nhả ra xu nào đầu tư cả. Thế nhưng, cuộc đối thoại đó lại ảnh hưởng đến chàng. Hưng nghe ngóng nhóm công ty liên hệ đến mạng lưới đang lên nên liều lĩnh mang tất cả số tiền lạc quyền được, âm thầm mua chứng khoán XYZ một hãng hoạt động về mạng lưới. May mắn làm sao là chỉ trong vòng hai tháng, chứng khoán đó lên vù vù, vốn lời đến hai mươi tám ngàn, khiến chàng thích chí quá chẳng muốn bán ra tí nào, nếu không có thợ mẹ thúc hối. Hú hồn hú vía, chỉ mấy ngày sau đó thị trường chứng khoán nói chung bỗng tuột dốc thê thảm, riêng XYZ thì tụt như chiếc dù đứt giây rơi vùn vụt, từ hai trăm nhảy xuống một trăm, rồi rớt mãi tới mức hai mươi đồng mới tạm đu đưa ở đó. Ôái! nếu chàng chậm chạp thì giờ đây chắc có mức độ thổ trồn biệt tằm biệt tích, chớ tiền bạc của thiên hạ đóng góp lỗ thua lỗ hết thì biết làm sao giải thích ôn hòa cho mẹ, cho bạn bè hiểu thấu. Kết toán vụ đầu tư chứng khoán đầy lợi lạc, Hưng giữ lại phần tiền dự trừ trả thuế, cộng với hai ngàn lộ phí, vẫn còn lại trên hai mươi ngàn cho việc trùng tu chùa. Hưng gửi điện thư thông báo cho mẹ thành quả lạc quyền, hẹn sẽ mang tiền về nước vào một ngày rất gần. Sau khi chuẩn bị tinh thần thật kỹ, Hưng ung dung về nhà, khui lon bia, nhắm nhấp lai rai, ngồi rung đùi cười khà khà khoe vợ :

- Hên quá xá là hên! em ơi! Sáng nay thằng Bob giới thiệu cho anh một lão cựu chiến binh Mỹ đã từng chiến đấu tại Việt Nam tánh khí rất lạ đời. Lão vừa nghe anh tả oán cảnh chùa chiền bị bom đạn tàn phá hư hoại liền động lòng ủng hộ ngay mười lăm ngàn. Chuyện dị kỳ là hấn nhút định ẩn danh, căn dặn anh thật kỹ là không để tên hấn, cứ ghi bừa một tên Việt nào đó, Tí, Ngọ, Mẹo, Dậu gì cũng được, miễn là anh phải đích thân về nước quay phim phát quà, sửa chùa cho lão thấy là tốt rồi! Anh ngần ngại đòi giới thiệu người khác thay mặt nhưng lão nặng nịch nói chẳng tin ai, mới là chuyện rắc rối chớ!

- Về thì về! Cứ trích ra một ít trong số lạc quyền làm chi phí, chớ có hại gì đâu?

- Aăy! Anh thấy lão xài sang nên giả vờ bàn ra : “Tao tính không đi vì muốn tiện tận tiền lạc quyền đến mức tối đa. Mình chuyển tiền về cho người trong nước lo thì có lợi hơn nhiều”. Lão nghe anh nói như vậy, ký ngay cái chi phiếu hai ngàn đồng nữa ra lệnh : “Mấy cầm tiền này làm sở phí, đừng nói dài dòng nữa!”

- Trời ơi! ngon lành như vậy mà anh chưa chịu đồng ý tức khắc sao?, bà vợ hỏi dồn.

- Dĩ nhiên là anh chớp ngay cơ hội bằng vàng này chớ! nhưng anh nghĩ hai ngàn thì nhiều quá. Anh định về nước xài tiện tận, khi trở qua sẽ mang trả lại ông ta phân nửa!

- Cái gì mà nhiều! Dự tiền thì lấy vé máy bay cho em đi theo, em cũng thích làm phước lắm chớ bộ! À! còn vụ đứng tên cúng dường thì sao? Anh định chọn tên nào vậy anh?, nòng trối giọng nhõng nhẽo.

Hưng ra dáng lừng khừng, đáp :

- Lúc đầu anh có ý đề tên anh, nhưng tên anh thì lão ta biết, thằng Bob biết, nên không ổn. Thôi thì anh mượn đỡ tên em vậy!

Hưng cầm bảng danh sách ân nhân bảo trợ chia ra :

- Nè! Em xem kỹ hàng cuối cùng kia! Dường như ai mang tên Diệu Soie Thái Lan gì đó phải không? Ý quên! Hi... hi...! Xin lỗi! Hi... hi! Rõ ràng là tên bà Diệu Gấm Thái cầm Lan chỉ ủng hộ “xiu xiu” mười lăm ngàn đô thôi! kinh thật!

Thấy vợ thộn mặt khoái trá xem tới xem lui bảng danh sách, Hưng mỉm cười lâm thâm :
“Diệu này rồi đây bảng công đức và hình ảnh tác oai tác phúc của nàng có lẽ sẽ được lồng khung treo đây nhà quá!”

Vợ chồng Hưng hí hửng mang tiền về đến phi trường Tân sơn Nhứt. Gia đình bên vợ ở nước ngoài, bên chàng chỉ còn cha mẹ, và gia đình cô chú. Chuyến đi của vợ chồng Hưng cũng đột xuất nên chàng đình ninh sẽ chẳng có mấy người đón rước. Chẳng ngờ, ngay khi còn đang làm thủ tục tại quầy hải quan, Hưng đã thấy lộ nhỏ đông đảo bà con xa gần xông xáo vẫy tay chào đón. Bước ra cửa, bà con xúm xích, mạnh ai nấy reo vui chúc mừng khiến Hưng xúc động, lính quính chẳng biết ai hỏi câu gì, và nên trả lời ai trước nữa. Cô dâu thoi thớt lướt nhanh tới trước, thân thiết ôm chầm bà già chồng. Bà già xúc động :
“Nhờ hai con mà ước mơ của má thành tựu khiến cho má vui sướng quá chừng hà! Niềm vui của má trở nên vô tận khi má biết rằng chính hai con đã phát tâm đóng góp phần lớn cho công cuộc trùng tu chùa, công đức vô lượng này hiếm có người làm được, a con!”. Hưng thì thầm : “Đó là ý kiến của Lan! Đó là tiền mà Lan đã cực khổ làm giờ phụ trội cất ca cất củm để dành đó má!” Bà già tròn xoe đôi mắt trôn trời nhìn cô dâu, nét cảm phục lộ hẳn ra ngoài. Lan ứng đối thật nhanh, nàng thỏ thẻ : “Chuyện nhỏ mà má! Miễn má vui thì anh Hưng vui, và như thế thì con mãn nguyện rồi! Má biết hong! Anh Hưng đi làm về là xách sổ đi đến tối mịt mấy tháng trời, không ăn uống ngủ nghỉ gì được, khiến con xót xa quá chừng hà!... Bởi vậy, vừa nghĩ đến nguyện vọng của má khó thành, vừa thương chồng cực khổ, con mới xúi ảnh lấy đại tiền tiết kiệm bù vào cho xong, má ạ!” Nói đến đây coi bộ Lan cảm động thật tình, nước mắt rung rung, khiến bà già chồng cảm kích cũng khóc ồ ồ... Nhóm đông bu quanh, ai cũng tranh nhau buông lời tán tụng, đưa Lan đến tận mây xanh, khiến Hưng lúng búng lỗ tai, hoa cả mắt, chẳng biết người con gái đó có phải đúng là vợ của chàng không nữa? Bỏ mặc cho đám đàn bà tí tê tâm sự với nhau, ông già đưa Hưng đi chào cảm ơn đám thân hữu hiện diện, đặc biệt có người hoàn toàn lạ mặt : những cụ ông cụ bà thuộc Hội Tương Tế Quảng Bình, mà mẹ mới truy tầm ra trong thời gian gần đây. Hưng hỏi nhỏ : “Ủa! Ba nói mình không mời ai kia mà?”. “Ừ! Thì tuy mình nhứt quyết như vậy, nhưng mẹ con dò kỹ danh sách cúng dường thấy vợ con dám chi một số tiền lớn lao, bả hãnh diện quá bèn cầm tờ giấy đi khắp hang cùng ngõ hẻm trong thành phố khoe khoang con dâu với bà con cô bác, thành thử mới xảy ra tình trạng tề tựu đông đảo như thế này”.

Khởi đầu chỉ là chuyện “Của người mà phước ta”, Lan được mọi người khâm phục tán thán nên phải ráng hành động chứng tỏ mình hiếu thảo, rộng rãi, giàu tình thương, khiêm cung, tóm lại nàng đúng là phản ảnh của mẫu người đạo đức thứ thiệt đã nhẹ nhàng cúng dường một số tiền to mà chẳng chút bận tâm. Do đó, Lan bỗng trở nên có những quyết

định rất ngoạn mục. Nàng mở rộng hồ bao, mua nguyên gói du lịch mời cha mẹ chồng cùng đi Vịnh Hạ Long, Phong Nha, Huế, đoạn dùng chân tại Quảng Bình, tham dự các chương trình do thầy Hoàng Nghiệp đã tổ chức theo yêu cầu của Hưng : phát quà tại trại cùi, trại dưỡng lão, trại khuyết tật, trại cô nhi, và cuối cùng là buổi lễ then chốt : “Lễ đặt viên đá đầu tiên trùng tu chùa Giác Hải”. Cũng chính Lan bao hai chiếc xe 55 chỗ ngồi cho thân hữu được miễn phí đi tham dự các buổi lễ chánh thức tại Quảng Bình, chương trình còn ưu ái kèm theo mục hành hương thập tự tại Đà Nẵng và Huế cho ai ai cũng thỏa mãn tối đa. Trong các chương trình phước thiện, Lan chẳng những không hề “tác oai tác phúc” như Hưng dự tưởng, mà lại dịu hiền thương yêu thăm hỏi, thân mật chăm sóc mọi người, nàng xử sự tự nhiên ngọt ngào như giòng nước êm ả tắm mát lòng người. Trong các chương trình phước thiện và nhất là trong buổi lễ khởi công trùng tu chùa, nàng luôn luôn được mọi người niềm nở và tán tụng là bậc đại thí chủ, nhưng nàng luôn luôn khiêm cung không dám nhận vinh hạnh đó. Trong khuôn viên chùa Giác Hải, khi bị mời lên phát biểu ý kiến với tư cách vị đại thí chủ, Lan ngượng ngập ấp úng : “ Kính thưa quý thầy. Kính thưa quý Ông bà cô bác. Con không dám nhận là đại thí chủ vì thật ra thì con không có lòng, cũng không có đạo tâm... hành hạnh bố thí như quý vị thương đã ban cho con. Trước đây con không biết gì là cúng dường, là bố thí cả. Nhờ theo chồng về nước con mới mở mắt ra và hiểu biết phần nào. Con học rất nhiều từ mẹ chồng con và của tất cả quý vị về tấm lòng thiết tha đối với đạo pháp, về tấm lòng thương yêu đùm bọc những kẻ bất hạnh. Con mới chính là người đang thọ ơn và vì lẽ đó con xin có lời chân thành cảm tạ. Con cảm tạ tất cả mọi người và đặc biệt là mẹ chồng con đã tạo cho con cơ hội để nhìn thấy và lắng nghe bao điều khổ đau bất hạnh trên đời, nhờ vậy lòng con mới mở rộng ra...” Lời phát biểu mộc mạc, chẳng có xử dụng ngôn từ nhà Phật nào to tát, nhưng lại gây xúc động sâu xa trong lòng người. Tiếng vỗ tay kéo dài, có kẻ quá cảm kích còn cất tiếng hoan hô, lại có người buột miệng tán thán : “Con người dịu hiền, khiêm cung làm sao! Nhỏ tuổi mà biết bố thí không phân biệt, biết hành hạnh Bồ Tát, thật là việc hiếm có!”

Sau phần nghi lễ là phần cơm chay tự chiêu đãi do Phật tử chùa Giác Hải tổ chức. Vợ chồng Hưng cảm đĩa thức ăn hòa nhập với nhóm Phật tử địa phương nghe họ kể chuyện bước đầu dựng chùa. Thầy Hoàng Nghiệp vô tình đi ngang bỗng dừng lại, hỏi một cư sĩ trọng tuổi, gầy yếu, nước da tái mét : “ Bác Đạo khỏe chưa? Nghe bác bị lụt cuốn sứt chết phải không?”

- Thưa thầy! Con khỏe ạ! Thưa thầy, con đi băng rừng mấy mươi năm nay, gặp lũ lụt là chuyện thường nên không đến nỗi nguy hiểm thầy ạ!

Lan tò mò :

- Xin lỗi bác làm nghề chi ạ?

- Tui là bưu tá đưa thư, cô ạ!

- Nghề phát thư sao phải lội rừng vậy? Bác đi rừng bằng bằng xe jeep hay SUV?

Thấy ông ta ra vẻ lúng túng chẳng biết giải thích cách nào cho cô Việt kiều hiểu rõ lẽ lối hành nghề phát thơ trong rừng núi, thầy Hoàng Nghiệp vội đỡ lời :

- Bác Đạo đây là người phát thơ thuộc huyện Bồ Trạch, nhưng bác thuộc tuyến đường đặc biệt là các thôn xã cực kỳ hẻo lánh của người thiểu số nằm rải rác trên những đỉnh cao của dãy Trường sơn, không có đường giao thông thuận tiện, chỉ có thể lội bộ : băng rừng, trèo đèo, lội suối... hàng mấy ngày trời mới có thể giao được một phong thơ mong manh cho người nhận!

- Ô! Nguy hiểm quá! Muỗi cắn chết luôn á!

- Muỗi mòng đen ghệt thì làm sao mà tránh cho khỏi! Cô coi da tui vàng khè như vậy nè! Đã sốt rét kinh niên như thế này, đâu còn sợ muỗi nữa, miễn là dự trữ đủ ký ninh để uống khi lên cơn sốt là được rồi. Tui chỉ phải cẩn thận tránh hùm beo rắn rết, còn lũ lỵ thì nó ập đến bất ngờ, thoát phen nào hay phen nấy cô ạ!

- Ghê quá! Bác thoát nạn mấy lần rồi? Làm sao mà thoát được vậy bác?

- Lớn nhỏ chừng mươi lần, nhưng chỉ có một lần suýt chết. Lần đó, mưa dầm cả tuần, nước ngập mông mênh, tui mắc võng trên cành cao, cột cứng thân mình trên đó cho khỏi té. Tui treo tòn ten như vậy, chịu đựng mưa gió, đói rã ruột đến năm ngày đêm, nước mới rút dần. Tui ráng lê lét leo xuống, lồm bồm mò tìm vài cành lá rừng không độc để nhai cầm sức, rồi cố gắng tiếp tục lên đường.

- Tội quá! Bác làm việc khổ cực như vậy, mà họ trả lương mỗi tháng bao nhiêu hả bác?

- Năm 1994 tui lãnh 15,000 một tháng. Bây giờ lương khá hơn, được 440,000 đồng, tính ra cũng gần được 30 đô cô ạ!

- Trời đất hơn! Với 30 đô thì bác làm gì để sống?

Bác Đạo nhe hàm răng cái còn cái mắt nở nụ cười để đỡ lời :

- Cũng vừa đủ tiền mua rượu cho tui uống ấm bụng trong khi đi đường, và nếu có dư chút đỉnh thì tui mua kim chỉ, lưỡi câu, thuốc cảm, thuốc rét... làm quà cho những kẻ trên non cao.

Thấy Lan vươn đôi mắt tròn xoe nhìn mình, bác Đạo xè xòa tiếp lời :

- À! Tui may mắn có được bà xã đảm đương bán buôn đủ sống rồi, nên đâu cần tiền bạc gì thêm nữa a cô!

- Lạ quá! Bác phải làm việc quá ư khổ cực, tiền bạc lại không ra gì! Sao bác không nghỉ quách đi cho rồi?

- Vợ con tui đều nói y như cô vậy đó. Tui thấy họ nóng lòng thúc hối mãi nên chiều ý đệ đơn xin nghỉ hàng mười lần, nhưng lần nào cũng tình nguyện đi làm lại, bởi vì Bru Điện huyện không tìm được ai chịu thay thế tui đi tuyến đường này cả! cô ạ!

- Tìm không ra người thì họ ráng chịu chứ! Bác hơi sức đâu mà lo?

- Lo lắm chứ cô! Không ai mang thơ lên cho dân tộc thiếu số trên non thì tội nghiệp họ quá đi! Cô biết không thơ nào đối với họ cũng có tầm mức quan trọng cả. Như mới đây, có điện tín báo tin người con trai ở bản Kờ Ru đang làm việc tại Thanh Hóa lâm nạn. Tui phải tức tốc mang điện tín đi suốt ngày đêm không nghỉ lên cho họ. Tới nơi chưa kịp lấy sức thì lại phải dẫn đường cho họ đi Tuyên Hóa để họ kịp thời thấy mặt con lần cuối. Những tin tức cần thiết như vậy, không mang lên cho họ thì sao đành bụng, cô ạ!

Bác Đạo bỗng ngưng lại, ngẩng nhìn về những ngọn núi xa xa, rồi mới chậm rãi nói lời :

- Thời chiến tranh, tui đã từng sống ở vùng rừng núi đó, xóm nào, bản nào tui cũng thân thiết. Ai tui cũng thương như cha mẹ anh em, đi phát thơ cho họ tui cứ coi như đây dịp tốt để tôi thăm bà con, tạo cho họ niềm vui vậy thôi! Tui nào cảm thấy khổ sở gì đâu? Mai đây, đâu có ngày nào trên đường phát thơ bị gục ngã chết bờ chết bụi, tui cũng cam lòng.

Thầy Hoàng Nghiệp tuy bận tiếp tân hàng quan khách, nhưng có lẽ vẫn lắng nghe cuộc đối thoại, thầy bỗng tới gần chấp tay long trọng xá bác Đạo, rồi ôn tồn cất tiếng :

- Bác Đạo ạ! Bác là người mang tâm lượng của bậc bồ tát! Tôi rất khâm phục, nên xin có lời tán thán bác!

- Tội con quá thầy ơi! Con chỉ làm việc phát thơ bình thường thôi! Con đâu có xây chùa, phát chẩn bố thí, cúng dường trai tăng mà được thầy quá khen như vậy!

- Bác Đạo ạ! Thật ra mình chẳng có thể đánh giá nghề nào là tầm thường cả! Đắp đất xây cầu tầm thường không? Nhưng đó cũng là hạnh nguyện của Ngài Trì Địa Bồ Tát. Còn phát thơ như bác, xả thân mang tin tức cho người mà không vì danh vì lợi, cũng là hạnh nguyện của Bồ Tát chứ sao!

Lan bỗng nêu thắc mắc :

- Theo thầy thì những đạo nghiệp như xây chùa, phát chẩn, cúng dường trai tăng có thể đương nhiên coi là hành vi Bồ Tát không?

- Có thể có cũng có thể là không! Mình không thể hời hợt nhìn bề ngoài để phán đoán được. Một đạo nghiệp lớn nếu phát xuất do lòng thành, không làm vì danh vì lợi thì đó là Phật sự, là hành Bồ Tát đạo, ngược lại, nếu thúc đẩy bởi danh lợi mà hành động là đã bỏ Phật để hội nhập với ma, hành ma đạo rồi.

- Eo ơi! Phật với Ma chỉ khác nhau tí xíu hả thầy!

- Đúng vậy đó, đạo hữu. Ma với Phật chỉ khác nhau một niệm mà thôi! Bởi vậy sư phụ thầy thường nhắc nhở chúng đệ tử là phải luôn luôn cẩn mật quán sát mình, kéo suốt đời ra về hùng hực làm Phật sự mà thật ra đã mọc nanh Ma Vương tự lúc nào!

Tháng 8.2004

Lời cuối truyện :

Truyện này được viết với lòng thành kính tán thán một nhân vật có thực : Ông Nguyễn duy Đạo, nhân viên hợp đồng của Bưu điện huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình. Theo ghi nhận của báo Lao Động (được Việt Báo, xuất bản tại Nam Cali ngày 25.8.2002 đăng lại), trong hơn 10 năm ròng rã, bằng đôi chân trần, trèo đèo, lội suối, chịu đựng nhiều lần lạc đường, lũ lụt, cạp beo tấn công..., trong con đỏi lả, sốt rét hành hạ, Ông vẫn trì chí bươn bả một thân một mình làm lũi giữa những con đường không mấy ai dám đi để mang thơ đến các thôn bản xa tít tắp trên rẻo cao, vách núi tai mèo ở vùng biên...cho các sắc dân : Ma Coong, Krai, Mày, Vân Kiều, Khùa... Ông Đạo chỉ được trả đồng lương vừa đủ tiền uống rượu ấm bụng trong khi đi đường (chưa đầy 30 dollars vào thời điểm năm 2002), nhưng ông vẫn vui vẻ hoàn thành sứ mạng của mình. Ông không thể nghỉ được bởi vì : “Bà con thương tui như rứa, làm răng tui nghỉ việc được. Mà nếu tui nghỉ việc e không có ai thay tui. Thiệt e không có ai”

---o0o---

An Tâm

Tuy không phải một thiền sinh chân chính, nhưng chú Sáu rất tôn quý hòa thượng Thanh Từ. Chú thao thức mong được hội kiến với hòa thượng, trực tiếp ngắm nhìn, lắng nghe hòa thượng ban pháp từ, và đôi khi tuy không hiểu thâm sâu lắm, chú Sáu vẫn cảm thấy đón nhận được sự tươi mát và niềm an lạc của hòa thượng từ một suối nguồn đạo đức vô hình nào đó tỏa ra, nâng đỡ chú thêm vững mạnh và tinh tiến trên con đường tu sửa thân tâm. Chính vì vậy mà khi hay tin hòa thượng sang Mỹ lần cuối cùng, trước khi vĩnh viễn nhập thất cho đến ngày từ giã cõi giả tạm này, tuy cư ngụ ở tiểu bang xa xôi, chú cùng bè bạn hâm hờ rủ nhau về thiền viện Đại Đăng, thị xã Bonsall, Nam California, để chiêm ngưỡng thầy.

Tuy nằm sát vùng biển Oceanside ồn ào, nhưng thị xã Bonsall lại là một địa điểm tịnh dưỡng nhỏ bé, thanh vắng, với những sân golf, trường đua ngựa, trang trại huấn luyện ngựa đua, nhà nghỉ mát... quây quần quanh những ngọn đồi con lúp xúp, mỗi ngọn đồi tọa lạc một ngôi biệt thự nguy nga, xanh um cây trái. Thiền viện Đại Đăng nằm trên triền đồi xinh xắn, có tầm nhìn rộng rãi quan sát phong cảnh thanh lịch khắp bốn phương. Chú Sáu tìm về Đại Đăng tương đối trễ, vào khoảng 11 giờ 30 sáng thứ tư 6.11.02, Phật tử khắp

nơi đã quy tụ về đông đảo, bãi đậu xe đầy ắp, nhưng nhờ khuôn viên rộng rãi, Phật tử dè dặt lời nói, nên thiền viện vẫn giữ được vẻ thanh tịnh trang nghiêm. Đây là ngày mà ban tổ chức dành riêng cho báo giới người Việt hải ngoại tiếp xúc phỏng vấn thầy. Phật tử ngồi san sát trong và ngoài chánh điện, xúc động lắng nghe từng lời giải đáp trong sáng của thầy, Chú Sáu nhận thấy có nhiều cặp mắt đăm lẹ, và tự hỏi có phải họ đã mũi lòng trước những lời dặn dò từ biệt thâm thiết của thầy chăng? Cuộc phỏng vấn sắp chấm dứt, Chú Sáu chỉ được nghe một ký giả trẻ thỉnh cầu thầy “ban cho lời dạy ngắn gọn nhứt để tu tập đạo giải thoát”. Thầy cười hiền hòa đáp “ngắn gọn thì không gì ngắn hơn câu chuyện an tâm của tổ Đạt Ma dành cho Ngài Huệ Khả”. Rồi thầy tươi vui kể lại sự tích xưa. Buổi lễ kết thúc với sự hài lòng của tất cả mọi người.

Nhờ được quý thầy cô hướng dẫn, Chú Sáu may mắn được diện kiến thầy vào buổi trưa. Thầy mỉm cười bảo : “Con lớn tuổi, trông hơi khác xưa!” Chú Sáu đánh lễ, lặng lẽ ngắm nhìn thầy thật kỹ để đón nhận lòng từ bi thánh thiện của thầy tỏa ra ngoài, rồi xin phép lui ra. Đối với chú Sáu, giây phút diện kiến thầy thật tuyệt vời, chú không muốn lên tiếng để phá tan nguồn xúc cảm dâng tràn, đang và sẽ nâng đỡ chú tinh tấn hơn trên con đường tu tập. Chú Sáu lưu lại hai ngày để có dịp tham dự thực tập thiền và cũng để tham dự buổi lễ xuất gia được tổ chức trang nghiêm và cảm động cho hơn bốn mươi tân sa di, sa di ni.

Khi Chú Sáu vừa về đến nhà, chưa kịp nghỉ ngơi thì có anh bạn pháp danh Tâm Không liên lạc viếng thăm. Vốn là đệ tử trung thành của hòa thượng, anh thiết tha chờ đợi thầy, nhưng nay gặp trường hợp bất khả kháng không đi chuyến xa được, đành háo hức chờ bạn về để hỏi han tin tức nóng hổi tại Đại Đăng. Anh bị tai nạn lưu thông tháng trước, không thể tự lái xe, nên nhờ Hải, người con lớn đưa đến. Hải ké né ngồi một góc. Chú Sáu bảo anh ta tự nhiên xem truyền hình, để đỡ nghe câu chuyện của hai ông già, mà chú tin chắc rằng anh ta rất chán ngán. Tâm Không rồi rít hỏi han lung tung từ chuyện sức khỏe của hòa thượng, đoàn tăng ni tháp tùng, lịch trình hoằng pháp, tương lai thiền phái sau khi thầy nhập thất vĩnh viễn...anh lại chuyển câu hỏi sang Đại Đăng, Ngọc Chiêu...vân vân và vân vân, khiến Chú Sáu chới với trả lời hệt cả hơi, mà dường như Tâm Không vẫn chưa thỏa mãn. Câu chuyện tưởng chừng sắp kết thúc, bỗng anh ta lại lên tiếng :

- Còn vụ họp báo như thế nào? Sao chẳng nghe anh kể chi tiết nào cả?

- O! Tôi đến trễ, nên chỉ nghe kể lại là diễn tiến buổi phỏng vấn rất tốt đẹp. Ngoài ra, đích thân tôi chỉ nghe một câu ký giả yêu cầu thầy ban một lời pháp “ngấn, gọn nhứt để tu tập đạo giải thoát!”.

- Trời! Tu giải thoát mà đòi ngấn gọn! Hóc búa thật! Rồi thầy đáp như thế nào?

- Tôi chỉ nhớ đại khái là thầy ôn tồn đáp : “Ngấn gọn nhứt thì có lẽ phải kể đến câu chuyện ngộ đạo của Ngài Huệ Khả. Nguyên sau khi theo tổ Đạt Ma tu tập một thời gian, một hôm Ngài Huệ Khả¹⁹ thỉnh tổ : “Tâm con chưa an! Xin thầy dạy con pháp an tâm”; Tổ đáp : “Người đem tâm ra đây ta an cho”; Huệ Khả thâm lặng hồi lâu rồi cất tiếng: “Con tìm tâm không thể được”. Tổ phán : “Thế là ta đã an tâm cho người rồi!”

- Khâm phục! Khâm phục! Chỉ cần mấy lời vấn tắt mà thầy đã đưa ra được pháp tu cao vút tuyệt vời!

Hải đang vớ vẩn xem truyền hình, bỗng buột miệng chen vào :

- Con thì chẳng biết tuyệt vời ở chỗ nào cả! Con chỉ thấy tối mò! Chẳng đầu đuôi gì hết! Kể không tìm ra tâm thì được tổ tuyên bố là an tâm rồi, là ngộ đạo! Sao mà dễ dàng quá, mà cũng kỳ dị khó hiểu quá!

Tâm Không nghe con chen vào câu chuyện của người lớn “phát ngôn bừa bãi” đụng chạm đến bậc cao tăng đạo hạnh, vừa tức, vừa thẹn, mặt đỏ bừng, nghiêng răng kệt kệt mà không thốt được tiếng nào. Có lẽ Hải không ngờ lời phát biểu của mình khiến ông già giận dữ chừng ấy. Anh ta thộn mặt chẳng biết phải đối đáp thế nào cho ổn. Cuộc đàm luận bỗng trở nên ngột ngạt khó thở. Thật ra, Hải không phải là một thanh niên hỗn láo, anh lớn lên và được dạy dỗ theo lẽ lối Hoa Kỳ, là ai cũng có quyền tự do phát biểu ý kiến, nên anh nghĩ sao thì nói vậy mà thôi. Chú Sáu hiểu tâm lý bọn trẻ, là phải giải thích suy luận hợp lý thì may ra chúng mới tuân phục, chớ không thể dờ dờ đàn áp theo lối “cả vú lấp miệng em” như ở Việt Nam được, nên cười giả lả lên tiếng :

- Cháu Hải ạ! Cùng một sách lược chánh trị y hệt nhau, nhưng nếu lời nói do một người dân quen đề xướng thì chẳng ai quan tâm, ngược lại nếu do một vị nguyên thủ quốc gia tuyên bố thì sẽ phát ra một huy lực mạnh mẽ. Điều đó đúng không cháu?

- Đúng lắm!

- Cũng vậy đó cháu ạ! Nếu cháu đích thân chiêm ngưỡng phong thái tự tại an nhiên của bậc cao tăng giác ngộ, nghe âm hưởng thoát tục thâm nhập lỗ tai mình, thì chắc chắn cháu sẽ cảm nhận ý nghĩa thâm sâu mầu nhiệm của câu chuyện hơn. Chớ giờ đây cháu chỉ nghe ông già lù khù đạo đức kém cỏi như chú kể lại, thì dĩ nhiên cháu thấy tối mù là phải rồi.

Hải nhún vai, cười khẽ ra vẻ không đồng ý, rồi lên tiếng :

- Bác nói vậy thì cháu nghe vậy, chớ... cháu khó nói quá!...

- Cháu cứ thẳng thắn trình bày, chú không phiền hà gì đâu?

- Thằng bạn cháu ở San Diego, có tham dự buổi họp báo trên đài điện thoại kể cho cháu câu chuyện này và than thở rằng “đã thử tìm tâm mà cũng chẳng thấy tâm đâu như Ngài Huệ Khả? Như vậy, liệu nó thừa với hòa thượng điều này thì nó được tuyên bố là đã an tâm, đãø giác ngộ không?”

- Thật ra, “người nói kể nghe” phải có một trình độ gần gũi nhau, thì mới thực sự có cuộc đối thoại. Cháu mà nói chuyện điện tử với bạn bè cùng bậc Cao Học điện tử như nhau dĩ nhiên hai người sẽ hiểu nhau ngay. Ngược lại, cùng đề tài đó cháu đem bàn bạc với chú trọn ngày thì chú cũng “bù trất”, chẳng thu thập được điều gì đâu.

- Ý của chú là phải có trình độ gần bằng hòa thượng thì mới hiểu được chẳng? Như vậy ngoài các bậc thượng căn thượng trí, xem ra rất hiếm hoi, có mấy người lãnh hội được câu chuyện này?

- Thật ra, như cháu biết đó, người ta đòi hỏi “một lời dạy ngắn gọn nhưt để thâm nhập đạo mầu”, thì Ngài đành chọn mẫu chuyện ngắn gọn nhưt có diệu dụng “chỉ thẳng chỗ rốt ráo” để trao truyền vậy thôi! Dĩ nhiên, muốn đón nhận lời dạy này của Ngài thì ít nhưt cũng phải là một “hành giả tu thiền chân chính dẫn thân cho sự nghiệp giác ngộ” thì mới mong thấu hiểu phần nào, cháu ạ!

- Tóm lại, vẫn là phải dày công tu tập thì mới lãnh hội nổi mẫu chuyện đạo cao siêu của Ngài phải không bác?

- Cũng không hẳn là như thế cháu ạ! Thật ra, một thiền sinh dù sơ cơ nhưng đã có vài kinh nghiệm trong sự nghiệp “chăn trâu” của mình, thì cũng có thể hiểu được đôi chút cháu ạ!

- Kỳ lạ thật, kinh nghiệm chẵn trâu, mà phát triển được cái khả năng này sao?

- Chẵn trâu là một thuật ngữ thiền, trâu tượng trưng cho tâm, chẵn giữ trâu có nghĩa là tu sửa tâm vậy thôi! Sự nghiệp tu thiền là sự nghiệp tu tâm, vậy nếu người ta ví von gọi là sự nghiệp chẵn trâu thì cũng không phải là lạ!

- À! Cháu có nghe nói đến 12 bức tranh chẵn trâu của nhà thiền, thì ra 12 bức tranh đó chính 12 bức địa đồ để tu sửa tâm phải không bác?

- Cháu hiểu đúng lắm! Cháu thử quan sát phóng ảnh của 12 bức tranh chẵn trâu treo trên tường, để có chút ý niệm về quá trình tu tâm của nhà thiền.

Chú Sáu chỉ Hải bức tranh thứ nhất, rồi tiếp lời :

- Đây là bức tranh có nhan đề là “Tìm trâu”. Ở đây, người hành giả sơ cơ tuy đã ý thức rằng tu là điều phục tâm, nhưng tâm vô hình tướng, hẩn ngẩn ngơ nhìn quanh mà chẳng thấy dấu vết . Tranh thứ nhì nhan đề “Thấy dấu chân trâu” không vẽ cảnh bên ngoài mà chỉ có một mình hành giả hăng hái săn tìm ra mấy dấu chân trâu. Ở đây, anh ta đã hiểu là phải tìm kiếm tâm ở bên trong. Nhờ biết nhận xét, tuy anh chưa khám phá ngay tâm tham, sân, si... đang xuất hiện, nhưng khi nó biến dạng thì những dấu vết tai hại, những đồ vỡ chũa xót của nó vẫn còn lưu lại, thế rồi anh bắt đầu thấy vết chân trâu. Sang tranh thứ ba thì mới “thấy trâu” được phần đuôi, sang tranh thứ tư, thứ năm thì hành giả “được trâu” và đích thực “chẵn trâu”.

Hải ngắm tranh thứ tư rồi cười nắc nẻ lên tiếng :

- Con trâu này coi bộ hung dữ quá mức a!

- Đúng vậy, khi vọng tâm tức con trâu mới hiện nguyên hình thì nó hoang đàng hung hãn lắm, vì vậy hành giả phải dùng “vàm thiền” cột trâu tâm lại một chỗ không cho loạn động, lại cũng dùng “roi giới” canh giữ, thì lần lần con trâu tâm mới thuần thực... Khi vọng tâm đã điều phục rồi, thì roi, vàm, công phu hay giới luật không còn cần thiết nữa, người mục đồng thông dong cõi trâu về nhà... đây là cảnh giới mô tả bởi bức tranh thứ sáu.

- Uả! Sao trong tranh thứ bảy không có trâu? Nó trốn đâu mất vậy bác?

- Do tâm khởi vọng nên mới thấy được bóng dáng vọng tâm, nếu không còn khởi vọng thì con trâu tâm lạng lẽ biến dạng, bức tranh thứ bảy vì vậy có tên là “Quên trâu còn người”. Tranh này có thể phản ánh phần nào tâm trạng của Ngài Huệ Khả mà hòa thượng đã kể ra đó. Sau bao năm tu hành, Ngài không còn khởi vọng nữa, nhưng vì Ngài chưa buông bỏ hoàn toàn vọng tâm, bóng dáng nó vẫn lảng vảng nên sanh tâm bất an. Đến khi Tổ Đạt Ma bảo Ngài đưa tâm để Ngài an, thì Huệ Khả mới sực tỉnh, hiểu tâm bất an cũng là vọng, nên buông bỏ, và vọng tâm không còn lảng vảng nữa, nên mới thưa rằng “Con kiếm mãi không thấy tâm đâu”, đến đây tổ Đạt Ma bèn tuyên bố : “Thế là ta đã an tâm cho ngươi rồi”.

- Ngộ thiệt! Khi mình chưa biết tu thì không thấy, không biết tâm, khi tu đến mực độ không còn khởi vọng, thì lại cũng không thấy tâm ở đâu cả! Hai tâm trạng này xem ra giống nhau quá! A ha! Tuy giống nhau mà thật ra lại khác hẳn một trời một vực phải không bác?

- Đúng vậy cháu! Người chưa tu và người đắc đạo cũng có điểm giống nhau, thế nên thiền sư Thanh Nguyên Duy Tín mới tuyên bố : “Khi chưa học thiền thấy núi là núi, thấy nước là nước. Sau khi được thiện tri thức chỉ cho chỗ vào thì thấy núi chẳng là núi, nước chẳng là nước, nay khi nhập vào chỗ tịch tĩnh rồi thì thấy núi chỉ là núi, nước chỉ là nước mà thôi!”.

- Thế còn ba bức tranh còn lại ý nghĩa như thế nào vậy bác?

- Khi vọng tâm biến dạng thì chân tâm hiển bày, đây là chỗ chư tổ kiến tánh, chứng ngộ bản lai diện mục vô thủy vô chung, là lãnh vực vô ngôn không thể nghĩ bàn nên chỉ tượng trưng bằng một vòng tròn, đó là ý nghĩa của bức tranh thứ 8, tức “trâu người đều quên”. Sau khi đã kiến tánh rồi, thì tiếp đến giai đoạn sống thực với cái mình đã ngộ. Hành giả, theo tranh thứ 9 là “về nguồn” tức là hội nhập với thiên nhiên trời đất, và theo tranh số 10 là “thông tay vào chợ” nghĩa là hội nhập với thế tục để độ đời. Nếu qui chiếu vào hành trạng của Ngài Huệ Khả, thì khi Ngài trình sở đắc của mình cho tổ Đạt Ma bằng thái độ lạng lẽ lể tổ rồi lui ra, là đã phản ánh đúng theo tranh thứ 8. Về sau, Ngài ẩn hình trong giới hạ lưu làm bạn với bọn đầu đường xó chợ, rồi đến cuối cuộc đời thì bị vu cáo, bị tù tội và chết trong ngục tù; đầu đường xó chợ hay ngục tù, trong hoàn cảnh nào tổ cũng ung dung hội nhập với đời, để sống thực với chân tâm mà cũng để tùy duyên cứu độ người. Hành hoạt của Ngài trong giai đoạn này có thể nói đã phản ảnh trọn vẹn các bức tranh số 9 và số 10 vậy!

- Nhờ bác giải thích, nay cháu mới hiểu đôi chút. Cháu xin hỏi thực bác nhé! Khi bác nghe hòa thượng ban thời pháp, bác có đạt được sự an tâm chưa, bác ngộ được điều gì kỳ diệu không?, Hải tinh nghịch hỏi tiếp.

- Ôi! Con trâu tâm của chú là thứ “Ngu ma vương”²⁰ hung hăng thiên biến vạn hóa, chặt đầu này thì nó lại mọc đầu khác ngay, sơ sẩy là tung hoành lục tặc, nên dẫu chú chẳng chẳng chần giữ bao năm nay mà có ăn thua gì đâu! Chăn trâu chưa ra trò trông gì mà bày đặt nói chuyện an tâm chuyện ngộ đạo, thì hoang đường quá phải không cháu?

Tháng 12.2002

Hư Thân Huỳnh trung Chánh

---o0o---

Bất Tăng Bất Giảm

Ước mơ thâm thiết của các bà mẹ Á Đông là mong được hủ hỉ với con cái suốt đời, dẫu rằng phải nai lưng phục vụ chúng cho đến mức hơi tàn sức kiệt cũng vẫn hài lòng. Thế nhưng, ước mơ “tâm thường” của thím Wong có vẻ đã bị đe dọa trầm trọng, kể từ khi hai cậu con lớn chọn những trường nổi tiếng thuộc miền Đông Bắc Mỹ xa xôi để tiếp tục bậc đại học rồi biệt không về nhà, “năm khi mười họa” chúng mới điện thoại về thì để chỉ nhằm than thở đang con túng thiếu cần tiền chi viện, chớ ngoài ra, chẳng cậu nào thực lòng nhớ tưởng đến bà mẹ già đang mòn mỏi trông ngóng tin con từng giờ từng phút. Thím vừa chua xót vừa ngay ngáy lo sợ cô con gái út sẽ bỏ nhà đi mất nữa, nên thâm dặn lòng sẽ dùng “trăm phương ngàn kế” để ràng rịt cô gái suốt đời mới được. Thoạt tiên, thím thuyết phục Lucy chọn đại học Cựu Kim Sơn, ngôi trường chỉ cách nhà có 20 phút lái xe, nên cô vẫn tiếp tục sống với gia đình đi học như thời trung học. Tuy vậy thím vẫn chưa thực sự an tâm, thím nghĩ mình cần phải chọn rể cùng chủng tộc và cùng sống tại Cựu kim Sơn, thì con gái mới không bỏ đi đâu được. Thím rao vòng vòng trong cộng đồng người Hoa, móc nối những gia đình có con trai xứng đôi, để úp mở tạo điều kiện cho chúng gặp nhau. Mặt khác, thím cũng thận trọng theo dõi đám bạn trai của con từng li từng tí, canh chừng từng chàng trai, mà hễ thấy cậu nào khác màu da, thì bằng cách này cách khác thím chê bai và kê khai đủ “tội” để “hắt cẳng” ra, đũa da vàng mắt xéch “tướng tá tạm tạm dễ coi” thì tán tưng thối phồng để “lôi kéo” vào. Sau bao năm miệt mài tranh đấu, xử dụng đủ mọi phương pháp cứng mềm : nói sùi bọt mép, nhỏ bao giọt nước mắt, làm mặt giận, mặt hờn...để lung lạc con, kết cuộc rồi, thím cũng

thành công như ý nguyện. Lucy tỏ vẻ khăng khít với anh chàng sinh viên cùng trường, cũng gốc gác Trung Hoa, nên thím Wong vui như mở cờ trong bụng, thím khuyên khích hai đứa chánh thức kết hôn, hi vọng sớm có cháu ngoại ẵm bồng. Một hôm, nghe loáng thoáng hai đứa bàn đến những địa điểm du lịch hấp dẫn, thím đoán “cá đã ăn câu” rồi, chắc mẽm là chúng đang chuẩn bị đám cưới và tuần trăng mật, nên thím hùng chí “thừa thắng xông lên” ga găm : “Sau đám cưới, nếu David về đây thì hai con có thể dọn vô phòng cũ của hai anh cho rộng rãi. Còn phòng của Lucy bây giờ thì để dành sẵn cho cháu ngoại của má! Hi! Hi! Nè, hãy ráng sanh con sớm sớm cho vui nhà vui cửa nhé!” Đề nghị hấp dẫn này, đáng lẽ phải được thẳng rẻ hoan hô nhiệt liệt, nhưng thằng David, tuy mặt mày người Hoa, nhưng lòng dạ rất ròng Mỹ, hẳn nghĩ sao nói vậy chẳng kể lớn nhỏ gì hết, và sẵn đang bực bội lối sống đại gia đình cổ lỗ sĩ mất tự do, nên buột miệng cười hô hô, rồi phang liền một câu “xanh dòn” : “Giỡn hoài bà già! Tụi này phải thử chung sống vài năm rồi mới tính chuyện cưới hỏi chứ? Còn cái con Lucy nó đâu còn bú, đâu cần vú em... mà bà đòi giữ riết trong cái nhà này mãi vậy bà?”. Thím Wong cứng họng chẳng nói thêm lời nào, chửi tiếng Hoa thì hẳn không hiểu, cầm bằng tranh luận bằng tiếng Mỹ thì chỉ có nước thua thiệt nhục nhã mà thôi. Thím chỉ biết dùng tình cảm mẹ con để lung lạc Lucy, cảm tuyệt con bé không được giao du với giống mất dạy đó nữa. Ngờ đâu, chỉ trong vòng hai tuần thì Lucy bỗng lặng lẽ cuốn gói dọn đến chung cư của tình nhân, rồi vài tháng sau, chúng đưa nhau đi lập nghiệp ở một tiểu bang xa lơ xa lắc, không dành cho thím một cơ hội cõn con nào để xen vào đời sống riêng tư của chúng nữa.

Thua buồn, vợ chồng thím Wong tìm đến cộng đồng người Hoa trong Hội cao niên để có cơ hội họp mặt với những người đồng hương cùng lứa tuổi, đang trăn trở bởi nỗi niềm cô đơn tại xứ người, để hàn huyên tâm sự, hoài niệm lại mảnh quê hương yêu dấu ở bên kia bờ Thái bình dương. Nếp sống bận rộn mới mẻ này đã giải tỏa phần nào nỗi chua xót thâm kín chôn chứa trong lòng thím, nhất là những khi thím khám phá được những bà mẹ đồng bệnh để “xổ bầu tâm sự”, và để cùng “hòa tấu” màn chửi đổng cái “xã hội cà chớn” và nền “văn hóa mất dạy” của tụi bọn Mỹ cho bỏ ghét. Quê hương rất dễ gợi nhớ qua mùi vị, nên nhóm thân hữu cứ tranh nhau tổ chức tiệc tùng, bà nào cũng trở tài nấu nướng, toàn là những món đặc sản, càng khó tìm gia vị càng quý giá. Mùa lễ Tạ Ôn năm 1959, thím Wong tản mạn bỏ ra mấy ngày trời rình rang chuẩn bị com nước để long trọng mời đám bè bạn mạc chược : vợ chồng Tchao, Shu và Liu tham dự tiệc liên hoan. Tuy nhân danh lễ Tạ Ôn theo truyền thống Hoa Kỳ, nhưng trên bàn tiệc chỉ toàn là món ăn Á Đông, chẳng có bóng dáng chú gà lôi nào hiện diện cả. Có lẽ chính nhờ đặc điểm này, mà đám thực khách hồ hởi ra mặt. Thím Tchao, khoái chí nếm

muỗng “súp” măng tây vi cá nấu với cua còn nghi ngút khói phù hợp khẩu vị mình, bèn hét toáng lên :

- Oái chà! Món “súp” này chị nấu thật tài tình! Tôi có thể đoán chắc rằng, trong khắp thành phố Cựu Kim Sơn này, kể các nhà hàng sang trọng cũng không đâu bếp nào nấu nướng tuyệt vời như chị!

- Nhất hạng là chị Wong mà!, thím Liu cũng hụ hợ tán dương.

Thím Wong cười hề hả: “Tui cũng vụng lắm! Chỉ ráng sức theo đuôi mấy chị mà thôi!”. Thím Shu, cũng vội vã góp ý :

- Chị quá khiêm cung thôi, chớ nghệ thuật nấu nướng của chị độc đáo không ai chối cãi được. Điểm đặc biệt là mừng lễ Tạ Ôn mà chị cho ăn toàn món Trung Quốc thuần túy, mới mà điều đáng hoan hô nhiệt liệt chớ! Tôi không hiểu nổi tại sao bọn Mỹ có thể ăn mãi cái món gà lôi nhạt nhẽo mà có thể chịu được kìa!

Chú Liu, ra vẻ nghiêm trang trịnh trọng lên tiếng :

- Có thể nói nghệ thuật nấu nướng là một kết tinh đặc trưng của văn hóa. Nước mình có cả mười ngàn năm văn hiến dĩ nhiên phải cao tột hơn một nước mới lập quốc vài trăm năm như Hoa Kỳ. Chẳng lạ gì, mà thực đơn của bọn Mỹ bất quá chỉ là những món hamburger, hot dog ngấy thịt... chớ tìm đâu ra được món ăn trang nhã, phẩm chất thanh cao thâm trầm như trong nghệ thuật nấu nướng của nước mình cho được!

Nghe Liu chê bai văn hóa Mỹ phù hợp với cõi lòng thâm kín của mình, thím Wong liền chụp ngay cơ hội bằng vàng, chửi đũa:

- Còn nói gì đến cái nền văn hóa mất gốc của nước này! Aên uống thì phạm phu tục tử, nói năng thì ngổ ngáo hỗn hào, không nhân nghĩa, không lễ giáo... chỉ có tiền, tiền, tiền... mà thôi!

- Chị phán đúng phúc hà! Người Mỹ họ tệ lắm! Họ thô lỗ, chớ đâu có đạo đức lễ nghĩa nhân hậu như người mình, một dân tộc nghìn đời được nuôi dưỡng và thấm nhuần bởi nền giáo lý tam cương ngũ thường Khổng Mạnh, a chị!, chú Tchau góp ý.

Chú Shu lắc đầu ngậy ngậy ra vẻ phản đối, rồi lên tiếng :

- Chuyện gì chớ cho rằng người Trung Hoa mình thâm nhuần đạo đức lễ nghĩa thì tôi không dám tin a!

Chú trầm ngâm giây lát, rồi lừng khừng tiếp lời :

- Tự hào là dân tộc lễ nghĩa làm sao được chớ, khi mà một vị tu sĩ, có thể nói là bậc đạo đức cao tăng tại lục địa vừa nằm xuống, thì ở tại đây, có nhóm cả trăm người Hoa đã hùa nhau xuống đường, giăng biểu ngữ hô hào lên án, bịa chuyện vu vơ để phỉ báng chửi bới! Đúng là cộng đồng mình bày trò vô liêm sỉ, chớ đạo đức ở chỗ nào đâu?

Thím Wong thoát nghe giọng “đâm bang” của chú Shu mà nóng mặt, thím muốn sùng sộ ngay, chùng nghe rõ ra, bỗng “hạ hỏa”, buồn hiu đáp :

- Anh Shu than phiền cũng phải! Một kẻ đại gian ác, khi đã nằm xuống rồi, người đời còn thứ tha không nữa chê trách nữa, vậy mà đối với một vị cao tăng, trọn đời hi sinh cho đạo pháp như Hòa Thượng Hư Vân²¹, mà có những kẻ bạo mồm đặt điều vu khống rồi ồn ào xuống đường la ó xỉ vả, trong nhóm đó lại có một đại sư mặc áo tràng hung hăng cầm loa hét vang, đúng là diễn thứ trò hề quái gở cho người địa phương chê bai đàm tiếu. Thiệt là xấu hổ quá chừng hà!

Thím Tchao đang dồn hết tâm lực ngòm ngoàm thưởng thức con chim bồ câu ra ràng dòn rụm, dường như không để ý với những lời bàn ngang tán dục của bè bạn, bỗng lên tiếng :

- Ủa có vụ ồn ào hấp dẫn như vậy, mà sao tôi không hay biết mảy may gì ráo kià? À, mà đầu đuôi nội vụ như thế nào vậy? Các anh chị!

Chú Wong ôn tồn giải thích :

- Hòa Thượng Hư Vân là vị cao tăng nổi tiếng từ thời Dân Quốc. Hòa thượng nhất quyết ở lại đại lục để tiếp tục hoằng pháp tại đạo tràng Chân Như, núi Vân Cư, tỉnh Giang Tây và từ trần tại đây vào đầu thu năm nay. Đại Sư Tuyên Hóa chùa Vạn Phật, vốn là đệ tử của Ngài đã tổ chức đại lễ tưởng niệm, thì bị một số người phá rối bằng cách xách động đồng bào biểu tình lên án hòa thượng Hư Vân là kẻ phản quốc vì đã chạy theo nhà nước cộng sản...

Liu ra giọng mỉa mai cắt ngang :

- Hừ! “Không có lửa sao có khói. Trống treo ai dám đánh thùng. Nị không ai dám đỡ mùng chung vô!”. Tôi nghe nói lão Hư Vân được Bắc Kinh trọng vọng lắm mà!

Thím Liu cũng hòa theo chồng :

- Nghe nói ông xây dựng ngôi chùa vĩ đại, nuôi chúng cả ngàn người, nếu không dính líu với nhà nước, không làm thầy tu “quốc danh” thì làm sao sống được với những kẻ vô thần?

Shu nóng mặt nhưng gắng giữ vẻ bình tĩnh đáp :

- Người ta cô tình chụp mũ Ngài, chớ Ngài ở lại là chấp nhận gian khổ, đói rách để hoàng dương đạo pháp mà thôi. Thật vậy, vào năm 1952, lực lượng công an huyện Khổng Nguyên đã tràn vào chùa Vân Môn bắt giữ, đánh đập vu cáo tăng sĩ chứa chấp vũ khí phản động, riêng Ngài đã bị chúng tra tấn tàn nhẫn ngắt xiù nhiều lần nằm liệt như xác chết trong 2 tháng trời, mãi cho đến khi cả thế giới lên án mới được chánh quyền trung ương can thiệp ra lệnh giải tỏa. Năm sau, nhà nước cưỡng bách Ngài lên Bắc Kinh hi vọng sử dụng Ngài làm bù nhìn cho tổ chức Phật Giáo mệnh danh “Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc” nhưng bị Ngài vạch rõ âm mưu nên bọn chúng bèn đày Ngài lên Lô Sơn “dưỡng bệnh”. Ở Lô Sơn Ngài nghe tin tổ đình Chân Như, núi Vân Cư bị tàn phá hoang vắng, nên xin được đến đó tu tập. Đây được Ngài trụ vào chỗ khi ho cò gáy, chúng yên tâm Ngài sẽ lâm cảnh “thân tàn ma dại”, đói rách rục xương ở đó. Ngờ đâu, Phật tử khắp thế giới gởi tịnh tài nườm nượp về cúng dường, tăng chúng trong nước len lõi tìm về đạo tràng của Ngài hợp sức công quả khai khẩn đất hoang để tự túc mà tu tập, do đó, chẳng bao lâu Ngài đã kiến tạo được một đạo tràng vĩ đại tại núi Vân Cư. Thấy đạo tràng sung túc, đất đai khai phá màu mỡ, chánh quyền địa phương lại chụp mũ rồi giam giữ Ngài nhằm chiếm đoạt tài sản Vân Cư. Một lần nữa, nhờ thế giới tự do cực lực phản đối, cuối cùng trung ương đảng buộc lòng hạ lệnh phóng thích Ngài. Tóm lại, hành hoạt của Ngài quang minh chánh đại, có như bọn người lớn hòng vu cáo đâu?

- Anh ở Hoa Kỳ mà lại rành chuyện lục địa quá ha! Anh nói ông không dính líu gì với nhà nước, vậy ai cử ông đứng ra tiếp đón phái đoàn Phật Giáo Tích Lan vậy anh?, Liu ra giọng mỉa mai.

Shu cũng hậm hực giải thích :

- Theo tôi hiểu thì vào năm 1953 khi phái đoàn Phật Giáo Tích Lan mang ba bảo vật là : xá lợi Phật, búi diệp tạng kinh, cây bồ đề tặng cho Phật Giáo Trung Quốc, thì lúc đó, với tư cách là cố vấn danh dự Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc, Ngài đã được cử ra tiếp đón. Năm sau, khi Hiệp Hội Phật Giáo này bị nhà nước giải tán để thành lập tổ chức khác mang tên Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc, thì chính Ngài đã chỉ trích và từ chối gia nhập tổ chức này, nên liền sau đó, Ngài bị cưỡng bách đi Lô Sơn, rồi đến Vân Cư...

Nhận thấy không khí có phần căng thẳng, chú Wong vội hoà nhã cất tiếng :

- Anh Liu à! những người sinh sống trong một chế độ độc tài đảng trị tại lục địa, thường xuyên bị rình rập kiểm soát, bị giam cầm, tra tấn, thủ tiêu, bất cứ lúc nào, thì khó mà công khai “chống cộng” ồn ào kiêu như bọn chúng mình được. Giới tu sĩ trong nước, vì đại nguyện hoàng pháp có khi phải chấp nhận hòa hoãn, nép mình, khổ nhục đắng cay để mà sinh hoạt, có lẽ mình cũng thông cảm được phải không anh?

Rồi mỉm cười nhìn chú Shu, Wong tiếp lời :

- Những vị cao tăng như Ngài Hư Vân, bao lần bị chụp mũ phỉ báng tội tặc, bị giam cầm tra tấn đến bất tỉnh, đạo tràng bị đập phá, cưỡng đoạt... vậy mà, lúc nào Ngài cũng vẫn an nhiên tự tại, đại hùng đại lực hoàng dương đạo pháp... đạo đức của Ngài lúc nào sáng ngời, có chế độ nào, có đoàn thể nào làm lu mờ nổi đâu? Vậy thì vụ hoan hô đả đảo nhỏ nhít tại Cựu kim Sơn có nghĩa lý gì mà mình phải lưu tâm, phải không anh Shu? Thôi! Anh em mình nên bỏ qua vụ này đi, để có thể dành trọn thời giờ lưu tâm thương thức những món ăn độc đáo của bà xã tôi chứ!

Thím Tchao cười hô hô :

- Ủ nhỉ! Đồ ăn ê hề, món nào cũng hấp dẫn đặc biệt, mà các ông anh bà chị cứ nhớn như bàn chuyện tào lao, rui ro tôi lỡ đại vét sạch, thì ráng mà chịu ghen, đừng than trách nhé!

Chú Tchao đang ngoạm cái đùi vịt nấu tiêu béo ngậy, cũng đành ngưng lại nhắc nhở :

- Ê! Chúng mình phải “đánh mau, quét dọn mạnh”, rồi vào sòng mạc chược nữa chứ!

X

X X

Chủ khách bắt đầu tung bừa thù tạc, thân mật chuyện trò toàn những đề tài thuộc loại “xe cán chó” vô thưởng vô phạt, tranh nhau kể chuyện tiếu lâm vui vui, và dường như đã quên hẳn vụ hoạn hô đả đảo gay cán lúc ban đầu. Tiệc vừa tàn thì vợ chồng chú Liu liền vội vã kiếu từ, viện lẽ thỉnh linh có bạn phương xa viếng thăm. Sòng mạc chược thiếu tay, nên vợ chồng chú Tchau cũng xin lui gót sớm, dĩ nhiên, là sau khi họ đã gạ gẫm gia chủ để “thu vét” vài món ăn hạp khẩu về nhà.

Khi chỉ còn lại hai gia đình, thím Wong mới thân mật lên tiếng :

- Hai anh chị có biết anh Liu thuộc thành phần quá khích không? Tánh ảnh lại đa nghi lắm, ai lơ mơ là ảnh “chụp mũ” liền hà!

- Dĩ nhiên là tôi biết rất rõ. Anh có sẵn trong tay tờ báo, và chính ảnh đã giựt giấy vụ vu không phải báng Ngài Hư Vân, chứ còn ai nữa!

Thím Shu tái mặt, cần nắn :

- Mèn đét ơi! Ông đã biết rõ như vậy, mà sao ông còn bày đặt đôi co tranh luận với hắn làm gì?

Chú Shu, chất lưỡi rồi đùng đình trả lời :

-Tôi nào thích cãi cọ với ai mà chi. Chỉ vì mình nghe người ta lên án sai lầm một bậc chân tu, mình cảm thấy có bổn phận phải trình bày sự thật vậy thôi. Chớ đúng ra đối với bậc chân tu đạo hạnh sáng ngời như Ngài Hư Vân, thì dù có kẻ tâng bốc thổi phồng hay có người chà đạp xỉ vả, thì cái đạo đức của Ngài cũng như như không tăng không giảm, không nhơ không sạch gì cả! Biết vậy, nhưng tánh tôi chuộng sự thật, cứ trình bày sự thật, còn thiên hạ tin hay không tin tùy họ!

- Đối với bậc tổ sư thì dĩ nhiên chẳng ai hoạnh hợc gì được rồi! Lo là lo cho phận tếp riêu của mình kia! Anh ngang bướng bày tỏ ý kiến khác hẳn, hẳn chụp mũ, phun nọc độc, xía xói suốt đời, thì mình chịu đời sao cho thấu?

- Minh hả! Mình là thứ vô danh tiểu tốt ở xứ này, nên dẫu ai thương mình cố nâng cái danh mạt hạng của mình lên thì nó cũng không lên được tí nào, còn cầm bằng họ chà đạp đè xuống, nó vốn đã sát mặt đất đất rồi, cũng không xuống thêm được nữa! Hi! Hi! Không thêm bớt, không dơ sạch, không thơm thúí gì cả mà bà!

Qua lời giải đáp “trót quớt” của đức lang quân, bỗng nhiên thím Shu trực nhận được rằng “cái danh” vốn không có tự tánh, danh đã không thì mũ chụp cũng là không, khen chê, thương ghét... cũng đều như vậy cả. Thấy được điều đó, thím cảm tưởng như đã vượt thoát khỏi sợ hãi, xa lìa được mọi mộng tưởng điên đảo... Thím mỉm cười. Thầm lặng trong lòng thím bỗng nghe rộn rã câu chú đà la ni nổi lên lạnh lốt như một bài ca nhiệm mầu : “Gate. Gate. Paragate. Parasamgate. Bodhi Svaha.”

Tháng 12.2003

---o0o---

Hồng Hạnh

Ngây ngất nằm trong vòng tay người yêu hưởng thụ những giây phút tràn đầy hoan lạc, mà lòng Hồng Hạnh vẫn vương vấn chút xiu bất an. Nàng cảm giác như vừa linh cảm có gì điều gì bất tường, có mối hiểm nguy đang đe dọa hạnh phúc của mình. Nàng bỗng sợ hãi ôm chầm người yêu khóc nức nở, rồi thổ thê:

- Ba mà biết chắc ổng giết em chết anh ơi!

Tân âu yếm vuốt tóc người yêu vỗ về:

- Tầm bậy nà! Chỉ còn có sáu tháng nữa thì mình sẽ chánh thức kết hôn, trước sau thì cũng vậy thôi, nếu rui ro ổng biết tội mình lỡ dại “cầm lòng hồng đậu” chắc ổng cũng thông cảm với tội mình mà!

- Mờ sao anh không xin làm việc ở Mỹ Tho? Đi làm chi ở Saigon, xa xôi quá chùng chùng hà!

- Hề! Hề! Mình mới đậu bằng thành chung, nạp đơn xin việc, được ở đâu thì làm ở chỗ đó, chớ đâu có quyền chê khen chọn lựa gì được. Aây! Được làm thông phán sở Kho Bạc Saigon như anh, bạn bè thèm thường lắm đó!

- Saigon to lớn, đẹp đẽ, giàu sang lắm lắm phải không anh?

- Dĩ nhiên rồi! Người ta ví Saigon là hòn ngọc Viễn Đông kia mà! Để bữa nào anh xin phép ba má đưa em đi Saigon một chuyến, để xem dinh thự lầu đài cao ngất, xem đường xá mệnh mệnh, ngựa xe dập dìu... Ủ! Cái Kho Bạc nơi anh làm việc vĩ đại không tưởng tượng được.

- Anh Tân à! Bấy lâu, sống kề cận nhau, giờ nghĩ đến lúc xa nhau em xôn xang quá anh Tân ạ! Anh nhớ về thăm em hằng tuần nghen anh!

- Dĩ nhiên là anh về hằng tuần. Bộ em tưởng anh không nhớ em sao? Anh trông đợi từng giờ từng phút để họp mặt kia mà! Thôi ráng chờ sáu tháng nữa, đám cưới xong mình sẽ công khai chung sống bên nhau, anh đâu em đó thì mới thỏa tình của chúng mình!

- Sáu tháng dài đằng dặc anh Tân à! Rủi có chuyện gì thì sao? Ô! Người ta nói con gái Saigon đẹp lắm phải không anh?

- Ay! Đẹp là nhờ tô son trét phấn, chớ đẹp sao bằng gái Mỹ Tho duyên dáng mặn mà.

- Mờ! sao em sợ con gái Saigon bắt cóc anh quá! Em mà mất anh, chắc em chỉ có nước cắn răng tự tử, chớ sống mà không có anh làm sao em chịu đựng cho nổi!

- Em xinh đẹp duyên dáng, gia đình giàu sang nề nếp, cả khối người ngắm nghía, anh phước đức lắm mới chiếm được em. Anh sợ sẩy thì mất em như chơi? Vậy về phần em thì có gì đáng sợ đâu? Phần anh mới đáng lo đây nè! Thật tình mà nói, mỗi khi nghĩ đến chuyện đưa em về Saigon chung sống, là anh phập phồng ăn ngủ không yên chỉ vì sợ mất em. Em biết không? Biết bao nhiêu người vợ trẻ vì không phân biệt được cái đẹp, cái sang giàu giả dối bên ngoài mà người ta ví von là ánh đèn màu nên đã bị cái bề ngoài hào nháng của Saigon quyến rũ đến nỗi đã phản bội chồng, khiến cho người chồng uất ức tự kết liễu đời mình. Vì vậy nên mới có câu ca dao như thế này:

Đèn Saigon ngọn xanh ngọn đỏ

Em xem không rõ, em tơ tưởng đèn màu

Rút gương đâm hòng máu trào

Đề em ở lại, kiếm được thằng nào hơn anh!²²

- Anh yên tâm đi! Em thề yêu anh suốt đời mà!

Thế rồi, hằng tuần Hồng Hạnh háo hức chờ đến trưa thứ bảy, thấp thỏm đứng dưới bóng cây da râm mát tại sân ga xe lửa, trông ngóng đón Tân. Thấy chàng, Hồng Hạnh muôn rú lên, nhảy phóc tới ôm chặt thì mới hả, nhưng nàng là gái con nhà gia giáo đứng đón chồng tương lai như vậy là quá bạo rồi, nàng đâu có thể biểu lộ tình cảm dạt dào lộ liễu ngay chỗ đông người. Vì vậy, nàng chỉ e lệ lấy nón che mặt, cúi đầu nhìn xuống cườoi chúm chím, mắt chớp chớp long lanh tí lệ cảm động, rồi rón rén bước theo người yêu giữ khoảng cách nửa bước chớ chẳng dám bước ngang hàng. Theo thường lệ, Tân dìu nàng lên chiếc xích lô, ra lịnh chạy lanh quanh qua các đường phố khu Toà hành chánh tỉnh, vòng khu nhà lồng chợ, rồi mới hướng về ngôi nhà nàng bên kia cầu quay. Lần nào thì Tân cũng ở lại nhà vợ chơi cho đến tối mịt mới ra về. Nàng có hai anh em, người anh đã lập gia đình và ra riêng, nên ngôi nhà rộng rãi nguy nga rất vắng vẻ. Cha nàng là vị cựu hương chủ làng Điều Hòa, đầu óc khá tiến bộ, rất thông cảm với tuổi trẻ, nhờ vậy đôi tình nhân mặc tình quấn quít bên nhau, trứng giỡn tâm tình chẳng có gì phải úy kị... và nếu may mắn, hai ông bà đưa nhau đi ăn giỗ, cúng đình... thì đôi tình nhân trẻ cũng hân hoan yên tiệc. Thỉnh thoảng, đôi tình nhân cũng đưa nhau đi dọc theo bờ sông Cửu Long đến bến bắc Rạch Miễu cho dâu tương lai thăm viếng cha mẹ chồng theo đúng đạo lễ, nhưng ngôi nhà bên chồng nhỏ bé, sạp trái cây chật chội, kẻ vào người ra nườm nượp, nên cả hai chỉ đứng xó rớ giây phút, rồi từ tạ đi ngay. Lật bật đến ngày cưới, đôi trẻ sung sướng tung tăng dẫn nhau sắm áo cưới, còn mọi chuyện đã có ông bà hương chủ gánh vác. Đám cưới tổ chức vô cùng sang trọng: nhà cửa trang hoàng lộng lẫy, xe hoa bóng láng, đoàn múa lân kèn trống hùng hậu, pháo nổ tung bùng xác ngập đở cả mặt đường, với hàng trăm thực khách tham dự... Bao bọc chi tiền đám cưới, ông hương chủ còn bỏ tiền mua căn phố lầu, cạnh rạp chớp bóng Moderne, đường D'Espagne, Saigon, trang bị đầy đủ vấit dụng đắt giá cho con gái làm cửa hồi môn, đó là chưa kể vòng vàng, hột xoàn cả rỏ và số tiền lì xì kếch sù góp nhặt trong tiệc cưới. Cuộc sống lứa đôi tại Saigon hứa hẹn tràn đầy hoan lạc hạnh phúc.

Tân vốn là con nhà nghèo, thông phán tập sự lương bổng eo hẹp, nhưng nhờ dựa vào danh tiếng gia đình vợ, chàng có thể tập tễnh làm sang giao thiệp với giai cấp quyền quí; cạy cục mãi, Tân được công tử Mỹ Tho Phước

George thu nhận làm đàn em. Công tử George là tay ăn chơi phong lưu nổi danh nhứt nước, nên theo đuôi công tử thì Tân cũng phải tiêu tiền như nước, cũng vào ra cao lầu vũ trường, ăn chơi nhậu nhẹt, kết duyên với ả phù dung, buông thả theo đám gái chơi hạng sang Ba Trà, Tư Nhị... Hết tiền thì móc túi vợ, cạn tiền thì nằng chỉ cần về thăm Mỹ Tho một chuyến, trở về thì tiền bạc lại rủng rỉnh ngay. Chớp được tiền thì Tân lại ăn chơi, bỏ mặc người vợ trẻ chờ đợi mỗi mồn cơm canh nguội lạnh, vợ thắc mắc thì Tân có trăm lý do ngọt ngào giải thích, nằng tiếp tục nhẫn nại thì Tân làm nư bỏ đi biệt, khiến nằng đau khổ vô cùng mà chỉ đành lặng lẽ ôm gối khóc thầm qua đêm. Thấy con cứ bòn rúc tiền bạc mãi ông bà hương chủ sanh nghi, ông bà cho người dò la nếp sống chàng rể, khi biết sự thật tệ hại, ông bà quyết định chấm dứt chuyện đùm bọc, trừ phi Tân xin thuyên chuyển về Mỹ Tho chung sống với cha mẹ vợ. Thế nhưng, lúc bấy giờ Tân đang say mê cô Năm Tú Lệ, em nuôi cô Ba Trà, đã thề thốt với người đẹp là sẽ bỏ vợ để xây tổ uyên ương, nhưng thiếu tiền nên ráng ăn nhẫn chờ thời. Do đó, một mặt Tân vâng dạ xin lỗi cha mẹ vợ, hứa sẽ tu tỉnh làm ăn, thay đổi nếp sống phong lưu cũ. Mặt khác, Tân bỗng cung chiêu săn sóc vợ, mua sắm trang phục, phấn son cho vợ, chàng lại ra về lo lắng cho tương lai sự nghiệp, và mong ước có cơ hội trở tài kinh doanh làm giàu nhanh chóng cho vợ được nở mặt nở mày. Một hôm Tân đưa một người lạ mặt về nhà giới thiệu là tay xuất nhập cảng đang trúng một lô hàng tơ lụa vốn một lời ba. Khách về, thì Tân liền gạ gẫm vợ, nên chụp lấy cơ hội bằng vàng này bằng cách bán căn nhà đường D'Espagne lấy tiền hùn hạp làm ăn. Tin chồng, nằng đồng ý bán nhà, hai vợ chồng dọn vào khách sạn Đông Pháp lữ quán ở tạm. Tân lại than thở hàng hóa đã vào kho rồi, công ty cần mớ tiền trả sở phí khuôn vác và kho hàng, nên òn ỉ vợ cho mượn đỡ mớ vòng vàng hột xoàn để tạm cầm thế lấy tiền mặt chi dụng trong vài ngày trong khi chờ đợi hót bạc. Sau khi vét sạch nhẫn tài sản vợ, Tân tròn biệt dạng bỏ vợ trợ trợ tại khách sạn, vừa sợ, vừa đói khát chẳng dám đi ăn uống một mình. Nằng nghĩ Tân buôn bán thất bại mất tiền nên đâm ra tự ái không dám về nhà, nên lò dò tìm đến sở Kho Bạc đón chồng, thỏ thẻ:

- Khách sạn toàn dân gì đâu ghê quá hà! Sao anh nỡ bỏ em chèo queo như vậy?

- Tui với cô sống với nhau không hạp! Thôi từ nay đường ai nấy đi! Cô đừng kiếm tôi mất công!, Tân lạnh lùng đáp.

- Thua keo này bày keo khác. Anh thua lỗ chút đỉnh đâu có sao! Em có trách móc gì đâu. Hay là mình về Mỹ Tho sống với ba má anh nhé!

- Tui đã có vợ khác rồi! Tui chán ngán cái bản mặt nhà quê của cô lắm! Tốt hơn, cô nên về ở với ông bà già, rồi muốn xin phá hôn thú làm gì thì làm.

Dứt lời, Tân bỏ đi một nước, chẳng cho nàng thỏ thẻ thêm một lời nào nữa. Hồng Hạnh chết lặng, nước mắt tuôn tràn mờ mịt, nàng phải đứng dựa vào vách mới không té xỉu. Hồi lâu, nàng thều thào một mình:

- Hỡi ơi! Anh thường lên án bọn đàn bà con gái trác nết mê ánh đèn màu giả trá chốn thị thành phản bội chồng con, ngờ đâu người bị quyến rũ lại là anh. Anh ơi! Anh đang tâm phụ bạc thì em đành chịu, chớ thân phận đàn bà thì em chỉ nguyện một lòng, một dạ sắt son chờ chồng.

Nàng ngậm ngùi ngậm nga nho nhỏ theo điệu hát ru em:

“Đèn Saigon ngọn xanh ngọn đỏ,

Đèn Mỹ Tho, ngọn tỏ ngọn lu!

Chia tay chàng, em nguyện giữ một chữ nhu

Chín năm em cũng đợi, mà mười thu em cũng chờ...”²³

Hồng Hạnh lủi thủi về Mỹ Tho khóc than với ông bà hương chủ, nàng cũng tỉ tê cầu cứu cha mẹ chồng. Cha mẹ chồng viện dẫn lý do xa xôi không biết gì về hành động của con, nên chẳng muốn can dự vào chuyện lung củng của họ. Phần ông bà hương chủ, tuy quá chán ghét Tân, nhưng thương con gái, ông bà cố gắng lên Saigon tìm hấn chửi mắng một trận, rồi mềm mỏng khuyên lơn dạy dỗ, phân giải tình lý, đoạn úp mở dùng tiền của làm mồi dụ dỗ hấn quay về với vợ. Nghe lợi lộc hấn cũng ham, hấn hứa hẹn lung tung, nhưng sau cùng thì đầu cũng vào đó. Hấn đã quá lạm cô Năm Tú Lệ, đã lún sâu xuống bùn đen, không còn phương cách nào rút chân ra được nữa. Thất vọng, ông bà hương chủ ép buộc con gái nạp đơn ly dị, nhưng nàng vẫn thiết tha thương chồng, nhứt quyết chờ đợi ngày chàng hồi tâm.

Hồng Hạnh rầu rĩ biếng ăn biếng ngủ, ngày đêm vò võ mong tin chồng, nhưng hình bóng chàng vẫn biệt tăm. Một hôm, trong khi nàng đang to tưởng chồng, đứng ngồi không yên, thì bà mẹ chồng bỗng hốt hải chạy đến, khẩn thiết lôi nàng đi Saigon tức khắc để gặp mặt Tân. Nhìn thái độ vừa nghiêm trọng, vừa ảo não của mẹ chồng, Hồng Hạnh suy đoán có lẽ Tân đã

bị rắc rối vì cảnh nợ nần “tứ giãng”, nên đành phải cầu viện đến nàng. Hồng Hạnh thoáng khó chịu, nhưng thương chồng nàng cũng thuê bao ngay chiếc xe, đưa mẹ chồng cùng đi Saigon. Lạ quá! Chẳng hiểu lý do gì bà già lại bảo tài xế lái xe đến bệnh viện Chợ Rẫy, rồi hấp tấp nắm tay nàng lôi một mạch vào phòng hồi sinh. Hồng Hạnh đến đúng lúc, để chỉ kịp vuốt mắt Tân, trước giờ phút lâm chung. Hỏi ra mới biết rằng chỉ vốn vẹn 6 tháng cung phụng tiền bạc cho tình nhân ăn chơi bài bạc Tân đã cạn “hầu bao”, hẳn không còn phương pháp nào xoay xử khác hơn ngoài cách thâm lạm công quỹ một số tiền to, khi nội vụ bị đổ bể sắp rơi vào vòng lao lý, cô Năm Tú Lệ không những chẳng hề lộ chút đoái thương mà còn xỉ vả hấn một trận toì bời rồi cuốn gói đi mất, khiến Tân đau khổ cùng cực, đành mượn thuốc phiện giấm thanh tự kết liễu đời mình. Bà mẹ chồng không gánh vác nổi chuyện chôn cất con, nên cố tình lôi kéo Hồng Hạnh lên bệnh viện trong giây phút cuối cùng để lãnh của nợ về an táng mà thôi. Hồng Hạnh ôm thây chồng khóc ngất, nàng khóc cho chồng mà cũng khóc cho số phận nghiệt ngã của chính mình. Dầu vậy, sau khi hoàn tất tang ma chồng, nàng chợt khám phá ra rằng mối tình chồng vợ yêu thương mù quáng da diết tưởng chừng như sẽ bền chặt như sắt đá đó, bỗng dung tan biến không còn chút dấu vết. Nàng cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm như vừa trút được gánh nặng lớn, một cục nợ oan khiên.

Người con gái nhút nhát thùy mị năm xưa đã sớm biến thành nàng góa phụ duyên dáng, dạn dĩ, khéo trang điểm, khiến bao nhiêu trái tim chàng trai Mỹ Tho phải rộn ràng. Bao thanh niên tuấn tú tranh nhau cật mai mỗi xin hỏi cưới nàng, nhưng vết thương đau bởi người chồng trẻ tuổi, tánh tình hời hợt bốc đồng mãi ám ảnh nàng, nên Hồng Hạnh nhất quyết chọn Thái, một người đàn ông góa vợ lớn hơn nàng đến 14 tuổi, đang giữ chức vụ lục sự tại Tòa án tỉnh nhà. Nàng tin tưởng rằng Thái là hạng người từng trải, tính tình chững chạc, chàng đã có địa vị và sự nghiệp vững vàng, nên chắc chắn sẽ thừa sức mang lại nguồn hạnh phúc lứa đôi mà nàng hằng mơ ước. Thái đưa nàng đi hưởng tuần trăng mật tại Đà Lạt, ngụ tại khách sạn nguy nga, sống phong lưu theo bậc vương giả. Về Mỹ Tho, sống huy hoàng trong ngôi biệt thự cất theo kiến trúc Tây phương, hàng tuần chàng lái chiếc xe Traction 15 đưa nhau lên Saigon “hóng mát” tại cột cờ Thủ Ngũ, thưởng thức cao lương mỹ vị tại chôn cao lầu, xem cải lương, chớp bóng hoặc đi nhau theo điệu nhạc du dương chôn vũ trường. So với Tân thì Thái là người chồng tuyệt vời. Đối ngoại, chàng là bậc hào hoa phong nhã, lịch lãm, giao du chôn nào cũng được mọi giới tôn trọng khiến nàng rất ư hãnh diện. Với vợ, thì chàng luôn ngọt ngào tặng tiu chiều chuộng khiến nàng ngây ngất đắm say. Đã vậy, Thái lại sành sỏi chuyện gói chôn, từng bước từng bước hướng dẫn

đã diu nàng lên tận đỉnh hoan lạc tận cùng. Do đó, có thể nói sống với Thái nàng được tận hưởng liên tục những phút giây sung sướng tuyệt vời nhất trên trần đời.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới lan dần đến Đông Dương. Vào năm 1933 giá một tạ lúa chỉ vồn vện còn có 9 cắc²⁴, lúa chất đống đầy bờ không bán được, ruộng đồng vì vậy bị bỏ hoang phé và giới đại điền chủ bị tổn thất nặng nề. Đau lòng vì gia sản ngày càng lụn bại, ông hương chủ lâm trọng bệnh rồi từ trần, bà hương chủ vốn đã yếu đau triền miên đành phải về nương náu với vợ chồng đưa con trai trưởng. Để an ủi người vợ bé bỏng, Thái thường tổ chức tiệc tùng vui nhộn cho vợ khuây khỏa nỗi khổ sầu. Một hôm, nhân tiệc sinh nhật thứ hai mươi ba của vợ, tổ chức tại nhà hàng Đại La Thiên, mặt ửng hồng ngà ngà say, Thái đứng dậy, tay nâng ly rượu Mai quế lộ mời bạn bè cùng nóc cạn để chúc mừng vợ, bỗng nhiên, chàng lão đảo buông rơi ly rượu, rồi ngã vật xuống bất tỉnh. Hồng Hạnh chết điếng lẫn lộn ôm chồng khóc nức nở, bối rối chẳng biết phải quyết định như thế nào? May sao trong đám bạn bè có người bình tĩnh khẩn cấp chở Thái đến bệnh viện Grall cứu chữa. Sáng hôm sau Thái lần lần hồi tỉnh, mạng sống tuy được bảo toàn, song tai biến mạch máu não sẽ khiến chàng bị bán thân bất toại suốt đời. Chồng vĩnh viễn tàn phế không khiến Hồng Hạnh tuyệt vọng, trong tình yêu thiết tha cao ngất của nàng, nàng chỉ cầu xin cho chồng vẫn còn sống để kề cận, chăm lo là hạnh phúc đã ngập tràn rồi. Hai tuần sau Hồng Hạnh đưa chồng về Mỹ Tho, ngày ngày tận tụy phục dịch người chồng bệnh hoạn. Nàng đích thân chăm sóc chồng từng li từng tí, để tâm nghe ngóng, theo dõi từng biến chuyển của cơ thể, tìm hiểu ước muốn khó bày tỏ của chồng để đỡ đàn “quạt nồng ấp lạnh”, tận mẫn nấu những thức ăn hạp khẩu nâng niu dứt mớm..., ngày này qua ngày khác, tháng này sang tháng khác, nàng bền bỉ chăm sóc chồng, nhọc nhằn gian khổ không kể xiết mà chẳng hề than van, chẳng một tiếng thở dài... Đến năm thứ ba thì Hồng Hạnh bắt đầu cảm thấy uể oải, đôi khi nàng thấy tình nghĩa vợ chồng vẫn đậm đà khôn xiết, nhưng thỉnh thoảng nàng lại bị những cơn khủng hoảng hành hạ, nàng chán nản cho số kiếp hẩm hiu mù mịt, chẳng biết đến bao giờ mới thoát khỏi con nợ nghiệt ngã bám víu đây? Đến năm thứ sáu thì người chồng yêu dấu năm xưa đã chuyển biến thành một khổ dịch hành hạ đầy ải nàng, phải cố gắng hết sức nàng mới đè nén nổi những cơn hậm hực bất thần cứ chực bùng nổ lên đổ tràn trên đầu con bệnh trầm kha. Thật là điều mâu thuẫn! thật là chuyện oái oăm! Giá như chàng chết trong vòng một hai năm thì tuy khổ đau nàng cũng hả dạ trong lòng sau một thời gian tận tụy chăm sóc chồng, ngoài ra, nàng lại có thể giữ trọn vẹn hình ảnh người chồng hào hoa yêu dấu mãi mãi trong tâm khảm làm nguồn an ủi cho suốt cuộc đời còn lại của

mình. Còn sống thoi thóp kéo dài dai dẳng như thế này thì tất cả đều thay đổi: chẳng những cả khối ân tình tan vỡ thành manh mún, mà thời gian cũng hủy hoại sức chịu đựng của nàng, rút rĩa sức sống của nàng, cướp mất nhân tính của nàng, và hỡi ôi! hình ảnh người chồng hào hoa phong nhã lý tưởng năm xưa, đã biến thành một thứ chùm gởi cục mịch lỳ lợm, bám sâu như đĩa đỏi... để dày xéo, hành hạ nàng triền miên, không một phút giây ngưng nghỉ. Nỗi khổ này một mình nàng phải cắn răng chịu đựng chớ chẳng thể thổ lộ cùng ai! Vì mấy ai thấu hiểu được nỗi khổ đêm ngày chồng chất, chán nản cùng cực mà phải gắng sức đè nén những tiếng nấc nghẹn, những cơn điên cứ chợt bùng nổ, để gương gạo chăm lo cho chồng làm lì như người máy vô tri. Lâm vào hoàn cảnh này nàng mới cảm thông và thương anh chị. Mẹ nàng đau yếu dai dẳng và chắc anh chị phải gánh chịu lắm nỗi nhọc nhằn khi phụng dưỡng bà, thế mà nàng nào chịu hiểu. Thỉnh thoảng viếng thăm mẹ vài giờ ngắn ngủi, chu cấp chút tiền, sắm thang quý giá, thức ăn bổ dưỡng... là đã vội hui hui tự đắc, tự cho rằng mình là đứa con chí hiếu, có quyền xoi bói, hoành hợc anh chị. Giờ đây, nàng mới hiểu ra rằng cung cấp tiền bạc bao nhiêu cũng không thể so sánh nổi với sự gian khổ liên tục mà anh chị đã tận tụy chăm sóc mẹ già trong những năm tháng dài.

Tình trạng khan hiếm âu dược trong thế chiến thứ II đã ảnh hưởng nặng nề đến sức khỏe Thái, chàng vốn chống chọi lâu dài là nhờ được tiếp tế loại nước biển bổ dưỡng. Thiếu nước biển Thái suy nhược nhanh chóng, và như ngọn đèn cạn dầu cứ yếu ớt lu mờ dần, cuối cùng đến tháng chạp năm 1945, tức là sau bảy năm thoi thóp trên giường bệnh, chàng mới chịu trút hơi tàn vĩnh viễn ra đi. Tình nghĩa phu thê tưởng đã khô cạn tự bao giờ, bỗng bùng dậy trở lại khi nắp quan tài vừa đóng chặt. Nàng khóc ngất, khóc mãnh liệt như chưa bao giờ được khóc, khóc cho nỗi buồn vui lẫn lộn của món nợ ân tình oan khiên.

Người đàn bà lứa tuổi 30 thật ra vẫn còn son trẻ, nhưng sau hai lần hôn nhân đâm đũa giọt lệ, Hồng Hạnh đã chán ngán cuộc sống lứa đôi, nên thầm nghĩ sẽ không bao giờ bước thêm bước nữa. Tuy nhiên, trong những đêm dài lẻ bóng trong căn nhà rộng rãi mênh mông, đôi khi nàng lại cảm thấy thiếu thốn nôn nao. Sáng hôm đó, chị bếp vừa xách giỏ đi chợ, nàng đang băng khuâng nhìn áng mây bên cửa sổ, bỗng thấy thầy y tá Thịnh lấp ló trước cửa. Thịnh thật ra chỉ là một y công ở lứa tuổi hai mươi, học chích tại bệnh viện tỉnh chừng hai tháng, và sống bằng nghề “chích thuốc dạo” theo toa bác sĩ. Trước đây, theo thường lệ, hằng tuần anh ta vẫn đến nhà tiêm mấy mũi thuốc cho Thái. Thịnh thường lộ vẻ thẹn thùng trước ánh mắt thân mật của nàng, lần này hẳn cũng bối rối áp úng hồi lâu mới lên tiếng:

- Thưa cô! Tuần trước chị bếp có dặn “khi nào rảnh đến tiệm cho cô mua thuốc khỏe”, em quên băng đi! Nay mới nhớ!

Hồng Hạnh cười dễ dãi:

- Ồ! Thì mới thuốc khỏe của ông còn dư, bỏ cũng tiếc, nên tôi tính xài cho hết vậy thôi! Chuyện chẳng có gì gấp gáp cả... Vậy, để khi khác nghe chú, vì hôm nay... ơ...ơ... chỉ có mình tôi ở nhà hà!...

Hắn ngập ngừng như định kèo nài, mắt chớp chớp, mặt đỏ bừng, rồi bỗng tiu nghỉu dợm bước lui. Thấy nét thất vọng hiện trên vẻ mặt thơ ngây của Thịnh, chẳng biết nghĩ sao Hồng Hạnh cảm thấy tội nghiệp quá, nàng đổi ý:

- O! Nếu chú muốn chích hôm nay cũng được! Chú đâu phải là người lạ mà phải ngại! Mời chú vào!

Hắn ké né bước vào nhà. Hồng Hạnh bước vào buồng ngủ, đang mở tủ tìm hộp thuốc, chợt nghe tiếng động, không nhìn lại nàng cũng cảm giác bước chân của hắn đã kề sát, hơi thở hắn dồn dập phì phà trên cổ nàng khiến nàng rùng mình rợn gai ốc. Nàng chưa kịp lên tiếng, thì hắn đã ôm chầm nàng, hun hít rồi rít, rồi bỗng nàng đặt trên giường ngủ. Nàng quính quíu cả tay chân, đầu óc tê liệt chẳng biết nên dùng lời lẽ gì để ngăn cản, nên ú ớ rồi lặng yên, buông xuôi để mặc hắn muốn làm gì thì làm. Trong cơn mê nàng chỉ biết thầm tự an ủi: “Chuyện đã dĩ lỡ rồi, đâu còn cứu vãn gì được nữa! Mặc kệ hắn, mặc kệ cuộc đời! Chuyện tới đâu hay đến đó, lo lắng chi cho mệt!”. Sau khi Thịnh ra về, nàng mới hoàn hồn nghĩ lại và thấy có nhiều điều không ổn: Chồng vừa nằm xuống chưa đầy ba tháng mà đã mở cửa đón trai thì dị hợm quá, huống chi, nếu cần đàn ông thì chắc chắn nàng có thể chọn những người tương đối có học thức và khá giả, chứ còn dốt nát và nghèo kiết như Thịnh thì chẳng xứng đáng với nàng chút nào cả. Do đó, nàng quyết định từ đây sẽ chặt dạ không để hắn lần khần nữa. Tuy đã dặn lòng cẩn thận, nhưng đến sáng hôm sau, khi bà bếp vừa ra khỏi nhà thì hắn đã mon men tới cửa. Vừa nhìn thấy thân thể cường tráng của hắn, chẳng biết tại sao nàng không còn tự chủ được nữa, nàng cuống quýt mở két cửa, rộn ràng nói rộng vòng tay. Hắn ra về thì nàng lại ăn năn toan tính chấm dứt liên lạc, hắn đến thì nàng vồn vã đón rước, điệp khúc này cứ lặp lại mãi cho đến lúc hắn công khai mang túi quần áo đến sống chung. Nàng bèn cho chị bếp nghỉ việc để không còn ai dòm ngó, nhưng thị xã Mỹ Tho nhỏ xíu, che dấu cách nào thì chuyện vụng trộm cũng đổ bể tùm lum để biến thành thứ tin

thời sự nóng hổi và cực kỳ hấp dẫn cho thiên hạ bàn ngang tán dọc. Đến nông nổi này thì nàng chỉ có nước lý lợm tuyên bố: “Thời buổi nhiễu nhương sống nay chết mai này có gì đâu mà sợ miệng lưỡi thiên hạ. Ai rảnh rang chịu khó đàm tiếu thì mặc xác họ!...”

Tuy tài sản của Thái vốn đồ sộ, nhưng sau bao năm phải trang trải chi phí thuốc thang đắt giá, đến khi chồng lìa trần, thì của nôi dành dụm cơ hồ đã cạn, Hồng Hạnh chỉ còn làm chủ ngôi biệt thự và mớ tư trang sính lễ ngày xưa mà thôi. Không thể kéo dài tình trạng ăn không ngồi rồi với anh chồng vô nghề nghiệp, Hồng Hạnh quyết định bán ngôi biệt thự Mỹ Tho, mang tiền lên Saigon, tìm phương cách sinh nhai. Ở Saigon thì “thân ai nấy lo, hồn ai nấy giữ”, nàng thỏa thích yêu cuồng sống vội với người chồng trẻ, khỏi phải ngay ngáy lo sợ bà con chòm xóm đa sự “trề”, “nhún”, khinh khỉnh nữa. Hồng Hạnh mua ngay một căn phố ở mặt tiền đường vùng Phú Thọ, do vị trí căn phố thuận tiện cho dự trù mở tiệm buôn nhỏ sau này, ngoài ra, nàng cũng ưng ý về căn phòng ngủ ấm cúng và cái nhà bếp khoảng khoát nhìn ra khoảnh đất nhỏ, đã sẵn có cối mít già, mấy khóm rau thơm và một chuồng gà sập xệ... Thế nhưng, tự thủa giờ Hồng Hạnh chỉ lẩn quẩn trong nhà, nấu nướng giặt giũ còn có kẻ ăn người làm lo lắng, nên suy tìm hoài cả năm trời, nàng chẳng tìm ra được ngành nghề gì hợp với khả năng cả, trong khi đó thì tiền bạc thì cứ rỉ rả hao mòn khiến nàng xốn xang tác dạ. Phần Thịnh, hẳn được nàng “thần phục” nuông chiều, nên cứ nhờn như lối sống vô trách nhiệm, phó mặc cho nàng gánh vác mọi chuyện, kể cả hành vi cục cung phục vụ hắn, điều đó cũng là lẽ đương nhiên dễ hiểu. Thật ra thì hắn không hề có ý “lắt hầu bao” hay trán lộn nàng quá đáng. Hắn chỉ đòi sắm cho được chiếc xe đạp nhôm hảo hạng hiệu Alcyon chùi láng bóng, lặn theo chút ít tiền cà phê, rồi nhong nhong cỡi xe đi chơi suốt ngày, miễn là khi về nhà có đủ hai bữa cơm thịt cá ê hề, kèm với chai la ve nhậu lai rai là vui vẻ rồi. Cơm nước không tươi tất thì hắn nổi sùng văng tục ngay, nhin thì tốt, còn dám hó hé lời qua tiếng lại thì hắn thẳng tay đánh đập chẳng chút xót thương. Sau bao ngày suy tính thiệt hơn, Hồng Hạnh liều mạng mở tiệm bán hàng vải, loại hàng hóa nhẹ và sạch sẽ, tương đối phù hợp với nếp sống nhưng lụa ngày xưa của nàng. Thế nhưng khu phố Phú Thọ quá bình dân, vải vóc là loại nhu cầu xa xỉ, thành thử cửa hàng lâm cảnh ế ẩm dài dài. Sau hai năm chịu đựng, nghiên cứu lại thị trường nàng quyết định bán đồ bán tháo mớ vải vóc, rồi xoay ra buôn bán chạp phô. Tiệm chạp phô đông khách, đồ đặc linh tinh đủ loại, có thứ nặng cần khiêng vác, mà không có chồng đỡ đần nên nàng phải thuê người phụ giúp. Buôn bán lẽ tiền lời lắt nhắt, thuê mướn người thì hao hót, nên cơ sở buôn bán của nàng cứ lụn bại lần, cuối cùng đành phải đóng cửa. Bà con lối xóm xàm xì rằng toàn dãy phố này đã

được xây cất trên miếng đất của ngôi chùa hoang phế xa xưa, các “vong” nghiệp nặng còn lẩn khuất đâu đây ám chướng, nên chẳng mấy ai khá giả cả. Nghe lời đồn đãi này, Hồng Hạnh lo lắng muốn dọn nhà đi chỗ khác, nhưng vốn liếng đã khô cạn, thay đổi chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong hoàn cảnh bi đát này, nàng quơ đại mấy con gà nuôi sau nhà làm thịt, cầu may mở quán cháo và bất ngờ món ăn này được thực khách chiêu cố, nhờ vậy, nàng thừa tiền sống qua ngày và lúc nào cũng có cặp đùi gà vàng hực sẵn sàng dâng cho ông chồng lai rai ba sợi. Từ khi phải cơ cực vật lộn với cuộc sống mới, “cô Ba Cháo Gà” Hồng Hạnh, cần cỗi mau chóng, nhưng ngoài những lúc phải đón nhận cơn thịnh nộ bất chợt của chồng, Hồng Hạnh vẫn cảm thấy hài lòng và hạnh phúc với người chồng trẻ.

Một hôm hấn đi không về khiến nàng phập phồng lo sợ, vì trong sáu năm qua dẫu say sưa với bè bạn thế nào hấn vẫn lết về nhà ngủ. Hôm sau hấn lững thững về nhà, tỉnh tuồng như chuyện bình thường, nàng vừa thắc mắc hỏi han thì hấn sừng sộ, đành êm ru nhẫn nhịn. Hấn bắt đầu vắng nhà thường xuyên, tuy sợ chồng nhưng ghen tức âm ức không nhẫn nhịn được, thỉnh thoảng nàng cũng cảm râm trách móc, dù mỗi lần cãi vã là mỗi lần bị đánh đập tàn nhẫn. Cuối cùng thì hấn đi luôn chẳng trở về. Ghen tuông lòng lộng, nàng đóng cửa quán cháo gà, đi khắp nơi han hỏi sục tìm hấn. Một bà hàng xóm cho tin rằng hấn “lấy” con Tám, bạn hàng cá chợ Cầu Ông Lãnh từ lâu, con nhỏ đã mang bầu sắp sanh rồi. Nghe chỉ điểm nàng giận run, lặn theo con dao phay, đón xe đi chợ Cầu Ông Lãnh tức khắc. Nàng rình rập thấy hấn đang kề cận thân mật với tình nhân, tiếp tay con “ngựa cái” thè lè bụng chữa làm cá. Tuy sợ chồng khủng khiếp và tuy thấy con đó đang cầm con dao lạng vảy cá bén ngọt, nàng vẫn điên tiết phóng tới điểm mặt hét: “Đồ con đi thú giết chồng...” Nàng chưa hét hết câu thì đã bị Thịnh nắm cổ lôi đi xềnh xệch. Sức hấn mạnh như voi, nàng lại sợ hấn như cọp dữ, nên đành cam hòng riu riu đi theo hấn đến chỗ giữ xe đạp. Hấn bảo nàng ngồi lên yên sau, đèo nhau về nhà. Nàng mừng mừng tủi tủi thầm nghĩ : “Chồng chịu về nhà là thắng lợi lớn rồi!”. Chừng bước xuống xe, nhìn bản mặt hung tợn của hấn, nàng mới hốt hoảng van lạy lia lịa. Lạnh lùng chẳng nhếch môi, hấn nắm đầu nàng lôi vào nhà, đóng kín cửa, cột tóc nàng vào chân giường, rồi mới nghiêng răng kèn kẹt gằng từng tiếng: “Tao đập cho mày bỏ cái tật ghen tuông! Nghe chưa?” Dứt lời, hấn bắt đầu đánh đá nàng tơi bời, mặc cho những tiếng rên khóc thảm thiết và những lời van xin năn nỉ của nàng. Khi thấy nàng ngất xỉu nằm im lìm, hấn mới dừng tay định bỏ đi, nhưng cơn giận chưa nguôi nên hấn vừa bước tới cửa bỗng quay trở lại, lấy kéo xõn hết tóc nàng, rồi ung dung cỡi xe đạp ra đi. Hồng Hạnh lần lần hồi tỉnh khi trời vừa sụp tối. Toàn thân đau đớn rã rời, nhưng cái đau thể xác đó chẳng thấm

tháp gì cả nếu so với nỗi chán chường khổ não chất ngát trong lòng. Nàng đã đánh đổi tất cả chỉ vì hấn để cuối cùng lãnh lấy kết quả phũ phàng tàn nhẫn ngày hôm nay. Tuyệt vọng, không lối thoát, nàng quyết tâm tìm cái chết. Nàng lê lét lục tìm được sợi giây khá chắc làm thòng lọng, mang ra sau vườn nhắc ghế máng lên cành cây mít, đút đầu vào, rồi hất chiếc ghế ngã nghiêng, buông tay treo tồn ten...

Hồng Hạnh cảm thấy ngộp thở, rồi thân người nàng chao đảo, đoạn lao vùn vụt xuống một hố thâm đen ngòm, đang rơi, bỗng nhiên nàng nghe tiếng gọi: “Thí chủ! Thí chủ! Biển khổ mênh mông, mà hể biết quay đầu thì sẽ thấy bến bờ!”, thì bị hất văng trở lại. Nàng nhòm dậy chợt thấy có vị vân y vàng đứng trước mặt, vội quì xuống lạy liên hồi:

- Kính lạy Bồ Tát Quan Âm. Con xin cảm tạ Ngài đã cứu vớt con.

Người mặc y vàng từ tốn:

- Ta chẳng phải là Bồ Tát Quan Âm và cũng chẳng phải là người đã cứu thí chủ. Ta chỉ là một phàm tăng, đã từng là pháp đệ của thí chủ từ kiếp trước, theo duyên nghiệp đến đây gặp thí chủ để nhắc nhở chuyện xưa.

- Thân con như vậy mà đã từng làm huynh đệ với Sư sao? Chuyện lạ quá, con không thể tin hiểu được?

- Cuộc đời huyễn hóa này thật khó ước lường, nhưng tất cả diễn biến đều do nghiệp duyên chằng chịt lôi kéo mà hiện hành, ngay như tên Hồng Hạnh của thí chủ cũng là tiền duyên. Kiếp trước chúng ta là đệ tử của thiền sư Như Hóa, trụ trì chùa Đại Giác, tỉnh Biên Hòa, thí chủ mang pháp danh Hồng Hạnh, và ta là Hồng Huệ, tính theo kệ truyền phái của tổ Đạo Mân, thì chúng ta là hậu duệ đời thứ 39 dòng Lâm Tế²⁵. Trong khi chúng ta cùng tu học tại Giác Lâm, ta mãi say đắm Pháp Bảo Đàn kinh, mà không am hiểu đến nơi đến chốn nên sanh tâm cuồng ngạo, lúc nào cũng ngông nghênh sánh mình là bậc thượng căn thượng trí trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật. Lúc đó pháp huynh thương tình nhắc nhở ta: “Đệ tử coi mình ngang hàng với Phật, với Tổ, nhưng Ông Phật Hồng Huệ có khi nào thường trực quán sát tâm mình, thử coi mỗi ngày tâm mình thanh tịnh được mấy phút chẳng?” Ta giựt mình nhìn lại con người thật của mình, và càng nhìn lại, ta càng thấy rõ tâm ta loạn động liên miên, sơ hở một chút là dun rũi theo tham sân si chẳng dừng lại được. Ta biết ta hư đốn khó chữa trị, bèn lui về nương với sư phụ ngày đêm sáu thời lễ bái sám hối và niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh Cực

Lạc. Ta may mắn được vãng sanh và nhờ vậy mà hôm nay có thể nương theo hồng lực của Đức Phật A Di Đà gặp thí chủ để nhắc nhở đôi điều.

- Sư cho biết kiếp trước con cũng là tu sĩ như sư. Tại sao sư tu đắc đạo còn con thì ra nông nổi như thế này? Chuyện mù mịt khó hiểu quá sư ạ?

- Kiếp trước, thí chủ chính thực là một tăng sĩ tài hoa nổi danh một thời nên sớm được cung thỉnh về trụ trì ngôi chùa cổ tại chốn này. Thí chủ hãy quay trở về với dĩ vãng, nhìn lại hành hoạt của mình tại chốn này để hiểu biết nghiệp duyên của mình thì sẽ rõ hơn. Thí chủ nhớ ra chưa? Sau khi nhận lãnh ngôi chùa, thí chủ sửa sang chỉnh đốn tất cả, và ở ngay địa điểm này đây, thí chủ đã đích thân trồng cây mít này! nó được gắn gũi với cửa Phật, có linh tánh²⁶, đối với thí chủ ân tình vẫn đậm đà nên đã chẳng nở chứng kiến cảnh thí chủ lìa trần...

Hốt nhiên một cảnh chùa bỗng lần lượt hiện ra rõ ràng nước mắt, Hồng Hạnh thấy mình trong tư cách một nhà sư uy nghi đang phát họa kế hoạch tái thiết ngôi chùa tâm thường sở tại thành một ngôi già lam nguy nga vĩ đại. Sư đăng đường thuyết pháp, hướng dẫn Phật tử tu tập, uy danh lan rộng dần, rồi bắt đầu vận động quần chúng đóng góp tài vật cho công tác Phật sự. Đệ tử tề tựu về quy y với sư khá đông, giới xuất gia có bảy vị đứng đầu là sư chú Nhựt Tân, các sa di Nhựt Thái và Nhựt Thịnh, phần tại gia cư sĩ có đến hàng ngàn người. Bạn bực với kế hoạch phát triển sư chưa có thời giờ lưu tâm đến việc dạy dỗ đệ tử về nội điển, sư chỉ tạm hướng dẫn vài phương pháp xã giao cần thiết để xử dụng nhất thời khi tiếp xúc với thiện tín mà thôi. Tuy vậy, sư khéo léo xử dụng đệ tử theo khả năng nên rất được họ phục tùng. Nhựt Thịnh dốt nát, hiểu biết hời hợt, kinh điển chẳng thông, nói năng lại thô tháo, nhưng thuộc loại vai u thịt bắp nên sư khuyến dụ chú lãnh canh tác thửa ruộng 5 mẫu thuộc quyền sở hữu của chùa tại Phú Lâm, sư dự trù Nhựt Thịnh sẽ đóng góp công sức không nhỏ khi sư khởi công tái thiết ngôi tự viện. Nhựt Tân lanh lợi, tụng kinh lưu loát, giao tiếp thiện tín khéo léo, nên sư cử làm trị sự, quản trị ngôi chùa theo sự sắp xếp của sư. Nhận thấy Nhựt Tân có khả năng và có ý hướng muốn lập chùa riêng, trong khi sư bận việc thường đi vắng rất cần một viên trị sự giỏi, sư vội hứa hẹn sẽ cử đệ tử này kế thế trụ trì, và cho biết sư sẽ sớm ấn dật tịnh tu sau khi hoàn thành công tác tái thiết chùa. Sa di Nhựt Thái là thị giả trung thành, thương kính thầy và tận tụy hầu hạ thầy vô cùng chu đáo, nên cũng được thầy yêu thương nhất. Nhựt Thái chỉ có khuyết điểm là tuy quyết chí xuất gia nhưng vẫn còn thích nuôi sáo nhồng, có lần Nhựt Thái kiếm đâu được một sáo con lén dấu kín trong phòng, bất ngờ chú có việc phải về thăm nhà, rồi bị bà mẹ cung lôi kéo mãi,

cả tuần mới trở về chùa được thì con chim đói rét nằm rũ liệt, bị bầy kiến bu đen nghịt cắn xé đang thoi thóp chờ chết. Tuy sư cũng biết rõ nội vụ nhưng cung người đệ tử thân thiết, sư lơ là bỏ qua không răn dạy một lời.

Công cuộc vận động tài chánh tiến triển rất khả quan, sư đang chuẩn bị lạc quyền đọt chót trước khi khởi công, thì một duyên may đã đưa đẩy bà góa phụ triệu phú họ Trần đến viếng chùa. Cảm phục đạo đức và lòng nhiệt thành vì đạo pháp của sư, bà triệu phú hứa hẹn sẽ cúng dường sư một số tịnh tài vĩ đại. Quý trọng vị đại thí chủ, sư thường xuyên viếng thăm, săn sóc, tán thán... nên tình thầy trò ngày càng thêm khăng khít. Một buổi chiều hè, sư ghé nhà bà triệu phú hàn huyên, trời bỗng đổ mưa, mưa ồ ạt và kéo dài mãi không dứt, khiến sư đành ở lại nhà nữ thí chủ ngủ đêm. Đêm đó mắc chứng gì, mà sư bị trúng gió nhảy mũi liên hồi, nữ thí chủ hoảng hốt đích thân thuốc thang chăm sóc, bà lại cạo gió cho sư, và ngồi cạnh canh chừng suốt đêm. Sáng hôm sau, thân thể khoẻ hẳn lại, trong giây phút cảm động dạt dào không kèm chế được, sư nắm tay người nữ thí chủ để bày tỏ lòng biết ơn sâu xa. Người thí chủ đã đáp lại bằng tất cả nhiệt tình, thế rồi!... thế rồi!... sư bị lôi cuốn mờ mịt, chẳng còn chống chọi gì được nữa...

Sau giây phút yếu lòng, sư Hồng Hạnh ăn năn tìm cách lẫn tránh bà triệu phú. Sư giao chùa cho sư chú Nhựt Tân, dự định sẽ hành hóa vùng Thất Sơn một thời gian dài. Trong cơn bận rộn này, thị giả Nhựt Thái lại bỗng từ trần, sau một cơn bệnh ngắn. Sư phải ở lại lo tang ma cho đệ tử, và nhân nỗi đau buồn này, sư tuyên bố tịnh tu, chỉ lẫn quần trong liêu chẳng tiếp xúc với bất cứ Phật tử nào cả. “Cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng”, sư tưởng trốn trong liêu thì yên thân, ngờ đâu bà triệu phú mỗi ngày đều tìm đến. Mấy ngày đầu bà còn dè dặt thăm hỏi, đến ngày thứ ba thì bà ngang bướng lục lạo khắp nơi, rồi xông thẳng vào trong liêu bất chấp mọi ngăn cản. Gặp sư, bà thí chủ khóc lóc bù lu bù loa, kể lể nỗi niềm thương nhớ chẳng úy kỵ gì cả, sư sợ có người nghe được thì lâm nguy nên phải xuống nước năn nỉ bà im lặng, hứa hẹn sẽ tìm gặp bà ngay. Sư đến thăm bà thí chủ thì bị kéo lôi, và “bốn cũ soạn lại” càng ngày sư càng đắm chìm trong biển tình không cách gì cự quây được. Cuối cùng sư Hồng Hạnh chọn giải pháp hoàn tục, nhưng sư vốn là người khôn ngoan, sư chuẩn bị chuyển ra đi rất chu đáo: sư gom góp tiền bạc đã lạc quyền, sư cũng bán luôn sở ruộng chùa tại Phú Lâm, mang về giao cho tình nhân cất giữ. Đêm đó, sau khi dẹt mộng sẽ đưa nhau đến một tỉnh miền duyên hải sống an nhàn trọn đời, hai người tổ chức liên hoan, đang cơn hứng chí bỗng nhiên sư bị trúng gió trên mình ngựa ngã lăn chết tức thời.

Tin tức động trời đó bay về chùa khiến đám đệ tử ngơ ngác rụng rời. Đau lòng nhứt là chú Nhựt Thịnh, chú hăm hở làm lụng vô cùng cực khổ, chắc mót từng đồng dâng lên cho sư phụ xây chùa, ngờ đâu sư phụ đem xây tô uyên ương. Chú chửi thề ồm tỏi, rồi bỏ về nhà một nước, thề trọn đời chẳng bước đến một ngôi chùa nào nữa. Sư chú Nhựt Tân hi vọng sẽ tiếp nhận trụ trì một ngôi chùa khang trang tài sản dồi dào, ngờ đâu, giờ đây phải kế nghiệp ngôi chùa đổ nát, tài sản bị vét sạch gọn ghẽ, nên cũng đau lòng không kém. Tuy vậy, sư chú vẫn ấn nhẫn tiếp tục chăm sóc ngôi chùa, với hoài bão khôi phục uy thế ngôi chùa như xưa. Thế nhưng hành vi tác tệ của sư phụ Hồng Hạnh quá tai hại, Phật tử chẳng một ai tin tưởng, họ rủ nhau tránh xa thành thử ngôi chùa ngày càng vắng vẻ và kiệt quệ, sư chú Nhựt Tân thua buồn hoàn tục bỏ ngôi chùa hoang phế theo thời gian...

Tiền duyên nghiệp chướng như cuộn phim ảnh hiện rõ ràng trước mắt, càng nhìn Hồng Hạnh càng bần chòn lo lắng, nàng bật tiếng than: “Ôi! Thì ra ba đời chồng là ba con nợ nghiệt oan! Hỡi ôi! Còn nợ nần bốn tên đệ tử nhỏ, còn nợ nần vô số thí chủ nữa thì mình phải trả cách nào đây?”. Hồng Hạnh buông tiếng thở dài thườn thượt, nỗi kinh hoàng bất thành linh xâm chiếm khiến nàng run rẩy toàn thân. Nàng vận dụng hết sức mình để chống trả cơn run, thì chợt mở choàng mắt dậy. Trong giây phút chập chờn mê tỉnh, nàng khắc khoải tự hỏi mình thực sự là ai: cô gái ngây thơ Hồng Hạnh? cô Ba Cháo Gà Hồng Hạnh? hay nhà sư Hồng Hạnh? Chừng định thần lại, thấy mình đang nằm co rúm lạnh buốt da bên cành cây mít gãy, với sợi giây thòng lọng còn quán ngang cổ, thì nàng mới nhận thức được giờ này mình là ai. Trời vừa hừng sáng, tiếng gió lao xao lá mít như điệu nhạc chào mừng, và mấy con gà giò đang nhót trong chuồng – đáng lẽ đã phanh thây trong nồi cháo, mà thoát nạn – bỗng cất tiếng gáy vang.

Thì ra, khi Hồng Hạnh vừa ngộp hơi thì cành cây chịu đựng không nổi sức nặng đã gãy lìa, nàng rơi xuống đất, khí trời lạnh ban mai đã giúp nàng lần lần hồi tỉnh. Còn những điều đã phát hiện như chuyện hoang đường trong cơn mê, thực hư thế nào, chính Hồng Hạnh vẫn mơ mơ màng màng phân vân chẳng có câu giải đáp. “?”. “?”. “?”.

Tháng 8.2002

Lời cuối truyện:

Trước năm 1975, tác giả có đọc tập sách: “Cô Ba cháo gà nói chuyện âm phủ”, trong đó, sư cô Huệ Hiền tục danh Cô Ba Cháo Gà kể chuyện cô chết

xuống địa ngục mới được biết kiếp trước cô là một vị hòa thượng trụ trì tại một tổ đình tại vùng Phú Thọ, đã phạm giới thông dâm với gái tơ và lấy của thường trụ nuôi gái. Kiếp này cô Ba Cháo Gà đã phải khổ sở phục dịch bảy đời chồng, là bảy đệ tử kiếp trước đã ra công phục vụ cho sư phụ, mà không được sư phụ dạy dỗ đạo pháp... Tác giả xin miễn phê bình về tính chất thực hư, đúng sai của câu chuyện. Tác giả chỉ xin nhắc lại phần ghi trên, phần đã gợi ý tác giả phóng tác thành chuyện Hồng Hạnh này.

---o0o---

Người Đẹp Thoảng Hương Sen

Nghinh Xuân viện tọa lạc trên triền đồi thoai thoải, nép mình dưới những tàn cây rậm lá, vừa kín đáo vừa thơ mộng, và tuy tọa lạc giữa Tây Thành Bắc Kinh, nhưng lại không nằm trong khu phố ồn ào náo nhiệt, nên rất tiện cho các hàng vương tôn công tử âm thầm tìm đến hưởng thú phong lưu. Đoàn kiều nữ của Viện toàn là những người đẹp hương sắc tuyệt vời, tài nghệ đa dạng, và đặc biệt nhất phải kể đến nàng Tống Liên Hương, người được tôn là đệ nhất ca kỹ của thành Bắc Kinh. Tao nhân thuộc hạng hào phóng sang trọng phải bách hện trước mới mong được nàng tiếp đón. Nàng duyên dáng thùy mị dù chưa phải là hạng sắc sảo tuyệt trần, nàng cũng không điều luyện các nghệ thuật ái ân, nhưng nàng lại ngấm quynh rũ bởi hơi thở thoảng hương thơm hoa sen và âm thanh giọng nói êm ái ngọt ngào, lời ca thánh thót du dương khiến cho khách mê mẩn tâm thần, chỉ muốn gần gũi với nàng để nghe thanh âm tuyệt vời của nàng thổi thẽ bên tai. Do đó, khách cầu cạnh nàng không hẳn nhằm mua vui xác thịt, mà đôi khi chỉ tìm những giây phút mạn đàm tao nhã, nâng tách trà và nghe nàng ca một khúc hành vân lưu thủy hay ngâm nga một áng thơ Đường. Hồ thuận An, vị thái thú trấn giữ ải Nhạn Quan và Ngũ Đài sơn²⁷, nhân chuyến về Bắc Kinh triều bái thánh thượng đã giả dạng thường dân đến Nghinh Xuân viện một lần, thượng quan lưu lại hàng giờ chỉ để trà đàm và nghe Liên Hương ngâm khúc Tỳ bà Hành của Bạch cư Dị và Phong kiều đại bạc của Trương Kế mà thôi. Không ngờ, nay thái thú lại phải thuộc hạ đến thương lượng với bà chủ để chuộc nàng ra khỏi viện, đưa về doanh trại hầu sớm hôm gần gũi. Nể trọng bậc quyền thế, chủ nhân viện Nghinh Xuân không dám khước từ, còn thân phận bèo bọt của người kỹ nữ thì đâu có quyền góp ý. Thế là Liên Hương phải cấp tốc gói ghém hành trang, để sẵn sàng theo đoàn tùy tùng lên đường ngày hôm sau. Chuẩn bị ra đi mà lòng dạ nàng hoang mang cùng cực nên thỉnh thoảng nàng lại buông tiếng thở dài não nuột. Trong thời gian ngắn, nàng phải rời bỏ ngôi kỹ viện quen thuộc, bỏ bạn bè thân thiết, sao chẳng

khỏi bụi ngùi tất dạt. Nàng thơ thả dạo quanh khu vườn, luyến tiếc ngắm nhìn từng cụm hoa, bụi kiểng... và cuối cùng thả tầm mắt hướng về những cụm mây trắng nổi trên bầu trời xanh lơ. Nhìn áng mây bình bông trôi lang thang vô định rồi tan loãng dần trong không gian, nàng bỗng liên tưởng đến cuộc đời trôi nổi của mình, chẳng biết sẽ trôi giạt về đâu. Liên Hương vốn thuộc gia đình cầm ca khá giả tại huyện Vĩnh Châu, từ thuở ấu thơ sớm đã được trau chuốt nghệ thuật ca ngâm, nàng bẩm sinh có trí nhớ đặc biệt học thuộc lầu lầu các áng văn chương thi phú nổi danh, nên tao nhân mặc khách muốn thưởng thức thể thơ nào cũng toại nguyện. Năm 15 tuổi, cha mẹ nàng sớm chiều bạo bệnh qua đời, thân gái cô đơn bị đời đẩy đưa rơi vào bẫy rập sở Khanh rồi bị bán vào kỹ viện. Tài nghệ ca ngâm của nàng khiến cho viên tri huyện sở tại là Âu Dương Vĩnh Thúc động lòng mua về làm nàng hầu. Tám thân liễu yếu tương như đã tạm có chỗ nương thân, không ngờ nàng gặp phải phu nhân Âu Dương ghen tuông nghiệt ngã, sai khiến hành hạ như kẻ tôi đòi, rồi đem bán nàng cho một kỹ viện xa xôi, tuyệt đối không dành cho viên tri huyện hảo ngọt một cơ hội lui tới. Tám thân bầm dập trôi nổi từ nơi này sang nơi khác, bị các mục tú bà bóc lột, chà đạp rẻ rúng chẳng chút tiếc thương. Thời may, chủ nhân viện Nghinh Xuân khám phá được điểm quyền rũ của nàng, bèn mua về Bắc Kinh, truyền dạy thêm vài bí quyết để thành danh như ngày nay. Liên Hương đã có kinh nghiệm đắng cay về thân phận hầu thiếp, nên dẫu được Hồ tướng quân ra tay cứu vớt thoát kiếp kỹ nữ mà lòng lại bồi rối bất an. Thân phận kỹ nữ bợt bèo, ai lại không mơ thoát khỏi số kiếp hẩm hiu này, nhưng nàng chỉ mơ một mái gia đình tâm thường mà hạnh phúc, chớ nào cầu mong cảnh làm hầu thiếp cho các bậc quyền quý, tuy được sống trong nhung lụa mà bất trắc hung hiểm khó ước lường. Liên Hương lại hoàn toàn chẳng hiểu biết gì về Hồ thái thú : tánh tình đức độ của người ra sao? quan mua nàng về làm hầu thiếp hay làm ca nhi? phu nhân của người có sống trong doanh trại không và tánh nết bà như thế nào? Bao nỗi khắc khoải đó cứ ám ảnh nàng không nguôi trong suốt cuộc hành trình, nàng toan mở lời dò hỏi đám tùy tùng mấy lần nhưng rụt rè rồi nín lặng. Khi đoàn ngựa xe đi ngang ngọn Hăng sơn, giữa chón núi rừng hoang vu Liên Hương bỗng thấy xuất hiện ngôi chùa Huyền Không ẩn khuất trong mây “huyền bí có có không không” như một bức tranh chạm nổi màu sắc linh động vĩ đại trải dài trên triền núi, nàng bỗng sinh lòng quy ngưỡng nên yêu cầu dừng lại để chiêm bái. Liên Hương đặt từng bước chân run rẩy trên chiếc cầu treo lát leo để vượt qua khe suối đến chân núi, rồi leo hàng trăm nấc thang đá, mới lên được tiền điện. Chùa lợp ngói ống xanh, mái uốn cong, dựng trên sàn gỗ ép sát vào những chỗ lõm của vách đá. Chùa có rất nhiều điện, điện bé nhỏ, chỉ vừa đủ cho chừng hai Phật tử lễ bái; điện này nối tiếp viện khác, nương theo địa hình mà xây, lên cao xuống thấp cheo leo hay có chỗ còn phải chui

qua hang động nữa. Nhờ kỹ thuật xây cất phối hợp với thiên nhiên này, chùa Huyền Không mang nét đặc thù riêng : thơ mộng, xinh xắn, mũm mĩm và tràn đầy sức sống. Tự thuở giờ Liên Hương chỉ biết vái lạy thần Bạch Mi tại kỹ viện, chớ chưa hề đi chùa lễ Phật, khi được chú tiểu hương dẫn đi chiêm bái từng điện, nơi nào nàng cũng vái lạy để cầu xin phù hộ, dù chẳng biết đang cầu xin vị nào. Tuy vậy, Liên Hương lại có cảm giác lạ lùng là rất thân thương quen thuộc với chốn tôn nghiêm này, ở đây nàng tìm thấy được sự bình an thoải mái mà suốt quãng đời qua, từ dạo sa chân vào chốn giang hồ, nàng đã đánh mất. Từ già Hàng sơn, từ già chùa Huyền Không, Liên Hương tiếp tục cuộc hành trình với bao niềm lưu luyến. Đến doanh trại, trái với lòng mong ước của Liên Hương, nàng chẳng được tiếp kiến ngay quan thái thú, nhưng nhờ bà quản gia ân cần tiếp đãi cơm nước và chu đáo sắp xếp chỗ ở tươm tất nàng cũng tạm yên lòng. Khi sắp rời bước, bà quản gia mới dặn dò: “Cô nương đi đường xa, xin nghỉ ngơi cho khỏe để hôm sau còn ra mắt phu nhân”. Nghe chuyện phải ra mắt phu nhân, Liên Hương chết điếng trong lòng, trọn đêm thao thức chẳng phút nào yên.

Như một kẻ tội phạm, Liên Hương khóm róm đi theo bà quản gia cúi đầu chào kính phu nhân. Nàng thoáng thấy viên thái thú ngồi cạnh vợ nhưng không dám ngẩng lên. Phu nhân ra dấu mời ngồi, nàng khép nép vâng lời. Phu nhân trao cho nàng tờ giấy chỉ chít chữ rồi lên tiếng, giọng bà hòa nhã, chẳng có chi hằn học :

- Ta từng nghe người đời ca tụng nghệ thuật ngâm thơ điêu luyện của nàng, có thể nào nàng biểu diễn cho ta nghe được chăng?

- Xin vâng lệnh phu nhân.

Liên Hương nghiêm trọng lướt qua tờ giấy một lượt, rồi cất giọng ngâm nga :

- Hơn sáu muôn lời thành bảy cuốn
Rộng chứa đựng vô biên nghĩa mầu.
Trong cổ nước cam lộ rộng nhuần
Trong miệng chất đề hồ nhỏ mát
Bên răng ngọc trắng tuôn xá lợi
Trên lưỡi sen hồng phóng hào quang
Dầu cho tạo tội hơn núi cả
Chẳng nhọc diệu pháp vài ba hàng.

Liên Hương cất giọng ngọt ngào điệu luyện ngâm nga, từng chữ từng lời như rót mật vào tai, thấm sâu vào tim gan người, quả là danh bất hư truyền. Ngâm xong bài thơ, Liên Hương hoàn lại tờ giấy cho phu nhân rồi lên tiếng :

- Thưa phu nhân, bài thơ này tôi mới thấy lần đầu nhưng có cảm giác quen thuộc kỳ lạ nên xúc động thành thử trình diễn chưa vừa ý! Xin mạn phép phu nhân cho tôi ngâm một lần nữa, thì tôi mới lột hết khả năng ra được.

Được phu nhân đồng ý, Liên Hương lắng lòng như mơ màng tìm về cõi xa xăm nào đó, lần này giọng nàng lại chân thành tha thiết, cao vút như điệu tán dâng lên đấng chí tôn cao vợi vợi. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa xuất thần, ngâm xong bài thơ, bỗng nàng buộc miệng niệm “Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa kinh” ba lần, đoạn nàng tiếp tục ngâm nga đọc thoai : “Nhu thị ngã văn, nhưt thời...”, âm điệu êm êm siêu thoát của nàng cứ thế mà tuôn chảy miên man không lập vấp... Vợ chồng quan thái thú chăm chú dò theo quyển sách theo dõi từng câu văn Liên Hương đọc, vừa trở mắt nhìn nàng ngạc nhiên như đang mục kích một câu chuyện thần bí. Say sưa “độc diễn” cả giờ, Liên Hương mới sực tỉnh và ngưng lại. Nàng bối rối lên tiếng :

- Xin lỗi phu nhân! không hiểu tại sao,..ơ ơ... tôi như bị cái gì ám ảnh mà từng chữ từng câu cứ hiện ra thúc đẩy tôi đọc theo. Tôi nói khùng nói điên này giờ phá rầy phu nhân! Xin phu nhân rộng lượng tha thứ cho tôi!

- Cô không nói chuyện khùng điên vô nghĩa đâu. Cô đã tụng kinh Pháp Hoa, tụng thuộc lâu lâu không sai một chữ., phu nhân ôn tồn đáp. ²⁸

- Ôi! sao có chuyện lạ lùng như thế này kia? Trọn đời tôi chưa hề đọc một câu kinh, tôi không hiểu Pháp Hoa là gì? làm sao tôi lại có thể đọc kinh này được?

- Đúng là chuyện lạ lùng khó tin nếu như vợ chồng tôi không đích thân mục kích. Nguyên nhân tại sao cô thuộc kinh này và nguyên nhân tại sao vợ chồng tôi rước cô về đây khá dài dòng, tôi chỉ hiểu được vài điều, tôi xin vắn tắt kể cho cô nghe; chỗ nào cần hỏi rõ, cô cứ tự nhiên hỏi lại.

- Dạ ! kính xin phu nhân gia ân cho tôi được tỏ rõ đuôi đầu.

- Cô Liên Hương à ! Từ nhỏ tôi đã sùng mộ đạo Phật, tôi thường xuyên lễ chùa, tham học đạo pháp và tu sửa thân tâm. Từ khi phu quân tôi được thánh thượng cử về trấn nhậm chốn này, tôi tin tưởng mình có phước duyên lớn

mới được gần gũi thánh địa của Bồ Tát Văn Thù nên càng tinh tấn tu tập. Do đó, tôi liên tục hành hương chiêm bái hàng trăm chùa am lớn nhỏ tại Ngũ Đài(2), lễ Phật thỉnh pháp, cúng dường trai tăng, hỗ trợ các công tác phát triển và tu bổ tự viện, yểm trợ trai đàn chẩn tế... Rằm tháng giêng năm nay, vợ chồng tôi hướng dẫn đoàn tùy tùng hành hương đỉnh Nam Đài. Được biết đạo tràng này tọa lạc tại một địa điểm cheo leo tróc trở vắng khách thập phương, tăng chúng đã phải chấp tác nhọc nhằn để tự túc mà vẫn thiếu thốn, vì vậy chúng tôi mang theo khá nhiều thực phẩm và vật dụng cần thiết để cúng dường cho chùa chi dụng trọn năm. Nam đài mang mỹ danh là Cẩm tú Phong, một đỉnh núi nổi tiếng về phong cảnh hùng vĩ tuyệt vời, nhất là vào độ xuân về, kỳ hoa dị thảo đua nhau nở rộ phủ trùm núi tạo thành một tấm thảm hoa sắc sỡ, cộng với sự điểm tô của hàng ngàn cánh bướm màu sắc dị kỳ nhơn như bay lượn. Trong cảnh núi rừng mờ ảo trong sương mù, chúng tôi len lỏi theo lối đi ngoằn ngoèo trơn trượt leo lách theo vách đá rong rêu, xuyên qua các giòng suối nước đổ tung tóe, để lên đến ngôi chùa Phô Tế, nằm lơ lửng trên đỉnh núi. Khi sắp vào cổng chùa, tôi chợt thấy một tăng nhân người Thiên Trúc, vận y vàng sậm rách rưới dơ cũ, đang cúi húi quét lá trên lối đi. Tôi kính cẩn xá chào, rồi vội vã bước nhanh cho kịp với phu quân. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng thở dài kèm theo tiếng than thật khê dường như phát xuất từ vị tăng nhân đó : “Tiếc thật! tiếc thật!” Tôi quay lại nhìn thì chẳng thấy ai, có lẽ ông ta đã bước qua chỗ khuất bên tảng đá rồi chẳng? Chúng tôi tiếp tục vào chùa. Chùa nhỏ, không có nhiều điện thờ, nhưng lại có tháp chuông khá cao. Chánh điện chung bày giản dị làm nổi bật pho tượng Bồ Tát Văn Thù cõi sư tử dưới dạng của viên tướng quân, đội mũ, mang giáp, tay cầm kiếm, tay cầm hoa sen. Sau phần lễ bái đến phần cúng dường trai tăng, tôi dâng y cho từng vị một nhưng nhận thấy trong mười vị hiện diện không có vị tăng Thiên Trúc mà tôi vừa gặp. Tôi thắc mắc hỏi thầy tri khách. Thầy cho biết trọn Nam Đài không có tăng nhân ngoại quốc, vị tăng mà tôi mô tả, thầy chẳng hề nghe ai nhắc tới bao giờ. Phu quân tôi đi trước tôi mấy bước cũng cho biết chẳng thấy tu sĩ nào trên đường đi cả. “Không lẽ mình hoa mắt, ù tai hay quá giàu tướng tượng chẳng?”, tôi trầm nghĩ. Chúng tôi nghỉ đêm tại chùa. Vào khoảng nửa đêm, trong khi chúng tôi đang đàm đạo với hòa thượng trụ trì, thì có vị sư chú vào thông báo : “Bẩm sư phụ! Bồ Tát đã xuất hiện”. Hòa thượng vội vã hướng dẫn chúng tôi ra tháp sau chùa, leo lên trên nóc bằng để chiêm bái. Thì ra, đây không phải là lầu chuông mà chính là đài quan sát hiện tượng màu nhiệm “đèn trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù di động” mà tương truyền vào đêm rằm thường diễn ra. Chúng tôi hân hoan chiêm ngưỡng hàng ngàn quả cầu lửa, hình dạng màu sắc biến đổi không ngừng, bay lượn theo đội hình, khi nhanh khi lơ lửng, từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác liên tục cả giờ mới chấm

dứt... Trong chuyến hành hương này tuy tôi có phước duyên hân hữu mục kích được hiện tượng huyền bí, nhưng khi về nhà tôi lại khắc khoải ăn ngủ không yên vì lúc nào cũng bị tiếng than thở “Tiếc thật!” của vị tăng Thiên Trúc ám ảnh. Tôi thầm nghĩ có lẽ mình đã phạm vài lỗi lầm trong nếp sống tu tập nên Bồ Tát mới hiện thân cảnh tỉnh. Do đó, cứ vài ngày tôi lên chùa Thù Tượng tại trấn Đài Hoài lễ Phật và Bồ Tát cầu xin sám hối. Ngôi chùa này nổi tiếng linh thiêng với tượng Văn Thù cõi thanh sư to lớn, theo tương truyền thì vị tăng phụ trách bếp núc trong khi đang nhồi bột may mắn chứng kiến Đức Văn Thù thị hiện đã vội ghi lại hình tượng Ngài bằng bột đưng nhồi, do đó, phần đầu của tượng bằng bột được ráp nối với phần còn lại bằng đồng mà vẫn khít khao không thấy chỗ nối ráp. Đầu lưng tượng Văn Thù, là tượng “Quan Âm tự tại” trang nghiêm mà từ ái, tạc theo dáng nam nhân, một chân xếp trên bệ, một chân thả xuống. Không hiểu tại sao tôi cảm thấy quyền luyến tượng Quán Âm này một cách kỳ lạ, có lẽ tôi vốn ngưỡng mộ Bồ Tát Quán Âm, phần khác, tại tôn tượng này, tôi có thể gục đầu lên chân Ngài để khẩn nguyện, thân thuộc như một đứa con thơ bọc bạch nổi lòng với mẹ, và nhờ vậy, sau mỗi lần lễ bái lòng tôi cảm thấy an ổn hơn. Vào ngày rằm tháng bảy đàn thủy lục chẩn tế đã được tổ chức tại chùa Hiền Thông²⁹, ngôi chùa lãnh đạo toàn thể Ngũ Đài sơn, với sự tham dự của hàng ngàn tăng ni Phật tử. Trong khi tôi đang lễ tượng Bồ Tát Văn Thù năm đầu nghìn mắt nghìn tay nghìn bình bát tại điện “Thiên Bát Văn Thù”, bỗng tôi nghe tiếng thở dài tương tự như của nhà sư Thiên Trúc ngày trước, tôi ngoái lại nhìn vừa kịp thấy dáng dấp ai như là nhà sư đó đang rảo bước về hướng điện Vô Lượng Phật. Tôi vội bước nhanh theo, nhưng mới thấy thấp thoáng đó mà người đã mất biệt rồi. Tôi vừa xúc động vừa tủi thân, nước mắt chảy như mưa, hướng về hư không quì lạy không ngừng : “Kính lạy Bồ Tát Văn Thù ! xin Ngài từ bi thương xót con! Xin Ngài chỉ dạy cho con chỗ sai lầm để con tu sửa!” Bỗng nhiên tôi linh cảm như Bồ Tát còn ẩn khuất đâu đó đang ban phát lòng từ võ về an ủi tôi. Tôi ngẩng đầu lên thì thấy người đã đứng cạnh tôi tự lúc nào, người ôn tồn cất tiếng : “Ta chẳng phải là Bồ Tát Văn Thù mà chỉ là phàm tăng tên Phật Đà Ba Lợi. Mười kiếp về trước tại chùa Tây Minh, hai chị em thí chủ tha thiết thỉnh cầu ta hóa độ và ta đã hứa khả, do thiện duyên đó nên ta vẫn hằng ngầm hỗ trợ thí chủ. Từ đạo ấy đến nay, thí chủ một lòng một dạ hộ trì tam bảo, xây chùa cúng dường bố thí... vun bồi ruộng phước, nên kiếp này và kiếp tiếp về sau chắc chắn sẽ giàu sang sung sướng hơn người. Nhưng thí chủ phải hiểu rằng chính cái nghiệp quyền quý giàu sang đó nó ngầm chứa mối họa hung hiểm khó lường, vì đến kiếp nào đó ta có thể bị danh lợi thúc đẩy mà gây ra nghiệp bạc ác rồi lại bị đọa đày. Ta tiếc là tiếc cho thí chủ, tâm đạo bền vững mà chỉ biết chuyên tạo phước hữu lậu chớ không biết tu huệ. Chẳng gieo trồng nhân vô lậu thì làm sao vượt

thoát khỏi các nẻo luân hồi?”. Lời dạy của Ngài khiến tôi rung động toàn thân, tôi gục đầu dưới chân Ngài, áp ứng từng chữ : “Con...con... đa tạ Bồ Tát từ bi nhắc nhở. Từ nay, con sẽ chuyên tâm tu huệ... Thưa Bồ Tát ! người chị em của con hiện nay tu tập đến trình độ nào rồi?” Bồ Tát chắc lưỡi, rồi than : “Em thí chủ trong những kiếp liên tiếp tu tập vững vàng, về sau, đã trở nên vị trụ trì uy danh, xây chùa lập đạo tràng Pháp Hoa độ chúng, không ngờ chỉ vì một hành vi sai trái mà phải chịu đọa lạc. Hỡi ôi! giờ đây, thân nàng phải làm kỹ nữ ở thành Bắc Kinh, chí hướng lạc lõng, không còn biết đạo pháp là gì. Cũng may, là nhờ công đức tụng kinh Pháp Hoa mười năm nên miệng lưỡi của nàng rất thù thắng : hơi thở thơm mùi hoa sen, giọng nói lời ca êm ái ngọt ngào... Người kỹ nữ này, trong tàng thức vẫn còn đây áp lời kinh, nên chỉ cần nghe một đoạn kinh Pháp Hoa, thì hạt giống thiện sẽ có cơ hội phục...” Dứt lời, bồ tát biến mất không cho tôi còn cơ hội hỏi han lưu luyến nữa. Tôi liền thỉnh giáo thầy tri khách chùa Hiển Thông về vị tăng có tên Phật Đà Ba Lợi, thì được biết Ngài là vị thánh tăng người Tây Thiên Trúc đã mang kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni sang Trung Quốc, Ngài lưu lại chùa Tây Minh dịch bản kinh này để lại cho hậu thế, đoạn vào hang Kim Cương Ngũ đài sơn bái kiến Ngài Văn Thù không trở lại, nên theo tương truyền thì thánh tăng đã được Bồ Tát Văn Thù thu nhận vào Pháp Hội của chư Bồ Tát rồi. Suy ra, thì sự mâu nhiệm mà tôi vừa trải qua không hẳn là mộng mị. Do đó, một mặt tôi thành khẩn sửa đổi lẽ lối tu tập của mình, mặt khác tôi phái hai tên tâm phúc đi Bắc Kinh vào khắp các kỹ viện dò tìm tông tích người kỹ nữ hơi thở thơm hoa sen. Sau khi họ khám phá được Liên Hương, tôi năn nỉ lang quân đích thân đến tận Nghinh Xuân viện kiểm chứng. Gặp Liên Hương tôi chỉ yêu cầu ngâm bài tán khen ngợi kinh Pháp Hoa, và đúng như Ngài Phật Đà Ba Lợi tiên đoán, Liên Hương liền nhớ ra và tụng lâu lâu toàn bộ. Điều đó chứng tỏ Liên Hương đúng là người em tiền kiếp của tôi rồi. Tôi sẽ lo lắng cho Liên Hương như người em nhỏ, tuy nhiên tôi không có ý gì ràng buộc Liên Hương cả. Liên Hương cứ tự do định đoạt số phận của mình, đi hay ở, trở về chốn cũ, lập gia đình hay làm bạn đạo với tôi, sao cũng được cả...

Liên Hương bàng hoàng trước những chuyện lạ lùng, bí hiểm mà phu nhân vừa kể. Nàng biết phu nhân là người thành thật, nàng kiểm chứng những điểm liên quan đến mình cũng thấy phù hợp, nhưng câu chuyện luân hồi nghiệp báo huyền hoặc quá, nhất thời nàng muốn tin tưởng hoàn toàn cũng không thể được. Nàng nghĩ ngợi miên man, khi tin khi chẳng tin, khi muốn làm lại cuộc đời khi muốn quay về nghiệp cũ. Thực tâm Liên Hương thiên về kiếp sống kỹ nữ, nàng quen thuộc với son phấn cầm ca nhộn nhịp, chớ chẳng làm sao hình dung nổi chuỗi đời nhàm chán, nâu sòng chay lạt của

một ni cô, nên nàng muốn gạt bỏ chuyện tiền kiếp qua một bên cho đỡ nhức đầu. Tuy nhiên, những câu kinh kỳ lạ cứ thi nhau nhảy múa trong ký ức nàng, nó lại thôi thúc nàng trở về với nếp sống đạo hạnh. Bị bao ý nghĩ mâu thuẫn thi đua nhau dẫn xé, đầu óc Liên Hương căng thẳng cùng cực, nàng đâm ra ngây dại như người si ngốc, chột vui chột buồn, chột chờ đợi, thê rồi bỗng nhiên nàng ôm đầu khóc nức nở như một đứa trẻ con, cất tiếng rên rỉ :

- Tôi ! tôi ! tôi không biết phải làm sao cả ! Phu nhân chỉ bày cho tôi đi ! Mà tôi chính thật là ai vậy phu nhân? Phu nhân nói cho tôi biết tôi là ai đi?

- Liên Hương hãy bình tĩnh. Cứ tịnh dưỡng vài ngày cho khỏe, mọi việc mình sẽ bàn bạc sau.

Phu nhân cất đặt người sẵn sóc Liên Hương chu đáo, bà cũng thường xuyên viếng thăm nhưng chẳng hề nhắc nhở câu chuyện cũ. Chờ cả tuần cho Liên Hương bình phục, phu nhân bắt đầu đưa nàng đi mua sắm tại thị xã Thái Nguyên, ngoạn cảnh Ngũ Đài, và thỉnh thoảng cũng ghé chùa lễ Phật. Thời gian đầu, Liên Hương tỏ ra rất chán ngán những chuyện liên hệ đến vấn đề tôn giáo. Nếu vạn bất đắc dĩ phải ghé chùa nàng thường giả vờ ngắm cảnh bên ngoài, tránh vào chánh điện lễ bái và tiếp xúc với giới tu sĩ... Một hôm, phu nhân rủ nàng leo lên Bồ Tát đỉnh, viếng Văn Thù tự³⁰. Ngôi chùa này ở trên đỉnh cao, phong cảnh đẹp và theo truyền thuyết là một trong những địa điểm mà Bồ Tát Văn Thù đã thị hiện nên rất linh ứng. Lần này, nể phu nhân Liên Hương cũng theo vào điện lễ bái dưới sự hướng dẫn của thầy tri khách. Lễ xong, phu nhân kính cẩn vái thầy tri khách thưa hỏi :

- Bạch thầy, tại sao Bồ Tát lại cầm kiếm, mặc áo giáp, cỡi sư tử vậy thầy?

Thầy tri khách hiểu phu nhân đã dư biết thâm nghĩa của tượng, nhưng có lẽ phu nhân hỏi với mục đích cho những kẻ tùy tùng có dịp lắng nghe đạo lý, nên thầy cố gắng trình bày vấn đề ngắn gọn cho người sơ cơ dễ hiểu :

- Thưa phu nhân ! Vì hạnh nguyện của chư Bồ Tát là hội nhập vào cuộc đời để cứu độ chúng sanh, Bồ Tát tùy hoàn cảnh mà ứng hiện làm quan, làm dân, kẻ bần hàn, người hành khất... do đó, tượng Ngài Văn Thù thường tạc dưới dạng của vị cư sĩ. Ngài là biểu trưng của trí huệ hay nói khác Ngài có ngũ trí nghiêm thân, tay mặt cầm gươm bén mang thâm ý là trí tuệ sắc bén như gươm báu phá tan vô minh, chặt đứt xích xiềng luân hồi sanh tử... tay trái Ngài cầm hoa sen tượng trưng sự trong sạch không ô nhiễm, có nghĩa là trí tuệ tinh khiết giải thoát chớ không phải loại trí tuệ đục lạt thường tình,

Ngài mặc áo giáp nhưng không phải là giáp tướng sĩ, mà là áo giáp nhân nhục từ bi chịu đựng không cho những mũi dùi tấn công của thị phi, sân hận làm não loạn. Khi Bồ Tát giồng lên tiếng Pháp trí tuệ viên mãn thì tà ma ngoại đạo phải khuất phục cũng như khi sư tử xuất hiện thì chồn cáo khép nép lẩn trốn, nên tượng Bồ Tát đã tọa trên sư tử. Thưa phu nhân! chúng ta chiêm ngưỡng tượng để nhắc nhớ hành hoạt và đức độ của Ngài hầu thành khẩn nguyện noi gương Ngài trao dồi trí tuệ, giữ lòng trong sạch, và phát triển đức nhân nhục.

Liên Hương ngạc nhiên tốt độ. Nàng đỉnh ninh là chư Phật và chư Bồ Tát cũng tương tự với thân Bạch Mi và thân Tài mà chị em kỹ nữ sùỵ sụp lạy để cầu đất khách, nên đối với đạo Phật nàng chẳng có niềm tin gì đặc biệt. Nay vô tình nghe giảng sơ lược về ý nghĩa tượng trưng của pho tượng Ngài Văn Thù, nàng bỗng khám phá rằng Phật giáo chẳng phải là loại tín ngưỡng cúng kiến vái lạy với mục đích hồi lộ thân thánh khẩn cầu xin xỏ quyền lợi, mà là một đạo giáo hướng dẫn con người tu sửa thân tâm hầu đạt đến một chân lý tối thượng nào đó. Chân lý như thế nào nàng mù mờ chẳng biết, nhưng nhận định này đã kích thích lòng hiếu kỳ của nàng, từ đó nàng quyết tâm tìm hiểu Phật giáo sâu rộng hơn. Càng học Phật nàng càng háo hức say mê. Nàng học hiểu Phật pháp thông suốt dễ dàng, giáo lý nào cũng cảm giác như đã từng miệt mài học qua mà bỗng quên đi, nay chỉ cần gợi lại thì trí nhớ liền phục hồi. Từng bước từng bước nàng sung sướng khám phá ra rằng nàng đã tìm lại đúng con đường xưa đã đi..., nàng biết rõ trong tiền kiếp đã tinh tấn học Phật, nàng chắc chắn từng là tu sĩ, đã chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa... “Công đức tụng kinh Pháp Hoa, theo như cổ đức tán thán là : “Dầu cho tạo tội hơn núi cả. Chẳng nhọc Diệu Pháp vài ba hàng.”, thế nhưng tại sao thân ta phải chịu đọa đầy làm thân kỹ nữ nhục nhã như thế này? Tại sao? Tại sao?”, Liên Hương thầm than thở. Đó là điều cực kỳ vô lý mà Liên Hương không thể nào hiểu được, nàng đem thắc mắc của mình thưa thỉnh chư đạo đức cao tăng khắp các đại tùng lâm, nhưng chẳng ai đưa ra lời giải đáp nào thỏa đáng cả. Do đó, Liên Hương chỉ còn biết đặt niềm tin của mình vào chư Bồ Tát, vào Ngài Phật Đà Ba Lợi mà Hộ phu nhân đã có đại duyên gặp gỡ. Liên Hương thành khẩn hành hương chiêm bái khắp tự viện Ngũ Đài liên tục trong hơn hai năm trời ròng rã, khẩn nguyện xin được thiện duyên để được Bồ Tát vạch rõ ẩn khúc ác nghiệp xưa cùng chỉ dẫn con đường chân chánh tu tập, nhưng chẳng thấy có sự nhiệm mầu nào xuất hiện cả. Tuy vậy, Liên Hương không nản lòng, nàng chỉ tự trách mình phước mỏng, nghiệp chướng sâu dày nên manh nha ý muốn trở lại nếp sống của kẻ xuất gia hầu có thể tu tập tinh tấn hơn. Một hôm Liên Hương leo lên đỉnh Tây Đài, chiêm bái ni viện Di Đà, ngôi chùa nằm lắt lẻo trên triền núi hướng Tây, nửa đường lên

đỉnh. Tây đài mang mỹ danh là Quải Nguyệt Phong, nổi tiếng với cảnh mặt trời lặn ửng hồng nổi bật giữa hàng hàng lớp lớp mây muôn màu sắc cùng với cảnh bóng trăng treo đầu núi soi bóng bàng bạc khắp các giòng suối trong veo. Vị tổ khai sáng chùa Di Đà chuyên tu Tịnh độ, nên đã chọn địa điểm hướng về ánh trời tây rực rỡ để nhắc nhở đệ tử luôn luôn quán tưởng về thế giới Cực Lạc phương Tây. Như thường lệ, Liên Hương thưa hỏi sư bà viện chủ điểm thắc mắc của mình. Sư bà không trả lời thẳng câu hỏi mà chỉ khuyên nàng đừng để mỗi nghi nan vương vấn làm chướng ngại sự tu tập, mà chỉ nên một lòng một dạ chân thành lễ Phật sám hối mà thôi. Khi tội chướng tiêu trừ, mọi việc sẽ hanh thông, thì nghi vấn cũng không tồn tại. Nhận thấy lời dạy của sư bà phù hợp với niềm tin của mình, Liên Hương khẩn khoản xin xuất gia và được sư bà thu nhận làm đệ tử. Nếp sống tu sĩ đạm bạc, ràng buộc với luật nghi, và phải chấp tác khổ cực dĩ nhiên hoàn toàn khác hẳn với nếp sống phè phỡn tại kỹ viện, nên Liên Hương phải cố gắng hết sức mới có thể hội nhập hài hòa với đại chúng. Sau tám năm nghiêm túc tu tập, Liên Hương nhận thấy cần chí thành thực hành pháp lạy Phật sám hối tích cực hơn nên thỉnh cầu thầy xin được ân tu để có thể tự do theo đuổi một thời khóa riêng. Được sư phụ đồng ý, ni cô chọn một khuôn đất hẹp, nằm khấp nép dưới chân núi Đăng Loa, thuộc Đài Hoài trấn, để cất một am tranh. Hồ phu nhân luôn luôn theo dõi nếp sống tu tập của ni cô, vội đề nghị cúng dường khoản tịnh tài lớn để ni cô phát huy đạo tràng độ chúng, nhưng ni cô khước từ. Ni cô chỉ nhận một ít thực phẩm đủ để sống kham khổ mà tu tập. Ngoài hai thời công phu Tịnh độ, hàng ngày Liên Hương lễ Phật sám hối tối thiểu năm thời, mỗi thời 108 lạy nhằm giải trừ 108 phiền não; riêng ngày rằm và ba mươi, trừ trường hợp tuyết đóng dày đặc ngăn cản, thường thì ni cô theo lộ Đại Trí để leo lên Đăng Loa đỉnh. Lộ Đại Trí³¹ gồm có 1080 nấc thang, tại mỗi bậc thang đá sư cô thầm xưng danh hiệu của một vị Phật hoặc Bồ Tát, giữ tâm thanh tịnh rồi chân thành lễ một lạy. Lên tới đỉnh, sư cô chiêm bái Ngũ Phương Văn Thù điện nguyện cầu Bồ Tát gia bị cho trí huệ sáng suốt thấy rõ con đường chánh pháp mà tu tập, rồi hạ san. Mỗi lần đăng sơn, ni cô phải cịu bị lương khô nước uống và khởi hành từ khi trời tờ mờ sáng, và thường thì cũng phải đến xế chiều mới trở về am. Chín năm trôi qua, Liên Hương một lòng bền bỉ lễ Phật sám hối, thề tránh điều ác, luôn giữ tịnh giới để phát triển chân đạo đức. Một hôm, vào độ cuối thu lạnh lẽo, như thường lệ mỗi nấc thang sư cô mỗi lạy cho đến hai phần ba đường, tại khúc quanh rộng dùng làm chỗ cho khách hành hương nghỉ chân, ni cô dự định tạm dừng bước để dùng bữa ngọ. Ni cô bỗng thấy một người ăn xin già nằm chèo queo, run lập cập vì đói lạnh rất thảm thương, ni cô muốn cứu giúp nhưng chẳng có phương cách nào nên cảm thấy xấu hổ ngại ngùng. Thấy bóng người, lão hành khất liền rên rỉ : “Oài! tôi đói quá! tôi

chết mất! Xin lạy bà con cô bác rũ lòng thương bố thí chút cơm thừa cho kẻ bần hàn..!”. Sư cô thâm nghĩ : “Khí trời giá buốt, lộ Đại Trí vắng khách hành hương, không ai nhìn thấy tình trạng bi đát của lão hành khất mà mở lòng từ bi giúp đỡ, e rằng lão phải chịu đói lạnh đến chết mà thôi!”. Thế nhưng ni cô chỉ mang theo một phần ăn ít ỏi cho cả ngày leo núi, một mình còn chưa đủ no thì còn chia cho ai, nên muốn bước tránh đi nơi khác cho khuất mắt. Ni cô bước đi mấy bước mà lòng cảm thấy bứt rứt bất an nên đành quay trở lại, cúng dường cho lão hành khất phần ăn của mình. Ni cô khuyên lão ăn lấy sức rồi xuống núi, kéo bị chết vì cóng lạnh, rồi tiếp tục leo lên Đãng Loa đỉnh. Khi Liên Hương trở về, tuyết đã lát phát rơi, đường đi trơn trượt nguy hiểm mà ni cô lại đang đói lả, chân run rẩy bước đi lảo đảo, nên phải bám vào tay vịn lần từng bước một. Trời đã lờ mờ mà ni cô mới đi hơn nửa đường, nên ni cô lỉnh quính cố gắng bước nhanh, chợt ni cô nhìn thấy một xác người hay bóng ma nằm lắt lẻo trên nấc thang, có thể lăn xuống vực bất cứ lúc nào. Ni cô niệm Phật để có thêm bình tĩnh, rồi bước đến xem xét. Thì ra, đó là lão hành khất mà Liên Hương đã tặng phần ăn, đường trơn trượt lão bị trật chân té đập đầu vào cạnh nấc thang từ lúc nào mà máu đã đông đặc. Liên Hương sờ ngực nghe tim còn đập thoi thóp, nên dù sức yếu cũng quyết định phải cứu người, chớ không thể bỏ đi một mình. May là người hành khất thân thể gầy gò không nặng lắm, Liên Hương vận dụng hết sức vác lên vai rồi bám vào tay vịn khập khễnh lê từng bước. Đi được non ba mươi nấc thang, chân Liên Hương rã rời chực khụy xuống, sức cùn kiệt không chịu đựng nổi nên ni cô phải dừng lại thở. Xác người hành khất trên vai bỗng trĩu nặng rồi từ từ tuột xuống, ni cô hốt hoảng buông tay vịn để chụp xác lại, không ngờ bị mất thăng bằng ngã chúi xuống vực sâu đen ngòm, mà hai tay vẫn gắng gượng ôm người hành khất không nỡ bỏ rời.

Khi Liên Hương tỉnh dậy thì trời đã sáng tỏ, ni cô cảm thấy mình không bị thương tích chi, đúng là một phép lạ. Ni cô đảo mắt tìm lão hành khất thì thấy lão cũng điềm nhiên ngồi trên tảng đá đọc sách. Ni cô mừng rú lên : “Ông ! ông..”, rồi bỗng sững sốt lặng người. Vừa liếc mắt, ni cô biết ngay lão đang đọc quyển kinh mà ni cô đã dày công tụng niệm : Kinh Pháp Hoa, phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh. Ni cô còn đang bàng hoàng ngớ ngẩn thì lão hành khất trao cho ni cô quyển kinh rồi ôn tồn cất tiếng :
- Đây là “Nhu Ý thư”, con muốn đọc điều gì thì điều đó sẽ hiện ra. Con có muốn xem qua cho biết không?

Liên Hương trang trọng cầm quyển sách mở ra xem. Trước mắt ni cô không có hàng chữ nào, mà là toàn những hình ảnh linh động của chính Liên Hương trong kiếp trước từ khi còn thơ ấu, đi tu, xây dựng chùa Pháp Hoa,

thuyết pháp, lập đạo tràng tụng kinh Pháp Hoa độ chúng... cho đến khi từ trần. Ni cô rửa nước mắt thương cảm cho chính mình, mình đã tạo phước rất nhiều mà cũng gây nghiệp không ít. Thì ra, trong thời gian ni cô lập đạo tràng tụng kinh Pháp Hoa, có một nàng kỹ nữ xin được gia nhập. Trong đạo tràng có những vị phu nhân quyền quý cao sang cúng dường rộng rãi đã tỏ ra khó chịu khi phải ngồi tụng kinh chung với kẻ mà họ đánh giá là hạng “lẳng lơ trác nết”. Nể trọng đám Phật tử quyền quý, ni cô buộc lòng tìm lý do hạ nhục để xua đuổi người kỹ nữ, đó là nguyên nhân khiến cho kiếp này ni cô đã phải sa chân làm gái giang hồ. Tuy nghiệp duyên oan trái rõ rệt, nhưng không lẽ công đức tụng kinh Pháp Hoa 10 năm của mình không đủ để làm tiêu cái nghiệp ác này sao? Đó là điểm mà ni cô vẫn còn chưa hiểu được. Ni cô chân thành đánh lễ lão hành khất mà bây giờ nàng tin chắc đó là hóa thân của một vị Bồ Tát, rồi cất tiếng :

- Kính lạy Bồ Tát! Gần hai mươi năm nay con không dám tụng kinh Pháp Hoa chỉ vì có điểm vẫn chưa hiểu được. Kính xin Bồ Tát từ bi giáo hóa con?

- Tông chỉ của kinh Pháp Hoa như thế nào?

- Thừa trong kinh Pháp Hoa Đức Phật đã vì đại sự nhân duyên mà khai ngộ TRI KIẾN PHẬT.

- Thế con đã trì kinh, đã mang ra áp dụng “tri kiến Phật” trong nếp sống tu tập hàng ngày như thế nào?

Ni cô bỗng hụt hẫng chới với. Từ thuở giờ ni cô đồng hóa tụng kinh là trì kinh, đến chừng bị lão hành khất hỏi đã áp dụng như thế nào, ni cô ngần ngại không đáp được. Ni cô suy tư miên man, đầu óc căng thẳng như muốn nổ bùng, rồi bỗng ni cô trực nhớ đến hình ảnh lão hành khất ngồi đọc phẩm Bồ Tát Thường Bất Khinh, sự cô hốt nhiên thấy đầu óc sáng rực lên. Thì ra, Pháp Hoa Kinh nhằm chỉ rõ “Tri kiến Phật”, trì kinh tức là trì “Tri Kiến Phật”, ý thức là tất cả chúng sanh : ta và người, ai cũng có Phật tánh và đều là Phật sẽ thành cả. Trì kinh cũng có nghĩa là đối với tất cả chúng sanh, dù hèn mọn như thế nào, ta cũng tôn kính cúng dường như đối với một vị Phật, vị Phật tương lai. “Ôi! ta kiên trì tụng kinh Pháp Hoa mà còn khinh khi kẻ khác, vậy thì chính ta đã phi báng kinh chớ nào có thực sự trì kinh gì đâu? thảo nào ta chẳng bị đọa lạc”, tuy ni cô thầm than thở, nhưng thật ra, ni cô cảm thấy rất thanh thoi an lạc vì vừa trút được một gánh nặng đeo đẳng hành hạ bao năm trời. Sự cô quì lạy cảm tạ Bồ Tát, dù Ngài đã biến dạng tự bao giờ. Từ đó, tuy Liên Hương cũng bền bỉ giữ thời khóa lễ Phật sám hối như

cũ, nhưng bây giờ ni cô có thể vững lòng tụng Kinh Pháp Hoa, càng tụng kinh ni cô càng thấy tâm từ bi bình đẳng đối với mọi loài chúng sanh mở rộng. Hai năm sau, ni cô nghĩ đã đến lúc mang thông điệp Phật tánh từ bi bình đẳng vào cuộc đời, nên dự định sẽ tha phương hành hóa cho đến khi thân thể mỗi mòn mới dừng lại ản tu. Thời gian làm kỹ nữ nổi danh, ni cô dành dụm được một tài sản khá to, ni cô đã sử dụng gần hết để cúng dường các tự viện trong khi chiêm bái Ngũ Đài, chỉ còn lại một ít nữ trang vẫn giữ cho Hồ phu nhân cất giữ. Nay ni cô đổi số nữ trang này thành 10 lượng vàng, chuẩn bị hành trang cho chuyến ra đi. Ni cô cũng đi chiêm bái khắp Ngũ Đài, lạy tạ từ sư phụ, rồi lễ sám hối 1080 lạy trên lộ Đại Trí lần cuối cùng. Bóng trăng rằm vàng vạc soi sáng, sư cô bước từng bước thanh thoi rạng rỡ trở về am. Ni cô vừa mở cửa bước vào, thì bỗng có bóng đen hùng hổ nhảy vào tới chụp ni cô, hấn xé toạt quần áo ni cô, vật ni cô xuống toan làm chuyện tồi bại. Ni cô thoát giựt mình, nhưng hiểu ngay kẻ lạ là tên “đại đạo hái hoa” trong mấy tháng nay gây ra mấy vụ hãm hiếp tại trấn Đài Hoài, đã có lệnh truy nã mà chưa bắt được. Có lẽ, người ta đã đề cao cảnh giác cẩn mật phòng bị, hấn không làm chi được nữa nên mới tìm đến am này. Ni cô cất giọng nhỏ nhẹ :

- Xin anh hãy bình tĩnh nghe tôi phân giải. Không có gì mà anh phải hấp tấp, phải hung bạo cả. Anh muốn điều chi tôi cũng sẵn sàng phục vụ cho anh vui lòng mà.

Thấy hấn khựng lại, ni cô ôn tồn thuyết phục :

- Tôi hiểu cái “con sót dâm dục” nhất thời đó không phải là con người thật của anh. Con người thật của anh là tình thương, là đạo đức. Xin anh hãy bình tĩnh trở về với con người thực đó đi.

Hấn bỗng xô ni cô ra, chửi thề một tiếng : “Con mẹ nó!”. Ni cô vốn có giọng nói êm ả quyến rũ người nghe, ni cô lại nghiêm túc tu tập lễ Phật sám hối gần 20 năm trời, sư cô lại tụng kinh Pháp Hoa với tâm từ bi bình đẳng chan hòa, có lẽ, những công hạnh đó đã tạo cho lời bình thường thành diệu dụng có khả năng chuyển hóa phần nào kẻ ác. Mặt khác, hấn là kẻ mắc bệnh bạo dâm, khi cưỡng hiếp ai, nạn nhân càng sợ hãi, kêu khóc, cào cấu, dẫy dụa... thì cơn dâm của hấn mới bùng nổ dữ dội và hấn mới cảm thấy khoái trá tuyệt đỉnh. Đàng này ni cô không chống cự la hét khiến hấn mất hào hứng, ni cô còn lè nhè nói điều đạo lý chán phèo khiến cơn dâm của hấn bỗng xìu xuống. Hấn thầm nghĩ lần này mình xui quá, người ta nói ra đường gặp ni cô xui xẻo, rất đúng, mình dẫy dụa ở đây có thể gặp nguy hiểm chớ chẳng chơi.

Thế nhưng hắn vẫn còn ảm ức, hắn chửi thề rồi hươi dao định đâm chém ni cô một nhát cho bỏ ghét, nhưng khi nhìn phong thái an nhiên ni cô hắn đâm ra nể sợ, hắn gầm gừ mà chưa dám hạ thủ. Ni cô vẫn bình tĩnh :

- Anh cất dao đi! Tôi đâu có thiếu anh nợ máu mà anh định giết tôi. Tôi chỉ thiếu anh 5 lượng vàng, nay tôi sẵn sàng trả cho anh 10 lượng vàng tính cả vốn lẫn lời, anh hãy lấy vàng và đi đi...

Hắn chụp gọn 10 lượng vàng nhưng không chịu cất dao. Hắn gầm gọng :

- Con mẹ nó! ngươi nói cái đách gì vậy?

- Đây là món nợ tiền kiếp, mà hai năm trước đây do một duyên phước hy hữu tôi mới biết được. Kiếp trước tôi làm Viện Chủ chùa Pháp Hoa, huyện Vĩnh Châu. Anh có cho tôi mượn 5 lượng vàng để xử dụng gấp trong việc xây cất chùa. Tôi qua đời không kịp trả, nên món nợ đó vẫn còn trĩu nặng trên vai. Hai năm may, tôi vẫn mong chờ anh đến đòi nợ, không ngờ anh đến bằng cách này. Tóm lại, xin anh cho tôi trả nợ xưa và cũng xin tán thán công đức anh đã giúp đỡ tôi xây chùa kiếp trước. Anh à! Tôi biết anh vốn là người có tâm đạo, anh lỡ phạm lỗi lầm chẳng qua vì hoàn cảnh đưa đẩy mà thôi. Nếu anh hồi tâm lại thì sẽ biến thành người tốt tức thời... Tôi tin tưởng anh là người tốt mà...

Nghe lời nói ngọt ngào thấm sâu vào lòng người của ni cô, vẻ mặt hắn dịu hẳn xuống, hắn cất dao rồi lầm lũi bước đi. Ni cô tiếp tục nói vói theo :

- Đức Phật dạy “chúng sanh là Phật sẽ thành” nên tôi tin chắc rằng anh là vị Phật sẽ thành. Xin anh dừng lại, cho tôi được lễ một lạy tôn kính vị Phật tương lai.

Dứt lời, ni cô chân thành phũ phực xuống lễ anh ta như lễ một vị Phật. Hắn ngạc nhiên nhìn sững ni cô, trọn đời hắn, hắn chưa hề được nghe ai nói một lời ngọt ngào hướng chi là tán thán tôn trọng. Vị ni cô đứng trước mặt hắn, quần áo rách nát thân thể lỏa lồ dưới ánh trăng, nhưng hắn lại thấy từ thân thể đó tỏa ra cái gì thật tinh khiết, thật thánh thiện khiến hắn cảm động nước mắt lưng tròng, hắn quì sụp xuống lạy lia lịa.

- Cảm tạ sư phụ! cảm tạ sư phụ giáo hóa đệ tử!

Hắn lập bập lên tiếng rồi phóng thật nhanh ra ngoài. Ni cô hân hoan mỉm cười. Ni cô vừa trân trọng trao đi một “thông điệp Phật tánh”. Sư cô sẽ tiếp tục mang thông điệp này trao cho mọi người, mọi loài, trong kiếp này và mãi mãi về sau.

Tháng 6.2000

---o0o---

Ngư Ma Vương

Dayton là một thành phố nhỏ bé thuộc tiểu bang Ohio, nơi mà 25 năm trước đây, khi định cư tại Hoa Kỳ chú Sáu đã được người bảo trợ lãnh về, để bắt đầu kiếp sống tha phương xứ người. Do đó, dù chỉ lưu trú tại đây không quá 6 tháng, nhưng những kỷ niệm, những hình ảnh thân thương của chốn này lúc nào cũng tràn ngập trong tâm khảm chàng. Do đó, khi chiếc phi cơ Delta vừa lượn một vòng ngắn, nhìn xuyên qua cửa sổ ngắm nhìn cảnh thành phố nhỏ nhắn mờ sương ngày xưa, chú Sáu đã xúc động nghẹn ngào. Chú ngậm ngùi nhớ tới nỗi ngơ ngác âu lo của của 3 thằng con trai bạc mạng trên bước đường vong quốc vào “thuở ban đầu” ở xứ này, chàng nhớ bà Mary Sanders, người bảo trợ hiền lành đã dang rộng vòng tay thương yêu đón nhận ba đứa con trai xa lạ, để bảo dưỡng, chăm sóc chúng từng miếng ăn, từng áo mặc và tận tình hướng dẫn chúng hòa nhập vào nếp sống Hoa Kỳ. Điểm đáng kính trọng nhất là lòng nhẫn nại của bà, khi phải bình tĩnh đối thoại với đám “con nuôi” bập bẹ tiếng Mỹ, phải quơ tay múa chân lia lịa để giải bày điều muốn nói. Bà đưa cả đám đi học Anh văn tại hội YMCA, bà dạy bọn chàng lái xe, đưa đi thi bằng lái, rồi mua cho ba đứa chiếc xe cà tàng để đi đây đi đó. Bà cũng hướng dẫn chúng đi tìm việc, và dù chữ nghĩa vẫn “ù ù cạc cạc”, ba đứa cùng được công ty Frigidaire nhận cho làm thợ không chuyên môn mà lương bổng lại khá trọng hậu. Bà lại ưu ái chăm lo phần tinh thần đám con bảo trợ vô cùng chu đáo, hàng tuần bà đưa 3 chàng đi nhà thờ Worker’s for Christ Full Gospel Church, lên tiếng ca tụng họ, khiến cả hội thánh ai cũng niềm nở đón tiếp, và thường xuyên chia nhau đến thăm hỏi, rao giảng đạo Chúa, hi vọng ngày rửa tội bọn chàng đã gần kề... Mặc dù kính thương bà Mary như người mẹ hiền, nhưng khi phải ép lòng theo bà đi nhà thờ, lấp lửng đóng vai một con chiên ngoan đạo, lí nhí hát thánh ca... chú Sáu cảm thấy có niềm bất an khắc khoải trong lòng. Chú vốn là một Phật tử thuần thành, biết chắc chắn mình sẽ chẳng bao giờ thay đổi tôn giáo, nên nếu cứ “lửng lơ như con cá vàng” đi nhà Thờ để được nâng

đỡ, chăm lo vật chất... thì vừa trái với lòng mình vừa chẳng thành thật với người. Chú Sáu toan giải bày với bà Mary tâm tư của mình, nhưng vốn liếng chữ nghĩa của chú yếu ớt quá không cách nào diễn tả nổi, vả chăng dù có khả năng, chưa chắc chú có thể nở lòng làm buồn lòng bà mẹ nuôi phúc hậu của mình. Thế rồi, để tránh kéo dài nỗi khó xử ray rứt này, chú Sáu liên lạc với bạn bè khắp nơi tìm đường ra đi. Bảy tháng sau, chú từ già Dayton với niềm luyến tiếc, rời theo duyên tình mà dừng chân tại Phoenix, Arizona. Chú lập gia đình một thời gian ngắn sau đó, và vĩnh viễn chọn vùng sa mạc này làm quê hương thứ hai. Dù xa xôi cách trở thế nào, thì ân tình thâm trọng của bà mẹ nuôi phúc hậu cũng chẳng hề suy giảm, chú Sáu thường xuyên liên lạc với bà, nài ép bà về sống với gia đình chú vào những tháng mùa đông, để trốn tránh giá băng miền Bắc. Bà Mary vui vẻ sống đùm tùm với chú vài mùa đông, nhưng mười năm sau này, sức khỏe yếu kém bà không mấy khi đi xa nhà, bốn năm cuối cùng bà phải vào viện dưỡng lão vì không tự lo cho chính mình được nữa. Giờ đây sau bao năm gắng gượng chống chọi với nhiều căn bệnh khác nhau, bà đã vĩnh viễn từ già cõi đời ở tuổi 90. Chú Sáu vừa được Viện Dưỡng Lão thông báo tin buồn, đã vội vã lên đường cho kịp dự lễ rửa tội cuối cùng của người ân nhân.

Rời phi trường, chú thuê xe, tìm đường đến khách sạn gần khu nhà quàng mà chàng đã giữ chỗ sẵn để thay bộ “vét” đen chững chạc phù hợp với ngày tang lễ, rồi hấp tấp tìm đường đến nhà quàng trước giờ hành lễ. Chàng lặng lẽ đến trước quan tài, ngắm thân xác co rúc bé bỏng nhưng nhờ thuật hóa trang khéo léo nên gương mặt vẫn lộ nét an lành yên ngủ. Chàng chấp tay lăm thăm cầu nguyện, tin tưởng rằng một người phúc hậu, trọn đời tham gia thiện nguyện như bà thì đương nhiên sẽ có duyên nghiệp tốt đẹp. Tang lễ tổ chức đơn sơ, ngoài vị mục sư và nhân viên đại diện Viện Dưỡng Lão, chỉ có vài ông bà cụ, có lẽ đều là bạn đồng bệnh - bệnh già - ngồi xe lăn ngơ ngáo đưa tiễn. Sau bao năm cô đơn nằm thoi thóp trong Viện Dưỡng Lão, dường như những người bạn đạo đã từng sát cánh với bà làm thiện nguyện và đi từng nhà làm chứng đạo đã mất liên lạc. Hai đứa con bà, tuổi tròm tròm 70, bấy lâu lưu lạc mỗi người mỗi nơi, còn sống hay đã chết, cũng vắng bóng, nên thân nhân duy nhất của bà vào ngày cuối cùng của cuộc đời lại chỉ còn có chú. Chú Sáu đứng trước quan tài, chào hỏi cảm tạ mọi người, và chờ đợi người khách cuối cùng ra về, chàng đưa chiếc áo quan chuyển qua lò thiêu, nhìn ngọn lửa phụt lên ngùn ngụt, rồi mới bùi ngùi lui bước. Chàng từ từ lái xe đi, mà vẫn còn ngoái nhìn lại làn khói đen tỏa mù mịt trên không gian, thầm nghĩ : “Bấy lâu nay, lăn lộn với nỗi đờn đau dai dẳng, sống không ra sống, chết không ra chết, giờ đây tuy tắt thở nhưng bà Mary mới thực sự sống, sống thanh thoi ở cõi thiên đàng nước Chúa của bà”.

Sau khi ngủ một giấc ngon lành, chú Sáu thức dậy sớm lái xe lòng vòng tìm lại những kỷ niệm ngày xưa. Ngày chúa nhật, đường xá vắng vẻ, nên chú cứ tà tà lái xe đi ngang hội YMCA, hãng Frigidaire, viện bảo tàng máy bay, qua những mảnh rừng phong lá đang chuyển màu đỏ thắm, viếng Wright State University, rồi vòng qua con đường Valley street quen thuộc, dự định sẽ nhìn thoáng qua ngôi thánh đường mà ngày xưa chàng theo bà Mary đi dự lễ hàng tuần. Con đường xưa có phần cũ kỹ tồi tệ hơn ngày trước, chú Sáu vừa quan sát vừa lầm nhảm dò số; chú chuẩn bị tinh thần để quan sát thật nhanh khung cảnh bên ngoài ngôi giáo đường để từ biệt, bỗng nhiên chú giật mình tấp gáp xe vào lề, dừng lại, dụi mắt nhìn cho rõ. Thì ra, ngôi giáo đường năm xưa đã biến thành ngôi chùa Việt Nam tự lúc nào. “Thật không ngờ cộng đồng Việt Nam nhỏ bé ở đây có thể hoàn thành một công trình quý báu như thế này”, chú trầm nghĩ. Chú Sáu rộn ràng ngắm ngôi chùa “Tịnh Quang” nhỏ bé, tuy dáng dấp bên ngoài vẫn là còn giữ nguyên kiến trúc của ngôi giáo đường, nhưng bên trong đã được tân trang lại thành một chánh điện tôn nghiêm, với khoảng chừng một trăm Phật tử, trong đó có hai gia đình người da trắng tề tỵ. Ở những thành phố ít người Việt sinh sống, tình đồng hương rất đậm đà. Chú Sáu được mọi người niềm nở tiếp đón, đưa lên hàng đầu, trao cho quyền kinh, ân cần theo dõi từng trang để hướng dẫn chú tụng theo nghi thức hành lễ. Phần chủ lễ do vị Hội Trưởng phụ trách, không khí rất trang nghiêm và có chiều sâu. Chú Sáu đã từng viếng thăm hàng trăm ngôi chùa Việt Nam tại xứ Mỹ, có thể nói đây là ngôi chùa nghèo nhất mà chú đã gặp, nhưng chỉ riêng ở ngôi chùa này, chú mới cảm thấy niềm xúc động dạt dào : chú xúc động về đạo tình, về lòng thiết tha phục vụ đạo pháp của cộng đồng Việt Nam nhỏ bé ở đây. Nghi lễ kết thúc, chú Sáu nhìn quanh không thấy ai quen biết, chú hơi thất vọng, vừa định ra về thì bỗng có người đàn ông đứng tuổi chặn lại lên tiếng :

- Anh Sáu! Anh đến Dayton lúc nào mà lang thang một mình ở đây?

- O! O! Chào anh Thọ! Nãy giờ tôi cố ý nhìn quanh tìm anh mà không thấy. Tôi hấp tấp về đây dự đám táng bà Mary Sanders, quên mang sổ điện thoại theo, thành thử muốn liên lạc với anh và anh Tường mà chẳng biết phải làm sao?

- Sáng nay anh Tường đi câu, đâu ai biết anh ấy đến hồ nào mà tìm! O! mà chiều nay vợ chồng anh ấy hứa lại nhà tôi dùng cơm, sẵn dịp mời anh đến chung vui với tụi này. Chỉ có vợ chồng anh ấy, vợ chồng thằng Hạnh, em vợ tôi, chớ chẳng ai xa lạ, xin anh đừng ngại!”

Mấy năm nay chú Sáu không dùng cá thịt, chú ngại việc ăn uống kiêng cử này gây phiền toái cho bạn bè, nên đành thoái thác :

- Ô! Tôi có chuyện hơi kẹt! Anh cho tôi đến trễ sau buổi ăn. Miễn là mình gặp được nhau uống trà đàm đạo là vui vẻ lắm rồi!

- Được lắm! Vậy thì mình sẽ gặp nhau khoảng 8 giờ rưỡi nhé! Xin anh cầm danh thiếp tôi, có ghi rõ địa chỉ và số điện thoại, nếu lạc đường thì rêu tôi đi rước, đừng ngại nhé!

Trời mùa thu ẩm đạm, mới hơn 8 giờ chiều mà bóng tối đã ngập tràn. Chú Sáu theo bản đồ, tìm được con đường Capewood lane rồi, nhưng ráng mờ bết mắt dò xét số nhà 3536 hoài mà chẳng thấy. Chú đành đậu xe, bước ra ngoài đi tới đi lui kiểm soát lại cũng chẳng truy ra. Chú Sáu đang ngơ ngác nhìn quanh, bỗng thấy có một người dáng dấp Á Châu trở tới. Chú Sáu dợm chào xã giao nhưng còn ngần ngại, thì người lạ đã nhanh nhẩu cất tiếng :

- Anh là người Việt?

- Dạ đúng.

- Anh tìm nhà anh Thọ?

- Dạ phải! Tôi từ xa đến đây không rành đường nên đang lúng túng. Mà sao anh đoán tài quá vậy?

- Có gì lạ lùng đâu. Xóm này chỉ có anh ấy là người Việt Nam thôi! Tôi cũng đang trên đường đến nhà anh đây. Xin anh cứ theo tôi!

- Cám ơn lắm! Tên tôi là Sáu, xin hân hạnh được quen anh.

Người lạ cười hồn nhiên thân mật : “Chuyện nhỏ mà ân nghĩa gì anh Sáu. Nếu anh không ngại, thì xin bắt tay thằng Hồ Linh này kết bạn với nhau đi!” Hai người bắt tay nhau vui vẻ. Mới gặp nhau, mà chú Sáu mừng tượng như họ đã quen nhau tự thuở nào rồi. Hồ Linh đưa chú Sáu qua khỏi căn nhà thứ nhất, thì đã thấy ngôi nhà của Thọ nằm sờ sờ kế đó, số nhà cũng rành rành trước cửa, vậy mà hồi nảy con mắt quáng gà của chú Sáu lục lạo hoài chẳng thấy, mới là điều lạ lùng. Chú Sáu vừa bấm chuông, thì đã thấy chủ nhà đơn đả mở cửa reo vui :

- Anh Sáu! Tôi thấp thỏm trông ngóng anh này giờ. Tôi định ninh anh đi lạc đường rồi, vì mấy thuở mà anh trề hện với ai đâu?

- Ô! Đáng lẽ thì tôi đã đi lạc! nếu không nhờ anh Linh dẫn đường thì chắc phải còn lâu tôi mới mò được tới đây.

Rồi nhìn vào nhà, thấy loáng thoáng có nhiều kẻ hiện diện trong nhà, chú Sáu vội chấp tay, cất tiếng chào : “Xin chào quý anh chị! Xin lỗi đã đến trễ.”

Hồ Linh cũng nói gót theo chú Sáu, bước vào nhà cười vang, lên tiếng : “Thằng Hồ Linh này, cũng xin tổng chào quý vị”.

Sau khi nồng nhiệt đón tiếp chú Sáu, lịch sự hỏi thăm qua loa sức khỏe và đời sống của gia đình chàng, ba mẹ đàn bà hấp tấp rút vào phòng gia đình tiếp tục xem bộ phim dở dang, nhường phòng khách cho đám đàn ông tự do bàn bạc những chuyện linh tinh “cắm đàn bà”. Thế nhưng, hai phòng cách nhau chẳng xa nên câu chuyện của bọn đàn ông khó vượt thoát khỏi lỗ tai bén nhạy của quý bà, ngược lại, âm thanh truyền hình tuy nhỏ nhưng phim truyện Tây Du, đang đến hồi vui nhộn với màn Bát Giới³² trêu ghẹo bảy con tinh nhen nhen bị phun tơ trời nằm chèo queo thê thảm, cũng xâm lăng ra phòng khách khiến đám mây râu cũng loáng thoáng ngóng nghe.

Chú Sáu cất tiếng :

- Ở đây, đồng bào Phật tử ít, lại không có tăng ni hướng dẫn, vậy mà anh em cũng đồng tâm nhất trí lập Hội, xây dựng được ngôi chùa để có nơi tề tựu quy ngưỡng, lòng thiết tha phục vụ đạo pháp của quý anh thật đáng tán thán!

- Thật ra, trong thời gian đầu nội việc mời Phật tử về hội họp để bàn bạc đã là chuyện khó khăn, vấn đề tài chánh cũng nan giải, thế nhưng, anh em chủ trương cứ bền bỉ tiến hành, rồi bỗng nhiên như có sự gia trì của chư Phật, những khó khăn nội bộ khắc phục lần lần, rồi tình cờ chúng tôi tìm được ngôi thánh đường cũ kỹ đang rao bán với giá phải chăng phù hợp với túi tiền eo hẹp của cộng đồng nhỏ bé này, để mua lại và sửa sang thành ngôi chùa tạm trang nghiêm như ngày nay!, Thọ đáp.

- Lập hội, xây chùa dĩ nhiên là chuyện cực kỳ khó khăn, nhưng chuyện nuôi dưỡng niềm tin vào đạo pháp, hàng tuần dù không có tăng ni mà vẫn trang nghiêm hành lễ, điều đó mới là chuyện thiên nan vạn nan khó làm mà quý anh làm được, và đó mới là điểm mà tôi vô cùng tán phục, quý anh ạ!

- Anh Sáu à! Anh chân ướt chân ráo về tới Dayton là đã đến chùa lễ bái, trong khi tôi cũng nằm trong ban tổ chức hô hào lập hội, xây chùa...vậy mà tôi ham vui theo bạn bè đi câu. Sự thuận thành của anh khiến cho tôi cảm thấy xấu hổ quá đi!, Tưởng lên tiếng.

- Sự thật thì tôi đang lái xe lông nhông ngoài đường bỗng vô tình thấy ngôi chùa nên tò mò vào chiêm bái, chớ thật ra, tôi nào biết chùa Việt Nam ở đây lập lúc nào mà viếng thăm, xin quý anh chớ vội khen ngợi mà làm tôi lừng!

- Ấy! Anh quá khiêm nhường nói như vậy, chớ ai cũng ca ngợi anh là Phật tử thuần thành đạo cao đức trọng kia mà!, Hạnh góp ý.

Chú Sáu lắc đầu lia lịa đáp : “Nói rằng tôi tu tập lem nhem chẳng đi đến đâu thì đúng, chớ nói đạo cao thì hoàn toàn sai. Tôi chỉ thực hành bằng cách cố gắng tu sửa diệt trừ tham sân si trong mấy mươi năm nay, nhưng khi tự quan sát mình tôi biết rõ mình chẳng tiến bộ là bao.” Chú Sáu ngần ngừ một chút để tìm lời giải đáp hợp lý, chợt nghe tiếng Bát Giới la oái oái trong truyền hình vọng lại, chú mỉm cười bỏ túc : “Tôi mà bị đám tinh nhèn nhện nó quần, thì tánh Bát Giới cũng nổi lên, rồi bị sa lưới tơ mà thôi, chớ có giỏi giang gì đâu!”.

Thọ cười hì hì, hạ giọng nho nhỏ :

- Bọn đàn ông mình, gặp đám tinh nhèn nhện hấp dẫn đó thì đành vui vẻ bó tay mà thôi.

Hạnh, Tưởng, Linh cùng cười khúc khích tán thành “Đúng vậy!đúng vậy!”. Đùa chơi nói nhỏ với nhau, vậy mà, từ phòng gia đình đang chúm mũi xem chuyện Tây Du, mấy bà vẫn vểnh tai nghe được. Có một giọng nói nửa cười cợt, nửa hờn giận, mà vị thì chua như giấm bỗng the thé vang ra :

- Mấy ông mà! Ai chẳng mang bệnh mê gái, gặp đám con tinh nhèn nhện là hồn phách tiêu tán hết, chẳng còn biết đường về nhà nữa kia...

Ba chàng Thọ, Tưởng, Hạnh giựt mình êm re, riêng Hồ Linh nhờ không có bà nào đi theo kèm kẹp, nên bạo phôi đáp :

- Bộ mấy bà tưởng bọn đàn ông này mê mấy con tinh cái, còn mấy bà không mê đám tinh đực đẹp trai sao?

- Sức mấy!sức mấy!, ba bà đồng ong óng hét lên một lượt.

Chú Sáu thấy diễn tiến có phần nguy hiểm vội ôn tồn lên tiếng can ngăn :

- Xin lỗi quý anh chị! Xin quý anh chị bỏ qua cho. Tôi nói chuyện ví von để cười vui chơi thôi, chớ thật ra, nếu nói theo Kinh Kim Cang thì Bát Giới không phải là Bát Giới mới thật là Bát Giới, và tinh nhên nhện cũng chẳng phải là con tinh nhên nhện, mới chính hiệu là tinh nhên nhện, anh chị ạ!

Con giận dữ xuống phần nào, nữ gia chủ vui vẻ hỏi :

- Anh nói lòng vòng khó hiểu quá! Sự thực ý anh như thế nào, anh nói rõ ra được không anh Sáu?

- Tác giả Tây Du là Ngài Ngô thừa Ân, một cư sĩ thâm hiểu Phật Pháp đã viết chuyện này để gởi gắm ý đạo. Trần huyền Trang tức Tam Tạng, là một nhân vật lịch sử, có xác thân còn các đệ tử đều không có xác thân vì đó chỉ là những tướng trạng tâm thức sâu kín của kẻ tu hành mà thôi. Tề Thiên tượng trưng cho ý thức, tức lý trí nên dững mãnh, thần thông biến hóa, và biết suy xét nên không bị sa lưới ma. Còn Bát Giới, tượng trưng cho nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức và thân thức... nên khi tiếp xúc bóng sắc, với âm thanh ngọt ngào, mùi vị thơm tho, xúc chạm êm ái... dễ bị đắm nhiễm và do đó mới bị ma bắt liên miên. Thí dụ như mình mê chiếc xe hơi lộng lẫy, thì tâm Bát Giới mình bị cái con nhên nhện xe hơi trói chặt không vùng vẫy được, tóm lại, tuy nói Bát Giới nhưng không phải Bát Giới, tuy nói là tinh cái nhưng không phải là tinh cái, phải không quý anh chị!

Chị Thọ vui vẻ lên tiếng :

- Anh giải thích như vậy thì tôi hiểu được. Suy ra, thì cái đám nhên nhện tinh : nữ trang, son phấn, áo quần, nó cũng “lập mê hồn trận” quyến rũ tụi này chết mê chết mệt lắm phen chớ, nhưng tôi có phép màu nên không để chúng nó trói chân tay tôi vào một chỗ đâu!

- Phép màu gì vậy chị! Truyền lại cho em đi!, hai bà bạn nhao nhao hỏi.

- Tôi chỉ cầm cái “bữa bồi visa” múa nhẹ một đường là tự do ôm đồ đạc về nhà, giao cái “bill” cho ông, ráng cày “over time” đến đâu thì cày!

Cả nhóm cười rú lên vui vẻ, riêng Thọ ra vẻ ngượng ngùng, giả vờ như không nghe thấy gì cả, làm nghiêm tiếp tục cuộc thảo luận :

- Tóm lại, theo anh Sáu thì tác giả truyện Tây Du đã dùng vô số tình ma để ám chỉ tất cả biến dạng tiêu cực của tâm đã làm chướng ngại con đường tu tập của kẻ tu hành phải không anh?

- Đúng vậy! Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, trạo cử, hôn trầm... đều là ma chướng, mà ngay như các loài vô tình : vật dụng, cỏ cây mà mình hơi hồng thả tâm buông lung thì nó cũng biến thành yêu ma tác quái như thường. Trong Tây Du, vàng bạc cũng biến thành Kim Giác và Ngân Giác³³ đại vương một thứ chúa yêu cắn nhai kẻ tu hành rạo rạo, thế nhưng khi đã hiểu rõ nó, kềm chế nó được rồi, thì Kim Ngân là đồng tử giữ lò thuốc trường sinh, kẻ tu hành cũng cần nó để “trường sinh” và có phương tiện hoằng dương Phật Pháp, nên không thể diệt trừ tuyệt giống nó được. Còn cây tùng, cây bá, gốc mai, gốc hạnh... sống lâu năm là thứ cây kiêng mỹ thuật nên thơ, nhưng nếu ta say đắm nó mà nhụt chí tu hành thì cũng có thể bị sa đọa, nên trong Tây Du tác giả đã nhân cách hóa cây tùng, cây bá thành tiên ông Thập bát công, Cô trực công, còn cây Hạnh, cây Mai là những tiên cô xinh đẹp, đã vẽ bày ra thú ngâm thơ vịnh nguyệt để quyến rũ Tam Tạng³⁴.

- Vàng bạc, cây cảnh giả dụ là quỷ ma thì tôi hiểu được, còn con thanh sư của Bồ Tát Văn Thù³⁵ sao lại cũng biến thành yêu quái nữa?, Hạnh thắc mắc.

- Tôi nghĩ thanh sư của Bồ Tát Văn Thù là hình ảnh tượng trưng cho trí tuệ biện tài vô ngại vì khi sư tử cất tiếng thì chồn cáo run sợ cúi đầu. Các bậc tu hành đạt đến trình độ biện tài vô ngại thuyết pháp thì sẽ được người người qui phục, trọng vọng. Trong Tây Du, sư tử thiển dụ cho kẻ tu hành có biện tài, nhưng đã xử dụng biện tài ngoài phạm vi Phật pháp để tranh dành ngôi vua, nên cái biện tài đó đã biến thành yêu quái hại người.

- Có con ma nguy hiểm mà Tây Du ký đã đề cập tới là Ngưu ma Vương³⁶, anh Sáu có nhận xét gì đặc biệt về con ma này không?, Hồ Linh vặn hỏi.

- Tôi chưa nghiên ngẫm nhiều về hành tung bí ẩn của thứ ma này, anh đã đề ý tới thì chắc đã gia công tìm hiểu, xin anh chia sẻ với chúng tôi suy tư của anh!

- Nguru ma Vương là anh kết nghĩa của Tề Thiên, như vậy nó cũng là một biến dạng của tâm thức. Nguru ma Vương lại là con trâu toàn trắng, mà trâu trắng là biểu tượng của vọng tâm qua 10 bức tranh chăn trâu của Thiền tông³⁷. Thiền gia dùng roi giới luật và vàm chánh niệm cột con trâu tâm lại, nói khác dùng roi vọt trị trâu không cho trâu lung lảng phá ruộng lúa người cho đến khi con trâu thuần thục lần lần, không cần chăn giữ nữa, rồi trâu biến dạng..., cho đến khi người và trâu đều biến mất, thì bóng dáng chân tâm mới hiện bày... Có điều là con trâu mình tưởng đã biến dạng hẳn lại cứ lăm le mọc đầu trâu khác, thờ ơ thì bị làm lạc ngay. Đây là điểm mà chỉ có người thực sự tu, thực sự chăn trâu, thì mới thấy rõ rằng việc chăn trâu không phải là chuyện dễ dàng, mình tưởng như đã bỏ được một tâm xấu rồi, mình vừa mới yên chí lớn thì bằng cách này cách khác nó đã sống dậy hoành hành tự lúc nào rồi. Thí dụ như một tu sĩ tưởng chừng như đã bỏ được tâm tham tiền cho cá nhân, nào ngờ tâm tham tiền đó bị chôn vùi một thời gian bỗng mọc trở lại nhưng nguy trang thành tham tiền cho chùa, cho đạo; kẻ khác yên chí mình đã bỏ được tâm tham danh thế tục, biết đâu lại chui đầu vào cái tham danh đạo đức cao tăng tự lúc nào rồi...

- Kinh nghiệm đó bộ hay đa! chị em chúng mình phải nhớ kỹ điều này nhé! đừng thấy mấy ông tu tâm dưỡng tánh mà yên bụng là lầm lẫn lớn. Mình mà hơ hồng thả lỏng mấy ông tự do một chút thì con trâu..., ý quên! con dê của mấy ông sẽ mọc râu trở lại, tung hoành lục tặc, phá làng phá xóm như chơi hà!

Nữ gia chủ vừa dứt lời thì đã có tiếng vỗ tay đôm đốp và giọng nữ khác phụ họa :”Chị Thọ phán một câu là trúng ngay phóc tim gan mấy ông! Hoan hô! Hoan hô!”.

Hồ Linh đặng háng, lập nghiêm lên tiếng :

- Tôi có một chuyện ma, nhưng đó là chuyện thật về một kinh nghiệm của tâm Nguru ma Vương mọc đầu trở lại, quý bà có thích nghe chuyện ma này không?

Tuy sợ ma nhưng lại thích nghe chuyện ma, nên mấy bà chẳng ai phản đối, dù chưa chi họ đã ngồi sát bên nhau, mắt láo liên khi nghe tiếng gió khua cành lá sột sạt bên ngoài. Còn phe đàn ông, đang bị quý bà ồn ào ra vẻ lán lướt, may mà Hồ Linh lanh trí kịp thời cứu thể diện bằng cách đem chuyện ma ra hù dọa khiến bọn họ êm ru, nên ai nấy đều khoái chí hoan hô nhiệt liệt.

- Đây là câu chuyện của sư Linh Huyền, do đích thân sư kể lại như thế này :
“Ta là con út của một gia đình Phật tử thuần hậu tại xã Hương Trà, thành Phú Xuân vào thời Võ Vương³⁸. Ta vốn hâm mộ đạo Phật và phát nguyện dần thân tu tập đạo giải thoát từ khi còn rất trẻ, nhưng vì mẹ cha ngăn cản, nên mãi đến năm hai mươi tám, khi cha mẹ già yếu lia trần, ta mới được tự do lạy hòa thượng Giác Viên, chùa Hàm Long³⁹ xin thọ nhận làm đệ tử xuất gia. Nhờ lòng thành khẩn tu tập, giới luật nghiêm minh, kinh luật lầu thông, ta sớm được sư phụ thương yêu tin tưởng. Năm 36 tuổi ta được sư phụ cử làm trụ trì chùa Bát Nhã, một ngôi chùa bé nhỏ vừa được dân làng An Cựu xây dựng, ngôi chùa thôn dã thanh vắng này rất phù hợp với tâm tính ta. Vài tháng sau thì có sư đệ Linh Hải, một tu sĩ nổi tiếng là tài hoa, lại khôi ngô tuấn tú, được sư phụ cử về phụ tá. Thật ra, vì chùa Hàm Long rộng rịp Phật tử quyền quý, sư phụ không thể ngăn cản các công nương viện có học hỏi giáo lý để bám theo người đệ tử trẻ “bẹo hình bẹo dạng”, nên quyết định đưa sư đệ tị nạn tại chùa làng, và căn dặn ta quản giáo sư đệ nghiêm ngặt. Ta dòm ngó sư đệ rất kỹ, kiểm soát từng hoạt động, từng biến chuyển tư tưởng... vậy mà, một hôm ta bận việc vắng chùa vài giờ, khi trở về đã bắt gặp sư đệ đang thâm thối với cô gái trẻ. Ta nổi giận xua đuổi cô ta, rồi trách mắng sư đệ thậm tệ. Tưởng phản ứng quyết liệt như vậy sẽ mang kết quả tốt, nào ngờ, sau biến cố đó, sư đệ chẳng những không sửa đổi mà lại nhất quyết xin hoàn tục. Chuyện này khiến ta ray rứt khôn nguôi : ta vừa hổ thẹn đã không làm tròn lời ủy thác của thầy, vừa tức giận sư đệ đã tham đắm háo sắc mà lụy thân.

“Cạnh chùa có một gia đình nông dân chất phác sinh sống. Họ là những Phật tử thuần thành, lễ lộc nào, cả nhà bốn người : vợ, chồng và hai con đều đến chùa thành tâm lễ Phật, đặc biệt là hai người con, chị tên Nụ và em trai là Mầm, thường tình nguyện gánh vác phần công quả nặng nhọc cho chùa, nên sớm đã chiếm được lòng mến yêu của ta. Tình thầy trò theo thời gian mà tăng trưởng, lúc đầu, ta yên chí rằng tình cảm của ta bình thường và trong sạch, nên chẳng mấy quan tâm. Mãi cho đến một hôm, trong khi tọa thiền tự quán sát mình, ta chợt khám phá rằng dường như đã có thứ tình nam nữ nhen nhúm, nên hình ảnh thơ ngây của cô Nụ thường quán quít tâm ta. Đây là chuyện lạ lùng khó tưởng tượng đã xảy ra : Ta đã từng tiếp xúc bao thiếu nữ yêu kiều mà tâm chẳng hề xao động, giờ đây sao lại rung cảm bởi người thôn nữ nhan sắc tầm thường như thế này. Ta lo lắng vận dụng đủ mọi phương pháp thiền quán để chống đỡ, nhưng càng chống đỡ thì tình cảm càng sâu đậm, tâm càng vọng động, và dục tình ngày càng bộc phát. Lúc đó, tuy bề ngoài ta vẫn dường như hoàng cảnh vững chặc, nhưng bên trong thì khối yêu

đương cứ âm ỉ mà rộn ràng gia tăng mãi và nguy cơ không kèm hãm nổi có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Ta cực kỳ lo lắng, và trong một quyết định bồng bột nhất thời ta nhờ một đệ tử thân tín giúp đỡ ta thiên bộ phận nam căn. Trong thời gian đầu, tuy ta nhận thấy giọng nói, dáng đi ta có vài thay đổi, nhưng vấn đề then chốt thì ta đạt được : tu tập thoải mái, không còn bị dục tình đen tối ám ảnh nữa. Thế nhưng, chừng một năm sau ta lại khám phá ra rằng bao nhiêu tình cảm của ta lại chuyển sang qua chàng thanh niên vai u thịt bắp. Tim ta lại rung động bởi Mầm, chẳng khác gì sự rung động trước kia đối với Nụ. Thì ra, cái nam căn tuy quan trọng cho sự truyền giống, nhưng tâm tâm mới là cái đầu Ngưu ma Vương, nó có thể mọc ra bất cứ lúc nào và dưới bất cứ hình thức nào.

“Ta trốn lánh không dám tiếp xúc ai nữa. Tâm bệnh khiến sức khỏe ta suy yếu dần, ta chết mỗi mòn trong niềm thất vọng nào nề chỉ trong một thời gian ngắn sau đó. Điềm khiến ta bứt rứt khôn nguôi là lòng dâm dục của ta dường như đã đoạn hẳn rồi, cứ sao lại xuất hiện trở lại thành linh khiến ta ơ hờ không chống trả nổi. Sau này ta mới nghiệm ra rằng, mình đã trải qua bao kiếp trầm luân thì chuyện tội tệ nào mà chẳng từng làm, những hạt giống xấu xa nào chẳng còn tiềm phục trong tàng thức. Ngày xưa, ta chăm chấp kẻ vạch lỗi sư đệ, rồi cứ ôm ấp tội lỗi người để sung sướng tự hào về mình, chính trong thời điềm này thì các hạt giống dâm dục xấu xa trong tàng thức đã tương ứng mà hiện hành. Thì ra, mình vạch xấu tội người thì cái đó lại đến với mình, mình gieo gió thì gặt bão, chỉ có vậy thôi.”

Kết thúc câu chuyện với tiếng thở dài, Hồ Linh lơ đãng nhìn vào cõi xa xăm mơ hồ nào đó, và dường như quên lãng đám bạn bè đang trở mắt nhìn anh ta.

- Anh dọa là kẻ chuyện ma khiến bọn tôi hồi hộp, mà nào có thấy ma cỏ gì đâu? Chẳng có gì đáng sợ cả?, chị Tường lên tiếng phá tan bầu không khí yên lặng.

- Anh còn giáo đầu rằng đây là chuyện thật? Chuyện hoang đường thì có, chớ thật ở chỗ nào? Ông sư nào đó nếu thiên thì chết queo rồi, còn tò về to tướng ai được nữa? Huống chi anh kể rằng ông buồn khổ chết thâm lặng từ mấy trăm năm về trước thì làm sao kể cho anh nghe được?, Hạnh cũng gay gắt vặn hỏi.

Hồ linh cười hô hô :

- Sợ hay không thì đến hồi kết cuộc mới biết được. Việc thiến nam căn cho các hoạn quan tại Phú Xuân thời đó do các y sĩ đặc biệt đảm trách nên rất an toàn, đâu có gì là nguy hiểm. Còn tại sao ta dám đoán quyết đây là chuyện thật, bởi vì..., bởi vì... sư Huyền Linh chính là tiền thân của ta kiếp trước... Hỡi ôi! Ta chết với nỗi nghi vấn triền miên nên không siêu thoát khỏi cõi ta bà được, may nhờ chút phước đức tu tập nên đã chuyển sinh thành một con chồn thần thông, năm này sang năm khác tìm cách gần gũi các ngôi chùa thanh tịnh để đón nghe pháp và hộ pháp. Khi biết kiếp chồn sắp mãn, ta đi một vòng thăm các chùa Việt Nam khắp năm châu, tình cờ lưu lại chùa Tịnh Quang gia hội, rồi nay vì người sư đệ năm xưa mà đến đây kể chuyện cho quý vị nghe chơi, âu cũng là duyên nghiệp...

Hồ Linh bỗng đứng phắt dậy, đảo đôi mắt quái dị xoi bói nhìn từng người một, đoạn trút tiếng cười lạnh lẽo : “Hà! hà! chuyện tin được hay khó tin là tùy ở quý vị! Thằng Hồ Linh này đâu dám nài ép!”. Tiếng gió bỗng rú lên từng chập, khiến cánh cửa trước rung động, rồi mở bét ra. Thoát một cái, Hồ linh đã nhanh nhẩu lách nhẹ ra ngoài, trước khi cánh cửa tự động đóng ập trở lại kín mít.

Thọ bước nhanh ra mở cửa nhìn theo, nhưng chỉ thấy tối đen dày đặc, anh lắc đầu cầu nhàu :

- Anh Sáu ơi! Cha bạn của anh sao có vẻ quái đản quá!

Chú Sáu ngạc nhiên đáp :

- Uả! Tôi tưởng anh ta là bạn của anh chứ! Phần tôi, thì tôi mới gặp anh ta lần đầu mà thôi! Anh ta cho biết đang trên đường đến nhà anh nên tôi tháp tùng đi theo cho khỏi lạc. Ừ nhỉ! Tại sao khi tới nơi, tôi tìm đúng tên đường rồi, mà quanh quẩn dò xét mãi chẳng thấy số nhà này kìa? Chẳng lẽ, anh ta dỡ trò ma quái che mắt tôi?

Ngẫm nghĩ một thoáng, chú Sáu lại bàng hoàng lên tiếng :

- Bước vào nhà, rõ ràng anh ta cũng lột giày ra để trên tấm thảm chà chân này, khi phóng đi anh ta không hề dừng lại mang giày, vậy bằng cách nào đôi giày cũng biến mất rồi? Chẳng lẽ, anh ta chẳng phải là con người bằng xương bằng thịt như chúng mình?

- Hấn xưng tên Hồ Linh, hồ là chồn, chắc hấn là chồn thành tinh quá!, Hạnh góp ý.

Ba mẹ đàn bà nẩy giờ ngòi run lập cập, nép sát bên đấng lang quân của mình, bây giờ mới tranh nhau lên tiếng :

- Vừa thấy hấn tôi đã nghi rồi mà! Mặt hấn ả hiện đốm vàng đốm xanh, chẳng biết có ai thấy không?

- Uà! Mặt hấn xanh lè, mắt lại có vết máu nữa chớ! Ghê quá!

- Tôi thấy rõ ràng là hấn bước lướt lướt, chân đâu có chạm mặt đất!

Càng tranh nhau nói, quý bà càng run, khiến các ông cũng bị ảnh hưởng lây, mặt mày ngơ ngáo, mắt lăm lét liếc các cánh cửa.

- Lão Hồ Linh là người, là ma hay là chồn tinh tôi chẳng biết, chuyện anh ta kể thực hư tôi cũng chưa dám có ý kiến. Nhưng tôi tin chắc rằng ả vì lòng tốt mà đến đây chung vui và chia xẻ với chúng ta một mẩu chuyện đạo cho mình suy gẫm. Dẫu không phải là người, thì ả có gì đáng sợ đâu?

Cánh cửa bỗng bật ra, Hồ Linh ló đầu nhìn vào, nhe răng cười cợt :

- Cám ơn anh Sáu! Anh quả là bạn tri âm, xứng đáng cho ta thổ lộ cõi lòng!

Thế rồi, bóng Hồ Linh tựa như khói mây tan biến lần trong đêm đen.

Bảy giờ sáng hôm sau, chú Sáu đang sửa soạn hành trang trở ra phi trường về nhà, bỗng có điện thoại reo vang, rồi tiếng Thọ hét hoảng ở đầu giây :

- Lạ quá! Anh Sáu ơi! Trước ngõ nhà tôi có con chồn nằm chết! Con chồn to lắm, lông trắng như tuyết anh à!

Con chồn này có liên quan gì đến Hồ Linh đêm trước hay không? Chú Sáu vẫn mơ hồ không biết, nhưng chú quyết định hoãn chuyến bay, để ở lại Dayton đôi ngày giúp Thọ tống táng xác chồn. Hai người đưa xác chồn đến

nhà quàng hỏa thiêu, chú dự định khi có dịp, sẽ mang mớ tro tàn này về Huế, rải trên đồi làng An Cựu của ngày xưa.

Tháng 6.2003

---o0o---

HẾT

¹ Bài tán hương này có lẽ thịnh hành vào thời điểm miền Nam có tục lệ lập trang thờ nho nhỏ trước nhà để thờ “Thiên Địa”, tục gọi là “bàn thờ Ông Thiên”. Bài tán hương có vài điểm không ổn, và thiếu ít nhất là một câu, câu thứ ba tạ ơn Tam Bảo, có thể tương tự như là : “Thập phương Tam Bảo thường gia hộ”. Bạn đọc nào hiểu biết rõ, xin chỉ dẫn để người viết sửa lại cho đúng. Xin cảm tạ.

² Tôi dùng những câu giản dị và rất riêng tư như các câu dưới đây :

- Mình Niệm Phật bền bỉ cho tâm mình trong sạch không còn xấu xa, tham lam... nữa.
- Niệm Phật cho tâm mình trong sạch gần gũi với tâm Phật mới về cõi Phật được
- Cõi này bệnh hoạn già nua về cõi Phật không còn già nua bệnh hoạn nữa.
- Trả lời câu hỏi: “Tại sao niệm Phật A Di Đà mà không niệm Phật khác”. Tôi đáp : “Hồi ở trại tị nạn, nhờ những vị hiểu biết hướng dẫn, mình chỉ xin đi Mỹ nhờ vậy đi nhanh. Còn mấy người nộp đơn xin lung tung nhiều nước thì gặp rắc rối rất chậm. Cũng như vậy đó, Đức Phật Thích Ca là bản sư dạy mình niệm Phật A Di Đà, mình cứ nghe theo mà hết lòng niệm Phật A Di Đà thì mới về cõi được Phật.”

³ Tôi dùng những câu giản dị và rất riêng tư như các câu dưới đây :

- Mình Niệm Phật bền bỉ cho tâm mình trong sạch không còn xấu xa, tham lam... nữa.
- Niệm Phật cho tâm mình trong sạch gần gũi với tâm Phật mới về cõi Phật được
- Cõi này bệnh hoạn già nua về cõi Phật không còn già nua bệnh hoạn nữa.
- Trả lời câu hỏi: “Tại sao niệm Phật A Di Đà mà không niệm Phật khác”. Tôi đáp : “Hồi ở trại tị nạn, nhờ những vị hiểu biết hướng dẫn, mình chỉ xin đi Mỹ nhờ vậy đi nhanh. Còn mấy người nộp đơn xin lung tung nhiều nước thì gặp rắc rối rất chậm. Cũng như vậy đó, Đức Phật Thích Ca là bản sư dạy

mình niệm Phật A Di Đà, mình cứ nghe theo mà hết lòng niệm Phật A Di Đà thì mới về cõi được Phật.”

⁴ Đây là nguyên văn lời tán thán nhiều lần của Ni sư Như Phương: “Sư cô hộ niệm rất nhiều người mà chưa thấy người nào ra đi với vẻ mặt thanh thản an lạc, và có chuyển tướng lưỡi tươi nhuận như bà cụ. Sư cô thấy thương quá nên mới vượt trán bà chớ tự hỏi nào đến giờ sư cô chưa đụng chạm đến thì thể ai cả, ngay đũa em ruột của sư cô cũng vậy nữa”

⁵ Vì hàm răng giả đã tháo gỡ từ hai hôm trước, miệng hơi hở, nên lưỡi bị khô và có vẻ như hơi dày, khi Niệm Phật chừng ba giờ, nhìn kỹ lại thấy lưỡi hết khô và dày, trở nên thanh và tươi như bình thường.

⁶ Bài kệ này khi tụng chung với các con tôi, chúng tôi sửa lại như sau :

Nội thương chúng con thì nội Niệm Phật
Chúng con thương nội thì chúng con Niệm Phật
Gia đình mình đồng Niệm Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật
Nam mô A Di Đà Phật

⁷ Nghi Thiết Khoa Nghi, trích trong quyển Pháp Sự Khoa Nghi, Hòa Thượng Thích Huyền Quang biên soạn.

⁸ Chùa Ngọc Phật: Chùa ở thành phố Thượng Hải do hòa thượng Khả Thành xây dựng năm 1918 để tôn trí tượng Phật Thích Ca bằng ngọc do Ngài Huệ Căn thỉnh từ Miến Điện từ năm 1882.

⁹ Chuông Hàn Sơn: Chùa Hàn Sơn tại Tô Châu là ngôi chùa cổ nổi tiếng, và tiếng chuông chùa đã được giới văn nhân khắp năm châu hâm mộ, nhờ bài thơ bất hủ nhan đề “Phong Kiều dạ bạc” của thi sĩ Trương Kế:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.
(Quạ kêu trăng xế trời sương
Bến Phong đóm lửa đối buồn mênh mang
Thành Cô Tô, chùa Hàn Sơn
Nửa đêm chuông vọng đưa sang khách thiên)

¹⁰ Tiễn bạn

Sương đêm ướt cỏ bên hồ
Trăng khuya lạnh lẽo núi mờ mờ xanh

Người rằng biên ải xa xăm
Thì xin được gửi theo chân mộng hồn

¹¹ Tiết Đào: Danh kỹ thời Đường là người đẹp thông tuệ và tài hoa được Nam Khang Vương tiến cử giữ chức Quân trung Hiệu Thơ, nên được người đời tôn xưng là Hiệu Thơ cô nương. Cô nương có nhiều bài thơ nổi tiếng như 4 bài vịnh: Xuân, Hạ, Thu, Đông (có trích dẫn trong tích Một Kỹ Nữ). Bài Đường thi trong truyện này nhan đề “Tiễn bạn”, do Quỳnh Chi phóng dịch, nguyên văn như sau:

Tổng hữu nhân
Thủy quốc kiêm gia dạ hữu sương
Nguyệt hàn sơn sắc cộng thương thương
Thùy ngôn thiên lý tự kim tịch
Ly mộng yếu như quan tái trường
Quỳnh Chi phóng dịch :
Tiễn bạn
Sương đêm ướt cỏ bên hồ
Trăng khuya lạnh lẽo núi mờ mờ xanh
Người rằng biên ải xa xăm
Thì xin được gửi theo chân mộng hồn

¹² Ba câu trên là kệ trích từ Kinh Lăng Già

¹³ Phật học tông báo: cơ quan truyền giáo của Hội Phật Giáo Thượng từ đầu thế kỷ 20

¹⁴ Phép thập niệm số tức của Ngài Từ Vân: Sáng tối 2 thời: Nếu có tượng Phật thì lễ 3 lạy, đoạn chấp tay (đứng hoặc quỳ) niệm Nam Mô A Di Đà Phật liên tục cho đến khi hết một hơi thở kể là một niệm, niệm 10 hơi thở là xong phần niệm, kế đó, đến phần sám nguyện lễ Phật vẫn tắt là hoàn tất .

¹⁵ Thế trí biện thông : Trí thông minh biện bác theo thế sự. Trí này là nạn thứ 7 trong bát nạn. (Bát nạn tức 8 thứ chướng nạn chẳng thể tu học thành đạo được, trong đó, ba nạn đầu là sanh chón địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh...)

¹⁶ Máy Diệu Sen Thanh phân ba : Tứ chúng vãng sanh – Sự Tích : Một Kỹ Nữ -trang 426.

¹⁷ **Vô Trước Bồ Tát** (310-390) :

Ngài là vị tổ sáng lập ra trường phái Du Già(Yogacara), tức Duy Thức tông. Ngài thoát xuất giatheo tông phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Tiểu thừa), về sau Ngài chuyển sang nghiên cứu Đại thừa chuyên về Duy Thức. Theo truyền thuyết của Tam Tạng kinh điển Trung Hoa thì Ngài Vô Trước đã vận dụng thần thông lên cung trời Đâu Suất để học đạo với Bồ Tát Di Lạc

về Duy Thức học, về sau Ngài lại trở lên Đâu Suất lần nữa để thỉnh Ngài Di Lạc giảng thể giảng Pháp. Từ đó, Ngài chuyên giảng dạy và xuong minh Duy Thức nên được thế hệ sau tôn xưng là Đệ nhất tổ Duy Thức tông. Giai thoại về Ngài Vô Trước xả thân chăm sóc con chó bệnh ghẻ lở lói và đàn giò ghi trong truyện ngắn này xuất phát từ nguyên bản Tây Tạng trong quyển “Cang-Skya on Yogacara” và đã được thầy Thích Tâm Thiện diễn dịch dưới tựa đề : **“Tà áo Cung Trời Tushita – Truyền thuyết về cuộc đời của Đại Luận sư Vô Trước (Asanga)”**, **đăng trong www.thuvienhoasen.org, mục Pháp Luận.** (Giai thoại này dường như không lưu dấu vết trong tam tạng Trung Hoa)

¹⁸ Bảy Ưu :

Trần văn Bảy (sinh năm 1947) tục danh Bảy Ưu là một nhân vật sống thực tại xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Theo nguồn tin báo Thanh Niên (do Vietnamnet.vn đăng lại ngày 04.10.2005) thì Ông Trần văn Bảy, ngụ tại ấp 5, xã Phong Mỹ, Cao Lãnh, từ năm 1990, đã giao ruộng vườn cho con gánh vác để dân thân làm việc đưa đồ miễn phí cho đồng bào. Để thực hiện điều này, ông dựng cái chòi nhỏ sát bên kinh Nguyễn văn Tiếp (còn gọi là kinh Đồng Tháp) làm chỗ tạm trú, hầu ngày đêm thường trực phục vụ không ngừng nghỉ kể cả khi mưa gió hay mùa nước nổi hiểm nghèo. Mỗi ngày trung bình ông đưa 300 lượt khách, xe đạp và xe gắn máy. Ngoài việc đưa đồ, vợ chồng ông còn giữ xe, phát thuốc Nam – tất cả đều miễn phí – cho đồng bào.

Tâm lượng của Ông Trần văn Bảy, chân chất, hiền hòa, sống bình thường mà hành Bồ Tát hạnh, đã là nguồn cảm hứng cho tác giả khi viết truyện ngắn này. Tác giả thành tâm ngưỡng mộ và xin trang trọng tán thán Ông

¹⁹ Nhị tổ Huệ Khả : Khi biết tổ Đạt Ma đang diện bích tọa thiền tại chùa Thiếu Lâm, Ngài Thần Quang (tức Huệ Khả) tìm đến tha thiết cầu pháp nhưng bị tổ lạnh nhạt. Ngài đứng kiên trì dầm mình trong tuyết chờ đợi cho đến khi tuyết ngập gối mới được tổ thương tình lên tiếng :

- Người muốn cầu gì?

- Ngưỡng mong hòa thượng từ bi mở cửa cam lộ rộng độ chúng sanh.

- Diệu đạo vô thượng của chư Phật phải nhiều kiếp tinh cần, khó làm làm được, khó nhìn nhận được, hàng đức nhỏ trí cùn, lòng đầy khinh mạn, há có thể chịu nổi nhọc nhằn lao khổ cầu pháp chân thừa sao?

Thần Quang nghe quả liền rút dao bén, chặt cánh tay trái dâng lên tổ. Tổ bèn hỏi :

- Chư Phật lúc phát tâm cầu đạo vì pháp bỏ mình, nay ông chặt tay để cầu gì?

-
- Pháp ấn của chư Phật con có thể nghe được chăng?
 - Pháp ấn chư Phật không thể nhờ người khác!
 - Nhưng tâm con không an, thỉnh sư an tâm cho con.
 - Đưa tâm đây ta an cho!
 - Con kiếm mãi mà chẳng thấy tâm đâu cả?
 - Thế là ta đã an tâm cho ngươi rồi đó!

Chín năm sau, trước khi tổ Đạt Ma về Tây Trúc, tổ bảo chư đệ tử trình bày chỗ sở đắc. Đạo Phó thưa : “Theo chỗ thấy của con, chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là chỗ sở dụng của đạo”. Tổ phán : “ Ngươi được phần da của ta”. Ni Tổng Trì bạch : “Chỗ thấy của con, nay như Ngài A Nan xưa kia thấy nước Phật A Súc một lần, chẳng còn thấy lại được”. Tổ phán : “ Ngươi được phần thịt của ta”. Đạo Dục thưa : “Bốn đại vốn không, năm âm chẳng thật, chỗ thấy của tôi không có gì sở đắc hết”. Tổ dạy : “Ngươi được phần xương của ta”. Sau cùng, đến phiên Ngài Huệ Khả, sư đánh lễ tổ, rồi lặng lẽ lui ra. Tổ tuyên bố : “Ngươi được phần tủy của ta”, rồi tổ trao truyền y bát cho Ngài Huệ Khả. Về sau, Ngài Huệ Khả ẩn hình dưới hạng hạ lưu cùng khổ, giao du với bọn đầu đường xó chợ để tùy duyên độ người. Có người thắc mắc hỏi : “Ông là đạo nhân sao làm như thế được”. Tổ đáp : “Ta tự điều tâm ta, có gì dính dấp đến ông mà hỏi?”

²⁰ Ngưu ma Vương : là nhân vật tưởng tượng trong truyền Tây Du, vốn là con trâu trắng có tài thiên biến vạn hóa, khi bị chặt đầu thì liền mọc ngay đầu trâu khác.

²¹ Hòa Thượng Hư Vân (1840-1959) là vị thiền sư lỗi lạc nhất trong lịch sử Phật Giáo Trung Hoa cận đại. Ngài xuất gia năm 19 tuổi, thọ cụ túc giới với hòa thượng Diệu Liên, chùa Cô Sơn, Quảng Châu. Ngài trải qua một thời gian dài tu khổ hạnh trong chốn thâm sơn, kể đó, do sự hướng dẫn của bậc thiện tri thức, Ngài đến núi Thiên Thai, am Long Tuyền thọ pháp với đại sư Dung Cảnh trong vòng bảy năm. Ngài hạ sơn vào năm 36 tuổi, hành cước chiêm bái khắp các đại tùng lâm và thánh tích từ Trung Quốc đến Tây Tạng, Bhutan, Tích Lan, Miến Điện. Đặc biệt trong thời gian này Ngài đã dành hơn 3 năm tam bộ nhất bái từ Phổ Đà sơn đến Ngũ Đài sơn và đã dành lễ xá lợi Phật tại chùa A Dục Vương, mỗi ngày ba ngàn lạy trong 2 năm trời, tất cả để báo trọng ân sanh thành dưỡng dục. Ngài đã trùng tu hàng trăm ngôi cổ tự, đáng kể nhất là chùa Chúc Thánh, Kê Túc sơn, tổ đình Tào Khê (chùa Nam Hoa), tổ đình Vân Môn (chùa Quang Thái), tổ đình Vân Cư (chùa Chân Như).

Sau khi Hoa lục đã nhuộm đỏ, Ngài vẫn đại hùng đại lực tiếp tục hoằng dương Phật Pháp. Đạo tràng Vân Môn bị kèm kẹp và cô lập, nhưng nhờ tăng

chúng tận lực canh tác nên vẫn duy trì nếp sống thịnh vượng khiến cho chánh quyền huyện Khổng Nguyên khó chịu ra lệnh đàn áp. Lực lượng công an tràn vào chùa, chụp mũ phản động tăng chúng rồi bắt giam tra tấn tu sĩ, tịch thu tài sản, ngăn cấm đi lại và hành lễ. Riêng Ngài, dù đã ngoài 111 tuổi mà vẫn bị chúng tra khảo tàn nhẫn, chết đi sống lại bao lần. Cả tháng sau, biến cố này mới lọt ra ngoài, đến tai chư tăng chùa Đại Giác, tỉnh Triết Giang, rồi chuyển ra nước ngoài. Nhờ thế giới tự do lên tiếng, sau ba tháng khủng bố tàn khốc, chánh quyền Bắc Kinh mới ra lệnh lực lượng công an địa phương rút lui. (Trong biến cố này, Sư trụ trì Diệu Vân bị đánh chết, cả chục tăng sĩ bị mất tích, chưa kể số bị thong thương, gãy tay chân không ít. Chùa lại bị cướp sạch lương thực, tăng sĩ phải vào rừng đốn củi, gánh qua chợ huyện bán để sống còn.)

Hai năm sau, chánh quyền trung ương lại cưỡng bách Ngài ra Bắc Kinh tham dự Hiệp Hội Phật Giáo Trung Quốc. Ngài nhất quyết không nhận chức Hội Trưởng, nhưng họ cũng đề cử Ngài cùng đức Đạt Lai Lạt Ma, đức Ban Thiền Lạt Ma làm Hội Trưởng danh dự. Vài tháng sau, Ngài được mời đứng ra hành lễ, thọ nhận 3 bảo vật : xá lợi Phật, búi diệp tạng kinh và cây bồ đề con do Phái đoàn Phật Giáo Tích Lan trao tặng. Năm sau, chánh quyền lại giải tán Hiệp Hội Phật Giáo, rồi cho thành lập một tổ chức khác hoàn toàn do đảng viên lãnh đạo lấy tên là Liên Hội Phật Giáo Trung Quốc. Vì Ngài công khai viết bài nhận định nhan đề “Biểu tượng tăng đồ trong thời mạt pháp” để chỉ trích âm mưu phá đạo của họ, nên bị cưỡng bách đưa đến Lô Sơn.

Thời gian ngắn sau đó, khi nghe tin đạo tràng Vân Cư bị chiến tranh tàn phá hoang vắng, Ngài đau lòng xin chánh quyền đến đó tu tập nhằm phục hưng chốn này. Ngài chốn gậy, cùng ba đệ tử lần mò leo núi, dựng am tranh, phát hoang trồng trọt tu tập. Không bao lâu, tăng chúng hàng ngàn người ở khắp nơi len lỏi tìm về tu học, cùng lao động sản xuất và phát triển Vân Cư thành một đạo tràng vĩ đại như xưa. Đến năm 1958, chánh quyền trung ương phát động phong trào học tập cải tạo, Ngài bị địa phương mang ra đấu tố, với một danh sách 10 tội trạng như : tham ô, phản động, giả đạo đức... Các đệ tử thân tín của Ngài bị phân tán, Ngài bị biệt giam, và đạo tràng Vân Cư bị lục soát và chiếm đoạt. Lần nữa, nhờ thế giới tự do lên tiếng phản đối, Ngài lại được phóng thích.

Ngài đã an nhiên thị tịch tại Vân Cư vào ngày 13 tháng 8 năm 1959, thọ 120 tuổi.

²² Câu ca dao này có lẽ đã xuất hiện rất sớm, sau khi người Pháp xâm chiếm miền Nam, bọn chạy theo thực dân đã dùng cái quyền lực, cái sang giàu, cái

hào nháng bên ngoài (đèn đỏ đèn xanh) để quyến dụ đàn bà con gái nhẹ dạ, khiến có những gia đình phải chịu cảnh tan nát.

²³ Câu ca dao này xuất hiện sau câu trên, vào thời điểm mà thực dân đã biến thành phố Saigon thành chốn ăn chơi: cờ bạc, hút xách, đĩ điếm... để làm bạc nhược tinh thần yêu nước của dân Việt. Câu hát này thể hiện nỗi lòng của một nàng con gái Việt ngoan hiền đã nhắc nhở anh chồng rằng: Gái Saigon chú trọng đến hào nháng lòe loẹt bên ngoài (đèn xanh đèn đỏ); gái Mỹ Tho chú trọng đạo đức bên trong (ngọn tổ, ngọn lu); dầu bị chồng bỏ rơi, nàng vẫn nhu mì; chín, mười năm vẫn đợi chờ chồng.

²⁴ Cắc: 10 xu

²⁵ Dòng kệ truyền pháp của tổ Đạo Môn như sau:

Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên

Minh Như Hồng Nhựt Lệ Trung Thiên

Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phổ

Chiếu Thế Chơn Đăng Vạn Cổ Truyền.

Tính ra thì chữ Đạo thuộc thế hệ thứ 31 phái Lâm Tế, chữ Như thế hệ thứ 39, chữ Hồng thế hệ 40, chữ Nhựt thế hệ 41.

²⁶ Cây mít: là loại cây ăn trái mà gỗ thường được dùng để tạc tượng Phật tại các ngôi chùa xưa nên rất gần gũi với cửa Phật ở Việt Nam. Theo Chu quang Trứ (trong Sáng Giá Chùa Xưa), cây mít được người Thiên Trúc gọi là Paramita, âm Hán Việt là Ba la Mật nghĩa là báu báu, nên ngày nay ở Huế có người vẫn gọi mít là cây Ba la Mật. Chư tổ sư thích trồng cây mít trong khuôn viên chùa, để mỗi khi nhìn thấy cây thì liên tưởng ngay đến thuật ngữ Ba la Mật để thúc liễm thân tâm tu hành. Theo truyền tụng dân gian thì cây mít trồng trong chùa thường có linh tánh, đặc biệt là tình nghĩa với chư hòa thượng, mỗi khi quý Ôn (hòa thượng) từ trần người ta vẫn cho cây mít để tang Ôn, nếu không cây mít sẽ tủi thân mà chết

²⁷ Ngũ Đài sơn : Ngũ đài sơn là một rặng núi tọa lạc tại vùng Đông bắc tỉnh Sơn Tây, gồm có đến hàng ngàn ngọn núi cao thấp khác biệt nhau, nhưng có năm ngọn cao vượt rõ rệt, sừng sững tựa như năm cái đài, nên rặng núi mang tên là Ngũ Đài sơn. Phong cảnh đồi núi chập chùng của Ngũ Đài sơn hùng vĩ, mỗi ngọn núi một vẻ thanh tú riêng. Đông Đài có tên là Vân Hải Phong là đỉnh núi mây phủ giăng lớp lớp như sóng biển, buổi bình minh ánh hồng rực rỡ giữa các tầng mây như những hào quang chư Phật, ngôi chùa trên đỉnh vì vậy cũng có tên là Vân Hải tự. Nam Đài là nơi có nhiều kỳ hoa dị thảo bậc nhất Trung Quốc, vào mùa xuân muôn hoa đua nhau nở rộ phủ trên vách núi tựa như chiếc gấm thêu vĩ đại, nên đài có tên là Cẩm Tú Phong; trên đỉnh là chùa Phổ Tế, là địa điểm dễ thấy xuất hiện những trái cầu lửa hay còn gọi là đèn trí tuệ của Bồ Tát Văn Thù, di chuyển từ đài này đến đài khác (giáo sư

John Blofeld cho biết đã mục kích hiện tượng này tại đây). Tây Đài nổi tiếng với cảnh trăng treo đầu núi nên được gọi là Quả Nguyệt phong; bóng trăng đêm bàng bạc nhảy múa trên giòng suối và cảnh mặt trời lặn giữa các vầng mây muôn màu rực rỡ là mỹ cảnh của Tây Đài. Bắc Đài có tên là Diệp Đầu phong, có chùa Linh Ủng là đỉnh núi địa đầu đón giá lạnh của miền Bắc, mùa đông băng tuyết phủ giăng, là địa điểm ngắm cảnh bao la của thảm tuyết trải dài vô tận về phương Bắc. Trung Đài, có tên là Thúy Diệp phong, với ngôi Vân Triều tự, là địa điểm trung ương có cái nhìn toàn diện phong cảnh tuyệt vời của cả vùng. Trung tâm Ngũ Đài sơn, một vùng đất bằng ở độ cao 1600 thước là Đài Hoài trấn, từng là nơi qui tụ cơ sở hành chánh và quân sự của miền Bắc, cũng là nơi qui tụ các ngôi đại tự chính của Ngũ Đài như : Đại Hiến Thông tự, Bồ Tát tự, Đại Tháp viện tự, Thù Tượng tự, Phật Quang tự, Đăng Loa đỉnh tự...

Ngũ Đài sơn được tôn kính là thánh địa của Bồ Tát Văn Thù, niềm tin này đã xuất hiện ngay vào khoảng thế kỷ thứ nhất dương lịch. Theo truyền thuyết thì các vị cao tăng Thiên Trúc, trong đó có Ngài Ca Diếp Ma Đăng, sau khi nghiên cứu kinh điển đã đoan quyết vùng Ngũ Đài chính là trụ xứ địa của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, nên đã hành hương Ngũ Đài sơn đánh lễ Ngài Văn Thù. Ngài Ca Diếp Ma Đăng cũng là vị tăng đầu tiên phát nguyện ở lại Ngũ Đài hoằng dương Phật Pháp. Trong những thế kỷ kế tiếp, chư tăng Thiên Trúc, Nepal, Tây Tạng cũng lần lượt hành hương chiêm bái, có vị đã được Bồ Tát Văn Thù hiển thánh tiếp kiến, như chuyện của Ngài Phật Đà Ba Lợi và Ngài Pháp Chiếu (tổ tịnh độ thứ tư Tịnh Độ tông). Vào thế kỷ 20, Ngài Hư Vân hòa thượng nhứt bộ nhứt bái hành hương Ngũ Đài sơn kể lại đã gặp một người hành khát tên Văn Cát giúp đỡ, về sau mới được biết người ăn mày này chính là Ngài Văn Thù thị hiện.

²⁸ Kỳ nữ Liên Hương : Long thơ Tịnh Độ của Vương nhứt Hư, quyển 7 (bản dịch Sa môn Lê phước Bình, trang 206) có ghi sự tích chuyện “Pháp Hoa ni hậu thân tác quan hỷ” như sau : Ông Âu Dương tên Vĩnh Phúc làm chức tri huyện đất Vĩnh Châu, có một con hát nhà quan, trong miệng thường bay hơi thơm hoa sen. Khi ấy có ông tăng biết túc mạng của cô mà rằng : Cô này đời trước làm ni cô tụng kinh Pháp Hoa mười năm, vì một niệm tướng lầm, bèn đến nỗi như thế này. Ông tăng lại hỏi : “Vậy cô có nhớ tụng kinh Pháp Hoa không?” Đáp rằng : “Từ khi thất thân đến nay có rảnh đâu mà tụng.” Ông tăng lấy kinh Pháp Hoa đưa cho thì cô tụng như nước chảy, lấy kinh khác đưa cho thì cô không đọc đặng. Do đây mà biết lời nói của ông tăng đáng tin vậy.

²⁹ Hiền Thông tự : Đây là ngôi đại tự đã bắt đầu xây dựng từ cuối thế kỷ thứ nhất và có tên là Đại Thủ Linh Ủng tự, đến đời Minh đổi thành Đại Hiền Thông tự. Hiền Thông tự từng được các tổ sư danh tiếng như Ca Diếp Ma Đằng (?), Thanh Lương Trùng Quán (tổ thứ 4 Hoa Nghiêm tông)... trụ trì, được tôn kính là ngôi chùa lãnh đạo toàn thể tự viện Ngũ Đài, là địa điểm mà chư tăng khắp Ngũ Đài tề tựu về đây để hành đại lễ, giới đàn...

Hiền Thông tự với diện tích rộng 120 mẫu tọa lạc trên ngọn Ủng Phong, gồm có nhiều ngôi điện rộng lớn, đặc biệt ngoài điện Đại Văn Thủ với tượng Bồ Tát cõi sư tử, còn điện Thiên bát Văn Thủ, với tượng Bồ Tát Văn Thủ năm đầu, mười một mặt, ngàn tay ẩn hiện ngàn tượng Phật Thích Ca và ngàn bình bát. Ngoài ra, còn có điện Vô Lượng Phật rộng 28.2 thước x 16 thước trong có chứa bộ huyết Kinh Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm trên lụa trắng (Theo sử liệu thì tổ Hám Sơn đã chủ trì pháp hội Thủy Lục tại đây và đã đặt bộ kinh Hoa Nghiêm do ngài đích thân viết bằng máu tại tháp chùa, không biết có phải đúng là bộ kinh này không?). Ngôi điện nhỏ mà nổi tiếng là ngôi điện hai tầng xinh xắn, toàn bằng đồng (10 vạn cân), trên vách chạm trở tinh vi có đến mười ngàn tượng Phật nhỏ.

³⁰ Văn Thủ tự : Chùa tọa lạc trên Bồ Tát đỉnh, đường lên đỉnh gồm 108 nấc thang rộng rãi, hai bên đây hàng quán bày bán Phật cụ, đồ vật kỷ niệm, hay thức ăn nước uống. Đây là nơi nổi linh thiêng vì theo truyền thuyết thì Bồ Tát Văn Thủ đã thị hiện tại đỉnh này. Chùa có nhiều điện to lớn và phòng ốc mênh mông nhưng hiện nay chỉ còn khoảng 50 tầng lưu trú. Chùa có nguyên ủy là theo Phật Giáo Bắc Tông, nhưng vào đời nhà Thanh chẳng biết vì lý do gì chùa đã chuyển giao cho các vị Lạt Ma Tây Tạng (hồng mao phái) nắm giữ. Do đó, tuy kiến trúc và hình thức thờ phượng vài điện còn giữ theo truyền thống Trung Quốc (thí dụ như Văn Thủ điện), một số kiến trúc và hình thức thờ phượng nơi khác lại mang sắc thái Lạc Ma giáo.

³¹ Lộ Đại Trí : là con đường xây dựng bằng 1080 nấc thang đá, đưa lên Đãng Loa đỉnh. Chùa Đãng Loa có tầm nhìn thấy toàn cảnh Ngũ Đài, nên rất thuận tiện để chiêm ngưỡng hiện tượng đèn trí tuệ di chuyển (Tổ Hư Vân đã mục kích hiện tượng đèn trí tuệ tại đây). Đây là một ngôi chùa Tịnh Độ tông hiếm hoi tại Ngũ Đài, có điện thờ Tây Phương Tam Thánh rất to, ngôi điện nhỏ nổi tiếng là Ngũ Phương Văn Thủ điện.

³² Truyện Tây Du, hồi thứ 72 : Tam Tạng bị 7 con tinh nhện nhện động Bàn Lư bắt, Tề Thiên tìm thầy bắt gặp 7 tinh cái trong thân thiếu nữ xinh đẹp đang trần truồng tắm tại suối Trạc Cấu. Không muốn lợi dụng lúc đàn bà con gái trần truồng để tấn công, Tề Thiên trở về thông báo cho Bát Giới chuyện này. Bát Giới mừng thầm, tìm đến giòng suối hóa thành con cá leo lội nhui

vào các nàng chọc ghẹo, kết cuộc bị đám tinh nhèn nhện phun tơ trói chặt cứng, rồi đánh đập mặt mày xung vũ.

³³ Truyện Tây Du, hồi thứ 33-35 : Hai đồng tử phụ trách lò vàng và lò bạc nấu thuốc trường sanh của Thái Thượng lão quân ở cõi trời Đâu Xuất, lén lấy cắp 5 bửu bối của chủ, rồi trốn xuống trần làm chúa yêu xưng danh là Kim Giác đại vương và Ngân Giác đại vương. Tam Tạng bị hai chúa yêu bắt giữ, Tề Thiên chiến đấu với hai chúa yêu gian nan không thắng được, sau phải dùng mưu kế cướp đoạt 5 bửu bối của họ, rồi thâu nhốt cả hai vào hồ lô báu cho tan xác. Khi đó, Thái Thượng Lão Quân mới xuất hiện xin thâu hồi lại bửu bối và tha hai đệ tử. (Nếu hơ hỏng thì tiền bạc sẽ biến thành yêu ma phá hoại đạo đức của hành giả, dù vậy tiền bạc vẫn cần thiết cho đời sống và nhu cầu hoằng pháp (đồng tử lò thuốc trường sanh), nên không thể tiêu diệt dẹp bỏ tiền bạc được.)

³⁴ Truyện Tây Du, hồi thứ 64 : Trên lộ trình thỉnh kinh, khi đi ngang qua vùng phong cảnh hữu tình thuộc núi Kinh Cát, Tam Tạng bỗng bị một lão già bắt đưa đi đến ngôi nhà đá, rồi thỉnh Tam Tạng cùng ngâm thơ vịnh nguyệt với bọn họ. Bốn 4 lão già là Thập bát Công, Cô trúc Công, Lăng không Tử, Phất vân Tẩu đang cùng xướng họa ngâm thơ với Tam Tạng, bỗng có một tiên nữ là Hạnh tiên cô đến tham dự, làm thơ lả lơi trêu Tam Tạng. Sau đó, Tam Tạng bị cả bọn ép duyên cho Hạnh tiên cô, nên sợ hãi bỏ chạy trốn, may là vừa lúc đó thì các đệ tử đã tìm đến cứu nguy. Tề Thiên truy xét gốc tích thì té ra Thập bát công là cây tòng, Cô trúc Công là cây bá, Lăng không Tử là cây cối, Phất vân Tẩu là cây tre, Hạnh tiên là cây hạnh. Những cây này đã thành tinh, hiện làm tiên ông, tiên cô để hại người. (Phong cảnh hữu tình, núi non, cây kiểng giúp ta thư giãn tinh thần, nhưng kẻ tu hành mà mê đắm những thú tao nhã : ngâm thơ, vịnh nguyệt, chơi cây kiểng... mà xao lãng tu tập, thì những thứ này đã biến thành ma quái hại người tu)

³⁵ Truyện Tây Du, hồi thứ 37 : Con thanh sư của Bồ Tát Văn Thù xuống trần, xô vua nước Ô Kê xuống giếng rồi tự biến hóa mặt mày y hệt vua cũ, để cai trị nước này được 3 năm mà không ai phân biệt được. Tam Tạng được vua cũ báo mộng xin cứu giúp. Nhờ Long Vương để châu định nhãn trên xác nên khi Bát Giới lặn xuống giếng vớt xác thì thầy nhà vua vẫn còn tươi, do đó, Tề Thiên mới có thể xin được viên thuốc hoàn hồn của Thái Thượng lão quân để cứu sống lại. Tề Thiên đưa vua thiệt về đến triều đình, và sau khi chiến đấu sắp trừ khử được vua giả hiệu thì Bồ Tát Văn Thù xuất hiện thu hồi Thanh sư đưa trở về Ngũ Đài sơn. Tề Thiên phản đối vì cho rằng thanh sư đã xâm phạm đến hoàng hậu, thì Bồ Tát cho biết thanh sư là sư tử thiên nên không dâm tà. (Thanh sư tượng trưng cho sự biện tài vô ngại của trí bát

nhã. Có biện tài vô ngại thì được đông đảo con em đệ tử quyến thuộc tôn sùng, nên dễ trở thành một lãnh tụ tôn giáo. Từ lãnh tụ tôn giáo bị ma ám thì sẽ dệt mộng lãnh tụ thế tục, xen vào việc cai trị đất nước. Nếu hành giả còn giữ giới (sư tử thiên) thì chưa đến nỗi tác hại, nhưng có nhiều vị, đến đây lại trở chứng tấn phong hoàng hậu, thứ phi..., dựng Vô thượng sư thì yêu ma đã lộng hành.)

³⁶ Truyện Tây Du, hồi thứ 59-60 : Tam Tạng đi thỉnh kinh gặp ngọn hỏa diệm sơn to lớn chặn hướng Tây không vượt qua được. Hỏa diệm sơn sanh ra do Tề Thiên loạn đả thiên đình làm rớt viên gạch lò bát quái mà thành núi lửa cỡi trần, nhưng muốn làm tắt lửa thì phải nhờ đến cây quạt Ba Tiêu, mà chủ nhân là Thiết Phiến công chúa, vợ của Ngưu ma Vương. Tề Thiên tìm Ngưu ma Vương hỏi mượn bắt thành, phải dùng võ lực nhưng Ngưu ma Vương thần thông biến hóa chẳng kém Tề Thiên, nên khó phân thắng bại. May nhờ Phật tổ cử 4 vị Kim Cang bồ tát chặn bốn phương, thêm thiên la địa võng bủa giăng, không đường tránh né, cuối cùng Ngưu ma Vương mới bị khuất phục. Na Tra dùng gươm trăm yêu chém rụng đầu trâu hơn mười lần, nhưng trâu lại mọc đầu khác. Cuối cùng Ngưu ma Vương chịu quy y đầu Phật và bảo vợ giao nạp quạt Ba Tiêu để xin tha mạng, nên được Na Tra xỏ vàm dẫn đi. (Ngưu ma Vương là trâu trắng, tức trâu thiên tông. Ngưu ma Vương là bạn của Tề Thiên, nghĩa là một dạng của vọng tâm. Hỏa diệm sơn do Tề Thiên gây ra có nghĩa là lửa đó bắt nguồn từ vọng tâm gây ra trước khi “ngộ không”, có thể nói là lửa nghiệp. Trên con đường tu tập đôi khi ta bị bế tắc không tiến bộ được chỉ vì lửa nghiệp tham sân cũ bùng dậy, - có vị va chạm với nữ sắc, gặp bao kẻ sắc nước hương trời thì không hề hấn gì, nhưng khi gặp đúng oan gia, dù xấu xí thô bỉ lại lâm nạn - lửa nghiệp này không thể dùng nước thường dập tắt mà phải giải quyết bằng cách trừng trị vọng tâm tức Ngưu ma Vương. Ngưu ma Vương thần thông biến hóa, chặt đầu này thì sanh đầu khác, nên cần phải xử dụng trăm phương ngàn cách -ba đầu sáu tay như Na Tra- mới xỏ sợi giây vàm chánh niệm dạy dỗ trâu ngoan ngoãn được)

³⁷ Mười bức tranh chặn trâu thiên tông : Xin xem Phụ bản : Lược giải về tranh chặn trâu.

³⁸ Võ Vương Nguyễn phúc Khoát (1738-1765)

³⁹ Chùa Hàm Long tọa lạc trên đồi Hàm Long, ấp Trường Giang, huyện Hương Trà, phủ Phú Xuân, nay là chùa Báo Quốc.